

Ông đã thấy rõ Nhựt với Pháp thì chẳng khác gì nhau. Họ đều là đế quốc xâm lăng. Họ hất cẳng nhau để thay thế cho nhau chứ có bao giờ họ thương yêu gì mình. Pháp đã cột tay, cột chân ông lại để giữ ông không cho tới gần quần chúng.

Nhựt muốn dùng ông, dùng uy tín của ông để thực hiện ý đồ của họ. Do đó mà ông đã từ chối. Kiều Đức Thắng đã giết ông nhưng chính hắn rồi cũng bị giết. Hắn bị giết là đáng tội. Tội hắn nhiều lắm. Nhưng cứ một tội giết anh Phan Văn Hùm cũng đáng chết.

Phan Tùng Mai, con anh đã viết: *“Nó vẫn là ‘đứa con tinh thần’ của cha tôi. Đồng thời cũng là người anh tinh thần của tôi. Cha tôi đã qua đời! Nhưng đứa con tinh thần còn lại. Thấy ‘anh tôi’, tôi có cảm giác như được gần cha tôi... Bởi vì trong lòng ‘anh tôi’, tôi đã thấy được lòng của cha tôi”*.

Nó là ai? Nó là cuốn Ngồi tù khám lớn. Tôi đã bỏ ra một ngày, một đêm để đọc lại nó mà như gặp lại anh Phan Văn Hùm, gặp hình bóng của anh, khí tiết của anh và nỗi lòng của anh không bao giờ rời xa dân tộc và cũng luôn luôn hòa ái với anh em.

Thiếu Sơn

(Trích: *Đuốc Nhà Nam*)

PHỤ BẢN 5

TRÍCH LỤC TÁC PHẨM NGÒI TÙ KHÁM LỚN CỦA PHAN VĂN HÙM

Lời mở đầu

Ban đầu tôi muốn nín.
Ó ré lên có hơi tức một chút.

Nhưng mà không nín được với lòng. Bao giờ nhớ tới cái ngục kia cũng đau đớn.

In ra có nghĩa ý gì? Ý nghĩa gì, tự người đọc chắc cũng đã nhận rõ.

Có một người bạn cố giao, đọc “Thần Chung”, gặp tôi mà phàn nàn: “Kêu mấy cũng vô ích. Phải chi tôi hay, tôi không cho anh viết đâu”.

Anh bạn tôi lắm. Trung thật với con mắt tôi, với lỗ tai tôi, với lương tâm tôi, tôi chỉ cần viết được đúng sự thật. Sự thật phanh bày ra đó, người đọc, đọc qua, muốn suy nghĩ sao cũng được.

Lý luận thường, tia mặt trời phát tán như rẽ quạt (Théoriquement divergents). Nhưng mà trong một cái phòng tối, có khoét hai lỗ nhỏ cách nhau, cho

mặt trời giọi vào, ta sẽ thấy hai tia mặt trời bình hành (paralleles) như đường rầy xe lửa.

Tôi nói hai tia ấy rẽ quạt, mà người khác nói bình hành. Người ấy có lý của người ấy. Sau khi thí nghiệm ra, người ấy càng có lý, càng chứng giải được rõ ràng hai tia mặt trời bình hành. Cái chơn tướng đi ngang qua thị giác (illusion optique) có biến dụng. Tôi không cãi.

Cho nên, sự thật phanh bày ra đó, người đọc, đọc qua, muốn suy nghĩ sao cũng được.

Lại có người nói, tôi có ý than thân.

Tôi, thì tôi muốn quan sát cả một khám tù.

Trong các người tù, tôi là một. Mà tôi là một người tù của tôi biết rõ hơn. Cho nên, có khi tôi nói đến tôi. Đó cũng là một cách bổ khuyết cho các chỗ không thể quan sát rõ nơi người như về tình cảm.

Một người bạn đồng chí chê tôi còn nhiều khách khí. Khách khí xin thú thật rằng có, nhưng trót đã đăng tải lên báo rồi; bây giờ in ra thành tập, thời cũng không sửa lại chi, cho mất cái sự thật tình.

Ngoài những điều trên đây, tôi có mấy câu bàn luận con con, cũng là mon men mà viết thử; cậ đã có tri kỷ thù thanh.

Tôi cũng xin **người**,¹ hiểu giùm một chỗ này: là

¹ Trong tập này tôi thử dùng một tiếng người? Tiếng này xưng hô với với đối thoại nhân (tức 2ème personne). Không phân biệt tôn ty thượng hạ nam nữ gì cả. Nhứt thiết đối thoại nhân (ở đây là người đương đọc) đều xưng là người cũng như chữ “vous” trong tiếng Tây.

cảnh dơ tôi tả ra sao, và mấy tiếng tục tôi dùng trong khi tả cảnh dơ ấy.

Hoặc dạy rằng: viết sự tục ra đây rất khiếm nhã. Tôi nghĩ rằng: sự tục có người làm được. Như có người không làm được, cũng nói được. Như có người không nói được, cũng nghe và chịu được. Như có người không nghe mà chịu được, cũng nghĩ đến được. Như có người không nghĩ đến được, cũng biết rằng sự tục ấy có chung quanh mình, nghĩ đến sự tục được, nghe sự tục mà chịu được, làm sự tục được, sao lại không cho viết sự tục ra, là nghĩa làm sao? Không muốn cho viết sự tục ấy, mà không làm cho sự tục ấy mất đi. là giả ngụ ý đạo đức, là một cách trốn tránh cái chân tướng xấu xa của sự đời, không có dũng nghị dám ngó ngay vào mặt nó mà xem.

Người ta nói con tây, mỗi khi uống nước phải quậy cho đục vũng rồi mới dám uống, là vì nó sợ cái bóng xấu xí của nó, mà không dám nhìn. Kẻ giả ngụ ý đạo đức chừng cũng như con tây quậy nước vũng kia.

Không muốn cho viết sự tục ấy, mà không làm cho sự tục ấy mất đi, lại cũng như một người nhà giàu to, không muốn vào một cái nhà tranh rách, trong đó vợ chồng, con cái phải ở chung với bò chó, heo và một đồng phân tắm nước đái; lại cũng như một cái thành trì lớn, sợ mất vẻ đẹp đẽ, mà phải đuổi ra ngoài thành, những kẻ ăn mày ăn xin, phung, cùi, đui, sút, gãy cẳng, cụt tay, coi ô dễ ghê gớm nhóp nhèm.

Xin người hãy nhận giùm, văn chương đầy những “kính hoa, thủy nguyệt, liễu tú, trầm hương” là đồ đại xa xỉ phẩm (grande luxe) để riêng cho một hạng người được đặc hưởng ưu quyền (privilégié) trong thượng lưu xã hội (haute société) mà thôi. Người ta gọi văn chương ấy là “nghệ thuật vị nghệ thuật” (de l’art pour l’art). Nếu tôi có quyền khuyên, tôi sẽ khuyên ai có thiên tài làm nghệ thuật, hãy làm “nghệ thuật vị sanh mạng” (l’art pour la vie) như ông Roman Rolland chủ trương. Mà không phải tôi sẽ khuyên ai làm văn chương dâm uế (littérature pornographique), nhưng tôi chỉ nói rằng: cái áo lụa Bombay, ướp dầu thơm Coty, khả ái thật, mà phải làm sao cho cái áo vải nhuộm dả của người trồng cao su trên Hòn Quỉ, sẽ trở nên là cái áo lụa Bombay ướp dầu thơm Coty.

Ông thầy thuốc không được gớm ghê hờn, người có tâm với xã hội phải là ông thầy thuốc.

Xin người làm ông thầy thuốc. Mai sau phong thuần tục mỹ, thiên hạ thái bình, ta sẽ làm văn chương “thủy nguyệt kính hoa”.

Mà cái đó đẹp.

Phan Văn Hùm

Vô

Hai ngàn năm về trước, Chúa Gi-Giu đã có dạy rằng: bị vả má bên này, hãy xây má bên kia, chịu cho vả nữa.

Sự nhẫn nhục ấy, người mình lấy làm hay lắm. Tục ngữ ta có câu: một câu nhin, chín câu lành. Lại có câu: nhẫn nhất thời chi khí, miễn bách nhứt chi ưu.

Tôi, kể cũng là một tay hay nhẫn lắm. Thế mà chuyện nầy không sao nhẫn được.

Xe lửa ngày hôm ấy về trễ. Không có gì bức bối hơn là sự đợi chờ. Nhứt là đợi chờ một mình mình, không có ai để trò chuyện cho qua thời khắc. Thiên hạ hoặc nói cười với nhau vui vẻ, hoặc đi bách bộ ung dung. Tôi lạ lòng có một mình, không muốn ở chỗ huyên náo, nên biệt ra ngoài xa ga, ngồi chờ xe và hóng mát luôn thể.

Mặt trời lặn khuất. Chơn trời chồng chập mây đùn. Ráng nhuộm vành mây bầm bầm úa úa. Ngoài xa thẳm, một rừng cây lu đứng làm bìa cho đồng lúa xanh mênh mông tịch mịch. Bờ ruộng tẻo teo, vội vã vài bóng người đen ngai tối. Lưng trời man mác, lũng lờ đôi con cò trắng về xa. Cảnh nhá nhem điều hiu lạnh lẽ, trông ra như có u linh trù trướng dật dờ.

Bên đường đối cảnh ngồi chờ,

Trong khi lặng lẽ ai ngờ phong ba.

Hai anh lính tới hỏi giấy. Trình giấy; rồi hai anh lính lấy luôn, không trả. Tôi lại ga phân chứng, thời một người giật giấy tôi trên tay anh lính. Người ấy

còn đánh tôi. Nhẫn như thế nào? Tôi đánh lại, tưởng cũng là chánh đáng tự vệ (défense légitime). Chẳng ngờ đánh nhằm một ông lính mặc sa vinh (civil).

Ấy chuyện mới rồi, huyện binh huyện, phủ binh phủ, còn lạ gì.

- Ăn cướp giựt súng! Ăn cướp giựt súng!...

- Bắt nó! Bắt nó!

Trông ra thời: người thước bản, kẻ tầm vòng, tứ phương bát hướng ùng ùng như lời. Tôi la lên:

- Không đợi mấy người bắt, tôi đi lại nhà việc đây mà.

Dọc đường đàn bà con trẻ chửi rủa om sòm:

- Quân ăn cướp đâu? Quân ăn cướp đâu? Báo hại cho võ làng võ xóm...

Vào nhà hội làng Long Phú, người ta đem cùm chận tôi sau bàn thờ tiên sư. Từ tôi ra đời đến giờ, đêm trung thu năm mậu thìn nầy, được biết cái cùm là lần thứ nhứt. Canh khuya trời lạnh, nằm mèo dưới gạch bông, lại càng thêm lạnh thấu xương. Mấy con muỗi cũng quá xá, thâu đêm đâm đốt, lại còn vo ve bên lỗ tai hoài. Trăn trở, thì chửi vắn trong cùm đau nhức. Muốn ngủ, không sao ngủ được.

Bốn giờ khuya, ông hương quản đã gọi dậy công tay, giao cho hương thân giải đi hầu quan ở Chợ Lớn.

Tại tòa bố Chợ Lớn, ngồi chờ “quan trung quận”.¹ Mãi đến gần chín giờ ngài mới lại nhà hầu.

Người còn trẻ lắm, mà đã thẳng đến bậc Đốc phủ sứ. Hôm ấy ngài mặc một bộ đồ trắng, áo bầu

đúng (fermé) trông nhả khiết thay. Bụng nghĩ rằng: ông nầy không trang sức, chắc hẳn là một vị quan hiền liêm đấy. Có kẻ biết ngài, người ta nói với tôi: “Người là một vị quan trung thành đấy”. Tôi nghĩ bụng rằng, nếu quả như lời, thời lại càng may cho tôi. Trung, chẳng là ngay ư? Thành, chẳng là chân thật vô vọng ư?

Quan trung quận xăm xăm bước lên thêm tòa bố, như có điều gì vội vàng; ai nấy đều đứng dậy chào.

- Chú cai làm gì mà mặt mày bầm như vậy?

- Bẩm Nguyễn An Ninh với thằng nầy, và bảy tám chục người nữa đánh tôi. Trần Văn Nền vừa nói vừa chỉ tôi.

- Có tờ trình của làng không?

Ông hương thân giải tôi, bước lại dựng tờ bầm của hương chúc làng Long Phú. Quan trung quận chấp vào phòng. Một chút, đòi cai Nền vào, rồi đòi hương thân vào. Tôi đứng đợi ở ngoài một hồi lâu, không thấy gọi đến tôi. Đương đợi, thoát thấy ngài xăn xái đi ra, tuốt qua dinh chủ tỉnh, vì lúc bấy giờ quan chủ tỉnh còn chưa ra khách.

Quan trung quận trở lại phòng ngài.

Một tên cai mã tà mang súng sáu lại, tay có cầm cái còng. Kế đấy, một cái xe hơi chạy lại đậu, có cầm cờ các nước đồng minh của nước Pháp (người ta đương làm lễ khai thị chợ mới Bình Tây, cho nên xe có cờ).

Ra Sài Gòn, vô tòa, ngồi dưới đất đợi quan Biện lý.

Không thấy quan Biện lý, chỉ thấy ông An-nam mặc đồ An-nam. Ông hỏi chú cai giải tôi:

- Vụ gì?
- Nguyễn An Ninh.
- Vụ gì mà vụ Nguyễn An Ninh?

Ông An-nam ấỵ nạt.

Một ông Tây lai xem qua giấy tờ, rồi đưa qua quan Bồi thẩm phòng nhì (2è Cabinet). Lúc bấy giờ đã trưa rồi, giờ làm việc gần hết.

Quan Thẩm án không hỏi gì đến tôi, chỉ hỏi cai Nền mà thôi. Tôi, thời được ông thầy làm việc tại ngoài hành lang hỏi tên họ, nghề nghiệp, chỗ ăn, chỗ ở của tôi, và của cha mẹ tôi. Rồi thấy ông viết một tờ tổng giam tạm tôi vào khám. Trong tờ buộc tội tôi nặng lắm. Như nói rằng:

Cai Trần Văn Nền bị đánh đang khi y thừa hành công vụ.

Cai Trần Văn nên bị trọng thương.

Cai Trần Văn Nền không làm việc được trong một thời gian còn dài...

Cửa khám lớn đóng lại một cái “đùng”, nghe nặng nề như cái bàn tấp (mouton) nện vào lưng. Một người ngục tốt lại lục xét quần áo. Trong túi, còn hai mươi bốn đồng ba xu, cùng là giấy tờ và đồ lặt vặt, như kính mát, kẹp để kẹp quần... đều để gởi tại cửa ngục. Có một con dao xếp nhỏ, chú ngục tốt xin. Ông Ấn Độ giữ kho căn dặn phải nhớ số tiền gởi, rồi còn hỏi vói lại: bao nhiêu? Nói trúng ông gật đầu, *bồi*

rôn (boy-geole) đưa vào phòng “lấy dấu”. Một người tội làm việc sở đỏ, biên kỹ càng, tên, họ, nghề nghiệp, chỗ ăn, chỗ ở, của tôi và của cha mẹ tôi. Lại biên cả quần áo bằng hàng vải gì. Trong lúc biên chưa đến phiên tôi, thời tôi phải ở trần, ngồi dưới đất mà chờ.

Cùng đợi biên với tôi, có bốn năm đứa nhỏ độ mười lăm mười bảy tuổi. Mấy đứa này bị bắt về vụ ăn cắp đồng hồ vàng của một hãng khách ở Sài Gòn, các cậu bé ấy chừng như ra vào cửa ngục đã quen rồi, cho nên dạn dĩ lắm. Các cậu không gọi hết tiền vào kho, mà để lại một vài cắc, mượn ngục tốt Tây (gardien français) mua bánh cho ăn. Lúc bấy giờ đã trưa, các cậu cũng đã đói, các cậu khai bánh ra ăn tại phòng “lấy dấu”. Không biết các cậu nhận ra tôi là người thế nào, mà vật nài mời ăn mãi. Nể ý các cậu, tôi cũng ăn hết phần ba cái bánh in. Trong bụng tù chiều bữa trước đến chừng đó trống trơn, nghe cũng đã bào bọt lắm. Nhờ miếng bánh ngọt mà êm đi được ít nhiều. Cám ơn các cậu ấy thay! Về sau, thấy các cậu đi rửa chân, đi hốt rác, muốn nói chuyện, muốn cho ăn, cũng không biết làm thế nào được.

Lấy dấu xong, được lãnh một cái dính bài giam tạm (détention provisoire). Ngục tốt Tây gọi *bồi rôn* dẫn vào khám, giao cho ngục tốt Tây khác nốt. Khám này quen gọi là “sanh đút”. Tôi không hiểu “sanh đút” nghĩa là gì? Người ta nói lơ lơ nghe như *salle de douche*, làm cho tôi, cứ nghĩ rằng chúng tôi

được đi tắm. Về sau hỏi mãi, cũng chưa ai cắt nghĩa rành hai chữ sanh đút ra làm sao.

Ngực tốt Tây bắt để nón và giày thắt lưng ở ngoài, rồi mở cửa sắt xô chúng tôi vào *sanh đút*. Một gian phòng độ ba thước ngang, sáu thước dài. Tường kín ba mặt, chơn tường sơn đen tới ngang đầu người lớn. Nền bằng xi măng. Trong phòng có một cái thùng xí. Ngoài phòng dựa xế song sắt, một lu nước lã lạnh teo.

Thoạt mới vào, thấy có mười mấy người ở trong ấy rồi. Kẻ nằm dài ứa lụy, người ngồi rũ cau mày; lại có kẻ đi tới đi lui, xem bộ ung dung tươi tắn. Mấy cậu bé cùng vào với tôi một lượt, thời lục lạo giỡn cười như chuột lắt. Cùng trong một khám ấy, chỉ có một mình tôi còn dính bài giam tạm; bao nhiêu nữa, thời hoặc đã mang dính bài Bồi thẩm, hoặc đã mang dính bài Biện lý. Hai giờ trưa, lại nghe bên ngoài cửa sắt mở một cái đùng, bên trong cửa sắt mở cái két, ống khóa, giày xiềng, chìa khóa khua *rổn rảng*. Một người ngực tốt Tây đen, cùng một người ngực tốt An-nam hiện ra, gọi trong *sanh đút* bảo đi ra hết. Ai nấy dính bài phải cầm tay, trình cho người Tây đen xem. Mấy người kia, ông Tây đen bắt đứng sắp hàng hai lại một bên khác. Mấy người kia, rồi không biết lùa đi đâu!? Tôi thì lại bị tổng trở vô *sanh đút*.

Một mình hết đi, đứng, thời lại nằm queo dưới xi măng. Nghĩ đến chuyện xảy ra chiều hôm qua, mà có lúc cảm tức thay cho luật pháp. Kẻ đánh người được tự do, người bị đánh, thời lại thêm ràng rạc. Mà thôi,

chiếc thân bảy thước, không hay ngang trời dọc đất, là tại mình hư. Trách mình rồi sẽ trách trời...

Không biết là mấy giờ, nhưng biết đã xế rồi. Đương nằm nghỉ, nghe tiếng cửa mở, rồi thấy một người tù đẩy vào *sanh dứt* hai cái thùng cây chống lại với nhau: rồi cửa lại đóng lại. Dậy xem. thì là một thùng cơm và một thùng đồ ăn.

A, người ta cho mình ăn đây. Ăn thời ăn. Xắn một cục cơm đưa vào miệng, nghe mùi cám nực nong, nuốt đại. Một miếng, hai miếng, ba miếng... Mà sao lại lần lần thấy ngọt, thấy ngon. Thú gạo lúc ấy, lúc ở nhà thường thấy nấu tấm cho heo, chó ăn. Duy có đồ ăn, nấu bằng bí rợ với thịt heo, thời mặn xằng lè, không ăn được. Một bụng no canh, uống nước rồi nằm ịch xuống đất nghỉ, một lát cửa mở, tội vào lấy thùng cơm ra, tôi vẫn nằm yên. Một lát sau lại nghe cửa mở nữa, ngục tốt Tây gọi ra. Tôi lấy nón và giầy thất lừng, theo *bồi rôn* ra cửa ngục. Cởi áo ra cho ngục tốt xét, sổ quần ra, cho ngục tốt dòm bên trong rồi, thời ở ngoài, một tên lính canh sát, đem còng vào còng tay tôi lại, dẫn qua tòa.

Quan Thẩm án đòi hỏi:

- Nguyễn An Ninh có mời anh đi dự cuộc diễn thuyết không?

- Không.

- Sao anh đánh lính?

- Tôi không có đánh lính. Tôi có đánh một người *sa vinh* (civil).

- Người cai mặc đồ sa vinh, nhưng anh vẫn biết người ấy là một người cai chó?

- Tôi không làm sao biết được.

Quan thẩm án còn hỏi nhiều câu nữa, nhưng mấy câu trên đó, là “gắt củ kiệu” hơn mọi câu. Ngoài câu hỏi có lục sự chép lại, thời quan thẩm án còn hỏi riêng:

- Sao anh mắng lính là nô lệ cho Tây?

Tôi không trả lời, vì câu ấy hỏi riêng, không phải hỏi để chép lại. Quan nói tiếp:

- Chúng tôi có lính khắp nơi, đừng nói dẫu.

- Nhưng mà tôi không nói dẫu bao giờ. Tôi không nói, vì không cần kíp.

Lục sự chép xong, đưa tờ khẩu cung cho tôi ký tên. Tôi đọc lại, thấy có nhiều chữ ông thông ngôn dịch cầu thả quá, hoặc sai lạc quá, như tôi nói bằng tiếng Việt Nam rằng: -Tên Nền nạt tôi”, thời ông dịch: “II mả insulté”, thành ra “tên Nền chửi tôi”, mà tôi phải mang cái đầu cáo gian vậy. Mấy chữ tôi không bằng lòng, tôi đều xin sửa lại. Kèo nài mãi, ông thẩm án nổi dóa, ông rầy, rồi lại nói: “Cò cượng mà làm gì? Anh làm thêm hại cho anh” (Pourquoi se révolter? Vous vous faites du tort).

Ký tờ khẩu cung xong, ra ngoài dãy hành lang đợi một chút, thời thấy đã có giấy hạ ngục rồi. Lính còng lại, dắt trả về khám lớn.

Cửa sắt ních lại cái ðùng...

Giờ vào, ngày vào, thời biết đó, mà ngày ra, giờ ra,

thời biết đâu được là đâu. Trong gang tấc, mà khám lớn đối với Sài Gòn, như cù lao con với biển cả.

Nay mình sắp vào cái “cù lao” ấy, thói đời mới lạ, biết đâu địa ngục thiên đường là đâu. Giật mình nhớ lại những câu chuyện tàn khốc người ta đã thuật cho nghe lúc ở ngoài, thời cũng có lúc lo sợ cho thân bầm dập đau đớn, song lại nhớ những người mạo hiểm, đi tìm lương cục địa cầu, mà riêng then cho tấm thân sỗ xộ, ăn có ó không. Băng tuyết bốn mùa, quạnh hiu tứ hướng, bóng người vắng ngắt, ác thú nghênh ngang, thế mà có kẻ còn dám tự đưa mình vào cảnh hải hùng, ghê gớm ấy thay? Có sá gì một khám tù, đều là con người cả, nhiều ít cũng còn có lương tâm; để cho đến đối người ta đánh đập mình, là tại mình không hay nói được cho lọt tai người, thời dẫu họ có đánh mình đi nữa, cũng là đáng cái đời bất tài của mình chớ sao?...

Mảng còn nghĩ nổi xa gần, mà anh *bồi rôn* đã làm xong miếng dính bài mới cho tôi. Dính bài là một miếng gỗ thông mỏng, lớn chừng bằng ba ngón tay, hình có nhiều thứ khác nhau. Những hình thường dùng thời là hình vuông, tròn, bánh dúc, bát giác, hột xoài, v.v. Mỗi thứ tù mang dính bài một thứ hình cho phân biệt. Như còn giam thời dính bài hình vuông, trong dính bài, có số thứ tự của người tù. Ở trong tù không có của cải gì khác hơn, là cái dính bài. Ai nấy đều phải giữ cái dính bài mình cho thật gắt, không thời như rủi mất đi, phải ăn cơm vất lạt

trong hai ba ngày. Có một cách giữ đỉnh bài tiện hơn hết, là xỏ một sợi giây (đỉnh bài có lỗ nhỏ để xỏ giây đeo, cho nên gọi là đỉnh) rồi cột vào khuy áo. Áo ở trong tù có một khuy một nơi cổ mà thôi. Người nào người nấy tòn ten trước ngực một miếng gỗ, ngồi nhìn nhau mà muốn tưởng đến cảnh tượng Trung-Bắc hai kỳ. Nếu sợi giây mà ngủ sắc, nếu miếng gỗ mà trắng trong, nếu số ở trong mà đỏ chói, thì là quan chớ gì?

Đỉnh bài của tôi hình vuông, trên đề MA (khám giam, maison d'arrêt) giữa số 6; dưới đề PJI (tù giam dưới quyền quan thẩm án, prévenu du juge d'instruction). Mỗi khi đến số mười ngàn, người ta đề số 1 trở lại. Ngày tôi vô, số mười ngàn vừa mới qua, cho nên số của tôi là số 6. Không biết mười ngàn số qua rồi đó, khởi có số 1 từ năm nào. Nghe nói đầu như mới khởi vài ba năm gì đó, số giam thiết tôi là số 6, mà số giam tạm của tôi, thời đã đến số 609 rồi. Cứ xem số giam tạm của tôi, và số giam thiết, chạy không đều nhau, thời biệt số người bị bắt giam tạm rồi thả ra, cũng là rất nhiều; nghĩa là vô tội cũng có thể bị bắt. Đã vậy, mà trong số giam thiết, lắm khi đến chừng xử cũng trắng án, hoặc đương khi còn giam, chưa xử cũng tha bổng. Nghĩa là vô tội cũng có thể bị hành phạt trong năm bảy tháng, đôi ba năm. Hiện thời (décembre 1928) có anh Tư Đá còn bị giam trong ngục, anh nầy bị giam đã ba mươi hai (32) tháng rồi. Pháp luật và tự do!

Lãnh đỉnh bài xong, một người *phạm nhẹ* tiêm cho tôi một mũi thuốc phòng dịch ở trên lưng, rồi tôi lại bị tổng trở lại vào *sanh đút*.

Bây giờ ngó mé ngoài lộ, đã ánh vàng bóng mát trời tà. Bóng lầu trong ngục đã ngã ra dưới sân dài nhằng nhẵng... *Sanh đút* lúc ấy có một mình tôi, với mấy mặt vách tường. Yếu sáng từ mấy cửa song sắt ở trên cao rọi xuống mờ mờ, như tuồng lọc qua rây nhặt. Hơi lạnh dưới xi măng bốc lên; gió lạnh từ trên cửa song lọt xuống. Thê lương biết là đường nào! Bên ngoài tù thành, tiếng kèn xe hơi đua nhau mà kêu như ảnh ương trúng nước. Đêm nay quạnh quẽ một mình, nằm co mà nghĩ việc đời, không ai làm bận, cũng là một cái thú vị riêng, riêng chỉ có một người bị bắt vào tù, mới đặc biệt mà được biết. Không hay cái người kia, một mình cỡi tàu vượt Đại Tây dương, linh đình dỗi dặt, đêm trường thú vị nó ra làm sao.

Đèn điện mới bật lên, cửa ngoài nghe tiếng giày tây lộp bộp. Tiếng mở cửa sắt.

Cửa song sắt cũng lại mở, người ta đưa vào cho tôi một người bạn đồng sầu, để làm mất sự thanh tịnh trong *sanh đút*.

- Việc gì bị bắt vào đây?
- Mua bán lúa.

Giống người Triều Châu; tôi lại nhớ chú kia là một người An-nam.

- Ở đâu?
- Sóc tăng á.

- Chỗ nào?

- Gạch gòi.

A, Rạch Gòi! Rạch Gòi (Sóc Trăng) là chỗ tôi có người quen thuộc. Hỏi thăm nhà họ Lâm, người Khách đó biết rõ. Càng nghe chuyện, mà càng vui mừng như thân thiện ở Rạch Gòi. Ôi! Vào đến *sanh đút* nầy, còn gặp một người ở xứ mến yêu, làm cho tôi nhớ đầu mà trong quả tim như sóng gió.

Người Khách ấy, nói giọng Tiểu khó nghe quá. Nghe đầu như chú ta mua bán lúa lời thôi làm sao đó, mà đổ nợ đổ nần; bị giam ở Sóc Trăng đã lâu rồi, nay giải đi nơi khác (hay là về Tàu, tôi không được nghe rõ), lỡ đường. gặp tối bị gởi vào khám lớn nầy. Suốt đêm lạnh lẽo, người chú ta tuổi trọng, mà đã bị giam lâu ốm yếu, lại càng không chịu được nổi lạnh. Tôi thời cũng lạnh quá, chèo queo mà chịu, chớ không sao ngủ được. Người Khách thì rên xiết thâu đêm, và đi tiêu, đi tiểu không ngớt. Chú ta nói: ngồi xe từ Sóc Trăng lên; chơn cẳng cua lại, tê nhức lắm. Từ đâu có tiền mà ngồi băng; chơn cũng không tê nhức sao được. Tôi trai tráng, mà nằm xi măng còn lạnh run en phát rét, nữa chi là chú Khách kia tuổi đã trọng rồi.

Lạnh quá, chề chỗ nầy, chề chỗ khác, chỗ nào cũng lạnh như chỗ nào? Đây khuất ngọn gió lò, mà cũng lạnh, kia xa khỏi hơi sương lồng, mà cũng lạnh. Nhưng chỗ nào đã nằm lâu, bỏ đi tìm cùng các chỗ khác, không thấy khá hơn, một lát lại trở lại chỗ đó,

tay rờ nghe còn hơi ấm của mình khi nãy, thời cũng cho là “được”. Ịch xuống chút xíu đã thấy run. Đứng dậy đi tìm chỗ ấm nữa, mà cũng chỗ cũ là ấm hơn. Mảng chạy lừng quanh sáng đêm, không chớp mắt được. Người Khách kia thời lạnh quá, không nằm được, mà cũng không dám nằm. Chú ta đẩy nắp thùng tiêu lại, rồi ngồi lên trên đặng thông chơn cho đỡ nhức. Cứ thế mà dựa vách tường ngủ ép, ngủ nài. Chốc chốc lại rên.

- Lạnh quá, đau quá!

- Tôi thua chú cái “đau”, chớ dễ chịu thua cái “lạnh”

Sáng ra, tôi bị đưa xuống khám thiệt. Còn người Khách kia không biết đi đâu, chẳng kịp già từ nhau.

Bồi rôn chạy trước, tôi chạy theo sau. Vòng hết dãy hành lang, lại thấy quanh lại, chui xuống hầm. Lạ chớ, đất ẩm thấp như đất Nam kỳ nầy, mà sao người ta lại cất nhà có hầm (cave). Chui xuống dưới hầm rồi, nhìn lại mới biết mình tưởng sai. Vì triển đất nghiêng trục, nên nền khám lớn phải chia làm hai cấp, đặng giữ lấy mặt bằng cho dễ, mặt cấp dưới cách mặt cấp trên có hai thước rưỡi tây. Bây giờ mới nhớ lại khi ở ngoài đi xe kéo, thấy anh cu li giựt dốc đường Mac Mahon, mà thương.

Xuống thang hầm, quẹo lại một cái kho tối om om, trong kho có hai ba thằng người. Thoạt mới trông qua, ngỡ mình đã bị đưa đến miếu Thành hoàng, hay là cửa điện thú nào dưới âm phủ.

Anh *bồi rôn* bảo cổi đồ mặc trong mình ra. Ủa?

Ở tù thiệt hay sao, mà thay đồ xanh? Nhưng thôi, xanh hay trắng, hay đen, hay đỏ, riêng gì mình làm tù, trong cả nước nầy. Ta sợ cái áo xanh nầy, hay là sợ cái gì khác nữa.

Cởi áo hơi chậm, cởi rồi chưa biết nên xếp, hay là nên để cho người giữ kho xếp cho. Cậu ngồi phát đồ vội nạt: “Mầy làm cái gì lừng khừng vậy?” Tưởng con người ấy là ông trời con nào, ai ngờ về sau rõ lại, cũng là loại tù mà thôi. Tôi không biết thì giờ trong khám quý báu bao nhiêu, mà người ta làm cái gì cũng hối hả, vội vàng như giặc đến bên trên vậy.

Lãnh bộ đồ xanh và chiếc chiếu xong, anh *bồi rôn* đưa tôi lại khám.

Trong song sắt, một bầy như khỉ vườn thú, ngồi xo ro nhóc mỗ trông ra, nhìn bạn mới, mới vào. Thương hại cho bầy ấy, là bầy người. Kẻ áo, người trần, vằn vện rần rống, làm cho mới thấy, ngỡ là hạng thuồng luồng trên mặt đất.

Anh *bồi rôn* dắt lại giao cho ngục tốt Tây, ngục tốt Tây để cho ngục tốt An-nam lục xét. Ngục tốt An-nam hôm ấy là cai H., bộ mặt tôi hôm ấy không biết như thế nào, mà chú cai phải hỏi:

- Mầy ở ngoài làm gì mầy? *Xếp phía* hả?

Bên trong song sắt có anh tù chạy lại, chỉ chỗ cho tôi để chiếu, và bảo cởi áo, sổ quần cho chú “xét”. Xét xong, chú cai lại ông Tây ngục tốt, lấy chìa khóa mở cửa song sắt xô tôi vào “chuồng người”.

Có người cùng xóm là anh Tư Đẳng, chạy lại

mừng rỡ. Anh nầy là một người võ giỏi, từng dạy võ nhiều nơi, quen biết cũng nhiều chỗ, làm anh chị cũng phục tài, vì thế mà anh nghiễm nhiên là một người anh chị. Chuyến này bị hồ nghi vào một đám chém lộn ở Hóc Môn, nên bị bắt. Sau khi tôi vào hai ba bữa, anh được thả ra. Anh thấy tôi vào, lấy làm lạ, nói rằng: “Mơ màng như giấc chiêm bao, cứ tưởng một chú chệt nào lạ mặt”. Mà phải, cái áo cụt lũng chững ngang rún, tay dài mà rộng xù xình, lại đầu hớt đờ mi (không phải hớt sói) thời chệt rắc chó gị. Còn như cái thằng tôi đã bị một ông bạn chê là “thuần lương” mà phải cũng như ai, cũng chui vào cái tù thành ấy, thời không làm sao được. Mà chính tôi, tôi cũng mơ màng như giấc chiêm bao, nào có ngờ mình phải ở tù vì một sự đánh lộn? Nhưng mà pháp luật ở trong nhân gian không có hoàn hảo bao giờ.

Anh Tư Đăng ở trong tù được anh *cặp rằng* yêu vì. Anh lại đứng ra giới thiệu tôi cho anh em. Vì thế mà tôi ở trong tù tỷ giáo có sung sướng hơn người ta nhiều. Bấy giờ sáng sớm, anh Tư Đăng cùng *cặp rằng* đương ăn lót lòng. Gặp bữa, họ cũng mời tôi tạm ngồi lại ăn bánh mì với đường tán. Bánh mì đã cứng lắm. “liệng chó lỗ đầu”, cắn ra lại bời rời, nước miếng thấm vào, nghe vị chua chua. Mà ngon. Mà quý lắm.

Ăn xong ngồi chơi, anh em xúm xít chung quanh, hỏi thăm cho rõ cái vụ khiến tôi phải bị hạ ngục. Đầu đuôi tự sự cho họ nghe rồi, họ thuật lại chuyện trong

khám, và chỉ bảo mọi đường ăn ở. Anh em cũng giới thiệu cho tôi các hạng người, người nào tội gì, người nào tội gì, lượt lượt họ nói qua hết. Trong những người mà anh em giới thiệu, có mấy thầy đường như anh em chú ý đến nhiều. Năm sáu thầy làm việc hăng xe hơi, một thầy làm việc sờ giấy thép nhà nước. Thầy giấy thép nầy, nguyên ngôi nhà giấy thép Lái Thiêu, cho nên cùng tôi đã được biết nhau vài lần, trong khi tôi đến lãnh thơ từ, bưu kiện (colis postal). Nay tình cờ gặp nhau trong ngục, công nhiên coi nhau như người xóm riềng.

Trong khi mới vào ngục, thấy anh em mừng rỡ, vồn vã hỏi han, chuyện trò không ngớt miệng, thời tôi có một cảm giác lạ. Đường Lagrandière đi vào độ năm sáu mươi thước, mà mơ màng như đã đến một xứ nào diệu viển tuyệt mù. Các anh em đối với tôi, cũng dường như người ly hương khứ lý, chầy tháng lâu năm, mà nay gặp kẻ đồng bào, tình cố quốc ngóng trông rày mới thấy. Tôi rồi về sau thấy ai quen bị đưa vô, cũng có cái mừng của anh em đó. Quái gờ thay! Sầu thành một bức, nhốt lại ngót ngàn người, cách tuyệt cõi đời, cảnh tình thống khổ. Năm canh trong ngục, ai là kẻ thương đời, xót xa bụng biết là bao nhiêu!

Anh em nói chuyện lắm, một hồi rồi cũng cùng chuyện. Có người đưa thuốc lại mời hút, vui lòng nhận ngay. Ngôi phì phà điếu thuốc Job, nhìn tình cảnh các người tù, khóm năm, khóm ba, ngôi chèm

bẹp dưới nền xi măng. Đây mấy người hút thuốc nói chuyện khào, kia mấy người ngồi vây bàn cờ tướng. Dựa vách tường, một người nóng lạnh, núp sau một đám người mà nằm khoanh. Bên góc nọ, một người ghiền đang gục gặt, mặt mày khí sắc không còn. Tại nơi kia, dưới tia giọt mặt trời, hai ba người trải áo phơi, cho rận bò ra mà lấy đỉnh bài chà giết. Gần tôi, một người cưỡi truồng ngồi bôi thuốc dán trong trong chỗ ghê lầy. Bên cầu tiêu, một người lén đái vắt ngoài cầu, ngảnh mặt ngo chừng cai gác cửa.

Ở ngoài, cai ong óng lên chửi:

- Đ. mẹ cha bây. Bây nói chuyện cho dữ đó. Chút nữa ra sân cơm, bây coi tao. Tao đánh bây thấy mẹ bây hết thấy!

Ra sân cơm; đầu nầy bị đánh, đầu kia bị chửi là sự thường. Ăn uống kẻ rồi, người chưa đã nghe:

- A lê lên! Biện lý lên trước!

Bốn hàng đương ngồi vùng đứng dậy, rùng chạy. Một anh chị cầm roi mây quất tron trót.

- Đ. mẹ bây! Chạy đâu dữ vậy? Hai hàng ngoài ngồi xuống! Tao đánh bây lột trứng mẹ bây ra!

Một cặp ngồi nhong nhóng... Xệt vào hàng trong, chen lên trước. Ngục tốt không dòm.

Ành ành!...Cai loi vào ngực hai người, nắm đầu kéo lại: “Đ. mẹ bây, bộ bây nói tao đui sao chớ? Ngồi xuống đó, không thời chết cha bây giờ”.

Cong lưng chạy, anh bạn bắt cặp với tôi vừa chạy vừa dặn: “Coi theo người ta mà bắt chước, cởi áo, cởi

quần ra nghe”! Tôi đứng lại cúi đồ ra. Anh bạn tôi lấy đồ tôi, xốc áo nằm ngang bầu, xốc quần nằm ngang lưng, rồi đưa cho tôi, dặn phải nằm bầu áo và lưng quần gộp vào một tay.

Chạy quanh lộn mấy khúc thang, rồi bị ứ lại. Những người ở trước lần lần bước từ nấc thang. Ở sau nổi gót mà bước theo. Một hồi lâu đến từng lầu thứ ba (nói theo Tây thời là thứ hai). Anh ngục tốt Tây, khi ở dưới *chỉ tôn* gác chúng tôi, bây giờ đứng dựa lan can coi ngục tốt An-nam xét. Bốn anh ngục tốt An-nam, hai anh ngó mặt với nhau, hai anh đầu lưng với nhau, đứng lục xét từ người tù. Mỗi người tù đưa quần áo cho một anh ngục tốt xét.

- Coi người ta làm mà bắt chước. Anh bạn tôi dặn.

- Được, không sao đâu.

Tôi gượng bước tới, anh ở sau lưng tôi chen lại trước. Vừa trao quần áo cho xét, anh ta bước sấn qua trước mặt ngục tốt, há miệng giang hai bàn tay sè, rùng mình hạ bộ một cái, hai tay đưa lên bỏ ra sau ót, rử tóc xoa mà rẹt ra, như hình hát bộ thị oai mà vuốt lông trì kéo quặt xuống. Gọn lắm! Khéo lắm! Anh ấy lợt qua bên kia anh ngục tốt, đứng đó ngó ngoáy trở lại, chờ lượm đồ. Anh ngục tốt còn đang bóp quần áo. Anh ngục tốt thấy cái quần, anh kia chụp lấy. Anh ngục tốt còn lần lần, nằm bóp cái áo: “Cái gì đây? Mấy thấy tổ mẹ mày rồi”.

Anh ngục tốt lần trong áo xanh ra một chút thuốc An-nam vò lại, gói trong giấy quuyến, nhét trong chỗ

miếng vá ngang hông cái áo, nắm đầu anh tù kia vật xuống, ở dưới đầu gối thúc lên ngực, ở trên tay loi vô bản hòng, cùi chỏ giơ xuống lưng.

- Laissez le (buông nó ra)

Anh ngực tốt Tây la lên vậy, mà ngực tốt An-nam còn bồi thêm hai đá vào đít. Anh tù nọ khum xuống lượm quần áo, ôm ngực, ọ ọ lưng, chạy tuốt vô khám.

Tôi vừa giỡm bước tới, ở sau lưng có anh tù khác chen ra trước đưa quần áo tới tay ngực tốt. Anh này đi *miếng phụng hoàng* lại khéo hơn anh khi nãy.

- Há miệng ra coi... Nhả ra!

Cũng lại một miếng thuốc. Ngực tốt không nói. Quảng quần áo xuống đất. Anh tù khum lượm...

Ành! Ành! Hai ba gót giày lên lưng, anh ngực tốt Tây cười.

Mấy người nữa, tôi mới bước tới được. Múa phụng hoàng sẽ không đặng, nhưng mà vô hại. Ôm quần áo chạy vào khám, đã có anh em đứng chờ.

- Qua bên này.

Tôi chạy qua bên đó. Khám dài ước ba mươi thước, ngang lối chừng mười lăm thước. Ở giữa có hai hàng song sắt chạy theo bề dọc, cách nhau độ hai thước. Khoảng hẹp ấy, là đường ở cửa ngoài vào. Hai bên là hai cái khám, trong mỗi khám có hai cái sập nghiêng nghiêng chạy theo bề dọc dựa đường; dưới rầm trắng asphalte (thứ nhựa trắng đường); song sắt có cửa khóa bằng sợi giây xiềng sắt, và cái ống khóa to. Tường, thời dưới chân sơn đen lên đến ngang

đầu, trên cao mút có trở nhiều cái cửa sổ, nhốt trong song sắt và mảnh mảnh sắt. Những lúc trời nóng nực, cửa sổ ấy không đủ thoáng không khí; những lúc trời u ám, cửa sổ ấy không đủ giọi quang âm.

- Ối! Còn chiếc chiếu tôi bỏ quên dưới.

- Tôi đã biểu người ta đem lên giùm anh rồi, anh mới lạ, đem lụi đụi nó đánh chết, đứng lại *lập binh* (*l'appel*).

Tôi đứng lại, dòm song sắt coi mấy người lên sau múa *phượng hoàng*, một lát lòi ra cục nhựa, đánh chửi. Một anh mới vô, không biết mà giữ chiếu, đánh chửi.

Tù vào khám hết. Ngục tốt An-nam khóa cửa song sắt. Đoạn ngục tốt Tây mới mang súng sáu đi vào khám “Appel”. Anh ngục tốt Tây ở ngoài song sắt, vừa đi vừa đếm, lệ làng. Anh *cặp rằng* ở trong song sắt đếm phụ. Tây đếm xong, hỏi *cặp rằng* cho chắc ý. Tây vừa xây lưng ra khỏi cửa ngoài, mà ai nấy rã hàng ra, la ầm lên. Tôi không biết chuyện gì. Bên ngoài cửa sắt, ních lại một cái đùng, bên trong, họ chạy quay đi giành chiếu.

- Đ. mẹ, bộ chết trong tù sao? Giành cái gì dữ vậy.

- Chiếc chiếu tao có làm dấu, đứa nào lấy? Tao kiếm được, cha nó cũng không còn hồn!

Ba bốn người đi kiếm.

- Đây rồi, chớ để mẹ mày, sao mày lấy của tao?

Đùng! Đùng! Ấu đả nhau.

- Ê! Can ra!

Anh bạn tôi trải chiếu xong, mời tôi nằm. Bên cạnh một người đưa lại điếu thuốc Job mời tôi hút.

- Ủa? Đem vô được hay sao? Lính xét kỹ quá, mà làm sao lọt được?

- Có áp phe. Có người không có, mà họ cũng đem được, họ tài lắm, để lâu rồi anh coi.

- Hút có hề gì không?

- Nghe mở cửa thì dấu.

- Cực quá, thời tôi không hút làm gì. Và tôi cũng không ghiền thuốc.

Nhưng mà khói mịt trong khám. Vẫn không sao.

Anh bạn tôi bảo đưa quần áo xem. Cái áo hơi mới, nhưng mà rận quá. Anh *cặp rằng* kêu một người tù lại, bảo đem áo lại đổi áo tôi. Tôi không chịu đổi, sợ tội nghiệp người kia. Anh *cặp rằng* nói: “Không sao, mình có đồ cho họ ăn, có thuốc cho họ hút”.

Cái quần cũng mới mới, nhưng mà dơ quá. Mủ ghẻ đặc lên trong đấy, gớm ghê biết là đường nào! Anh *cặp rằng* sai:

- Anh Tư, đem giặt cái quần này.

Nước đầu giặt, anh để tôi tự giặt lấy mà bạn tốt hơn.

Tuốt trong đầu đằng kia khám, có một cái lu và ba cái khạp nước để ngoài, dựa hai bên song sắt, nước ấy để dành cho hai bên tù uống.

Song mà người nào “bảnh”, thời cũng lấy đó mà tắm giặt được.

- Ủa? Cũng có xà bông nữa sao?

- Như ở nhà chớ khác gì? Anh bạn tôi nói ra chiều đặc ý.

Tôi mắc đi tiêu, anh bạn tôi đưa cho vài miếng giấy súc.

Cầu tiêu làm phủng vô trong vách tường, hai bên hai căn đối diện với nhau, ở giữa một căn thụt vào trong; chốc chốc có máy nước xòà xuống rửa. Khám bên kia cũng một cái cầu tiêu xứng đối, một kiểu như cầu tiêu khám bên này. Cầu tiêu kể cũng sạch và không hôi thúi lắm.

- Anh ngủ trưa không?

- Ngủ cũng được, mà không cũng được.

Anh em xúm xít lại bên tôi nằm nói chuyện. Trong khám lảo xào, lảo xào. Ngực tốt ở ngoài đấm cửa sắt ðùng ðùng, dòm lỗ cửa chửi ó.

Lỗ cửa là một cái lỗ vuông, mỗi bề độ hai tấc, có mảnh mảnh sắt bít, rồi lại có thẻ sắt, giá treo theo đường bằng góc, chặn mảnh mảnh. Lỗ cửa nầy để cho ngực tốt dòm trong khám coi chừng tù, sợ đánh đập, hoặc phá khám. Trước kia nghe nói lỗ trống, mà bây giờ bít mảnh mảnh là vì ngực tốt hay đút đồ vào cho tù. Nhưng bây giờ dầu có bít rồi, mà ngực tốt cũng vẫn còn đút đồ được. Một gói thuốc không đút lọt, thời từ điều, đút lọt có khó gì, chỉ phải lâu một chút. Người ta cũng đút cả cà phê vào nữa. Một anh tù ở trong song sắt ra tại cửa đó, há miệng, ở ngoài ngực tốt cuốn giấy làm máng xối, đổ cà phê cho chảy vô, anh tù ở trong uống.

- Nín! Cửa rầy đó nghe không?

Ai nấy nín một lát, rồi cũng lại rầy, rồi cũng lại nghe chửi. Thét như vậy rồi, nó cũng nhảm đi, anh em nằm nói chuyện khào mãi, trống lẩn canh điểm hai dùi. Ai nấy vùng dậy xếp chiếu.

- Tới giờ phải không anh?

- Chưa, còn mười lăm phút nữa.

Cái quần giặt ở song sắt vừa khô dòn dốt, lấy xuống coi, thời trong đáy còn trắng trắng như nhựa mít, là bị thuốc dán pommade oxyde de zinc của người trước tôi xúc, lưu dấu tích lại đây. Gớm quá! Nhưng tôi không chịu đổi cho người ta, bèn lộn ra mặc trái mà chịu. Sau giặt đến lần nữa, mới chịu hết lớp thuốc đó. Nhưng tôi cũng vẫn mặc trái luôn cho đến ngày ra.

Lóng nhóng một chút, trống hồi một, hồi nhặt, anh em tù áp lại cửa song sắt đứng chờ. Ngoài cửa sắt tiếng động một cái ðùng, cửa mở toang ra, một anh ngục tốt An-nam chạy vào mở cửa song sắt. Ngục tốt vừa sắp quay lưng đi, hai khám tù tuôn ra, chen lấn nhau, chạy rần rần như rạp hát bị cháy. Ra tới ngoài, bắt tay nhau tù cặp mà nhảy xoi xói xuống thang lầu, chạy ù một nước chui vào *chỉ tồn*. Từ trên lầu ngủ xuống đến *chỉ tồn*, có ba chặn ngục tốt Tây và An-nam đứng nghiêm giữ trật tự, hễ ai không có cặp, hoặc không chạy, thời roi gậy đập xối xả trên đầu đập xuống, chùn cẳng đá ngược sau dít đá đi.

Vào *chỉ tồn*, cũng lại ngồi xo ro như khi mới, ngồi

chán, mới đến giờ ăn. Ăn xong lại đi ngủ. Hôm ấy nhằm ngày Chúa nhật, đi ngủ sớm lắm. Chưa bốn giờ, đã lùa lên lầu rồi. Bốn giờ đến tối, ngày giờ nhiều, cho nên có người mài dao đặng hót tóc cạo râu.

Mài dao?

Trong khám cũng có dao, tù nhân, ngoài quần áo và dính bài ra, không được đem cái gì khác. Nhất là đồ sắt, thời càng cấm ngặt lắm, vì giữa phòng sự tù đánh giết với nhau, nhưng thế mà cũng có dao trong khám. Dao, mà dao bén cạo lông mặt được. Người thử nghĩ dao ấy ở đâu mà có? Người thử hình dung dao ấy coi ra sao? Không đâu, không phải bằng thép, mà cũng không phải bằng sắt. Chỉ là một miếng thiếc thôi. Thiếc mài trên chỗ nền xi măng để mấy khạp nước: đá nhám. Mài lâu lại, trên những khoen sắt đóng dưới rầm, ngày xưa dùng xỏ cây chốt sắt đóng còng tội nhân: đá bùn. Thần tài thật, tôi không bao giờ ngờ thiếc mà làm dao cạo được, dầu có học hóa học, biết chất cứng phá được chất mềm hơn, biết cây kim đâm thủng được đồng xu bằng mặc dầu.

Anh em dòm thấy hàng râu mép tôi, biểu tôi đưa cho cạo. Tôi cũng muốn cạo trong buổi mới vào ngục, rồi sau này không cạo nữa, để coi râu ra lối chừng nào, mới được về; cạo quá, cứ bậm môi mà chịu.

Hót tóc mới là tài tình, tay nắm tóc, tay cắt; tay nắm tóc, tay cắt. Lia lia, lia lia, không bao lâu đã xong một cái đầu ma nin, khéo như ở tiệm ngoài chợ Sài

Gòn, khéo thật! Không ai thấy mà biết hót bằng dao. Cần nhu sanh sáng kiến, quả vậy.

Bóng tà dương lọt qua màn màn sắt trên đầu tường ánh xuống lơ mờ, các người đánh cờ thường gục sát xuống, cũng không thấy được nữa, bèn chạy lại gần cửa sắt gọi to lên: “Tối lắm, ông ơi”!

Hai bóng đèn điện trên trần bật lên, hai bên khám sáng cả. Kẻ vui thú nầy, người vui thú nọ. Một người nói một ít, cả khám rùm rùm hoài. Ngực tốt chửi thời lại nín, nín rồi lại nói. Nói thời ngực tốt lại chửi. Ngày nầy, tháng nọ, như vậy luôn luôn.

Trống đánh tám giờ nghe không? Bây còn làm rùm, mai bây “tắt hơi” hết thầy.

Nó nín hết rồi, ông! Nín! Ông rầy ngoài cửa, nghe không? Anh *cập rằng* có ý nói lớn cho ngực tốt bên kia tầm cửa sắt nghe mà sướng, mà mát bụng.

Tắt hơi? Đó là tiếng ẩn ngữ trong ngực. Hơi không phải là hơi người, mà là hơi thuốc. Thuốc là một vật xa xỉ phẩm, không có cũng vô hại, mà sao nước nào cũng hút thuốc. Ở trong tù là một chỗ ràn rạc lọt một tí thuốc, là thân bị dày vò quá hơn con thú vật, sao lại người ta còn đeo đuổi lấy nó mà làm chi. Những người ở ngoài hút lắm, vào tù không có mà hút, phải đi xin xỏ, van cầu, đầu nầy, đầu nọ, người ta mắng nhiếc mấy, cũng nhẫn nhục mà xin cho kỳ được.

- Cho em xin nửa điếu thuốc.

- Cho em xin một hơi.

Những người “sang” trong tù, hút đến nóng đầu ngón tay, thời quăng ra, các anh ngồi gần chụp lấy, lấy giấy quấn nối thêm, mà ngậm cho khỏi phỏng môi.

Bữa nào lên lầu ngủ, những người đem thuốc cũng hỏi nhau, mà người không có thuốc, nhưng biết ai có đem thuốc, thời cũng hỏi một câu: “có bị bứt không”.

Câu ấy trong tù em em với tiếng hỏi thăm “mạnh giỏi” ở ngoài. Biết ai hỏi bị bứt, thời chẳng những mừng giùm còn thuốc, mà cũng ngụ ý khỏi bị “nhục”, khỏi bị đòn. Mấy người anh chị bảnh lãnh mà bị ngục tốt bứt thuốc, là một cái “nhục”. Bấy nhiêu đó là đủ. Ngục tốt không đánh họ. Đánh, là đánh kẻ “phèn”, kẻ “cong” kia. Cũng vì sợ cái nhục bị bứt thuốc, mà anh chị giúp ngục tốt giữ yên lặng trong khám. Muốn giữ yên lặng không đàn áp em út, và nhứt thiết tù nhân vô thế lực không được. Ngục tốt ở ngoài rầy, chửi; anh chị ở trong cũng hưởng ứng mà chửi, rầy. Nhờ vì vậy, mà trong khám mới có được yên lặng một đôi chút. Từ tám chín giờ mà đi, ai nấy chuyện vãn nhỏ dần, và cũng có một ít người ngủ mòn mất rồi.

Hôm đêm ấy tuy mới lạ, song vì hai ngày trước mệt, đói, và đêm trước ở *sanh dứt* lạnh không ngủ được, cho nên trống canh mới điểm chập đầu, nghĩa là mới chín giờ, mà hai mí mắt nặng trĩ; nằm nghe anh em nói chuyện, mà không hiểu gì nữa...

Giật mình thức dậy, còn vật vựa; bên đường Espagne thông thả đưa qua lại tiếng đồng hồ. Trống

ngực điểm canh ba, phía thành sẵn đá kế tiếp nhau mà lên tiếng reo: “Veillez! Un. Veillez! Deux. Veillez! Trois”. Trong khám im phăng phắc. Trỗi dậy nhìn; trên sập dưới rầm kẻ co người duỗi, chen chúc nhau nằm la liệt; kẻ đắp chiếu, người nằm không trên rầm: kẻ mặc áo quần, người trần truồng như nhộng. Ngọn đèn chẳng động, chói rạng ngoài song, ánh giới vào trong, lẩn sáng lẩn bóng.

Bất giác quên mình ở trong tù, mà tưởng còn ở trong trường học, vì anh em học trường thuốc ở Hà-nội, mùa hè nóng nực cũng trần truồng trọ trụi như thế kia. Nhìn lên song sắt trên đầu tường, thời một vầng trăng thu lơ lửng trong một cái màn mây trắng mỏng nhẹ nhàng như tấm là thừa (gaze). Lòng hoài cổ tự nhiên mà động dậy. Hồi tưởng lại bảy tám năm về trước, ngây thơ, khờ ịch, “mất còn đầu quân cuộc đình tiêu”. Đương lưu học ở Mỹ-tho, đêm trăng lặng lẽ là đêm vô cùng thú vị, cùng những bạn thân ái như anh Trần, anh Nguyễn, canh khuya trên gác, leo lên ngói bệ cửa sổ, ngoài bóng trăng lạnh ngắt rọi dài trên bốn cỏ lơ mờ xanh lóng lánh màu sương, trong câu chuyện nhân tình thế tục, chuyện thế cuộc nước nhà; dẫu lý luận trẻ con, song mà cũng đêm đêm rù rì rủ rủ. Lúc bấy giờ, tin cái xã hội hiện tại là một cái xã hội có đạo đức, có nhân từ, theo lý tưởng trong kinh trong truyện. Chẳng ngờ về sau này, kinh nghiệm có tăng gia, mới thấy biết bao nhiêu điều thương tâm thảm mục, giận cho cái vốn học mấy

năm trời đều là lão đối, không thể đem ra mà ứng dụng với đời.

Thời bấy giờ (mãi đến bây giờ) mới biết mình thất học mà giận mà căm. Quốc phá gia vong, diễm nguy điền bại, chiếc thân bảy thước làm cái bóng, làm con ma, làm hình nộm, xấu hổ biết là đường nào. Trên đầu đã hai mươi mấy tuổi, ngảnh lại thiếu hoa như chớp, sự nghiệp chưa có một chút gì, để đến nỗi cho xã hội, mà đã vô đoan hữu họa, khiến nên lạc thân nơi ngục thất, không hay vùng vẫy, chỉ biết thờ dài. Hằng ngày tiếp xúc những người “cạn bã” đáng bi, đáng thương, mà không biết phương sách nào, để giải thoát cho xã hội tương lai, tấm lòng đối với sự đời cũng lấy làm điều đúng.

Thứ hai, 1er Octobre 1928, mới xuống *chỉ tồn* ngồi, đã có giấy đi chụp hình. Lính cảnh sát vào cửa ngục lãnh tù, còng tù cặp dắt qua nhà chụp hình đường Philippini, ngang hông khám lớn. Thoạt mới ra cửa ngục, một người ngục tốt gọi tên tôi mà hỏi là người nào? Tôi không nói năng gì, vì nhút định không làm quen với ngục tốt nào cả, sợ “trâu cột ghét trâu ăn”, mà mấy ông ngục tốt không quen họ “kia nọ”.

Quẹo qua đường Philippini, thời thấy cha tôi mặc áo dài, bịt khăn nhiễu trắng; theo sau là mẹ tôi, ôm trong tay một gói giấy. Tôi vốn đi đầu, không muốn cho cha mẹ tôi thấy cái tình cảnh tù ở bị còng, mặc đồ xanh, bèn sấn bước lách mình qua nhà vòm, đi ngay vào nhà hình một nước. Quả cha mẹ tôi không

thấy thật. Vào nhà hình may có hai thầy làm việc đó, ngày trước học ở Mỹ-tho lớp dưới tôi, cho nên thấy tên tôi trong sổ, biết mà gọi vào trước. Nhờ hai thầy ấy ra đường dẫn dò cha mẹ tôi mọi việc. Song hai thầy không tìm đâu thấy cha mẹ tôi. Mãi đến một giờ trưa mới có cha mẹ tôi trở lại.

Cha mẹ lo cho con, nhưng lo làm sao? Sanh dưỡng là công mình, mà sanh sát là quyền ai. Ai có con, có thương con, nên nghĩ lấy. Tội nghiệp cha mẹ tôi, nguyên con nhà nghèo khó quê mùa, bởi cần lao dầu dãi mà nên cửa nên nhà, ngoài sự dinh nghiệp ra, cơ hồ không có quan niệm về sự gì khác. Lúc tôi bé cho tôi đi học, mong cho tôi làm được ông thầy thông. Khi tôi có thể làm ông thầy thông như ý muốn của cha mẹ tôi, thời tôi lại không làm được với cái bụng không muốn làm. Mà sau nầy tốt nghiệp trường Cao Đẳng (C hoa, Đ hoa) tôi lại càng không muốn “làm việc” như ý muốn của cha mẹ tôi. Trước sau đều làm thất vọng cha mẹ tôi cả, bất hiếu ư?... Nhưng mà “Di Tể” ngành mặt thóc nhà Châu! “*Thánh ư tâm*”, càng đáng phục, biết bao giờ. Không hay chọc trời khuấy nước, thời thà ẩn dật cho rồi. Chuồng mặt trong “quan trường”, nghĩ cũng tủi cho cái số “bao phu”. Về làng nường nấu, kẻ bàng quan đã cười là đứa điên cuồng, Miệng lằn, lưỡi mối; vinh nhục thị phi, cha mẹ tôi cũng lấy làm khó chịu.

Mỗi người bắt giam vào ngục, đều phải đi chụp hình. Lại nhà hình, người ta bắt lẫn cả mười ngón

tay, người ta ghi cả dấu tích hình dạng, đo vóc, đo sọ, đo mũi, đo mắt, đo ngón tay... đo lu bù đo; rồi tổng lên lầu chụp hình. Hình chụp một cái trông ngang, một cái trông thẳng trước mặt.

Ngày hôm ấy đi chụp hình có một bà già tuổi năm mươi ngoài, không biết bị bắt về tội gì. Bà có một đứa cháu, độ bốn tuổi, ăn mặc lành lẽ, cùng ẩm luôn vào ngực; vì lúc bị bắt thời mẹ đứa nhỏ không có ở nhà, mà nhà không ai, cho nên bà phải đem cháu theo vậy. Con bé ấy kêu khóc nhức nhối, người ta đoán là nó đói bụng, vì cơm trong ngực không ăn được. Người lính cảnh sát dẫn tù, cho con bé hai đồng xu, bảo mua bánh cho nó ăn; nhưng có ai đâu mà đi mua được. Thấy vậy người chụp hình gọi một anh lính cảnh sát ở Chợ Lớn mới giải tù vào, bắt anh lính ấy đi mua bánh. Thấy bảo để tù lại đó cho thầy coi. Thầy có nói một câu ngợ: “Mấy làm ơn, mấy được phước một chút, tao được phước một chút”. À há! có hai đồng xu mà ba người được phước. Cái phước là cái quái gỡ gì? Hèn chi mà khắp trời đất có kẻ thù tiền người ta đặt làm lăm việc người ta không cần, hoặc không cần họ làm, mà họ cũng mừng, là đã làm phước, mà cũng có kẻ lấy làm ân. Thí dụ tiền nuôi... quan, tiền nuôi lính, v.v.

Con bé ấy có bánh ăn, nhưng cũng không ăn, mà vẫn khóc. Không biết rồi có ai lãnh nó về nhà chưa, hay là đến ngày nầy nó cũng còn phải cùng bà nó cùng khóc trong ngực, cho đến chừng đá mềm vách rữa mới thôi.

Chụp hình xong, lính đưa trở vào ngục. Khi ra đường không thấy cha mẹ tôi đâu, vừa tới cửa ngục, anh ngục tốt khi mai cũng vẫn gọi tên tôi mãi. Tôi không buồn trả lời.

Hôm ấy, khi ra, khi vào, bị đứng ngoài nắng cả giờ cho ngục tốt xét. Đứng lâu quá, phần thì mũi thuốc phòng dịch hôm trước đương hành, cho nên mấy hôm sau bị cảm, nhức đầu, sổ mũi cả tuần. Người ta chặn trâu cuốc đất, đang nắng ở giữa trời ngày nấy tháng nọ, tóc cháy vàng khè mà không sao. Thế mà mình mới bỏ mũ một chút, đã thấy trong mình có khác thường rồi. Công tử quá!

Cách ba bốn hôm sau, tôi không nhớ đích là hôm nào, xế qua, đương ngồi ở *chỉ tồn*, bỗng có *bồi rôn* cho hay ông Nguyễn An Ninh vào.

Châu ôi!

Từ nghe Trần Văn Nền “tâu” cùng quan trung quận Chợ-lớn, tôi vẫn nướm nướp sợ cho ông Ninh. Tuy đã biết đồng giả một lòng vì nghĩa, “giữa đường dễ thấy bất bằng mà tha”, song vì binh vực tôi mà hại đến ông, thời trong lòng tôi cũng không lúc nào yên được. Trong *chỉ tồn* ai nấy cũng nghe tin ông Ninh vào, đều lấy làm kinh dị, ngơ ngáo nhìn nhau không biết là chuyện gì. Một lát nhìn ra sân, thấy anh *bồi rôn* mặc đồ trắng chạy trước; một người mặc đồ xanh, năm thấp, trọc đầu, lúp xúp chạy theo sau, giọt mưa điểm ướt mặt, mà miệng vẫn chúm chím cười.

Ông Ninh thật! Chết nỗi!

Bồi rôn từ chỗ kho quần áo, dắt ông chạy bằng xéo qua sân côm, rồi lên nhà cầu, trở xuống cửa ngục. Đi lục hình. Chờ mãi đến chiều tối, lên lầu ngủ rồi, mới thấy *bồi rôn* đưa ông vào.

Cửa vừa đóng lại, thiên hạ vây chung quanh ông khám bên kia có mấy người chun song sắt qua chào.

Người năm xưa viết báo *La Cloche Fêlée*, làm cho một góc trời nam chấn động, bạn thanh niên đột khởi như sóng điện (*ondes électriques*) nổi trong lòng người, phồn gian nịnh ghê hồn như búa trời sa trước mặt, mà cả nước bước một bước dài trên con đường cải cách; người ấy là người “quyết sống”, đăng làm đều “phải” nó thắng đều “quấy”,² hôm nay vì binh vực một đứa ngu không đáng binh vực là tôi, mà phải chịu nhần nhục “chịu cho đều quấy nó đè ép”,² mới đáng thương, đáng thảm là dường nào!

Hỏi ra thời ông không để cho bị bắt, mà chánh là ông thân đến nạp mình, sau khi thấy tờ tập nã của chánh phủ nói rằng ông đã đào thoát đi rồi. Ông thuật lại lúc đi nạp mình, ông mặc đồ dài toàn sắc trắng tinh khiết, mà nói rằng: “Khi đem mình cho người ta làm lăm, tôi muốn cho tôi trong sạch”.³

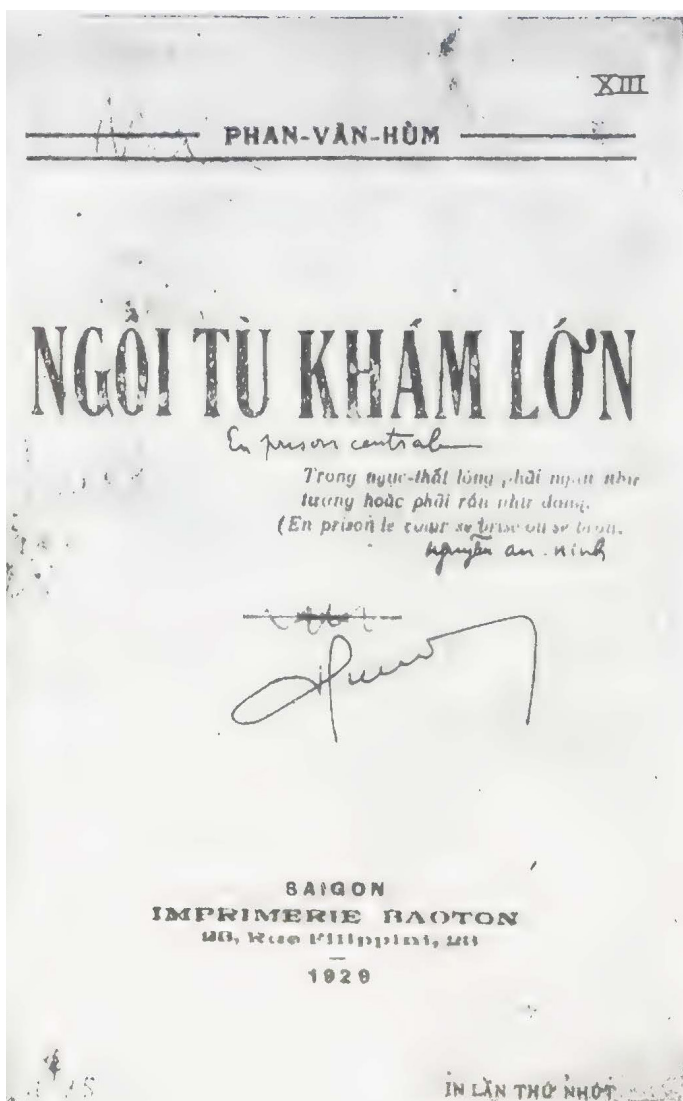
¹ Quan trung quận, ba tiếng nầy là danh từ của “nhà nước”, để xưng chức *délégué du centre*, không phải tôi đặt ra.

² Nguyễn An Ninh (hai bà Trưng, trang 40)

³ Lời nầy tôi chép không biết có sai không. Như sai thời sau sẽ thưa lại ông đình chánh.

*“Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con”...
Lời cao thượng bấy cò ơi!
Nhân gian ai biết cho người hỡi cò!*

.
.



Tình cảm

Có ai muốn ở tù không? Tưởng không ai điên dại gì mà muốn là vậy? Trừ ra một ít người nước mình, cầu hư danh mà làm tù “chánh trị”. Cái tù đó là của báu. Trong thế gian vì lược thủ tự do mà chết biết bao người. Nhưng đã bắt đắ dĩ mà phải chịu tù nếu buồn bã là lương tâm không trong sạch, hoặc là còn tham mẩn những chuyện tục phạm, tức là tâm ngục còn chắc vậy. Ở tù như những danh nhân vĩ nhân Dostoieski, Kropotkine mà các cụ còn coi chưa thấm vào đâu thay. Một cái tù lút chút nầy, có gì đâu. Không rún chí như thần Prométhée, làm người phải mạnh được vậy. Trong quyển “Bí mật xã hội ở nước Nam” (*Les sociétés secrètes en terre d’Annam*) là một luận thuyết văn thi tiến sĩ (Thèse au Doctorat ès-lettres), có ông Bảy Do ở núi Cấm (Châu Đốc). Ông Bảy Do là một nhà đạo sĩ. Nghe đầu học đạo đã tinh huyền. Xưa kia, hồi Âu chiến còn rền trời, ngoài kia vua Duy Tân thất cơ, trong nầy việc Phan-Xích-Long tiết lậu, ông Bảy Do cũng vào sổ hồ nghi. Lúc bắt ông, người ta dọa nhát, ông nói một cách rẻ rề: “Tôi người tu hành, ở đâu cũng tu được vậy thôi”. Tinh thần của ông Bảy Do mạnh mẽ là dường nào! Ông Gandhi, khi chánh phủ Anh thả ra tù, cũng nói mừng tượng ông Bảy Do: “Ở nữa cũng được, không có gì cần phải ra”. Nhưng mà ông Gandhi (nói theo tục tình) có cái danh Mahatma, có ngại gì. Chí như ông Bảy Do, danh đã không, tòa bình (*Conseil de*

guerre) lại gắt, mà ông giữ được sự yên tĩnh trong tâm, mới là càng đáng phục.

Ngu hèn là tôi đây có sá gì mà thương cái thầy đi, đồng thịt chạy nầy. Nghĩ thế cho nên ở tù cũng vững. Và từ biết ông Ninh, được học một cái *thuật*. Càng học càng thấy yên tĩnh trong tâm linh.

Cái thuật ấy, là thuật “Đi dây”.

Người coi hát xiệc thấy người đi dây, hể thấy lên dây rồi, thời lau chau lóc chóc mà không bao giờ té. Người đi dây ấy, cử chỉ lắc qua, thời lắc lại mà tìm quân bình (*équilibre*). Vì tìm quân bình giỏi cho nên người đi dây cứ té luôn mà không rớt hẳn (*chute incessamment retenue*). Người đã ra ở đời khác gì người đi dây, đã leo lên dây vậy. Bao nhiêu cảnh ngộ, ngoài ý liệu của mình, nó thành linh đồn dập đến, làm cho mình mất mục quân bình hoài hoài. Mình không gượng được, không biết lấy lại quân bình, tự nhiên té nhào rớt.

Tôi, trước kia có nhiều tâm sự đau đớn, không biết mở miệng than cùng những ai. Từ khi biết “đi dây” được hả hơi thở. Xét lại trong nước mình, phần nhiều không dám lên dây, chưa biết thuật đi dây. Nhứt là không dám lên dây mà lìa bỏ cái gia đình, nói chi đến lìa bỏ cái “mình” mình nữa. Ông Nguyễn An Ninh có câu:

“Chính mình đây, là một mối cản trở rất lớn trong việc làm của “mình”. Vì không bỏ được cảnh giàu sang sung sướng; vì không nỡ xa cha mẹ bỏ vợ con;

vì sợ rủi ro, sợ đau khổ, lo sợ cho ngày sau, vì sợ người ta không hiểu, rủi thất bại bị cười, bị chửi, vì tham sống, vì bao nhiêu điều dự dự sợ hãi đại đột nữa, không biết rõ ra là vì sao, là “tại nơi đâu mà ra”, cũng không giải rõ được, vì sợ người ngồi trên vực sâu như Pascal nói: ngồi trên tấm ván rộng dư, biết chắc rằng “không thể nào té được”, mà vì biết rằng dưới tấm ván ấy có vực sâu thì “run sợ, tái mặt, đổ mồ hôi”.

(Rút ở bài Đức-tin báo Thần-chung 13-2-29)

Sự run sợ ấy bởi cái “tự kỷ ám thị” (autosuggesttion) của mình mà ra. Tấm ván kia, nếu đặt trên mặt đất, thời chẳng những người ấy dám ngồi, mà lại còn dám nhảy múa lên trên đó là khác. Khi nào ta do dự không dám làm việc gì, là tại tự kỷ ám thị nó làm cho ta tưởng tượng đến một cái kết cuộc ghê gớm mà thường khi thật tế cái kết cuộc ấy lại khác hẳn với điều ta tưởng tượng.

Sau khi tôi vô khám lớn, tôi bị sức tự kỷ ám thị làm cho tôi thấy thấy thuốc cho thuốc làm sao không biết, hư mắt cai Nền, rồi phải mổ con mắt đó. Trong lúc mổ phải chụp thuốc mê, mà cai Nền chịu không nổi nên phải chết. Rồi thấy thuốc làm giấy nói cai Nền tại bị đánh mà chết. Rồi ông Ninh bị kêu án chung thân khổ sai. Rồi dân An-nam, v.v. Ấy cái tự kỷ ám thị nó làm cho ta thấy đều quái gở ấy mà sợ...

Cái “mình” mình đó, mình cứ quý lấy mình, chỉ sau khi nhắm mắt mà mình mới thoát cái “mình”

mình được. Vì vậy mà không làm được thánh nhân, vì vậy mà không làm được đại sự.

Mình đã khó thoát cái “mình” mình lại còn coi cái “mình” mình là vật của cha mẹ tạo hóa. Bỏ cái “mình” mình đi, mình sợ cha mẹ phiền não, nghĩa là mất quân bình của cha mẹ. Ôi! mình mà chết trước cha mẹ mà sự chết ấy cha mẹ khôn biểu chậm lại được – cha mẹ hẳn buồn rầu, mà rồi một ít lâu cũng nguôi ngoai, nghĩa là lấy quân bình lại được. Nghĩa là cha mẹ mình, rồi cũng phải “đi dây” mà ở đời. Vậy mình đâu có biết việc làm phải của mình, phiền lòng cha mẹ, mình cứ đi dây, rồi cha mẹ tất nhiên cũng phải đi dây như mình.

Tôi ở trong tù “đi dây” mà vững, thấy người ta không biết “đi dây” mà thương hại biết là đường nào. Có một anh thợ hớt tóc, khi mới vô tù khóc nức nở như đứa con nít còn bú, mà cha mẹ qua đời. Thấy người yếu ớt tôi theo khuyên giải, anh ta càng tủi, càng ngất lên. Lại có thầy Mười Ngh. làm việc hăng gạo mà tôi gặp ở “bót” Catinat buổi đầu, cũng là người yếu ớt, khi còn ở ngoài, thấy người ta dẫn tù đi, thấy sợ không dám ngó. Không ngờ đâu thầy lại có thể làm tù ngày nay. Mới vô tù thầy rầu rĩ quá, ăn uống không được nên thành đau. Ngày chí tối chỉ ủ rũ như con chim con mới bị nhốt lồng. Một hôm người nhà đi thăm, cho biết vợ con đã phải trả phở mà về nhà quê. Từ hôm đó thầy nhẹ trong lòng, bắt đầu ăn cơm được, rồi bình lần lần hết.

Đó là những người hiền lành chưa từng biết của ngục, vào tù thấy quang cảnh hãi hùng mà sầu khổ. Nói cho phải ra, côi tù quyết không phải là côi vui. Ngoài sự chịu đựng với điều tàn ác, còn nghe những nỗi gia đình đau đớn.

Một anh kia, án sáu tháng tù, khóc suốt như mưa sa. Tôi lấy làm ghét. Mà rồi biết lại, anh ấy khóc cũng phải. Anh khóc hai đứa cháu của anh còn nhỏ dại, mồ côi cha mẹ, mồ côi cả ông bà hai bên. Nhà anh phải chạy gạo từ bữa, hai đứa cháu ở với thím dâu biết lành rách đói no? Khóc hai đứa cháu thời có lý. Trong xã hội còn biết bao nhiêu người khóc cháu, mà khóc như anh kia. Pháp luật phục thù cho ai mà phạt anh, rồi mà hai đứa cháu anh cũng phải thiệt thòi với pháp luật.

Thấy anh khóc cháu, mình cũng mũi lòng. Chuyện mũi lòng trong tù không hiếm, mà chuyện ngao ngán lại càng nghe nhiều.

Tôi trước kia nghe tiếng “tán gia bại sản” không lý hội được rõ ràng. Sản thời hiểu, mà gia thời không hiểu ra sao. Một hôm ngồi ở *chỉ tồn*, thấy bên “kêu oan nặng” xã Th. than với một người xóm giềng bị bắt về việc hội kín, giam bên *chỉ tồn*. “Tôi bận nầy tán gia bại sản”. Rồi lại nghe anh em thuật chuyện nhà xã Th. từ khi y bị bắt cho đến khi bị tòa xử, tiền ra như nước. Đến khi tòa kết án mười lăm năm tù, thời ruộng đất nhà cửa, cầm cố sang bán, tiêu điều. Đã thế mà vợ thời lấy trai; lấy một người *ăn-ca-tơ*

ai cũng biết mặt. Chẳng những lấy trai mà thôi, mà lại còn bỏ thuốc độc trong đồ ăn để gởi vào mà giết chồng nữa. May sao đứa con gái biết được, chặn gàu mên lại, mà xã Th. khỏi chết trong tù. Từ đó đứa con gái tự tay nấu ăn, gởi đứa tin cậy xách gàu mên lại khám. Xã Th. còn kêu oan, là còn trông cho trắng án, hoặc giảm tội. Tiền bạc sạch sành sanh phải nhờ nơi thân con, con mà con gái. Nghe đâu cô ấy mới mười tám tuổi, đẹp đẽ mặn mòi, gả cho một ông Tây quan võ, vì ông quan nầy nói rằng ông ta có người anh làm thầy kiện giỏi, còn bên Tây, nếu gả con gái cho ông ta, ông ta sẽ nhờ anh cãi cho trắng án. Chuyện như thế cũng là còn trong mộng tưởng. Cô kia hoặc có lẽ kẻ Tây người Việt mà duyên cũng được đầm thắm mặn nồng. Nhưng thế cũng là xử cảnh hiếu mà xuất giá. Chủ “tán gia” tôi mới hiểu ở miệng xã Th.

Thầy dây thép Ng, tiêu tiền “kết”, còn bị giam chưa xử. Vợ ở nhà đưa đơn kiện để chồng. Thầy chưa bị kết án về vụ tiền “kết”, nên tòa không chịu xử vụ kiện của vợ thầy. Vợ thầy vẫn đợi chồng bị “nhục hình” (peine infamante) đặt chánh thức lấy chồng khác.

Một anh kia vợ đến thăm được vài lần. Bánh chuối no đủ. Cách một tuần không thấy vợ thăm, qua tuần sau được một cái thư từ Vĩnh-long gởi lại. Trong thư có câu “Tôi mắc theo chồng mần ăn, không nuôi mình được nữa”. Đúng chữ chưa. Ngao ngán quá.

Ở trong tù, mỗi ngày hai buổi, cứ lo sợ, không biết lúc nào cái tay áo “bành tô” vàng kia nó sẽ “táng”

mạnh vào “bản hợng” của mình mà “sếu hàm hạ”; hai buổi thấy chuyện đau thương khổ nhục mà tím cả ruột mà bầm cả gan, hai buổi vừa lo sợ vừa căm tức, như ở giữa con trốt khuất nhục phần khái mà quay cuồng. Thế mà còn nghe những chuyện bỉ ổi ớn nhồm, tâm trí nào cũng hôn ám. Cho nên ngày này qua ngày kia trông thăm án đòi hỏi mà cũng không thấy đòi hỏi, trông tòa phát giấy xử cũng không thấy giấy má gì đâu. Cứ dòm chừng bóng lẩn đến chỗ nào thời trông cơm trưa, bóng lẩn đến chỗ nào thời trông cơm chiều. Bóng qua rồi lại, ngày hết ngày, ngày dồn lại tháng. Một tháng, hai tháng, cây trạng nguyên trên sân ngục mới còn xanh lá lúc nào, mà chợt ra, đọt đã đỏ tươi phấp phới dưới gió nồng nàn tháng chạp. Những dây nho bông leo lầu chuông cũng đã mấy độ hoa tàn hoa nở, bướm ong đi lại bao lần. Hoa này trạng ấy, đem trồng vào giữa sâu thành mà nó vẫn chi chi trơ trơ hờ hờ hăng hăng, mặc ai thưởng giám, mặc ai không. *Cây sân chẳng biết thành sâu, nhỡn nhờ dưới gió mạo mầu tốt tươi.*

Bên ngoài thôi không biết người ta đi chuyện gì mà xe hơi sớm hôm trí trực, trong lúc mình vô sự ngồi yên giữa bốn tường. Thỉnh thoảng cũng nghe rao “ba tẻ”, “bánh sữa”, hoặc nem nướng, chè bột khoai, v.v. Anh em mình không ai mua, không biết ai đó có mua không mà ai vẫn bán. Anh em sợ ế, cũng mời nhau ăn, mà ai cũng mới ăn cơm gạo lứt rồi, thời cũng không ăn hàng chi vô ích. Lại có lúc nghe các

cậu bé con rao nhứt trìn”..., ngày mai thấy... ngày nay thấy. Tiếng chạy dọc theo thường như có chuyện gì hay ho mới lạ lắm. Bên dầy phố đường Espagne thời đêm đêm tiếng hát inh ỏi. Ai đấy cũng là người ham vui. Nhưng cái thị hiếu không... không được thuần túy văn nhĩ lắm. Nghe mấy đĩa hát mà có lúc phát phẩn. Marseillaise tiếp Madelon, cải lương xen hát bộ, bài bản tạp nhạp không ra một cái lễ lối nào? Thế mà cho quay luôn hát luôn, chín mười giờ đêm chưa nín, thời chắc là máy hát ấy mới mua chơi chưa đã thềm.

Khuya lại một chút nữa nghe bưng tai: hằng hà sa số tiếng guốc kéo lốp cấp trên gạch lót hè đường của những người đi coi hát ra về. Qua loạt guốc đó, ngoài tù thành im lặng, thỉnh thoảng nghe một vài tiếng kèn ô tô đi khuya kêu hơi buồn ngủ. Trong ngực cũng im lặng. Trống lầu canh chốc chốc điểm “thùng thùng thùng; “*săng đá* “ đứng canh reo lên dạn với nhau thúc “Gác”. Họ gác mặc họ, mình chông cẳng ngủ lo gì. Nhưng khi có nực, một hai người còn phải ngồi. Nực không thua gì ở Hà-nội lúc mùa hè. Cả khám trần truồng mà mồ hôi như tắm. Tay cho vào trong mình đất se có lộn, vò lại thành đạn, mỗi đêm ít nữa cũng được một viên đạn bằng ngón tay. Mà nếu không nực thời cũng phải cực với mấy con rệp. rệp muôn, rệp ngàn, bò lẩn như kiến. Có người thúc sáng đêm mà săn rệp. Sáng được một gói ba, bốn trăm con. Ấy là săn chung quanh mình không phải

đi đâu xa nữa. Không vì rệp cũng vì rận. Giết lớp này còn lớp khác. Giết trong quần áo mình, bên quần áo người khác lây qua. Trong những đường may, nhiều con đen thui, mập khù, thật lớn, gần bằng con rệp, nghe động chui đầu vào đưa đít ra. Nắm đít rút, giết, đầu một cái rắc, máu vọt bầm đen. Bây giờ ra tù rồi, phỏng có thấy mấy con rận chắc gớm mà không mó tay đến được. Cái ngục thật là một cái chỗ khả yếm khả ố.

Nhưng mà rồi cũng phải tìm thể mà vui mà sống, mà đợi ngày ra tù, ai biết đánh cờ thời đánh cờ. Bàn cờ vẽ dưới rầm, con cờ bằng giấy chữ viết chì. Ở trong tù trò chơi không được nhiều, lẫn quần rồi cũng trở lại với cờ. mà cờ tướng thường chơi mấy cũng không thấy ai chán. Còn như cờ chó, cờ quay, cờ gánh, cờ hột, v.v. không thiếu thú nào... mà không ai chơi với mấy thú ấy được lâu. Có người vẽ cả bài tứ sắc mà xỏ cu-di. Có người rút những cộng lác chiếu xanh đỏ mà “thêu” hình vào trong chiếu. Có người lẹ trí giỏi nghiệm thời chơi câu đố, câu đối. Có người lấy diêm quẹt sắp hình khó sắp, khó phá. Cũng có khi một khám dẹp lại ngồi yên, cho những tay biết nghề diễn võ, cho những tay biết nhào, nhào trái lộn mèo. Cũng có khi hát bộ hát bè, cải lương cải liếc, những cuộc chơi vui ấy đều bày ra trên lầu lúc chiếu hôm, vì chừng ấy cửa sắt khóa lại bít bùng, ngục tốt dòm lỗ cửa không thấy rõ, mà rui có thấy cũng không có chìa khóa mở cửa vào, bắt quá ở ngoài chửi là hết.

Trong các cuộc chơi có thứ xâm mình là lạ hơn hết. Chơi thứ gì, chơi rồi mất dấu tích, mà cái thứ xâm thời ở lại đời. Người ta lấy một cái kim may nướng chín, bó vào một cái cây nhỏ dài như chiếc đũa ăn. Kim ấy chấm mực tàu thật đậm. Một ngón tay làm nể cho đầu cây có mũi kim, một tay nắm cây mà phóng nhẹ nhẹ lia lịa. Mũi kim xâm vào da không bao sâu mà làn xâm rồi, nổi hạch liền. Chịu xâm con rồng phải nóng lạnh cả tuần lễ. Những hình “cổ điển” (classique) tứ linh, long hổ hội, tùng lộc, gấu ó bây giờ ít ai xâm. Người ta chỉ xâm hình làm nhảm như con đằm ở truồng, chùm bông, cái xe hơi, con chó, v.v. Mà anh chị du côn đời bây giờ cũng ít ưa xâm nữa, vì cái “thời thượng” đã thấy đổi khác xưa rồi. Họ có xâm thời cũng không xâm ở ngực, chỉ xâm bầy dưới bắp vế hoặc ngoài sau lưng.

Các cuộc vui trong tù tuy vui, nhưng cũng chẳng qua “vui là vui gượng kẻo mà”. Trong cái có một chỗ làm khuây lãng, không phải làm khổ được tinh thần. Đương vui thời quên, hết vui thời cái cảnh nặng nề nó trở lại, vật đề thêm khổ khóc. Có người vừa dứt chơi, thời... đã dượt ừ ê. Núp trong cái vui gượng kia có một nỗi chua lè (amertume) vô hạn; như tiếng cười của ả giang hồ đang tiếp khách mà trong bụng thương thân. Nhưng muốn tìm món chơi bằng trí thức cũng không biết tìm đâu. Loanh quanh lẩn quẩn chỉ có ba miếng nhặt trình một. Vậy mà thời sự ở ngoài cũng lên biết được ít nhiều. Mỗi bữa thứ

ba đi thăm người nhà nhiều người gói đồ bằng giấy nhựt trình, chữ An-nam lẽ có, chữ Tây có, chữ quốc ngữ có. Đều là bởi rời vụn vặt. Có tờ cũ mấy năm trời, có tờ mới xuất bản trong ngày đó, có tờ nguyên, có tờ còn nửa đoạn. Nhưng có chữ nào anh em cũng tần mần đọc hết. Có người ở ngoài ghét một tờ báo không đọc, mà vô tù cũng không kén thứ nào, đọc cho tới lời rao ở chương thứ 10, hàng cuối cùng có tên quản lý, có tên nhà in, cũng thấy rõ cả. Trong khám giam cũng có lộn Hoa-kiểu sáu bảy chú. Mấy người nầy có nhựt trình Tàu. Họ đọc gặp chuyện gì hay cũng đem lại khoe với tôi. Lại cũng có khi họ nói chuyện Tam dân chủ nghĩa, hết sức xưng tụng Tôn-dật-Tiên. Không biết cái “dân sanh” kia mà rồi có làm cho người Tàu được hạnh phúc không vậy?

Làm khỏe mạnh được tinh thần, tôi nhờ nhiều ở một quyển sách rất bổ dưỡng. Ngồi không mà không có sách đọc, tiếc thời giờ biết là dường nào. Mà ở tù “áo xanh” đem sách vào không biết người ta có chịu cho không. Nhân thấy ông cố đạo mỗi tuần đem vào một mớ kinh sách để ai xin thời cho, tôi bèn nhớ lại ở nhà có một quyển sách có thể đi qua được cửa ngục. Vậy dặn người nhà ngày đi thăm đem cho quyển “Truyện Chúa Gi-Giu” (Histoire du Christ par Giovanni Papini). Vậy mà khi đem cuốn sách vào tôi phải trao qua cho ông Nguyễn An Ninh, vì biết thể nào giám ngục cũng nể vì ông một chút. Các người ngục tốt An-nam đứng xét đồ, lật banh

cuốn sách ra, rồi... đem hỏi ngục tốt Tây có cho đem vô cũng không. Đến khi đem vô được, ngày nào các anh ngục tốt Tây hoặc Ấn-độ gác *chỉ tôn* cũng lấy xét, sổ sách cách mạng gì đâu. Sau, lâu lắm các anh quen mặt Chúa Gi-Giu in ngoài bìa sách, cuốn sách mới được yên.

Cuốn sách nầy thoát dị đoan, giải thích những câu sấm truyền một cách ảo diệu; văn chương mạnh mẽ, câu câu, chữ chữ, gằn gằn, nhồi nhồi, như nện mạnh vào óc người xem.

Đọc đi đọc lại lấy làm hay, lấy làm khỏe vô cùng. Đoạn nào không hiểu đã có ông Ninh giải nghĩa. Ông Ninh cũng chịu cuốn sách ấy, vì dùng nó mà bói sự chuyện dữ lành. Bởi như “bói Kiều”, nhắm mắt dờ chỉ trúng câu nào, lấy câu ấy mà bàn như bàn xâm. Nhớ một hôm cũng bài bói chơi. Ông Ninh dờ trúng chỗ Chúa Gi-Giu vác Thánh giá đi chịu đóng đinh. Cái sự tình cờ sao cũng lạ.

Sự bói đó là một sự chơi giải buồn, tôi nghĩ nhớ ông Ninh mà nói lại, xin người đừng tưởng ông Ninh tự tỉ với Chúa Gi-Giu. Ông Ninh không phải người xốc nổi như thế đâu. Người đọc lại *La Cloche Fêlée*, thời ấy ông Ninh không phải người khinh phù, mà là người trầm trọng mạnh mẽ, cần chi tôi phải biểu dương.

Ông ở tù là tại tôi, và tại sự kết quả tất nhiên của chế độ kia vậy. Hoặc giả nói rằng “Rủi” tôi cũng xin thừa rằng sự ấy là sự tất nhiên (fatal) bởi sự kết quả tất nhiên của chế độ kia vậy. Đã mang lấy nghiệp vào

thân, ông biết duyên mình, biết phận mình cho nên vẫn an tâm vậy.

“Mây bữa nay đẹp khác thường. Tôi ở nhà ít khi thấy mây đẹp” là câu ông nói với tôi. Một bữa ông ngồi trong ngực dòm ra song sắt mà xem... mây. Ông lấy “quân bình” trong mấy thức mây đó. Bao nhiêu cái tự do ông mất cả, ông còn cái tự do xem một lốm trời. Bốn phía tường đầy, ông không như kẻ thường nhân đầu óc cứ lung quanh và lụp cụp trong bốn tường ấy mà kiếm đường thoát. Kẻ thường nhân trong óc chỉ còn có một cái bình diện kỷ hà học (géométrie plane) ông thời ông có cái lập thể kỷ hà học (géométrie dans l'espace) của ông, ông thoát bằng cái chiều cao trong bình diện kỷ hà học không có. Túng sử nhốt ông một cách kín hơn nữa, chắc ông cũng coi làm thường. “Thở đủ làm hạnh phúc cho tôi rồi” (*Respirer est déjà pour moi un bonheur*) là một câu trong thơ viết lúc ra tù năm trước, của ông gởi cho nhà văn sĩ Léon Werth là người tri kỷ của ông. Một sự thở biết mình còn sống mà đã lấy làm hạnh phúc – thời còn cái gì ở đời nầy làm cho rún chí ngã lòng ông. Tâm ngực như thế đã là phá tan rồi vậy. Người ta cần phải có danh có lợi, có tình, muôn ngàn thứ có, mới đủ làm hạnh phúc. Ông thời chịu cái sống trong nguy hiểm (*vivre dangereusement sa vie*) của Nietzsche tiên sanh. Cho nên ông chỉ thở là đủ. Còn thở còn sống, còn có ngày tư tưởng nên sự thật, việc đó được cáo thành. [...]

Tuyên ngôn

Giả dục kỳ nghiêm trọng cấp đên.
Nước Việt Nam phải qua giai đoạn lịch sử mới. Nước này còn một tầng trong tác này. Số mạng của dân tộc Việt-Nam đã đến giờ định đoạt. Sự định đoạt, một phần lớn ở nơi sự tương đương ý chí của dân tộc và sự tương quy về tranh đấu của người Việt-Nam.

Hỡi người Việt-Nam! Hỡi đồng bào! Chắc chắn rằng chúng ta đều muốn sống : sống dưới tự do, tự chủ, sống với cuộc sống chung với tất cả đến tận cùng; sống một cách bình đẳng, sống một cách mạnh mẽ để bắt tay với các nước ngoài mà tiến tới thời kỳ hòa bình vĩnh viễn và mưu hạnh phúc chung cho nhân loại.

Muốn được sống đời sống sống như thế, chúng ta phải tuyên dương một cách sống mạnh mẽ chỉ dân tộc tự quyết : lấy tên chúng ta một linh hồn là một vật chất. Chúng ta sẽ tự chỉ tay bằng sự tranh đấu quả quyết, tranh đấu từ phương diện, tranh đấu với tất cả mọi kẻ thù để giành lấy độc lập tự chủ.

Một dân chúng ta gần đây tự hiệp lực giữa các dân tộc và phải đối có bài xích ngoại bang, chúng ta nên tương quyết đồng để quốc chủ nghĩa sống, và nhất là tiến không cho ai động đến chủ quyền của người Việt-Nam ở đất nước Việt-Nam.

Vậy thì hãy hiện của một tự quốc gia thống nhất là :

- Cộng sản quốc Pháp ;
- Cộng sản quốc Anh ;
- Báo về tự do ;
- Bắt tay với đồng.

Bởi đồng bào! Hỡi anh em cách mạng của các nước !

Hãy bắt tay nhau dưới sự chỉ huy của VIỆT-TRƯỜNG THỔNG NHẤT để tranh đấu cho nền độc lập của nước Việt-Nam và làm cho quốc gia nhận chủ quyền chúng ta.

Việt-Nam Quốc-gia độc lập đẳng

- Thanh Niên Tiền Phong
- Nhóm Trí-Thức
- Liên Đoàn Công Chư
- Tịnh Độ Cư Sĩ
- Phật Giáo Hòa-Hảo
- Cao Đài Giáo.

Tuyên ngôn Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất (Trong 7 đoàn thể ghi trên, không có nhóm Tranh Đấu).

Ra

Người ở tù mà có sách, có báo đọc, tưởng ở lâu càng hay. Cho tôi ăn, cho tôi sách tốt, nhất tôi bao lâu tôi cũng không phiền. Nằm nghỉ giả hạn (vacances) mà đọc sách, việc đời mặc quách ai lo, còn gì sướng bằng nữa.

Nhưng người nhà thời nóng lòng. Một hai cũng muốn đem ra. Bởi người nhà thúc giục, bởi tôi cũng có một cái thơ dẫn hối tòa xử hoặc cho tại ngoại hầu tra, nên ông thầy kiện Gallois Montbrun xin cho tôi “tự do tạm”. Ngày 10 Décembre 1928, bồi thẩm đòi các chứng và ông Ninh cùng tôi, lên hỏi lại chuyện Bến Lức để nghiệm coi nên cho tôi ra hay là còn phải lưu lại lâu dài.

Một anh săn đầm, nhỏ tuổi, cao, ốm, vào ngục lãnh tôi đem qua tòa.

Thằng nào làm nhứt trình đâu?

Anh săn đầm hỏi mãi câu ấy, chúng tôi không buồn trả lời.

Ra cửa ngục, qua cửa tòa, thấy người nhà chúng tôi hay mà đến đón đông dầy đầy tại đó. Ai nấy coi bộ mừng vì được thấy mặt hai thằng tù áo xanh cũng chung một cặp râu tóc um sùm như nhau. Đứa con tôi khi tôi bị bắt mới chập chững đi mà bây giờ đã mang giày chạy mù giòi lăm. Anh săn đầm dắt chúng tôi để ngồi ngoài dãy hành lang, ngang cửa phòng bồi thẩm. Chỗ ấy cấm người ra vào, nếu không có việc. Thằng con tôi kể gì pháp luật, thấy tôi ngoắc

thời chạy a vào nhưng bị anh săn đâm cản mà đứng lại khóc.

- Con ai? Săn đâm hỏi.

- Con của người nầy. Ông Ninh nói và chỉ tôi.

- Chà nói tiếng tây nữa à? (Tiens? Il parle français aussi?) để rồi coi, người ta đem vô Đồng tập trận cho mà biết (Il va voir, on l'emmenera au champ de tir).

Cứ lấy cái giọng nói trống ấy mà “xài” ông Ninh. Ông Ninh không thèm nghe anh ta. Ôi! có ai giành trâu cướp ruộng gì đâu?

Bồi thẩm đòi hỏi chúng, rồi đòi chúng tôi vào đối nại. Phía bên chúng tôi có ba người chứng, còn ba người nữa tòa không đòi. Phía lính thời cai Nền, bếp Phụng một tên lính và ông hương thân, là những cáo phát chứng nhân (Témoins à charge).

Kết quả như vậy:

Chúng cho tôi (Témoins à décharge) nói xuôi thuận với nhau cả, và cũng y với lời khai của chúng tôi cả.

Chúng cáo phát, thời lời mâu thuẫn với nhau cả. Cai Nền khai rằng ông Ninh đương diễn thuyết, y lại hỏi giấy bị ông Ninh đánh. Bếp Phụng khai rằng ông Ninh và tôi núp dưới đường mương. Tên lính ta trốn, là người hỏi giấy tôi, thời khai rằng có một mình tôi ngồi ở lể đường; nhưng anh nầy còn chút gian, là nói vì rằng cai Nền, có mặc áo lon.

Tôi không nói phải quấy như thế nào, vì chỗ nầy không phải chỗ cho “tôi tự minh vô tội” (me justifier).

Mà đến tòa tôi cũng không cần phải binh vực lấy tôi. Tôi chỉ muốn đem cái sự thật mà phanh bày ra cho mọi người biết hư thật. Tôi cũng không muốn trách cai Nền, là phần tử (molécule) của cái chế độ kia,

Bữa đó bồi thẩm hỏi coi bộ như hỏi chiếu lệ, không gắt như mọi lần. Song mà vì cái hỏi chiếu lệ đó, cho nên có một câu hỏi (Phrase interrogative) mà ông nói nghe như giọng quyết đoán (ton affirmatif).

Ông Ninh *không nhận* một điều gì của người ta khai cho ông đó. Quan Bồi thẩm nói: (Vous niez) với một cái giọng xuống, rõ ra giọng quyết đoán. Một tiếng nier nói giọng xuống và giọng lên, khác nhau xa lắm, trong khi này. Ông Ninh phản đối. Ông bồi thẩm nổi dóa. Lời qua tiếng lại, quan Bồi thẩm giận dữ lên, đập bàn đập ghế đứng dậy la to, ai ở xa ngoài cửa hông tòa cũng nghe rõ.

- Ta tổng anh vào khám hẹp bây giờ. Đồ ngạo mạn. (Je vais vous mettre en cellule. Espèce d'insolent).

- Không được chửi đa, quan bồi thẩm (Pas d'insulte, M. le Juge)

Bấy giờ bồi thẩm dịu xuống. Hỏi lại như thường. Từ khi bồi thẩm hỏi xong, tôi về khám ngồi chờ giấy thả, vì biết chuyện không có gì, thế nào cũng được tại ngoại hầu tra. Ông Ninh thời chuyện hội kín có dằng dai mà chuyện Bến Lức lại xảy ra cho ông làm người chánh quan hệ, trái với sự thật, cho nên thế nào ông cũng còn phải bị giam lâu. Và nín được ông thời ai buông cho uống. Bắt lươn đằng đuôi có dễ gì.

Trong lúc chờ ra, một hôm hay tin có một Tấn sĩ bị bắt. Tôi định ninh cho là ông Phan-Văn-Trường, vì chuyện báo *l'Annam* của ông còn lồi thối đó. Chẳng ngờ đương ngồi chơi, không thấy ai mới bị đưa vào, bỗng có người lại hỏi.

“Có một ông Đốc cộng mới vô, hỏi thăm anh đó”.

Tôi lại xem, thời là một người chưa từng quen biết, mặt mày sừng húp, răng gãy dấu còn mới rành rành. Ngồi bên ông Đốc công là một người ốm khác thường, mới ngó qua như quen. Chưa kịp nhìn thời ở cửa đã có giấy gọi: Phan Văn Gia, 6776. Bấy giờ mới biết là người bạn học ở Mỹ-tho tám chín năm về trước. Nhưng chưa kịp chào mà anh ấy cùng ông Đốc công đã phải lên cửa ngục tiếp thầy thuốc (Docteur).

Tối lại lên lầu ngủ ông Gia về, hỏi thăm, mừng ông học đã nên tài. Bấy giờ tôi sắp được ra, mà lại muốn ở lại cho lâu đặng nói chuyện.

Hỏi thăm ông, thời chừng như về đây chưa có quyết định, chưa có chủ đích gì. Hỏi thăm ông Nghè Trần Văn Liễu, thời chừng như ông ta sẽ làm giáo sư trường Đại học ở Hà-nội (École des Hautes Études). Hỏi tại sao mà ra Hà-nội: ở đó có thư viện to, tiện cho ông tìm tài liệu làm cuốn Code civil Annamite (An-nam dân luật).

- Mục đích gì thế?
- Thuần thuộc về thuần lý (purement spéculatif).
- Chơi vậy thôi.

Ồi, trường Đại học mỗi năm đào trú ra bao nhiêu

quan Phủ, quan Huyện, sau này còn quan Tòa tập tụng nữa. Ông Nghè này chẳng những làm quan mà thôi, mà còn làm ông quan “làm ra quan”. Hy vọng ở những người xuất dương du học, mà không thấy ai đi về có cái gì gọi là học được “tâm đắc” thời thất vọng biết chừng nào. Là cũng tại mình mộng tưởng. Phải biết hồi người ta đi, trong bụng có “dẫn” (lest) hay không là không. Không có “dẫn” thời bất cố định quân bình (l'équilibre instable) nó nhào mèo mất trong sự phù hoa phú quý. Ai có về trước thời cũng chẳng bằng ai không về. Nhưng mà quên, biết người ta có đúng một mặt trận với mình không (est-ce du même côté de la barricade)?

Trong lúc muốn nói chuyện với ông Phan Văn Giai thời lại được ra. Chiều ngày thứ sáu, 14 Décembre 1928, ăn cơm xong, lên lầu ngủ nằm trông ông Giai đi bồi thăm về, nói chuyện chơi, mà trông hoài cũng không thấy. Đương trông bỗng có tiếng chìa khóa sắt khua rổn rảng, cửa mở toang ra. Một anh *bồi rôn* cầm giấy chạy nhào vô hô lớn lên: số 6, Phan Văn Hùm lấy chiếu.

Cả một khám đứng dậy, chạy lại bu tôi như muốn giành xé với nhau. Kẻ nắm tay, người nắm cùi chỏ, kẻ ôm ngang hông, người vịn vai trên, tôi không còn cục cựa vào đâu được. Anh em nhảy tung bùng, reo ầm, cười dậy.

- Au revoir. Au revoir. Về mạnh giỏi. Về mạnh

giỏi. Nhớ tôi nghe? Nhớ tôi nghe. Gửi vô cho hộp pommade cadum xúc ghẻ nghe.

Tôi trả lời không kịp, bắt tay không hết. Ở ngoài anh ngục tốt Tây hồi om. Anh em họ cũng cứ quây quần xúm xít, như tiếc, như thương, như mừng, như tủi. Anh ngục tốt Tây thấy tình kẻ ở người ra, tha thiết biểu lộ một cách huyền não khác thường trong khám chưa từng thấy, nên cũng phải động lòng, không rầy rà, mà nói: “Thật lấy làm tội nghiệp thật”.

Không dứt mà không đi được, tôi phải vội xin anh em cho mặc quần vào, vì lúc bấy giờ mới “tắm ghẻ” xúc thuốc dán sanh (pommade souffrée) nên sợ dơ quần áo mà đóng khố, chớ không mặc. Anh em cuốn cho chiếc chiếu rách để đem đi trả kho. Từ chỗ nằm ra cửa song sắt bắt tay không biết mấy chục người. Ai cũng nắm chặt giắt mạnh, từ cửa song sắt ra cửa sắt ngoài. Anh em đưa đón không biết bao nhiêu tiếng. Ai... cũng muốn nói một lời chót với tôi. Tôi cũng muốn già tù riêng từng người một. Nhưng ngục tốt thúc giục, tôi chỉ trước sau lập lại có một câu:

- Anh em ở lại về sau! Anh em ở lại về sau!

Anh *bồi rôn* chạy trước nhảy xoi xoi xuống thang lầu, tôi nhảy theo sau, xuống kho, đổi quần áo lại. Ra cửa ngục lấy giấy tờ và đồ gởi khi mới vào. Bấy giờ đã chiều chập vạt rồi, nhờ mấy anh tù thơ ký làm giùm mới lãnh đồ được. Xếp khám cho giấy ra, dặn “rán đùng vào ngục nữa”.

Cửa sắt nặng đóng lại một cái đùng, còn tưởng

mình ở trong khám. Chợt nhìn ngoài lộ, này cha, này em, này con, này vợ, mỉm cười một cái nghe nhẹ như không.

Ngánh lại tường cao, cửa nặng, thương anh em, không biết từ đây mà đi, anh em ở lại trong khám tình cảnh như thế nào. Tôi ra cũng lấy làm ngơ ngẩn. Vào tù không phải là sự vui, ra tù không phải là sự sướng. Làm con người có tâm can huyết khí nữ nào lấy cái sự mình được ra, sung sướng, mà quên bao nhiêu người còn đương khổ trong tù. Thấy anh em họ mừng cho mình được ra mà càng đau đớn trong lòng. Nay ngồi giữa chốn gia đình đầm ấm, nghe tiếng lương tâm, chép lại chuyện ngồi tù, hoặc đối với anh em, muôn ngàn phần, cáo vô tội được một vài phần là may.

Ra khỏi cửa ngục mấy bước, gặp ông Tây Se Sê, ngục tốt không phải mặc đồ vàng có lon như thường thấy, mà lại mặc đồ ou-vert trắng, nón nỉ đen Borsalino, giày ascarpin thất bóng, đương cầm đọc một tờ nhật trình. Ông ta vui vẻ như thường, thấy tôi... được mặc trở lại bộ đồ nhà bàu nhàu, và có đội nón, thời hiểu rằng tôi được thả ra, nên nhướng mắt, hất mặt ra dấu hỏi.

- Chỉ được tại ngoại hầu tra mà thôi. Tôi nói.

- Đừng trở lại nữa nghe? Chuyện đánh lộn không ích gì, mà mấy tháng nay anh phải khổ thân quá lẽ.

Tôi há không biết rằng đánh lộn là chuyện không hay cho lắm. Chúa Gi-Giu đã có dạy: vạ và má...

- Ủ, phải.

- Nhưng mà, phải hiểu giùm cho tôi! Đó chẳng qua là một sự xung động thiên nhiên để chữa mình (Réflexe de défense). Một con chó nhảy lại cắn ông, ông có đứng yên không?

- Anh có lý.

Theo anh ngục tốt lại bót lính kín đường Catinat trình giấy. Vừa bước vô cửa ngõ bót, thời thấy ở bên trong lẩn thẩn đi ra hai người con gái, em em với nhau, độ 17, 18 tuổi, mặc áo dài vải trắng, một cái nón lá mang trên tay. Tôi ngó thoáng qua, như có một người quen. Toan mở miệng gọi thời lại giựt mình sợ lắm, và “ở đây tai vách mạch rừng” cũng không biết sao mà dám gọi. Lại có một điều lấy làm hết sức lạ, là người ở tận B.S. Bình Định (Trung kỳ) có đầu lại vào Sài Gòn ra ngõ lính kín, lại ra lúc mặt trời chen lặn như vậy. Hay là hai người làm thợ may, mà ở bót lẽ đâu có đồ may? Không lẽ hai cô trinh thám, diện mạo nghi dung ấy, xem ra dạng con nhà, không lẽ nào ngã nghiêng như vậy? Bước trờ qua khỏi, tôi còn ngó ngoái lại nhìn, thời hai cô con gái kia đã ra đến hè đường Catinat. Hai cô cũng nhìn tôi thoáng qua nhưng chắc là cũng thấy dị hình dạng mà nhìn. Áo cụt đen, quần đen đều bầu nhàu. Râu tóc um sùm hai lỗ tai khuất trong mái tóc, em ruột tôi không nhìn tôi kịp, hướng hồ là ai. Mà chính tôi, lúc ngồi cho thợ hớt tóc. nhìn trong gương, tôi cũng

không tưởng là tôi, mình với bóng cười với nhau mãi. Như thế thời còn ai nhìn ra tôi.

Nhưng tôi, thời tôi nhìn những người con gái kia vẫn là quen. Người nhỏ thó, mảnh khảnh, bộ đi điệu dàng tể chỉnh, bước bước nhẹ, tóc ít bới mới, vừa gọn da trắng; mặt tròn tròn, không buồn, hơi cúi cúi; hai con mắt lóng lánh hay liếc lên; không trang sức, ăn mặc giản dị.

Thời là ai? Sao lại gặp chỗ ít có thể gặp ai như vậy?

Về sau cứ mãi nghi nghi là người quen, nên hỏi lại, thời quả ra hai người con gái kia là hai chị em họ Ng. Kh... Cô Ng. Kh. tôi không nhìn kịp, cô Ng. Th. Ch. là người vừa tả trên kia.

Tôi được cái hận hạnh biết hai cô ở Huế năm trước, lúc Nữ học sinh trường Cao đẳng Tiểu học Đồng Khánh bãi khóa. Hai cô bấy giờ học năm thứ nhì (2è année) đều có tiếng là học trò giỏi. Th. Ch. tiểu thơ, nhân đọc lời yêu cầu Khâm sứ xử đoán việc Đốc học trường Quốc Học đối đãi với nam học sinh bãi khóa trường ấy, bị bắt giam ở Thừa Phủ hai ngày. Đó là tiểu thơ biết sự ở tù lần thứ nhứt.

Nay vào Sài Gòn, nhân việc ám sát đường Barbier xảy ra, hai chị em họ Ng. Kh. bị bắt hốt tù hết bốn, năm ngày. Trong cái thời gian ấy, nghe đâu như hai cô bị mật thám tát tai xủng vủng. Người thử tưởng tượng người con gái đáng trọng đáng kính dẫu lấy cảnh hoa mà đánh cũng không nên, mà phải vào nằm cái khám bó hẹp hòi ô uế tả trước kia và phải

bọn mật thám võ phu đánh đập, thời thấy cái nỗi khắt khe của sự đời. Đó là Th. Ch. tiểu thơ biết sự ở tù lần thứ hai.

Từ đây mà đi, không biết tiểu thư có khỏi tù nữa hay chăng vậy. Hay là cái điểm đã treo cho tiểu thơ biết cuộc đời của tiểu thơ rồi sẽ lắm nợ tù, cho đến khi nào nòi giống của tiểu thơ được tự do, mà nợ kia mới giữ sạch.

Xuân xanh chừng ấy tuổi, con nhà vọng tộc thế gia. Th. Ch. tiểu thơ đã hai lần vào tù ra khám, thời nghĩ cái thân phận làm con nhà Việt Nam cũng lấy làm tủi, làm buồn. Nhưng thời biết đâu cái cửa rạc rách kia là cái cửa để thoát vòng rạc ràng nợ. Chính thương cho cái tuổi xanh phải chừng hằng hái đua bơi trong trường ốc, mà rủi sanh ra trong đất nước nầy, hai chị em họ Ng. Kh., vì một chuyện phải mà bãi khóa, thời bị đưa ra khỏi nhà trường, không phương ăn học. Tâm trí của hai chị em dẫu có trui già mà học vấn của hai chị em phải tới chậm vậy. Thật cũng lấy làm phần khải thay.

Nhưng tiếc riêng cho hai chị em, mà mừng chung cho cả nòi giống. Đã đến nước có người thiếu niên trong khuê các ngồi tù, thời hẳn vận nước hết hồi bị cực rồi vậy. Cuộc thối lai dường đã rùng rợn như góc trời đông mới phóng tia hồng của HỨC NHỰT.

Phan Văn Hùm

Février 1929

PHỤ BẢN 6

ĐOÀN CÔNG BINH XE ĐIỆN GÒ VẤP

Chút ít Lịch sử: Phương tiện giao thông công cộng ở Thành phố Sài Gòn trong các thập niên 1930-1950, ngoài các tuyến xe ô tô bus còn có những xe điện chạy đường Gò Vấp, Gia Định, Sài Gòn, Chợ Lớn rất được dân chúng ưa thích sử dụng. Thật ra tuyến đường xe điện này còn được nối dài, đưa hành khách đến tận Lái Thiêu và Thủ Dầu Một. Giấy lên xe được bán ở những ga cố định và là những thẻ giấy cứng hình chữ nhật, được các trẻ em thích sưu tập để sử dụng như một loại “tiền giấy” trong các cuộc chơi thả lỗ (đánh đáo), đánh cờ...

Các xe điện này đều xuất phát từ cơ xưởng bảo trì Gò Vấp, được giới công nhân gọi là Đẻ Pô Xe Điện. Chủ nhân và các kỹ sư phần đông là người Pháp. Công nhân là những người thợ cùng nghề lâu năm nên rất đoàn kết. Cũng như các tổ chức thợ thuyền khác, tổ chức công nhân ở Đẻ Pô Gò Vấp đã bị thực dân Pháp đàn áp, xé nát sau những ngày “Nam Kỳ Khởi Nghĩa”

bị thất bại. Ngày 9 tháng Ba năm 1945, chánh quyền Pháp bị quân đội Nhật đảo chánh. Tình hình chính trị được tương đối cởi mở, anh em công nhân ở đây có được cơ hội chỉnh đốn lại hàng ngũ, học tập chánh trị nhưng sau vài tháng yên ổn, tình hình đột nhiên biến chuyển sau khi nước Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh. Quân đội Anh-Ấn đổ bộ xuống miền Nam để giải giới quân Nhật. Quân đội Pháp đã nhân cơ hội theo chân quân Anh-Ấn trở lại Sài Gòn. Cuộc Kháng chiến Nam Bộ đã mở đầu sau ngày 23 tháng Chín 1945 khi quân Pháp bắt đầu tái chiếm Sài Gòn. Chánh quyền non yếu Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ của Trần Văn Giàu phải lánh ra vùng Tân An.

Tổ chức quân sự vừa được thành lập của anh em công nhân xưởng xe điện Gò Vấp đã hăng hái cùng toàn dân Nam Bộ tham gia cuộc chống quân thực dân Pháp. Cuộc tranh đấu hào hùng của toán chiến sĩ công nhân này chưa bao giờ được các nhà viết sử hiện tại của chánh quyền Cộng hòa Xã hội Việt Nam nhắc đến, hoặc chỉ được đề cập trong một vài hàng với ý đồ xuyên tạc, vu cáo, thóa mạ.

Tài liệu này là một chứng liệu lịch sử để ghi công một cuộc tranh đấu cố ý bị bỏ quên. Bài sau đây là một tóm lược, căn cứ theo tài liệu “Đoàn Công binh Kháng Chiến” được viết vào tháng 10 năm 1946 tại Sài Gòn, của một chiến sĩ nhóm Đệ Tứ Việt Nam.

Hải Mã.

Đây là những trang ký sự về kháng chiến của một đoàn quân du kích: **Đoàn Công binh Điện xa Gò Vấp**. Thông thường những sử gia chẳng phải là những người làm ra lịch sử. Những dòng sau đây trái lại đã được viết do các chiến sĩ, tay đã cầm súng, chân đã giẫm bùn lầy, mình đã gần khói lửa tạc đạn, ở trong những hoàn cảnh khó khăn: trước mặt là quân của Đế quốc, sau lưng đã không được cứu viện lại còn bị vu cáo, bị sát hại, chỉ vì các chiến sĩ Công binh đã giữ một dạ trung thành với lá cờ đỏ thợt thuyền, với quyền lợi của giai cấp vô sản.

Trong thời kỳ gần một trăm năm sống dưới quyền Pháp thuộc, nhân dân Việt Nam đã không bao giờ ngừng vận động chống lại đế quốc thực dân xâm lược. Nếu lúc khởi đầu, các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp phần lớn đều mang tính cách cần vương nhưng sau thập niên 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái của nhóm Nguyễn Thái Học đã đánh dấu một giai đoạn mới: giai đoạn dẫn thân của các trí thức tân học, của quần chúng lao động, nông dân, thợ thuyền. Chánh quyền thực dân đã du nhập những phương tiện khuếch trương kỹ nghệ, thương mại, nông nghiệp, đồn điền... Cũng do đó đã phát sinh những đội ngũ lao động mới, càng ngày càng đông như công nhân các cơ xưởng, phu trong các đồn điền trồng cây kỹ nghệ. Tài phiệt thực dân đã có cơ hội bóc lột dễ dàng giai cấp mới này vì trong thời

kỳ ấu trĩ, họ chưa có cơ hội biết các phương cách tranh đấu cho quyền lợi lao động.

Chánh quyền thực dân còn cố tìm cách ngăn chặn các cuộc vận động có tính cách quần chúng.

Nông dân miền Trung đã được nhiều phong trào tổ chức quần chúng chú tâm giác ngộ như Phan Châu Trinh đã phát động phong trào giảm các thuế. Kể từ năm 1936, các tổ chức thợ thuyền đã nhập cuộc, đưa các cuộc tranh đấu vào một giai đoạn mạnh mẽ mới. Tin tức của các vận động đấu tranh của thợ thuyền Pháp đã làm rung chuyển giai cấp lao khổ Việt Nam. Phong trào Đông Dương Đại Hội do Nguyễn An Ninh và các nhà trí thức đồng chí hướng đã đưa công nhân ồ ạt nhảy vào sân khấu chánh trị. Thật ra trước đó, công nhân đã phát động nhiều cuộc đình công ở các xí nghiệp, các đồn điền. Cuộc đình công ở Hải quân Công xưởng Ba Son đã gây một tiếng vang lớn ở thủ đô Sài Gòn. Những hoạt động hăng say tổ chức các Ủy ban Hành động trong phong trào Đông Dương Đại Hội để bày tỏ nguyện vọng, đòi quyền sống thợ thuyền đã đột nhiên chứng tỏ công nhân Việt Nam đã có tinh thần cách mạng, năng lực tranh đấu ngang với các công nhân các nước tiền tiến. Mặc dầu trình độ còn thấp, họ đã biết thừa hưởng và áp dụng các lợi khí tranh đấu từ những cuộc biểu tình đến các cuộc đình công, từ việc binh vực quyền sống đến những vấn đề tự do dân chủ, cách mạng điền địa, giải phóng dân tộc... Các hướng dẫn của các nhà

trí thức cách mạng đã khiến họ nhận thức được sự liên quan mật thiết giữa các vấn đề tranh đấu của họ với mục đích tối hậu để đem đến sự giải phóng toàn diện tức là cuộc Cách mạng Xã hội.

Năm 1945, cuộc xung đột giữa các Đế quốc, sự bại trận của Pháp, cuộc đảo chánh của Nhật lật đổ chánh quyền thực dân Pháp ở Đông Dương đã đem lại một cơ hội thuận tiện cho thợ thuyền cùng tất cả quần chúng lao khổ vùng dậy. Tất cả các nỗi bất bình của dân chịu đựng từ xưa nay được dịp phát lộ như nước vỡ bờ. Ở Bắc thì từ các miền Thượng du đổ xuống, tràn vào các châu thành. Ở Nam thì từ Sài Gòn tràn ra, bao phủ khắp miền Hậu Giang, Lục Tỉnh. Phong trào dân chúng thật vô cùng mãnh liệt. Chẳng những bao nhiêu lợi khí tranh đấu của thợ thuyền Âu Mỹ được đột nhiên đem ra thi hành, bao nhiêu kinh nghiệm trong thời gian qua đã tái diễn lại dưới một thể đầy đủ. Quần chúng lao khổ và thợ thuyền đã tỏ ra những năng lực cách mạng phi thường, không ai trước kia có thể tưởng tượng được.

Từ lúc mặt trận thứ Hai của Đồng Minh đánh yếu phe Trục, khiến Đế quốc Nhật rối loạn, thợ thuyền đã công khai thành lập các Nghiệp đoàn và Ủy ban Công xưởng cùng khắp, những hình thức tổ chức mà trước kia dưới sự đè nén của chế độ thực dân, vẫn còn ở trong thời kỳ đòi hỏi. Thế rồi, khi đã có lực lượng đoàn kết của thợ thuyền, những cuộc đình công đã nổ ra liên tiếp, có nơi bạo động uy hiếp bọn

chủ tàn ác, đứng ra tự đảm đang cai quản, điều khiển những công việc khó khăn mà chỉ những nhà kỹ sư chuyên môn mới làm nổi. Đó là những việc chưa từng có trong lịch sử và chưa có một nhà chánh trị nào ở xứ này đoán trước được.

Từ các cuộc đình công chiếm xưởng đến ngày 23 tháng 9, 1945 ngày mà tiếng súng của Đế quốc Pháp trở lại bắt đầu nổ ở Sài Gòn, mặc dầu chánh quyền mới Trần Văn Giàu hoảng sợ, thợ thuyền lại đột nhiên nhảy vào một giai đoạn mới: cầm súng chống xâm lăng! Với tất cả sự căm giận trong lòng và tinh thần cách mạng của giai cấp, họ thiết lập quân đội quyết xông vào mặt trận chống quân Đế quốc: quân đội của thợ thuyền và dân chúng.

Những đội Tự vệ được thành lập khắp nơi, một trật tự mới của dân chúng, quyền lực của quần chúng đã thay thế quyền lực của bọn thực dân cũ. Khắp các đường phố, khắp các vùng ngoại ô, dân chúng trong ban Tự vệ thay phiên canh gác, hội họp để quyết định thái độ trước các việc xảy ra. Thật là một cảnh tượng vừa hùng vĩ, và lạ thường khi ở những vùng như Phú Nhuận, Khánh Hội, Thị Nghè... hàng trăm ngàn anh em dân chúng ở các ban Tự vệ xông ra đường phố với súng, tầm vông, côn gậy, giáo mác để canh phòng vây hãm thực dân trong trung tâm thành phố. Không có một cường quyền nào sai khiến, dân chúng đã liên kết với nhau tự giữ trật tự và đối phó một cách rất mau chóng, rất can đảm với bất cứ một

việc gì bất trắc xảy ra. Dưới sự hoạt động rất có kỷ luật của các Ủy ban Tự vệ, dân chúng đã tạo ra một không khí thật thanh thoi, tự do dân chủ.

Chẳng cần phải có sự chỉ dẫn của một đảng phái nào - trái lại các đảng phái tự xưng là cách mạng chỉ biết ra chỉ thị kêu gọi dân chúng bình tĩnh tin nơi Đế quốc “Đồng Minh” - chẳng hề có sự dự bị từ trước, thợ thuyền và các quần chúng lao khổ đột nhiên tự vạch ra con đường phải theo và những phương pháp phải thi hành để đối phó với tình thế: võ trang thành lập quân đội quần chúng để chống Đế quốc, tổ chức Cảnh Binh Dân chúng, xây dựng một trật tự mới bảo đảm cho sự tự do của dân chúng. Vượt ra ngoài các phỏng đoán của các chánh đảng, vượt ra ngoài tất cả những mệnh lệnh của các đảng cách mạng, trước con mắt lơ lảo, ngỡ ngác khiếp sợ của giai cấp tư sản địa chủ bản xứ và bọn tay sai Đế quốc, dân chúng Đông Dương đã thành linh thiết lập những cơ sở mới của một chánh quyền: cảnh binh và quân đội của dân chúng. Quần chúng Đông Dương, mà trước hết là lao động ở các xưởng máy, các hãng, các ngành kỹ nghệ, giao thông, thương mại, các đồn điền đã làm ra lịch sử của họ. Dầu cái chánh quyền cách mạng ấy còn phôi thai, nhưng cái lịch sử ấy là một lịch sử thật vẻ vang, hùng vĩ mà những đến nay nhìn lại, không thể không đem ra so sánh với Công xã Paris hay Công xã Quảng Châu.

Ngày 23 tháng 9, khi quân Đế quốc Pháp đột

nhập Sài Gòn, tất cả các cơ sở của chánh quyền cách mạng dân chúng nhất tể chuyển động trong khi “chánh phủ” đã bỏ chạy! Ngoài các đội quân đã được thành lập trước, các tổ chức khác từ Thanh niên Tiền Phong, Ủy ban Công xưởng, Công đoàn đến các ban Tự vệ đều biến thành quân đội. Những cuộc giao phong dữ dội đã diễn ra ngay trong châu thành. Những tiếng hô hùng dũng “Tiến lên” vang lên trên những con đường Sài Gòn, trong làn mưa đạn của liên thanh của quân Đế quốc. Đó là cuộc chống cự anh dũng của Thanh niên Tiền Phong mà đại đa số là thợ thuyền, của Dân Quân và Ủy ban Cách mạng bao gồm toàn dân lao động trong những đêm đầu khi Sài Gòn đã bị quân Đế quốc chiếm đóng.

Ngay trong những đêm đầu, quần chúng cách mạng đã tỏ ra một can đảm tốt bụng, họ đã từ cái thời kỳ giác ngộ, lơ mơ về lý thuyết của những năm qua, bước sang thực hành. Họ đã tỏ ra cho chúng ta thấy thế nào là tự bình vực quyền lợi cùng tự do trước sự xâm và thế nào là giải phóng dân tộc. Giải phóng dân tộc đối với dân lao khổ chẳng phải là dựa vào Đế quốc Dân chủ Đồng Minh, chẳng phải là xin xỏ, như đối với các đảng Quốc gia hay “Cộng sản”, mà là tranh đấu cách mạng và đến khi cần thì cầm súng xông ra mặt trận. Một khi đứng lên đương đầu với Đế quốc, họ biết rằng đó chẳng phải vì mục đích gì cao xa huyền ảo mà vì quyền sống, những quyền tự do thiết thực của họ, những cái mà họ đã thực hiện

trong các tổ chức của cái chánh quyền phôi thai đang bị Đế quốc xâm phạm. Bởi vậy nên từ châu thành đổ ra các vùng ngoại ô, rồi Hậu Giang, Lục Tỉnh họ đã luôn luôn giữ vững một lòng can đảm, cương quyết, hi sinh để chiến đấu. Bị đánh lùi ở châu thành thì lập tức mặt trận thiết lập ở ngoài, rồi đồng thời với những cuộc tổng đình công, tổng bãi thị và phá hết các cơ quan kỹ nghệ sanh sản của Đế quốc, các nhà máy. Những cuộc kháng chiến oanh liệt diễn ra ở khắp nơi, từ Phú Nhuận, Bà Chiểu, Thị Nghè, Bàn Cờ, Khánh Hội, Gò Vấp khiến cho kế hoạch kiêu hãnh của Đế quốc dự bị chiến thắng trong vài tuần lễ đã bị đảo lộn.

Và từ đó trở đi, cuộc kháng chiến anh dũng cứ kéo dài mãi. Tháng nọ qua tháng kia. Đế quốc đã phải trải qua muôn ngàn sự khó khăn mà không thể tiêu diệt được lực lượng tranh đấu của quần chúng lao khổ. Mặc dầu giai cấp thợ thuyền phải từ bỏ các xưởng máy, mặc dầu quần chúng phải lìa bỏ đô thành và vì vậy đã mất nhiều năng lực, mặc dầu thiếu người dẫn đạo, phải tự động, lại luôn luôn bị cản trở, bị gián đoạn bởi thái độ do dự khiếm nhược, ngu muội của các đảng hoạt đầu, cuộc kháng chiến cứ kéo dài mãi. Những cuộc đánh với quân Đế quốc cứ tiếp diễn. Hết các vùng ngoại ô thì đến Lái Thiêu, Thủ Đức, Tân An, Hóc Môn và hết các tỉnh từ Thủ Dầu Một, Mỹ Tho, Bến Tre đến Cần Thơ, Bạc Liêu. Bộ đội này tan lại lập bộ đội khác, trận tuyến này bị

gãy thì lại lập trận tuyến khác. Cứ như thế, thật là một sức mạnh, một tinh thần vô cùng tận. Đế quốc đã tạo nên dân thuộc địa để đánh lại họ, đã đánh rồi, đương đánh và còn đánh cho đến ngày Đế quốc phải bị diệt trừ, cũng như tư bản đã tạo ra thợ thuyền để chôn sống nó một ngày kia vậy.

Trong các trang ký sự này, chúng tôi không có thể thuật lại đầy đủ tất cả cái lịch sử hùng vĩ ấy. Bởi vì cuộc kháng chiến tưởng đã chấm dứt với Bản Thỏa Hiệp Ấn bằng nó ra trở lại ở Bắc bộ, trong tin tức với dư luận còn lộn xộn chưa thể phân được thực hư, thì chưa phải là lúc nhà viết sử biết trọng chân lý có thể nói chuyện với độc giả. Có chăng chúng tôi chỉ thay vì lời tựa cho cuốn sách, mượn cơ hội này để vạch qua những đường cốt đại thể trong quá trình tiến hóa của quần chúng thôi. Trong cuộc kháng chiến, quần chúng đã tự động, bởi thiếu một tiền đạo cách mạng mạnh mẽ. Mặc dầu như vậy, quần chúng có lúc vượt khỏi thế lực của các đảng hoạt đầu và Quốc gia tiểu tư sản và đã tiến rất xa. Đó là điều thứ nhất chúng ta cần chú ý. Và một điều nầy nữa cũng không kém phần quan trọng là trong phong trào quần chúng, thợ thuyền luôn luôn đi đầu và tỏ ra là một đạo quân cách mạng sáng suốt hơn cả; có điều quan trọng ấy rồi. Nhưng muốn có một bằng chứng thiết thực hơn, tưởng không gì bằng thuật lại tất cả cuộc hoạt động của một đoàn binh thợ thuyền trong cuộc kháng chiến, ấy là **Đoàn Công binh**, một đoàn binh

phát sanh từ trong nhà máy và Nghiệp đoàn, một đoàn binh hoàn toàn do sáng kiến và công trình của các anh em thợ trong ngành Điện Xa tạo lập, và trước hơn hết các đoàn khác, đã áp dụng trong cuộc chiến đấu tất cả những nguyên tắc, những phương tiện cách mạng của giai cấp thợ thuyền, và đã thủy chung giữ vững được con đường đi với cây cờ của Vô sản Cách mạng.

Một lẽ nữa chúng tôi thấy cần phải vạch lại lịch sử của Công binh là vì mặc dầu công trình anh em thợ đã hiển nhiên, có nhiều đảng phái đã hình như cố ý ếm nhẹm. Mục đích của họ chỉ là lợi dụng cuộc tử chiến của anh em thợ thuyền, lợi dụng năng lực cách mạng của lao động để xây đắp địa vị cho họ và cho giai cấp tư sản mà họ đã tuyên bố tuyệt để binh vực; cho nên khi mục đích đã đạt, họ làm cho chúng ta quên vai trò quan trọng của thợ thuyền đi. Những báo sách tường thuật cuộc kháng chiến mà ta đã thấy đều đồng một mục đích ấy cả. Trong cuộc chiến đấu thì họ cố tình buộc quần chúng lao khổ vào cái chánh trị quốc gia của họ, bóp chết các cuộc tranh đấu độc lập, cốt để thủ tiêu phong trào Xã hội của thợ thuyền. Ngày nay thì họ ếm nhẹm, họ bảo “quốc dân” đã chiến đấu vì “giống nòi” và “tổ quốc”, họ gạt phắt vai trò cách mạng tiên phong của thợ thuyền ra ngoài lịch sử.

Chính vì những lẽ ấy, mà chúng tôi phải cho ra cuốn *Côngbinh Kháng chiến*.

Lẽ tự nhiên, nó không phải và không có thể là công trình của một người. Chúng tôi đã phải nhờ rất nhiều anh em cộng tác trong cuộc tường thuật, và toàn là những chiến sĩ đã trực tiếp tham gia vào cuộc tổ chức và chiến đấu của Công binh cả. Sở dĩ chúng tôi đã phải bỏ nhiều tiểu tiết, chỉ vạch lại những sự kiện cần thiết để chứng minh tinh thần bền bỉ cùng năng lực cách mạng của anh em thợ mà thôi, một là vì tình thế bắt buộc chúng tôi không nói được rõ ràng, hai là chúng tôi chỉ muốn chứng minh có một điều như đã nói rồi, chớ chưa có thể tìm hết những kinh nghiệm xấu tốt của Công binh để hiến cho các anh em, bởi đó là nhiệm vụ của nhà chép sử và của các nhà Cách mạng. Mong các anh em đã có tham gia Công binh hiểu cái mục đích và sự khó khăn của chúng tôi.

Trường hợp thành lập

Thấm thoát một năm qua. Tháng Chín 1945 và đoàn Công binh, một đạo binh thợ thuyền thành lập đầu tiên tại Đông Dương đã có một năm lịch sử. Trong thời gian một năm, gần 20 chiến sĩ anh dũng nhất của đạo binh thợ độc nhất ấy đã bỏ thân nơi chiến địa sau khi đã lập được bao nhiêu chiến công oanh liệt và đã nêu cao lá cờ thợ trong phong trào kháng chiến xứ này.

“Công binh, Công binh”, Ngày nay dân chúng An Phú Đông, Trung Giấu, Cao Lãnh hãy còn vang nghe

bên tại hai tiếng Công binh. Nhưng nào ai đã biết Công binh từ đâu xuất hiện?

Trường hợp lịch sử nào đã tạo nên nó? Qua một tháng 8 sôi nổi năm 1945, đầu não dân chúng Việt Nam đã quá căng thẳng. Đêm ngủ không yên, ngày thao thức chờ đợi. Người ta sống thấp thỏm hồi hộp, không một phút yên tĩnh, chỉ chờ một cái gì xảy tới để lẫn lộn vào cuộc chiến đấu. Manh tâm của Đế quốc Pháp muốn trở lại đề cổ dân chúng Việt Nam đã quá rõ rệt. Nhất là ngày hạ tuần tháng 8 khi mà “Đồng Minh” – ôi! cái danh từ mới mĩa mai chua xót làm sao! Đồng Minh gì cái bọn Đế quốc Anh Mỹ dưới màu dân chủ giả dối ấy – giúp sức cho Cédille và bè lũ nhảy dù xuống Nam bộ để sửa soạn xiềng xích. Trước những sự khiêu khích của Đế quốc Pháp, dân chúng phẫn uất đến cực điểm. Nhưng “hỡi đồng bào hãy bình tĩnh! Hãy tuân lệnh của chánh phủ, đừng hành động nóng nảy để Đồng Minh khinh dễ dân ta dã man”. Đó là lệnh của chánh phủ. Dân chúng bấm bụng mà chịu nhịn, hậm hực mà nuốt giận.

Mặc dầu chánh phủ, một mặt cố sức ghìm lòng bông bột của dân chúng, một mặt dò lo thương thuyết, những nhà cách mạng chân chính dựa vào những bài học lịch sử, đều tiên đoán rằng Đế quốc sẽ tấn công. Thương thuyết có nghĩa là xin xỏ khi mà mình không có một lực lượng mạnh mẽ làm hậu thuẫn. Vậy thì xin xỏ cũng không ăn thua gì khi mà tham vọng Đế quốc đã quá rõ rệt.

Trong giai cấp thợ thuyền có nhiều phần tử cũng đồng ý kiến trên đây. Họ đã sáng suốt nhận thấy rằng phải gấp rút tổ chức để củng cố lực lượng, sửa soạn mặt trận kháng chiến. Họ không tin ở bọn Đế quốc dân chủ. Bọn này tuy khác hình thức với Phát xít chủ nghĩa nhưng cũng như Phát xít chủ nghĩa là con đẻ của tư bản chủ nghĩa. Nghĩa là chúng cũng chỉ một bọn ăn cướp mang cái mặt nạ nguy hiểm dân chủ để lừa gạt thợ thuyền và các dân tộc bị áp chế mà thôi. Cho nên họ không chờ đợi kết quả ở cuộc xin xỏ thương thuyết mà họ biết chỉ giúp cho bọn Đế quốc có thì giờ đem viện binh tới đàn áp. Họ chỉ tin vào các tầng lớp dân chúng bị áp bức là nông dân và tiểu tư sản. Nhất là họ chỉ tự tin ở họ, ở giai cấp thợ thuyền mà họ là đại biểu để giải phóng cho dân tộc.

Trong lúc mà người ta còn mải mê về câu chuyện đảng phái, còn bận lòng về vấn đề củng cố chánh quyền, còn giành nhau về những ghế ngồi và địa vị, trong lúc mà cái nhiệm vụ cốt yếu là tổ chức dân quân và võ trang quần chúng lại không được chú ý và còn bị cấm đoán nữa, thì họ, những người thợ thuyền đã thấy rõ nguy cơ Đế quốc và chỉ lo tổ chức thành những đoàn thể võ trang chống sự xâm lăng đế quốc. Công binh là một trong những đoàn đó.

Từ một Ủy ban Công xưởng

Sau ngày 9-3-45, Đế quốc Pháp sụp đổ, cả một chế độ thực dân hơn 80 năm bị tan rã. Một tiếng sét

đánh trên dải đất chữ S, mọi người bùng mắt tỉnh. Trong các tầng lớp nhân dân, người ta cảm thấy không khí hình như dễ thở. Nhưng không bao lâu, mặt trận phát xít Nhật bị lật. Ngoài một thiểu số còn u mê tin tưởng nơi bọn Đế quốc Phù Tang, phần đông đã nhìn rõ sự thật, hiểu rõ lòng tham lam bỉ ổi của chúng.

Đó là điều làm cho phong trào Giải phóng dân tộc đi mau và mạnh thêm. Phong trào thợ thuyền cũng nhân đó mà phát triển. Từ lúc bộ máy cai trị của Đế quốc Nhật mới gây dựng ở đây chưa được vững chắc, thợ thuyền đã nắm lấy cơ hội vùng dậy, uy hiếp bọn chủ để đòi quyền lợi. Khắp nơi họ đã dự bị đình công đòi tăng lương. Giữa cái phong trào tranh đấu đang tiến lên ấy, thợ thuyền hãng xe điện đã đóng một vai trò quan trọng.

Công việc trong hãng tuy đặt dưới quyền kiểm soát của quân phiệt Nhật, nhưng sự điều khiển vẫn ở trong tay bọn tư bản Pháp. Bọn Pháp vẫn cố sức gìn giữ quyền lợi của chúng bằng cách tiêu mòn Đế quốc Nhật và dựa thế chúng để đàn áp phong trào tranh đấu thợ thuyền mà chúng biết chắc sẽ tiến mạnh.

Không hề nao núng, các anh em thợ đưa bản yêu sách tăng lương và bọn Pháp kêu Hiến binh Nhật can thiệp, bèn lập tức thành lập một Ủy ban Công xưởng và ra lệnh đình công nếu bọn chủ không chịu nhượng bộ, và ngày 13-4-45, khi bọn này cùng với tên Đại úy Kirino giám đốc sở xe lửa Nhật ở Nam

bộ và một số sĩ quan nữa đến thẳng xưởng Cơ khí Gò Vấp, nơi triệu tập của Ủy ban Công xưởng để hăm dọa, anh em thợ thuyền đã do dự tiến đến vây quanh nơi nhóm họp để hộ vệ cho các đại biểu của mình. Thái độ cương quyết ấy khiến bọn chủ và tên Đế quốc Kirino phải nhượng bộ.

Thế là cuộc tranh đấu lần đầu, Ủy ban Công xưởng đã thắng lợi buộc bọn chủ hành phải nhượng cho thợ thuyền những điều sau này:

- 1- Tăng lương cho toàn thể thợ 25 %;
- 2- Ủy ban Công xưởng được chánh thức công nhận;
- 3- Tất cả mọi vấn đề liên quan đến thợ thuyền trong hãng như cho phép nghỉ hay trừng phạt khi có lỗi đều do Ủy ban Công xưởng đảm nhận;
- 4- Viên thư ký của Ủy ban Công xưởng sẽ là đại biểu chánh thức của thợ thuyền mỗi khi có cuộc xung đột giữa chủ và thợ.

Nhờ sự thắng lợi đó Ủy ban Công xưởng được ngay toàn thể thợ thuyền ủng hộ triệt để. Ủy ban Công xưởng Điện xa gồm có 11 đại biểu cho 11 nhóm thợ. Nhờ sự thắng lợi đó Ủy ban Công xưởng được ngay toàn thể thợ thuyền ủng hộ trong xưởng cơ khí Gò Vấp bầu lên (thợ tiện, thợ rèn, thợ sắt, thợ mộc, thợ đồng, thợ điện, thợ sửa xe lửa (2 nhóm), thợ đúc và thợ ký, tất cả gần lối 400 người.

Vì có tổ chức chặt chẽ như vậy nên thợ thuyền trong hãng Điện xa có bề thế rất mạnh (trong vòng 4 tháng từ 15/4/45 đến 15/8/45 chủ hãng đã phải tăng

lương cho toàn thể anh em 2 lần, tính trung bình mỗi người thợ được tăng từ 50 tới 70%). Ở đây ta cần nhắc đến một điều là trước khi thành lập Ủy ban Công xưởng, thợ Xe Điện Gò Vấp có tiếng là mềm yếu vì sau phong trào 1936, đình công thất bại, những phần tử tốt đã bị bọn thống trị tù đầy, sa thải, chỉ còn lại vài người không đủ tinh thần tiếp tục tranh đấu. Bởi vậy cho nên thợ Xe Điện ăn ít lương nhất trong Châu thành Sài Gòn Chợ Lớn mà vẫn phải ngậm hờn cam chịu.

Ngày nay thì khác hẳn, thợ hãng Xe Điện đã trở nên một lực lượng hùng hậu vào bậc nhất, một tinh thần hăng hái ít ai bì. Bọn tư bản phải bị nhượng bộ nhiều cũng chỉ vì anh em không bao giờ sợ đình công, luôn luôn anh em dùng cái khí giới đặc lực ấy để khuất phục phe chủ, và lần nào cũng thắng lợi.

Phải thắng thắn mà nhận rằng những sự thắng lợi ấy cũng nhờ một phần ở anh em lao động Nhật Bản. Bộ đội kiểm soát xưởng cơ khí Gò Vấp hồi ấy gồm ngót một chục người toàn là những nhà chuyên môn và thợ thuyền của sở hoa xa bên Nhật, bị bọn Đế quốc động viên nhập ngũ. Các anh em ấy cảm tình đặc biệt với phong trào tranh đấu ở đây và hết sức gián tiếp ủng hộ các cuộc tranh đấu của thợ trong hãng.

Từ thắng lợi này qua thắng lợi khác, Ủy ban tranh đấu đã được lòng tín nhiệm của toàn thể anh em thợ người Đông Dương cũng như người Nhật vậy.

Ngoài nhiệm vụ lãnh đạo để cho anh em tranh đấu để đòi quyền lợi kinh tế, Ủy ban Công xưởng còn dễ dàng lập được những lớp huấn luyện chánh trị, thể dục, những quà cứu tế để trợ cấp anh em mỗi khi đau yếu hoặc tai nạn và để phòng khi đình công. Đó rõ là hình thức của một Nghiệp đoàn lao động. Dần dần ảnh hưởng của cuộc tranh đấu lan rộng. Đến tháng 7, tất cả 2.000 thợ thuyền gồm có nhiều ngành trong hãng Xe Điện (cơ khí, vận hành, ca vụ, thiết kế, phòng kế toán và xe hơi) đã đoàn kết chặt chẽ.

Khi mà Tổng Công Đoàn Nam Bộ thành lập bí mật dưới quyền lãnh đạo của Hoàng Đôn Văn với cái danh hiệu “Ban Xí nghiệp của Thanh niên Tiền Phong” thì Nghiệp đoàn Xe Điện đã có một cơ sở vững chãi lắm rồi.

Nói tới Tổng Công Đoàn Nam Bộ, chúng ta không khỏi cảm giận bọn người lợi dụng thợ thuyền để làm cái thang lên đài danh vọng. Phải nói ngay rằng Tổng Công Đoàn Nam Bộ là một hội chỉ có danh từ to lớn mà kỳ trung không có tổ chức, bất lực và độc tài. Ban Chỉ huy Tổng Công Đoàn trái với nguyên tắc dân chủ, toàn là những người do Hoàng Đôn Văn đề cử, chớ không có một đại biểu công cử của thợ thuyền. Những ai đã đi dự buổi họp chiều ngày 25/8/45 của Tổng Công Đoàn Nam Bộ ở đường Kitchener chắc đã được nghe những lời công kích kịch liệt của một số đại biểu thợ thuyền vì quá phần uất mà phải lên tiếng.

Cách làm việc của họ là bắt tất cả các tổ chức Nghiệp đoàn phải ở trong tổ chức ấy. Nhưng cũng với bộ chỉ huy riêng của nó, nó nhất định đi vào con đường tranh đấu cách mạng, bởi nó biết rằng chỉ có con đường ấy mới giải thoát được giai cấp thợ thuyền khỏi sự áp bức của chế độ này và sự bóc lột của bọn tư bản.

Sau đêm 14 tháng 8, một đêm hỗn độn chắc chưa mấy ai quên, Xưởng Cơ khí Gò Vấp được tự do đặt dưới quyền điều khiển của Nghiệp đoàn vì những nhà chuyên môn Pháp không dám tới làm việc tại một nơi xa châu thành Sài Gòn.

Sáng 15/8, sau khi những viên kỹ sư bỏ sở đi rồi, đại biểu của thợ liền được bọn chủ cho hay: “Vì các anh khủng bố người Pháp nên không thể làm việc được, các anh hãy nghỉ việc đi về”.

Lập tức Ủy ban Công xưởng họp anh em thợ để lấy thái độ đối phó. Mọi người đều đồng lòng cứ tiếp tục làm việc dưới quyền giám đốc của Ủy ban Công xưởng thay thế cho những viên kỹ sư chuyên môn.

Thật là một việc làm cực kỳ táo bạo. Để trả lời bọn chủ đề hèn toan bỏ đói anh em thợ thuyền, Ủy ban Công xưởng đã chiếm nhà máy. Sở Xe Điện nào có phải chỉ cạy xe điện mà thôi đâu. Sở còn có những xe lửa chạy từ Gò Vấp đến Bến Đồng, sở tương tự như sở Hỏa xa vậy, công việc rất phiền phức. Bình thường phải hai ba viên kỹ sư và năm bảy nhà chuyên môn Pháp thông thạo mới điều khiển nổi.

Ấy vậy mà với một tấm lòng ham chiến đấu, với một tinh thần cách mạng sục sôi, nhóm thợ ấy đã tự đảm đương những công việc nguy hiểm khó khăn nhường ấy. Trong thời gian từ 15/8 tới 23/9, ngoài đường xe điện, xe lửa vẫn chạy đều, không hề xảy ra một tai nạn đụng chạm hoặc chậm trễ; trong xưởng công việc không bị đình trệ. Không những thế, thợ lại có thì giờ sửa chữa vũ khí ngay trong xưởng để phòng lúc dùng tới.

Vui vẻ biết bao quang cảnh xưởng thợ lúc ấy. Người ta không hân hạnh được nghe thế những tiếng bĩ ổi của bọn đốc công. Thay vào những tiếng ấy, từ bốn phía những bài *Quốc tế ca* hòa với những tiếng búa đập trên đe, những tiếng máy chạy rầm rập hăm hở làm việc trong hòa thuận, không còn những sự ghen ghét nhỏ nhen thường lệ. Ảnh hưởng của cách mạng đã hoàn toàn chi phối tinh thần người lao động.

Lần đầu tiên ở xứ này một tổ chức hoàn toàn của giai cấp thợ thuyền đứng ra cai quản một nhà máy lớn và cũng lần đầu tiên tất cả những hình thức thợ thuyền tranh đấu đã đem ra thí nghiệm tại xưởng máy Gò Vấp, trong khoảng hơn 6 tháng, từ 14/4 tới 25/9. Nhất là hồi cuối tháng 8 đầu tháng 9, không khí trong xưởng hoàn toàn của cách mạng.

Ủy ban Đình công tập cho thợ quen với cái khí giới mạnh mẽ ấy. Ủy ban vận động tổ chức những cuộc diễn thuyết huấn luyện hằng ngày. Rồi trước tình

thế gay go, một Ủy ban Binh bị lập tức thành lập với nhiệm vụ đào tạo một đội binh thợ thuyền. Sau lời hiệu triệu, một số anh em thợ thuyền hăng hái nhất liền gia nhập đoàn quân lấy tên là “Xung Phong”.

Nghiep đoàn Xe Điện tuy tham gia vào Tổng Công Đoàn vì muốn có sự thống nhất của giai cấp thợ thuyền, nhưng nó hoàn toàn tự tổ chức lấy. Nó đã tự giác ngộ nhiệm vụ quan hệ của nó, theo tiềm năng cách mạng đã sẵn có. Nó đã thấy trước được thời cuộc và đã sửa soạn tự vệ khi Đế quốc sắp tấn công.

Đến sự tổ chức Công binh

Ban Quản trị Nghiệp Đoàn lúc nầy mới thật là gặp lắm bước gay go. Anh em thợ nghèo khổ quá, làm sao có được một nền tài chánh vững vàng cho Nghiệp đoàn. Muốn tự vệ phải có vũ khí. Huống chi Nghiệp đoàn lại là một cơ quan độc lập, không thể dựa vào ai được. Với tầm vòng vót nhon làm sao chống với bọn Đế quốc hùm beo có súng liên thanh, đại bác? Làm sao nuôi được ngần ấy anh em Xung Phong (25 người). Vì ban chỉ huy muốn thành lập một đội binh thợ thuyền thường trực, không để cho anh em xa nhà phải về ăn cơm buổi tối. Số tiền để sắm vũ khí tạm đủ ít nữa cũng phải năm sáu ngàn đồng (6000\$), một số tiền khổng lồ đối với anh em thợ. Quyền ở anh em thợ thì không được rồi: Chánh phủ đã ra bố cáo, chỉ có chánh phủ mới có quyền quyền tiền, còn quyền tiền không có giấy phép của chánh phủ sẽ bị

bắt. Làm sao mà có được giấy phép của chánh phủ. Không được! Chánh phủ độc quyền võ trang kia mà. Chánh phủ cấm võ trang quần chúng!

Ban chỉ huy Nghiệp đoàn Điện xa đã phải điên đầu vì nhưng vấn đề gay go như thế. Rốt cuộc trong ban Quản trị có một vài anh em cầm bán những đồ gia dụng để lấy tiền cung cho đoàn thể. Nhờ vậy mà đoàn Xung Phong mới có vũ khí tối thiểu để tự vệ và ban Quản trị mới mượn được một trụ sở rộng rãi làm nơi trú ngụ cho hơn 20 anh em thợ, ngày đi làm, tối về tập luyện.

Trong lúc ấy thì Nghiệp đoàn vẫn phân phát xe chạy, kiểm soát xưởng máy. Mọi công việc đều tự thợ thuyền làm lấy một cách rất chu đáo.

Cho đến khi bọn Đế quốc Pháp từ khiêu khích này đến khiêu khích nọ đẩy Ủy ban Hành chánh lùi, lùi mãi đến gần miệng hố mà vẫn không dè, Đế quốc Pháp đánh một “cú” quyết định trong đêm 23/9 làm cho chánh phủ hoảng sợ bỏ chạy và mở màn cho phong trào kháng chiến anh dũng của quần chúng Nam bộ.

Trực tiếp ảnh hưởng của cái “không dè” của chánh phủ là giai cấp thợ thuyền. Có cái đầu là anh Hoàng Đôn Văn đã bị Đế quốc Pháp nắm trong lúc “không dè” đi rồi. Báo hại thay lại mắc mứu luôn với anh là một số tiền khá lớn của chánh phủ giao cho để anh chuẩn bị cuộc Tổng đình công.

Tình thế anh em thợ hãng Xe Điện lại càng nguy

nữa, vì ngày 23/9 là ngày phải phát tiền. Đã một tháng nay, từ 1/8 anh em chưa lãnh được một xu nhỏ tiền lương. Đành là không trông cậy vào Tổng Công Đoàn nữa rồi. Còn biết lấy gì mà sống cầm hơi để thực hành cuộc Tổng Bãi công. Nhưng không vì thế mà anh em thợ thuyền nao núng. Số người sung vào đội binh Xung Phong tăng đến nỗi ban Quản trị không dám nhận hết vì không đủ tiền tiếp tế: ngày 24/9/45 đạo binh có đến 60 người.

Ngay từ lúc hồi còi báo động, đêm 23/9 vang dậy tiếp đến những tiếng súng nổ rền trời, đội binh của thợ Xe Điện đã sẵn sàng chiến đấu. Đội binh ấy đã dự bị về đủ các phương tiện: vũ khí để tự vệ, tổ chức để huy động toàn thể anh em trong xưởng thi hành triệt để lệnh Tổng Đình công và tiêu thổ kháng chiến. Là cờ đỏ, lá cờ thợ lại tung bay trước gió.

Thoát thân với cái mục đích để bảo vệ quyền lợi kinh tế giai cấp của mình và vì vậy để đưa nhân loại, bằng một cuộc cách mạng xã hội, đến một chế độ nhân đạo hơn. Nghiệp đoàn ngày thường dùng khí cụ đình công tranh đấu, đã biết khi đến giờ phút quyết liệt cầm súng tự vệ, phương pháp tuy khác nhưng chỉ là một.

II

Tổ chức và thành phần của Công binh

Chiếu theo lý tưởng của giai cấp thợ thuyền, dựa theo nguyên tắc dân chủ vô sản, ngay từ khi đeo cái

tên đoàn Xung Phong, Công binh đã theo một quy tắc tổ chức đặc biệt.

Biết bao nhiêu những sự khó khăn trải qua mới tổ chức được đoàn Công binh. Trong phong trào hướng dẫn bởi các thành phần tiểu tư sản, sự thành lập một đạo binh thợ với lá cờ đỏ, khác với lá cờ đỏ đánh ngôi sao vàng là một chuyện gần như không thể có được.

Nội dung tư tưởng biểu thị bằng lá cờ và tên đoàn, vì khác với lý tưởng quốc gia sẽ bị coi là “phản động”, “phá hoại, chia rẽ”. Ngay lúc cuộc kháng chiến mới bắt đầu, trong khi dân quân chưa được tổ chức, chánh phủ đã lo cấm không được dùng cây cờ nào khác với cờ đỏ ngôi sao vàng, và đổi tên Tổng Công Đoàn ra Ủy ban Công Nhân Cứu quốc Tổng hội.

Vậy thì làm sao mà tổ chức được Công binh với lá cờ đỏ. Về việc đặt hai chữ Công binh cho đoàn, ban Quản Trị Nghiệp đoàn đã phải trải qua bao nhiêu nông nổi khó khăn. Ngay trong ban Quản trị có một vài anh em không chịu hai chữ Công binh nên đã gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi gay gắt. Các anh ấy căn cứ vào luận điệu này: danh từ Công nhân Cứu quốc của chánh phủ trung ương ra rất đúng. Giai cấp thợ thuyền lúc này cần phải giao kết cùng các giai cấp khác trong nước để bênh vực Tổ quốc. Vậy Công nhân Cứu quốc là phải. Và lại “Công binh” có thể để người ta hiểu lầm với đoàn binh chuyên môn để sửa đường sá cầu cống. Và nên tránh hai chữ vì một lẽ nữa là nó nhắc nhở đến xu hướng thợ thuyền

quá rõ ràng trong lịch sử “những năm 1936-37”. Song những anh em tán thành hai chữ Công binh lại đứng trên quan điểm giai cấp mà chủ trương sự phân biệt rõ ràng giữa đội binh thợ chiến đấu dưới lá cờ thợ và các đoàn binh Quốc gia. Họ càng yêu cầu tha thiết đặt cái tên đó hơn nữa là vì không lúc nào bằng lúc này giai cấp thợ thuyền phải tỏ rõ lý tưởng mình. Trong cuộc cách mạng quốc gia để giải phóng dân tộc khỏi ách Đế quốc, thợ thuyền là lực lượng cách mạng nhất, hy sinh nhất, và trong sự tranh đấu đó thợ thuyền có cái cứu cánh rõ rệt là đi tới thiết lập chế độ Xã hội hơn là để thành những công dân thuần túy của một Quốc gia. Nhớ lại câu nói của kẻ đã sáng lập Đế nhất Quốc tế Thợ thuyền, họ dựa vào câu “Vô sản không có Tổ quốc” để chống lại cái danh từ tiểu tư sản “Công nhân Cứu quốc”. Với họ, hai chữ “Công binh” biểu lộ đầu tiên ý nghĩa tự vệ và kháng chiến của giai cấp thợ. Hai chữ “Công binh” cũng hàm chứa quan niệm rõ ràng về sự độc lập, hiểu là những tự do cần thiết để cải thiện đời sống về tinh thần cũng như về vật chất của giai cấp thợ và toàn thể giai cấp bị áp bức. Hai chữ “Công binh” nhắc lại con đường chánh trị của giai cấp thợ. Chủ trương liên minh với các tầng lớp bị bóc lột khác nhất là giai cấp Nông dân, hai chữ Công binh nhắc đến Nông binh. Hai chữ Công binh nhắc lại những Xô viết Đỏ ở Nghệ An, Hà Tĩnh, nó nhắc lại những năm đình công khổng lồ năm 1936-37. Nó nhắc lại

những cuộc tranh đấu ghê gớm của thợ thuyền Tây Ban Nha cũng mang cái danh từ Công binh. Nó nhắc đến những cuộc đình công chiếm xưởng vĩ đại của thợ thuyền Pháp; nó còn là tượng trưng của sự đoàn kết quốc tế nữa.

Tính cách đặc biệt của Công binh là tính cách dân chủ thợ thuyền trong sự tổ chức. Những chiến sĩ Công binh cứ 11 người họp lại thành một tiểu đội, bầu một ban tiểu đội trưởng chịu trách nhiệm về hành vi và cử chỉ của anh em trong tiểu đội hằng ngày và chỉ huy anh em trong khi lâm trận. Rồi toàn thể những anh tiểu đội trưởng lại bầu lên một anh Chánh và một anh Phó ủy viên Quân sự: Nghiệp đoàn cử hai anh Ủy viên Chánh trị.

Chỉ hai chữ ủy viên cũng đủ cho ta thấy Công binh khác hẳn với những đạo binh tự động khác. Anh Ủy viên Quân sự tuy nắm quyền chỉ huy nhưng do anh em tán thành. Nếu hành động của Ủy viên xét lại là đi trái với ý nguyện của các anh em chiến sĩ, tự nhiên mệnh lệnh của Ủy viên sẽ mất hiệu nghiệm và như vậy địa vị của Ủy viên cũng không còn.

Một mặt khác, sự liên lạc giữa Ủy viên Quân sự với Ủy viên Chánh trị cho ta thấy: tuy quyền hạn về phương diện quân sự của Ủy viên Quân sự được rộng lớn để quyết định, nhưng bên Ủy viên Chánh trị là Cố vấn do ban chỉ huy Nghiệp đoàn đưa ra, nên quyền hạn đã bị thu hẹp. Vấn đề Quân sự thành thử liên lạc mật thiết với vấn đề Chánh trị.

Tóm lại, dòm từ dưới lên trên, rồi từ trên xuống dưới, Công binh hiện rõ là một tổ chức, mặc dầu xét theo hình thức thì hoàn toàn quân sự mà xét theo nội dung thì lại còn nguyên tánh cách cách mạng.

Đội trưởng cũng như Ủy viên đều do anh em bầu lên. Và theo điều lệ chiêu mộ Công binh, thì Đội trưởng cũng như Ủy viên phải là thợ thuyền hay nếu không cũng phải là những chiến sĩ đã từng tranh đấu cho lý tưởng thợ thuyền.

Chính vấn đề bầu Ủy viên Quân sự trong Công binh đã làm suy t làm cho đoàn thể bị giải tán. Quen với kỷ luật dân chủ thợ thuyền, anh em chiến sĩ Công binh đã bày tỏ ý kiến của họ đối với Ủy viên Quân sự trước mặt một viên đại diện bộ Tham Mưu Mặt trận Tiền tuyến. Họ không ngờ với một tinh thần quân phiệt, người đại diện đó đã không chịu được cái kỷ luật do toàn thể các chiến sĩ đặt ra, và hăm dọa sẽ tố cáo trước bộ Tham mưu Mặt trận Tiền tuyến. Người đại diện bộ Tham Mưu chỉ sợ cái nguyên tắc dân chủ ấy lan ra các bộ đội khác. Thật là một bài học quý báu vô cùng, trước một nguyên tắc tổ chức biết kính trọng đến ý kiến của phần đông và tránh được sự độc đoán toàn quyền.

Nhưng sự liên lạc không phải chỉ ở trong phạm vi nhỏ bé giữa Ủy viên Quân sự và Ủy viên Chánh trị như thế mà thôi, nó còn là sự liên lạc giữa Công binh và Nghiệp đoàn. Quay về cái gốc đầu tiên, chúng ta thấy rõ các chiến sĩ Công binh chỉ là các chiến sĩ

Nghiệp đoàn. “Đổi cái khí giới bằng sự chỉ trích sang sự chỉ trích bằng khí giới” khi cần thiết là thế đó (“Transformer l’arme de la critique, en la critique par les armes” - Marx).

Sự liên lạc giữa Công binh và Nghiệp đoàn ở các mặt khác còn rõ ràng hơn nữa. Một là vấn đề chiêu mộ Công binh. Các phần tử gia nhập Công binh, vì bắt buộc phải là thợ thuyền hay ít nhất cũng ở trong giai cấp bị bóc lột nên phải nhờ Nghiệp đoàn cung cấp cho, mặc dầu Công binh lẫn lộn thợ thuyền các ngành. Hai là trong khi Công binh là đạo quân để kháng chiến thì Nghiệp đoàn vẫn phải chỉ huy toàn thể anh em thợ thuyền trong sự thi hành Tổng Đình Công và Tiêu thổ Kháng chiến. Công binh vì vậy rõ là một đạo binh Nghiệp đoàn lập ra và hoàn toàn chỉ được Nghiệp đoàn tiếp tế, một vấn đề hết sức quan trọng, có ảnh hưởng rất nhiều trong cuộc kháng chiến. Vì không giải quyết nổi vấn đề ấy mà bao nhiêu đoàn thể đã phải tự giải tán.

III

Những ngày ở mặt trận tiền tuyến

Hồi còi báo động trong đêm âm u đã thức tỉnh toàn dân đang mệt mỏi trong giấc ngủ chập chờn. Bùng mắt dậy người ta hoang mang hỏi nhau: Đế quốc đã thi hành thủ đoạn gì? Không có lẽ, theo như những cáo thị của Ủy ban Hành chánh Lâm thời có đầu Đế quốc dám “Xâm phạm đến chủ quyền

của Việt Nam, một nước nhược tiểu mà Dể cường Đại Tây Dương, Hội nghị San Francisco, Hội nghị Postdam đã lần lượt tuyên ngôn nhất định “che chở”. Không có lẽ, vẫn theo luận điệu của những nhà lãnh đạo phong trào, bọn thực dân Pháp “dám” dùng binh lực chống một chánh phủ cũng Dân chủ như Đồng Minh, trong khi tại đây có mặt Đồng Minh mà ta đã đón rước bằng tất cả huy hoàng. Những lá cờ Đồng Minh Anh Mỹ Nga Tàu trong cuộc biểu tình ngày 2/9 tại dinh Ủy ban Hành chánh tại tòa Thị Sảnh Sài Gòn, tại khắp công sở và tư gia, há chẳng phải là một bảo đảm chắc chắn là “Đồng Minh” đã cấm Pháp trở lại xứ này hay sao?

Nhưng rồi với luồng gió lạnh trong sương sớm, những tin tức bị thương đã đưa về một sự thật đau đớn.

Tiếng gọi đoàn từ bốn phương nổi dậy và không còn ai đủ can đảm ngồi chờ lệnh của chánh phủ; bộ máy rãn reo vì căm hờn, hai hàm răng nghiến lại, hai tay nắm chặt, người ta hăm hở xáp chiến.

Những chiến sĩ Công binh súng lên vai, về mặt đây cả quyết đến trụ sở ban Quân Chánh (sau đổi là Ủy ban Kháng Chiến) lấy chỉ thị giết giặc.

Một lần nữa người ta đã làm cho anh em buồn lòng. Xét vì hiệp đoàn làm sức mạnh và sự thống nhất chỉ huy binh quyền lúc này là cần thiết, Công binh mới tìm đến những người có trách nhiệm trong sự tổ chức kháng chiến. Nhưng than ôi! Những bọn bất tài do phe đảng đưa lên chiếm ghế ngồi trong các

ủy ban đang hoang mang bối rối vì thời cuộc “bất ngờ” nên không giúp ích gì cho Công binh được. Lúc này, lúc mà dân chúng đang sôi nổi mong tận diệt bọn xâm lăng, thì bọn bất tài ấy đang lúng túng như nhảy trong bị.

Còn nhớ đêm 24/9, Công binh được người ta dẫn trong một khu trường Quân bị tại An Nhơn, những chiến sĩ thợ thuyền đã phải nóng mắt vì dáng điệu bệ vệ, khạng nặng của anh “Giám đốc binh bị”. Qua bốn năm lần cửa, lính gác nghiêm ngặt, tôi được người ta dẫn tới “Đại bản doanh”. Dưới ánh sáng đèn mang sông (manchon) xanh lét, viên giám đốc ngồi trên một chiếc ghế bành rộng lớn, sau cái bàn giấy đồ sộ kiểu “thượng thư”. Trên bàn, hai khẩu súng sáu hạng đại và một tấm bản đồ Đô thành Sài Gòn Chợ Lớn Gia Định đồ sộ. Ở hai góc tường, hai viên tùy trưởng đứng thẳng, mắt lườm lườm, một tay thọc trong túi quần soọc (short), mân mê một vật cộm cộm mà tôi đoán chắc là một khẩu súng sáu.

Mặc dầu anh ta đã được người ta bảo cho biết người đứng trước mặt anh muốn tiếp chuyện anh, anh vẫn cậm cụi, tay cầm cây viết chì xanh đỏ, gió gió trên tấm bản đồ. Ba anh để tôi đứng chỗ như vậy nửa tiếng đồng hồ, trong bầu không khí khó chịu mà người nhát gan tưởng đến mất hồn. Trong khi ấy thì anh xoay ngang xoay dọc tấm bản đồ, hình như đang suy nghĩ hung hăm về một mặt trận phản công sắp tới.

Sau rồi tôi cũng được hân hạnh hỏi tới bằng một giọng vô cùng hách dịch. Tôi tưởng như tôi đang đứng trước một bang tá trong một tỉnh miền Trung thời Pháp thuộc. Sau khi nghe thẳng mục đích của người muốn xin tiếp kiến anh cho hay: “Hiện thời chưa nhận được lệnh của “anh lớn” nên chưa biết tình hình mặt trận ra sao. Ngày mai đoàn anh ra phụ giúp với đoàn X... đứng gác Cầu Hang, khám xét dân chúng tản cư, coi chừng “Việt gian” đột nhập vùng này nghe không? Còn cơm nước thì làm tờ trình cho Ủy ban Tiếp tế biết bao nhiêu người, mỗi bữa tới ban Tiếp tế lãnh đồ sống về nấu nướng mà ăn! Tôi ghen ngào chào viên giám đốc quay ra đụng đầu với một bọn người đi vào; trong buồng viên giám đốc, một tiếng quát hỏi: “Ai cho phép mầy vào đây, coi chừng tao bắn nát óc ra bây giờ”. Tôi giật mình rảo bước...

Ra khỏi phòng viên giám đốc binh bị, tôi thấy tứ phía Sài Gòn, Thị Nghè, tiếng súng nổ liên tiếp vọng về và lửa cháy đỏ một góc trời. Anh em Công binh cũng một cảm tưởng như tôi. Về mặt ưu tư nhưng không kém rần rởi, anh em đang nghĩ tới gì, nếu không phải là những thân người lao khổ nổi tiếp gục trên vũng máu đào. Và màu đỏ, màu đỏ của máu đã làm anh em liên tưởng tới cây cờ vĩ đại đang cuộn cuộn phất phới nơi mặt trận.

Bốn giờ sáng hôm sau, đoàn Công binh lặng lẽ rời bỏ trường Quân bị An Nhơn, rời bỏ bọn người chỉ nghĩ đến địa vị và cơm nước, tiến ra nơi khói

lửa quyết đem dòng máu sục sôi trong huyết quản hòa cùng máu đào của những chiến sĩ anh dũng của giai cấp vô sản đang xáp chiến với bọn Đế quốc xâm lăng.

Ngọn cờ đỏ hãnh diện tung bay! Dân chúng sung sướng biết bao khi thấy ngọn cờ đỏ dẫn đầu đạo binh từ trận tuyến ra tiếp viện mặt trận chống xâm lăng. Anh em Công binh cũng tự thấy bồi hồi cảm động, anh em thấy mình đã làm theo ước nguyện của dân chúng. Công binh! Công binh! Trong lịch sử chiến đấu đầu tiên của Công binh đã ghi bằng những khóe mắt âu yếm, những nụ cười thẳng thắn của dân chúng tặng Công binh.

Một nắm xôi từ tay một bà lão rách rưới tại Gia Định tặng mỗi chiến sĩ buổi sáng hôm ấy đã làm anh em lặng người, không nói được một lời cảm ơn. Anh em chỉ biết cảm ơn bà lão, một phần tử của quần chúng lao khổ đã hy sinh, bằng những cái nhìn đầy ý nghĩa. Ngay buổi đầu, giây liên lạc mật thiết giữa Công binh với dân chúng đã kết chặt. Sau đấy, còn bao nhiêu lần Công binh đã được tiếp tế như vậy nữa. Đáng chú ý là trong những giờ phút quyết liệt đầu tiên kháng chiến chỉ có những người nghèo là sẵn sàng hào tâm sẵn sức hộ các chiến sĩ. Trong lúc ấy bọn giàu có thu xếp chôn cất tiền nong mong chạy tháo thân.

Đạo binh thợ rầm rộ tiến tới gần mặt trận. Lần đầu tiên rời bỏ cái búa của người thợ để nắm lấy cây

súng, anh em thấy cây súng nặng hơn cái búa nhiều. Đàng xa tiếng súng liên thanh nổ rền như thúc dục. Người thợ tim đập mạnh, máu trong huyết quản chảy mau.

Những hàng ngũ không được chỉnh tề. Những bước chân tuy có mạnh dạn nhưng không đều nhịp, cây súng vác trên vai vẫn chưa đúng điệu. Hình ảnh lúc xuất quân lần đầu tiên, anh em Công binh nay thường hay nhắc nhở tới. Mỗi lần nhắc tới, anh em không bao giờ nhin cười được về những dáng điệu vụng dại của đoàn quân lúc sơ khai.

Đoàn quân cứ tiến. Tới Bà Chiểu, một loạt súng liên thanh bên Lăng Ông bắn qua, đạn xẹt qua đầu, đao quân chưa thấy bóng địch quân mà đã ngửi mùi thuốc đạn. Trong một phút nằm dưới mưa đạn, người thợ thấy hơi hoang mang, hồi hộp, sợ hãi. Rồi mùi thuốc súng qua phổi thấm vào mạch máu, như có động lực đẩy đằng sau, tay ghì chặt lấy cây súng, mặt nóng bừng, anh em vùng dậy, cứ tiến.

Cách độ 20 thước, trong bụi rậm, lùi đi một nhóm dân quân, tay cầm súng. Anh em hiểu rồi! Cũng như mình, đoàn dân quân ấy mới mớ còn súng lần đầu, trông thấy một toán đông trước mặt thì hoảng hồn tưởng địch quân, bắn chỉ thiên tán loạn. Chắc hôm ấy về, những anh em Dân quân ấy thế nào cũng sung sướng kháo nhau rằng đã bắn trúng mấy thằng “Tây”!

Trong những ngày ở Bà Chiểu, Công binh đóng

trụ sở gần Cầu Mới. Nơi đây là trung tâm điểm của Mặt Trận Tiền Tuyến; cánh tả là Mặt trận Thị Nghè, cánh hữu là bót Tân Bình. Chính Mặt trận này đã ghi những trang đẹp đẽ nhất trong lịch sử kháng chiến Nam Bộ. Công Binh đã cùng với những đoàn Cộng Hòa Vệ Binh, Liên Đoàn Cựu Binh sĩ, Giải Phóng quân Thủ Đức và Thanh niên Tiền phong chống giữ Mặt trận Thị Nghè một cách vô cùng oanh liệt. Và trong những đoàn thể ấy Công binh đã tỏ rõ giá trị của nó. Tuy thiếu tổ chức, thiếu chiến cụ, thiếu kỷ luật chiến tranh, nhưng giàu lòng căm phẫn chống Đế quốc chủ nghĩa, họ đã làm cho Đế quốc Pháp nhiều phen nếm mùi thất bại; họ đã làm cho Đế quốc Pháp biết rằng đặt lại trật tự bóc lột như cũ không phải là chuyện dễ dàng.

Trong vòng một tuần lễ Đế quốc không phá nổi vòng vây mặc dầu có xe thiết giáp và liên thanh hạng nặng.

Thấy sự tấn công bằng võ lực bị thiệt hại nhiều quá, trong khi chờ đợi viện binh tới nữa, chúng đánh một đòn khác: thương thuyết. Trong khi ấy chuyển hạm của địch quân đang lướt sóng tiến vào quân cảng Sài Gòn để tiếp viện chiến cụ và binh lính, hầu để bóp bẹp đối phương quân chúng lao khổ xứ này. Ủy ban Hành chánh nhận lời thương thuyết và muốn tỏ rằng mình “ham chuộng hòa bình”, Ủy ban Hành chánh ra lệnh nói vòng vây cho binh đội “Đồng Minh” đi giải giới Nhật. Ủy ban Hành chánh lại cần

thận dặn dò rằng quân Anh Ấn thì để cho đi thông thả, còn quân Pháp thì không được. Sự thất bại thảm hại đã do lệnh ấy gây ra.

Công binh đã nhìn rõ thời cuộc trước ngày 23/9. Lần này Công binh lại thấy trước cơ thất bại. Chẳng phải là vì anh em Công binh là những thầy tướng số đoán được vị lai, mà chỉ vì anh em đã suy xét với lý trí cách mạng, không tin ở bọn Đế quốc, không chịu thỏa hiệp với Đế quốc. Biết thì biết vậy, nhưng với bọn độc tài Lương Văn Tường, Trần Khắc Danh, nói hé ra tư tưởng đối lập thì thanh danh và tính mệnh lập tức bị những lời vu cáo đè hèn làm mai một. Công binh chỉ còn biết nhân dịp đình chiến này, ráng sức củng cố trận tuyến bằng cách liên lạc với các bộ đội khác. Người ta đã thấy trong hồi này, với sáng kiến của Công binh, những ban chỉ huy của Cộng Hòa Vệ Binh, Công binh, Liên Đoàn Cứu Binh Sĩ đã phát biểu những bản tuyên ngôn chung, hầu đi đến sự thống nhất chỉ huy của Dân Quân. Một bằng cứ xác thực tỏ rằng Công Binh không tin ở Đế Quốc.

Anh em hẳn còn nhớ cuộc thương thuyết với Đế quốc ấy đã có kết quả gì? Cái huấn lệnh không bắn quân đội “Đồng Minh” có ảnh hưởng gì? Một kết quả và một ảnh hưởng tai hại làm cho phong trào kháng chiến đang lên như vũ bão phải thất bại một cách thảm thương. “Đồng Minh” Anh-Ấn, nhờ có huấn lệnh cấm Dân Quân ngăn cản sự lưu thông nên dễ dàng xâm nhập trận tuyến, rồi “Đồng Minh” mới

trở mặt, chiếm đóng những căn cứ quan trọng, rồi tấn công vào mặt sau trận tuyến của Dân Quân. Dân Quân cùng một lúc bị tấn công ba bốn mặt, cắt đứt đường tiếp viện, dầu cho can trường đến mấy, mặt trận cũng phải tan vỡ.

Mặt trận Thị Nghè, nếu không vì chánh trị sai lầm của Chánh phủ, thì đã đâu đến nỗi tan tác như thế. Biết bao nhiêu chiến sĩ của Cộng Hòa Vệ Binh, Liên Đoàn Cựu Chiến Sĩ và Thanh Niên Tiến Phong đã chết oan uổng vì những viên đạn “thân ái” của “Đồng Minh”. Bà Chiêu, Bình Hòa, cầu Bình Lợi bị chiếm đóng một cách dễ dàng. Các bộ đội đóng rải rác theo con đường Hàng Xanh, từ cầu Mới qua cầu Thị Nghè chỉ có một con đường phải chọn: đánh cho tới khi hết đạn và chết. Trần Văn Giàu, Ủy viên Quân sự của Chánh phủ phải trả lời về cái chết oan uổng của hàng ngàn chiến sĩ này.

Công binh cũng ở trong trường hợp giống như các bộ đội khác. Chung quanh trụ sở, “Đồng Minh” đặt bốn khẩu liên thanh hạng nặng. Đạo quân tiên phong của thợ thuyền đã tưởng phen này được nếm mùi thuốc súng của “Đồng Minh, nhưng vừa lúc ấy một trận phản công của Giải Phóng Quân Thủ Đức làm lung lay tình thế của Đế quốc Đồng Minh chia lực lượng đi tiếp ứng. Nhân dịp may mắn đó, và cũng nhờ đêm tối, Công binh vừa đánh vừa tháo lui, bảo toàn được toàn thể lực lượng.

Mặt trận Thị Nghè tan vỡ, Công binh lui về Gò

Vấp với một tấm lòng ấm ức hậm hực. Tuy nhiên trong thời gian ấy, Công binh đã thu lượm được một vật quý giá vô ngần, đã an ủi nỗi buồn của anh em: Ấy là sự nhập đoàn của anh Nguyễn Hải Âu tức Trần Đình Minh, một người mà sau này đã làm rạng rỡ lá cờ Công binh khắp nơi, một người đã hy sinh cả phần xác lẫn phần hồn cho Công binh, một người từ lúc này đã chiếm một địa vị quan trọng trong Công binh và đã hy sinh đến hơi thở cuối cùng cho lý tưởng của thợ thuyền.

Gò Vấp

Về Gò Vấp, danh tiếng của Công binh đã được truyền tụng. Những gương can đảm đã làm cho “người ta phải coi Công binh bằng một con mắt khác. Trong một buổi họp của Bộ Tham Mưu Mặt Trận Tiền Tuyến lúc nầy đã cải tổ do Nguyễn Đình Thâu cầm đầu “người ta” đã nhắc nhở đến Công binh, và anh chỉ huy Công binh được vào giữ chức Tổng Thư ký Bộ Tham Mưu Mặt trận Tiền Tuyến.

Từ lúc nầy, anh Trần Đình Minh được anh em tín nhiệm và cho quyền chỉ huy Công binh và cũng từ đó tên anh kết chặt với hai chữ Công binh mà khi mới gia nhập anh đã nói: “Cảm tưởng của tôi khi nghe thấy hai chữ Công binh như thấy cha mẹ tôi sống lại”. Anh không nói quá, tận tụy với Công binh, anh đã làm nó rạng rỡ từ đây. Và cũng từ đây, khi nào

nhắc đến đạo binh thợ đầu tiên thành lập ở xứ này thì anh em sẽ thấy sống lại Trần Đình Minh.

Gò Vấp tuy chưa bị chiếm đóng, còn trong tay dân quân, nhưng vì vị trí nằm trong phạm vi tấn triển của Đế quốc nên luôn luôn bị đe dọa. Liên quân Anh-Ấn-Pháp, sau khi đã kiểm soát được tỉnh lỵ Gia Định, đang chờ binh tiếp viện để mở một cuộc tấn công lớn lao. Bởi vậy những ngày về Gò Vấp, lãnh trọng trách giữ mặt trận Gò Vấp, Xóm Thuốc, Hạnh Thông Tây, Công binh sống những ngày chờ đợi. Nhưng những ngày chờ đợi đó không phải là lạt lẽo buồn tẻ; trái lại Công binh đã sống nhiều giờ phút sôi nổi!

Sau những trận giao phong với địch quân, Công binh đã thâm được ít nhiều kinh nghiệm, đã hiểu được lực lượng của đối phương. Nhìn lại lực lượng của dân quân, thấy thua sút nhiều quá, Công binh ráng hết sức củng cố hàng ngũ cho mạnh thêm. Một dịp tưởng là may mắn sung sướng lắm, vì Gò Vấp là nơi đã sanh đẻ ra Công binh, thợ thuyền Xe Điện phần động cư ngụ những vùng quanh đó. Người quen cảnh cũ còn nơi nào thuận tiện cho bằng! Và lại Tổng Công Đoàn Nam Bộ lúc ấy cũng đặt trụ sở tại đó, thêm một điều kiện giúp cho Công binh đi tới thành công.

Công binh đề nghị với ban chỉ huy Tổng Công Đoàn thành lập những đạo quân thợ thuyền lớn lao theo cách tổ chức của Công binh, do Tổng Công

Đoàn tiếp tế. Không hiểu vì không có tiền hay vì một lẽ gì khác, Tổng Công Đoàn không chịu. Lời hiệu triệu những anh em thợ thuyền gia nhập Công binh đăng trong báo “Công Đoàn”, cơ quan của Tổng Công Đoàn phân bộ miền Đông, đã bị sửa đổi rất nhiều trước khi cho lên khuôn. Anh em Công binh bức tức xiết bao khi tờ báo ấy lại tự tiện đổi tên Công binh Điện Xá ký cuối tờ hiệu triệu ra là Ủy ban Công Nhân Cứu Quốc Điện Xá!

Tuy không được phép nói rộng hành động, Công binh không nản, quyết gieo ảnh hưởng tốt đẹp của hai chữ Công binh vào đầu óc dân chúng. Có nên nói rằng vì có Công binh ở mặt trận Gò Vấp Hạnh Thông Tây mà cuộc kháng chiến ở vùng này đã sôi nổi không?

Hạnh Thông Tây ở kế bên trường bay Tân Sơn Nhất là một nơi yếu điểm quân sự. Con đường thông cư Tân Sơn Nhất Hạnh thông Tây có thể là con đường thuận tiện cho địch quân tiến về miền Đông. Đảm nhận giữ Hạnh thông Tây, Công binh đã tin tưởng ở mình nhiều lắm. Sau này Hạnh thông Tây chính là một mục phiêu quân sự mà ở nơi ấy, Công binh Điện Xá và đoàn Trần Cao Vân đã tỏ ra là hai ngôi sao chói lọi nhất ở mặt trận tiền tuyến.

Trong những ngày chờ đợi như đã nói ở trên, những chiến sĩ Công binh xét vì thời cuộc nghiêm trọng nên thi hành những công tác binh bị không lúc nào nghỉ, cả ngày và đêm. Những tiểu đội trinh

thám, tuần sát đã hoạt động không nghỉ. Nhờ những cuộc hoạt động này mà sau đây, trong những trận du kích, Công binh, sau khi nêu được những chiến thắng oanh liệt đã khéo gìn giữ được lực lượng khỏi bị hao hụt. Trong đầu óc mỗi chiến sĩ, một bản đồ địa phương đã được ghi rõ rệt, từ một cái bụi rậm bên đường cũng để ý ghi chép không quên. Những anh em lớn nhỏ đã tỏ ra bền bỉ khác lúc mới ra đi nhiều. Nhất là em Hương, một em bé 14 tuổi trong đội trinh thám. Gương can đảm của Hương thật ít ai quên. Quên sao được, cậu bé học nghề thợ sắt tại xưởng Cơ khí Xe Điện, với bộ mặt tươi tỉnh, cặp mắt sáng như sao, biểu lộ một trí thông minh hiếm có. Quên sao được những lời cương quyết của Hương khi trả lời các anh lớn hơn khuyên trở về với gia đình nghèo nàn và ẩm cúng. Chính Hương đã trá hình thành một đứa trẻ chăn bò theo một đàn bò vào trong phi trường do thám lân la đến chỗ bọn Anh Ấn đóng gần bên những máy bay có súng liên thanh cao xạ; và đêm hôm ấy Hương đã dẫn đường cho tám anh Công binh lọt vào trường bay đánh cắp hai khẩu liên thanh cao xạ đem về. Chính hai khẩu súng đó sau này sửa lại đã dùng trấn giữ nhà máy Hiệp Hòa.

Một chiến sĩ can đảm như thế, mà tiếc thay, sau bao phen vào sinh ra tử chống bọn Đế quốc và lập được chiến công đáng phục, thì bị chết không phải vì mũi súng của Đế quốc, mà vì lưỡi dao dê hèn của

bọn người bất đồng chánh kiến với người thợ như Hương; đã định bôi nhọ thanh danh Hương bằng hai chữ “Việt gian” và giết Hương một cách nhơ bẩn. Chúng ta sẽ còn trở lại với cái chết của Hương trong một đoạn sau.

Gò Vấp “thất thủ”

Viện binh của Đế quốc càng ngày càng đổ bộ nhiều thêm. Chúng đã đem được đủ chiến cụ tối tân. Chúng quyết định mở rộng cuộc tấn công. Sự chiếm đóng Gò Vấp đối với chúng đã thành cần thiết.

Lúc này bộ Tham Mưu Mặt Trận Gò Vấp đã chia khu vực Gò Vấp làm ba khu kháng chiến A, B, C, nhưng vẫn dùng cái chiến thuật cũ. Đế quốc Anh Ấn đi trước dọn đường, và Chánh phủ vẫn dung túng cho liên quân Anh Ấn độ thông thả. Với cái tình trạng ấy thì đến chiến lũy “Siegfried” bên Đức cũng phải vỡ chớ đừng nói đến khu vực kháng chiến A, B, C.

Chỉ đánh Đế quốc Pháp, không đánh Đế quốc Anh trong khi trong quân đội Đế quốc Anh lẫn lộn bọn Pháp! Ôi! cái chánh trị nhu nhược ấy đã bao lần bị lường gạt một cách cay đắng chua xót!

Thế mà Chánh phủ vẫn không chịu hiểu!

Với một ít xe thiết giáp và vài lần dò xét thử thách, Liên quân Anh Ấn Pháp chiếm thị trấn Gò Vấp một cách dễ dàng. Các đoàn quân kháng chiến chờ “lệnh” của Bộ Tham Mưu, bộ Tham Mưu chờ sự “quyết định” của Ủy ban Hành Chánh!

Nhưng lệnh cho phép bắn không bao giờ tới vì Ủy ban Hành Chánh khi nghe tiếng súng của địch quân đã cùng với đoàn tùy tùng lên xe hơi lánh thân về miền Thủ Dầu Một!

Mãi đến chiều tối, các đoàn quân mới tự động tấn công. Nhưng muộn rồi! Những nơi hiểm yếu đã bị chiếm cứ.

Bộ Tham Mưu đêm hôm ấy thật là nguy khốn. Tất cả các ngã đều bị chặn hết, bộ Tham mưu không biết chạy ngã nào. Sau nhờ sự am hiểu địa thế và trí xét đoán lanh lẹ của anh Tổng Thư ký bộ Tham mưu là cựu Ủy viên Quân sự Công binh, bộ Tham Mưu đưa được lệnh cho các đoàn thể kháng chiến tạm thời rời bỏ Gò Vấp về An Phú Đông.

Thế là Gò Vấp thất thủ trong nửa ngày! Sáng hôm sau, người ta gặp anh C... chủ tịch Ủy ban Hành chánh Gia Định ngồi uống cà phê tại một tiệm ăn ở Lái Thiêu. Trước cửa tiệm oai vệ đậu chiếc xe hơi hòm bóng lộn mà hôm qua anh đã nhờ nó thoát nơi khói lửa.

An Phú Đông

An Phú Đông! Một cù lao nhỏ đầy những bãi mía, rừng dừa, một khoảng đất mà trên đó sống một số nông dân hiền lành, chất phác. An Phú Đông: có ai ngờ đó lại là cái mồi chôn bao nhiêu quân lính Đế quốc và lũ tay sai thám tử của chúng.

Theo huấn lệnh của bộ Tham Mưu, Công binh

cũng phải rút về An Phú Đông. Lần rút lui này đem lại cho Công Binh một kinh nghiệm nữa: một toán quân du kích biết tấn công bất ngờ quân địch, chưa đủ, phải biết rút lui nữa. Lần này là lần thứ nhì bị bao vây, Công binh đã áp dụng chiến thuật phá vòng vây, và đã ra khỏi vòng nguy hiểm một cách dễ dàng.

Xóm Thuốc – Hạnh Thông Tây là giai đoạn sửa soạn. An Phú Đông mới là giai đoạn phát triển cao nhất của đạo binh thợ. Cuộc kháng chiến mặc dầu đã bất lợi, nhưng phong trào chống Đế quốc đã như vết dầu lan tràn khắp mọi nơi. Trong châu thành Sài Gòn – Chợ Lớn, du kích quân vẫn còn ẩn nấp thi hành triệt để phương pháp phá hoại. Ngoài châu thành toàn dân tham dự cuộc kháng chiến. Vòng vây kinh tế khép chặt. Thật là một cuộc tổng đình công khổng lồ, dân chúng, nhờ lòng công phẫn đến cực điểm, đã hy sinh cả tài sản lẫn tính mệnh, gia đình để chiến đấu. Trong lịch sử chiến đấu đòi tự do của các dân tộc, có lẽ không bao giờ và ở nơi nào lại có được một phong trào chống Đế quốc vĩ đại như thế.

Mấy bữa đầu về An Phú Đông, một phần anh em phải đi sắp đặt chỗ ăn ở, còn một phần phải tiếp tục công tác binh bị, đi dò xét tình hình quân sự của bên địch, đi xem xét địa thế nơi đoàn quân mình đóng. Chiều chiều anh em được nghỉ ngơi. Quây quần với nhau trong một gian nhà rộng rãi, 60 anh em Công binh đêm nào cũng tổ chức những buổi nói chuyện để trao đổi ý kiến và cũng bàn luận đến các vấn đề

liên quan đến cuộc kháng chiến: vấn đề học thuyết, vấn đề đảng phái, triển vọng kháng chiến, sự liên lạc giữa Đông Dương và Quốc tế, giai cấp thợ thuyền trong cuộc kháng chiến.

Nếu anh Trần Đình Minh đã làm anh em cảm phục về biệt tài binh bị của anh, thì anh cũng làm anh em say mê về tài hùng biện trong khi anh dẫn giải về học thuyết, tư tưởng. Phần giáo dục về chánh trị cũng như về học thuyết và binh bị đã được anh em chú ý một cách đặc biệt. Nhờ sự huấn luyện cách mạng đó mà anh em đã giác ngộ mau chóng, và đã giác ngộ, nên Công binh mới thấy rõ nhiệm vụ của mình. Nó đã đưa đến cho Công binh một lòng ham chiến đấu đến cực điểm.

Sau mấy ngày yên tĩnh, nơi ăn chốn ngủ đã thu xếp xong xuôi, trong một buổi nhóm của bộ Tham Mưu, ủy viên Quân sự Cong Binh Điển Xa là Trần Đình Minh đề nghị xin đánh úp trụ sở Tổng Công Đoàn Nam Bộ lúc ấy bị quân Anh Ấn chiếm đóng. Đề nghị được đa số tán thành và vì có sáng kiến đưa ra, Công binh được giao cho nhiệm vụ chỉ huy trận đánh đó với tất cả đoàn quân kháng chiến hiện có ở An Phú Đông.

Tổng Công Đoàn! Âm thanh của mấy tiếng vang dội vào tâm hồn người chiến sĩ thợ thuyền! Tổng Công Đoàn! Trụ sở của thợ thuyền hiện bị Đế quốc chiếm cứ, phải trả mỗi hận này. Chưa bao giờ các chiến sĩ Công binh lại nhiều năng lực chiến đấu như

lúc này. Sự rộn ràng trong lúc sửa soạn vũ khí tấn công đã bộc lộ tâm tư người chiến sĩ bị kích thích ghê gớm.

Tối hôm đó, sau khi cơm nước, anh em họp nhau nói chuyện và ca hát cười đùa. Một bầu không khí thân mật bao tỏa chung quanh đoàn quân sắp xuất trận. Tất cả đều náo nức với trận đánh sắp tới. Và không có ai nghĩ tới có thể có sự chia ly đau buồn. Người ta cố tìm trên những nét mặt rần rỏ kia vẻ ưu tư ngày ra quân lần đầu rời Gò Vấp lên An Phú Đông, nhưng rất hiếm: gần với cái chết nhiều quá rồi, nên các chiến sĩ không còn sợ chết!

Chín giờ tối lên đường. Tấm màn đen bao phủ khắp nơi, trời mù mịt, cách ba thước không nhìn rõ mặt. Mấy đoàn quân, gần hơn 100 người, dưới quyền chỉ huy của anh Trần Đình Minh lặng lẽ dò từng bước nhằm trụ sở Tổng Công Đoàn Gò Vấp thẳng tiến.

Những tiếng lựu đạn, súng trường, liên thanh nổ rền trời. Sau nửa giờ công hãm, xét vì quân địch đã có cơ phòng bị nhờ những tiếng chó sủa báo hiệu, chúng dùng liên thanh bắn xối vào trong đêm tối, không thể tiến gần địch quân, anh Minh cho lệnh các đoàn khác rút về còn anh chỉ huy Công binh ở lại đoạn hậu. Quân địch càng bắn rát. Nhờ sự tỉnh trí của anh em Công binh nên đã có những viên đạn xô ngã được mấy tên Ẩn gục bên cây liên thanh lợi hại nhất. Mấy anh xông vào cướp cây súng. Nhưng

từ trên lầu một loạt liên thanh nữa đã bắt buộc anh em phải lùi, công theo hai thầy chiến sĩ bị đạn: anh Trần Văn Nghị ở đoàn Cảm tử số 1 và anh Hồ Văn Đức của Công binh.

Mất anh Hồ Văn Đức, Công binh đã mất một chiến sĩ nhiệt thành hăng hái, một cây súng có giá trị. Quán tại Mỹ Tho, làm nghề thợ may, Hồ Văn Đức, chiến sĩ Công binh đầu tiên bị Đế quốc bắn chết. Đức chết nhưng tinh thần Đức sẽ còn mãi mãi, trong lịch sử Công binh cái tên Hồ Văn Đức sẽ được ghi tại trang đầu.

Trận đánh trụ sở của Tổng Công Đoàn, kết quả không được bao nhiêu nhưng đã thị trưng lòng can đảm của Công binh và anh Ủy viên Quân sự Trần Đình Minh. Bộ Tham Mưu Mặt Trận Tiền Tuyến đề nghị với anh Trần Đình Minh để anh giữ chức Tổng chỉ huy khu vực “A” của Mặt trận Tiền tuyến. Khu vực “A” gồm có vùng Hạnh Thông Tây, Xóm Thuốc Gò Vấp, An Nhơn, Cầu Bến Phân. Minh chỉ nhận được chức này sau khi đã được toàn thể anh em Công binh chấp thuận và buộc anh vẫn phải chỉ huy Công binh.

Giữ quyền chỉ huy khu vực “A”, Minh tổ chức khuấy rối Đế quốc đủ các mặt. Sau khi liên lạc được với các đoàn quân trong khu vực “A”, “B”, “C” nhất định tấn công nhà Lê Phát An ở Hạnh Thông Tây, một căn cứ của Đế quốc. Lúc này quân Anh Ấn đã hoảng sợ du kích quân lắm rồi. Ngày, chúng dùng

máy bay đi thám thính; đêm, chúng núp trong những nhà hầm xi măng cốt sắt. Trận đánh nhà Lê Phát An cũng không đem đến kết quả ước muốn nhưng nó giúp cho Công binh thấy rằng muốn chống Đế quốc phải thay đổi chiến thuật. Minh đề nghị với bộ Tham Mưu xin tấn công Đế quốc giữa ban ngày. Một chiến thuật táo bạo vì cần một can đảm phi thường mới làm được.

Từ ngày ấy, trong khu vực "A" ở Mặt trận Tiền Tuyến, người ta thấy luôn luôn có du kích quân hoạt động. Xe "con cóc" (Jeep), xe cam nhông luôn luôn bị lật nhào. Sĩ quan binh lính Anh Ấn bị thiệt hại nhiều. Công binh tả xông hữu đột đánh hết chỗ này đến chỗ khác, lúc ông kích Cầu Bến Phân, lúc đánh xuyên qua cầu Bình Lợi, lúc đánh Gò Vấp, khi đánh Bình Hòa. Công binh đã làm hoạt động hẳn Mặt trận Tiền Tuyến, trận đánh nào Công binh cũng làm cho Đế quốc hoảng kinh. Bài ca "Công Nông Binh" xuất hiện vào dịp này. Công binh đã tự tin mình trong cuộc chiến đấu.

Lịch sử Kháng chiến Nam Bộ oanh liệt nhất là ở chung quanh châu thành Sài Gòn. Trong những khu vực quanh Sài Gòn, chỉ có Gò Vấp, An Phú Đông, Cầu Bến Phân là khu vực hoạt động nhất. Đó là khu vực của Công binh. Cùng với đoàn quân Trần Cao Vân, cũng một đạo binh thợ thuyền, nhưng riêng cái tên cũng đủ cho ta biết lý tưởng không rõ rệt, Công binh là một mối lo sợ hãi hùng cho Đế quốc.

Công Nông Binh! Phất cao cây cờ xông tới! Phá tan xiềng gông! Đoàn binh thợ với cây cờ đỏ, với bài ca riêng, với cách tổ chức riêng, với cách huấn luyện riêng, với một lý tưởng riêng, rộng rãi hoàn toàn đủ tư cách để tiêu biểu cho giai cấp thợ trong phong trào kháng chiến.

Nhưng người ta sẽ hỏi: người (chiến sĩ) Công binh ngoài những chiến công binh bị ấy từ ngày kháng chiến đến nay đã hơn gì những Dân quân kháng chiến khác? Xin trả lời:

Không kể đến sự giác ngộ đã làm tăng năng lực chiến đấu của người (chiến sĩ) Công binh, trình độ trí thức của Công binh trong mấy tháng đã tăng lên một cách rõ rệt. Từ những người thợ hoàn toàn tầm thường, ít nói, nhút nhát, chúng ta đã thấy anh em Công binh trở nên những người bàn luận thời cuộc một cách xác đáng, hợp với lý thuyết cách mạng. Từ những người bị chi phối bởi phong trào quốc gia sôi nổi chỉ mong giết “Tây” đánh “Tây”, Anh em đã trở nên những người xã hội biết sung sướng khi nghe tin một “đoàn quân cộng sản Pháp” không chịu đánh với Dân quân và đã cho Dân quân chiếm cứ nên đã bị bắt giam và đưa về Pháp. Những tin tức kháng chiến ở Ấn Độ, Miến Điện, Nam Dương, Cao Ly, ở Tàu đã bao lần làm anh em khoan khoái. Nhất là những tin tức tranh đấu của anh em thợ thuyền bên Pháp! Cái óc quốc gia hẹp hòi hoàn toàn chết hẳn ở người (chiến sĩ) Công binh.

Trong những đoàn Quốc gia, thường thường quân sĩ tiếm nhiệm cái lệ quân phiệt hành động phi pháp đối với dân chúng. Đoàn Công binh không hề bao giờ thấy những tệ hại ấy xảy ra. Anh em Công binh là người của dân chúng nên luôn luôn tìm cách an ủi, giúp đỡ dân chúng trong vòng lao khổ. Bởi lẽ đó mà ở những vùng Công binh đóng, dân chúng đều cảm phục cái tư cách hòa nhã của Công binh. Người ta đã thấy ở An Phú Đông, khi mà ban chỉ huy Công binh áp dụng phương pháp dùng “kịch hát” để huấn luyện anh em thì dân chúng tham dự vào những buổi hát đó rất đông. Anh em Công binh đã hân hoan xiết bao khi cả một vùng An Phú Đông đã thuộc lòng những bài hát của Công binh. Ngoài ruộng, một em bé chăn trâu hồn nhiên hát bài “Cờ Đỏ”:

“Nào dân lao khổ đói khát bước lên đi chiến đấu:

“Cờ đỏ phát tiến lên, ta sẽ không thua đâu!”

Anh em cảm thấy rằng nhiệm vụ của mình không phải chỉ là đạo tiên phong thợ thuyền chống Đế quốc, mà còn là những người dẫn đạo toàn thể giai cấp lao khổ trên con đường tranh đấu nữa.

IV

Rời An Phú Đông lên biên thùy Việt-Cao

Trong mặt trận Tiền tuyến, Công Binh đang tung hoành. Là bộ đội tay mặt của bộ Tham Muờ, Công binh nhờ lòng dũng cảm của sự hy sinh, nhờ sự giác

ngộ của các chiến sĩ, nhờ những đức tánh cần thiết trong cuộc chiến đấu đã làm tròn được hết nhiệm vụ của mình. Là một đạo quân có lý tưởng rõ rệt, quan niệm một cách sáng suốt công cuộc giải phóng dân tộc, Công binh được dân chúng mến yêu, được các đoàn thể khác kính nể.

Có ai đã thấy Công binh lạm dụng danh nghĩa dân quân làm điều gì phi pháp chẳng? Công binh không hề tham dự vào cuộc cai trị. Đứng xa hẳn Chánh phủ và mặc dầu là bộ đội xung phong của quân đội Gò Vấp, mặc dầu những thiếu thốn, mặc dầu hoàn toàn tán thành phương pháp “sung công”, một phương pháp cần thiết để duy trì cuộc kháng chiến, Công binh không tham dự vào công tác chánh trị. Không phải là Công binh nhát sợ một trách nhiệm nặng nề gì khác. Nhưng trong khi phong trào kháng chiến đã bị chi phối bởi các người cầm đầu tiểu tư sản, trong khi Công binh phải gặp bao nhiêu khó khăn mới đưa nổi được lá cờ đỏ tung bay trước gió, Công binh tự cho mình cái nhiệm vụ chỉ đứng trong vòng chiến đấu mà thôi. Tranh đấu chống Đế quốc, mục đích cấp thời của Công binh là tự vệ, là kháng chiến... tự vệ kháng chiến dưới lá cờ thợ. Công binh không thấy có “Tổ Quốc”, có “Giang san” vì Công binh là giai cấp thợ, không có tư hữu, không có của riêng. Công binh chỉ thấy có Độc lập, Độc lập với ý nghĩa tự do, cái tự do dân chủ mà trong đó có tự do đình công, tự do nghiệp đoàn, tự do tranh đấu là những tự do cần

thiết nhất. Vì vậy trong khi Công binh tự vệ kháng chiến, Công binh không những chỉ tin vào lực lượng đặc biệt của mình, vào lực lượng của cả dân chúng kháng chiến, mà Công binh còn chờ ở sự giúp đỡ của giai cấp thợ, của dân chúng bị Pháp áp bức nữa. Nhưng bỗng nhiên tại sao trong một đêm vào cuối tháng mười một, Công binh lại tự tiện không kèn không trống rút lui về biên thù Việt-Cao? Đó là một quyết định hết sức táo bạo đã đem đến cho hai anh Ủy viên Quân sự Công binh là Trần Đuỳnh Minh và Nguyễn Văn Thường hai cái án “tử hình” của “Tham Mưu Trưởng Gò Vấp” là Nguyễn Đình Thâu.

Tại sao vậy?

Chúng ta không thể không dừng lại ở đoạn này để thuật lại rành mạch nguyên nhân gì đã bắt buộc Công binh phải rút lui. Sự quan hệ không phải chỉ ở cái án “tử hình” bởi vì không cần đợi phải có nó, Ủy viên Quân sự của Công binh là Trần Đình Minh cũng đã phải chết trong khi chiến đấu chống Đế quốc.

Như chúng ta đã biết, tình trạng của An Phú Đông hồi tháng 11 thật là nguy ngập. An Nhơn, Cầu Bến Phên đã bị chiếm đóng. Đường lối về mấy phía này đã bị bít bùng, duy còn có một con đường Bình Phước để rút mà thôi. Con đường này cũng bị Đế quốc kiểm soát. Và vòng vây càng ngày càng thắt chặt. Các cầu nối với Lái Thiêu, Thủ Dầu Một cũng bị cắt đứt. Có ngày An Nhơn bị các đội tuần phòng đón đường Nhật bản đột nhập đến hai ba lần. Trong

khi đó thì các bộ đội vì chiến thuật công kích không ngừng ở Gò Vấp đã bị hao hụt rất nhiều súng ống đạn dược, một phần vì thấy rõ sự bao vây càng ngày càng chặt thêm – Đế quốc Pháp đặt súng ở bên Gò Vấp ngày đêm bắn sang An Phú Đông – đã hoang mang lo lắng dự bị rút lui.

Trong tình trạng ấy, là một đội quân lưu động, luôn luôn phải chiến đấu, Công binh không thể không nghĩ cách để đối phó. Ủy viên Quân sự Trần Đình Minh cũng lại là Tổng chỉ huy khu vực “A” đã nhiều lần ướm thử với Tham Mưu Trưởng là Nguyễn Đình Thâu phương pháp dự bị để phòng một cuộc tấn công An Phú (An Phú Đông) sắp tới. Minh đề nghị tạm rút lui qua Hạnh Thông Tây và tản mát lực lượng kháng chiến mỗi chỗ một ít. Nhưng như một người ở đâu xa xôi tới, không chịu ngó vào thực trạng để nhận xét cái quan hệ lực lượng của đối phương và của mình, Thâu lại ra lệnh phải công kích địch quân và đánh thốc lên tận bên trong Gò Vấp là Bình Hòa. Khỏi phải nói, một chiến thuật khinh địch như vậy tránh sao gây những thất bại nặng nề. Chúng có là chỉ sau một tháng khi Công binh rút lui thì An Phú, vì thiếu để phòng và khinh thường, bị thất thủ một cách đau đớn với một sự thiệt hại không thể tưởng tượng được: 6 sà lúp chiến sĩ bị bắt sống (ước chừng hơn năm trăm), súng ống và tiền bạc các đồ vật tiếp tế trị giá trên bốn triệu.

Nguyễn Đình Thâu là người độc đoán không kể

đến ý kiến của bất cứ ai ai. Và vì hay sát hại những kẻ khác ý kiến của mình cho nên Thâu phải có một bộ đội “vệ binh” thường trực riêng, và một phân nửa khí giới phải dùng vào việc đó.

Khí giới đã ít, các căn cứ du kích đã bị bọn Đế quốc thấu triệt, vòng vây của chúng mỗi ngày một chặt. Trong một tình trạng như thế, sự độc đoán của Thâu thật là một tai hại lớn cho cuộc kháng chiến.

Ngoài cái thái độ của Thâu đối với đề nghị của Trần Đình Minh lại còn bao nhiêu bằng chứng khác nữa tỏ rõ sự độc đoán ấy. Chẳng hạn như Thâu bắt giam anh Tổng Thư Ký Ủy ban Hành chánh Tân Bình, anh T... chỉ vì có người mách: anh ở trong hàng ngũ Cộng sản Quốc Tế (Đệ Tứ), anh T... lại là cố vấn chánh trị của đoàn Dân quân Cảm tử số I. Bất bình vì hành vi độc tài của Thâu, đoàn Dân quân Cảm tử số I do anh Khuất chỉ huy đã toan đánh úp bộ Tham Mưu. Nếu không có anh Lý Chiến Thắng, Tổng Thư ký Tổng Công Đoàn Nam Bộ xin cho anh T. ra thì có lẽ chúng ta đã được chứng kiến nhiều chuyện bất ngờ.

Lại như chuyện xử bắn mấy chiến sĩ của đoàn Tây Sơn vì đã dám xông vào nhà bà cô ông Dương Bạch Mai tại An Nhơn để “sung công” mấy tấm vải may quần xà lỏn (quần đùi) mặc trong lúc thiếu thốn. Một cách xử đoán quá hà khắc như thế đã làm cho cả đoàn Tây Sơn phải uất ức. Một vài chiến sĩ không ngăn được nổi lòng phẫn uất đã tuyên bố: “Chúng ta thể chẳng đội trời chung với những người quá

ức hiếp chúng ta. Nếu chúng tôi chết, anh em quyết phải báo thù nầy”. Và khi nạn nhân bị đem xử bắn, Thâu đã nói với các binh sĩ vác súng đi hai bên: “Nếu tội tôi đáng chết, tôi xin các anh hãy giết tôi bằng cách khác, đừng bắn bằng súng. Hãy để dành đạn bắn bọn Đế quốc để mưu sự độc lập cho nước nhà”!

Vụ án nầy đã làm sôi nổi Mặt trận Tiền tuyến vì đoàn Tây Sơn đã có công lớn trong những cuộc tấn công cầu Bến Phân mà Tổng Hành Dinh của Đại tướng Gracey đã phải nhìn nhận là mãnh liệt.

Chính anh Danh, chủ tịch Ủy ban Hành chánh Quận bộ Gò Vấp cũng phải bắt mắt những hành vi cuồng nhiệt đó. Và dẫu rằng người ta đã cố tình ém đi, hầu hết các bộ đội tại mặt trận Tiền tuyến: Trần Cao Vân, Đào Duy Từ, Chi Lăng, Nguyễn An Ninh đều đã phản kháng Nguyễn Đình Thâu với Tổng Tư Lệnh Nguyễn Bình.

Ngoài ra lại còn bao nhiêu lẽ nữa đã khiến Minh thấy cuộc kháng chiến ở An Phú Đông lâm vào tình trạng tuyệt vọng.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với những anh em trong ban chỉ huy và đã được đa số chiến sĩ Công binh tán thành, Minh quyết định dời Công binh đi nơi khác, thoát hẳn móng vuốt của Nguyễn Đình Thâu. Anh em còn hi vọng rằng sự Công binh rút đi sẽ là một tiếng sét đánh bên tai Thâu để cảnh tỉnh Thâu, mong Thâu trông lại lực lượng mình nhìn qua thế giặc để mà đừng hi sinh tính mạng chiến sĩ một cách vô ích.

Sau đó một tháng, An Phú Đông thất thủ một cách chua chát. Chính Lý Chiến Thắng, người bạn đã ủng hộ cho Thâu rất nhiều lại là người oán trách Thâu nhiều hơn hết. Thắng đã tỏ ra đau đớn và hối hận nhiều vì đã không phòng giữ cái tính kiêu ngạo khinh địch của Thâu.

Từ giả An Phú Đông

Đêm 15 tháng 11, theo lệnh của Tham Mưu Trưởng, Minh phải chỉ huy trận đánh Bình Hòa. Mặc dù quan niệm về chiến thuật không đồng, Minh chỉ huy một cách rất chu đáo. Cùng em Hương, cùng anh phó chỉ huy Quân sự Công binh S... Minh thân chinh vào Bình Hòa thám thính vị thế, Minh suýt bị bọn Anh Ấn bắt.

Nhưng trận đánh Bình Hòa kết quả không được bao nhiêu. Đoàn Cảm Tử Công binh đi trước thấy mấy trái lựu đạn, nổ chỉ làm bị thương mấy tên lính và làm hư gian nhà chúng ở. Bị đánh bất ngờ, quân lính Pháp tuy có hoảng sợ, nhưng cũng vì vậy, sự canh phòng của chúng cũng trở nên cẩn mật hơn.

Vả lại trận đánh Bình Hòa chỉ là trận đánh cuối cùng của Công binh ở Mặt Trận Tiền Tuyến. Bởi cùng với sự sửa soạn đánh Bình Hòa vào đêm 15/11, Minh và S... cũng đã sửa soạn cho anh em rút ra ngoài An Phú Đông.

Đêm hôm đó, Công binh chia làm hai đoàn, một

đoàn đi đường thủy do anh S... chỉ huy và một đoàn đi đường bộ do Minh chỉ huy.

Đoàn đi đường thủy sửa soạn đi ngay từ 12 giờ đêm, đem theo hết súng đạn, thuốc men, đồ đạc, cốt để đoàn đi đường bộ được thành thoi, vì phải qua năm đoạn đường có lính Anh Ấn gác xét hỏi.

Cả hai đoàn đều nhắm Lộc Giang, Tổng Hành Dinh Đệ Tam Sư Đoàn tiến tới. Nhưng khi đoàn đi bộ tới nơi đóng trại yên nghỉ để chờ đoàn thủy thì biệt tăm tin tức. Mãi ba ngày sau mới được tin rằng đoàn đi đường thủy đã bị Ủy Ban Kháng Chiến Mỹ Hạnh bắt lại.

Tin này làm cho anh em giựt mình, bởi nó chỉ rằng giữa đoàn thể kháng chiến có sự xung đột, mà một bằng chứng hiển nhiên là sự bắt giam những chiến sĩ tìm đến Đệ Tam Sư Đoàn, nó tỏ rõ sự xung đột nặng nề giữa Sư Đoàn này, một Sư Đoàn do Nguyễn Hòa Hiệp chỉ huy, và các đoàn khác. Đó là một điều mà từ trước đến giờ, vì mãi mê trong chiến đấu, Công binh đã không biết rõ cho nên đã không đề phòng. Sau, Minh có tìm nhiều cách yêu cầu Ủy Ban Kháng Chiến trả lại các đồng chí của mình nhưng không được.

Thế là Công binh bị xẻ làm hai: một đoàn phải ở lại giữ Mỹ Hạnh cho đến ngày thất thủ, một đoàn giữ mặt trận Việt Cao.

Những ngày chờ đợi đoàn thủy là những ngày khủng hoảng dữ dội nhất của Công binh. Sự nhớ

nhưng Mặt Trận Tiền Tuyến, sự lạ lùng sống giữa một Sư Đoàn khác, cái quan cảnh tiêu sơ của đồng ruộng Tháp Mười, sự nhớ tiếc những anh em ở Mỹ Hạnh, sự thiếu thốn súng đạn, thuốc men, cái khí hậu xa lạ vây quanh, bao nhiêu làm cho đạo binh thợ hầu gần mất hết nghị lực.

Nhưng chính hoạn nạn đã dạy chúng ta. Nhờ qua những giờ phút trong rừng ghê khiếp như vậy mà Công binh mới nhận thức được sứ mạng của mình và thấy rõ sự tiến hóa của mình mà mặc dầu Công binh đã bắt đầu đi vào những ngày tàn, nó vẫn giữ được tinh thần cách mạng và con đường đi đã vạch.

Trên đường đi, trải ra một mặt trận dài xa tắp. Từ Hóc Môn qua Đức Hòa, nhan nhản chiến sĩ của các đoàn và dân chúng tham dự chặt chẽ vào cuộc kháng chiến. Không khí mới làm cho lòng anh em nao nức phấn khởi và cảm thấy sâu xa nhiệm vụ của các cuộc kháng chiến.

“Cờ Đỏ phát tiến lên! Ta sẽ không thua đâu!” Anh em sung sướng ca hát. Không ai ngờ rằng trong những tiếng hát vui vẻ ấy lại mở đầu cho những ngày đen tối nhất của Công binh.

Lộc Giang

Một tháng qua ở Lộc Giang! Một tháng qua nặng nề! Ở An Phú anh em đã phải bút rút uất ức về sự độc đoán của Nguyễn Đình Thâu; ngày nay ở đây, anh em lại phải đụng đầu với một đoàn quân không

có lý tưởng chánh trị và chỉ biết có tranh đấu bằng vũ khí, Công binh tưởng qua không nổi những ngày giờ độc ác như vậy.

Và ở đây cũng như ở An Phú, vẫn cái vấn đề thống nhất nó làm cho Công binh lo lắng cho toàn cuộc. Anh em rất lấy làm đau đớn nhận thấy đứng trước kẻ thù ngăn cản sự thống nhất trong hàng ngũ kháng chiến thiếu hẳn. Vì thế lực của đảng phái, vì sự tranh giành cá nhân, cuộc xung đột giữa các đoàn lúc công khai, lúc ngấm ngầm, lúc nào cũng sẵn sàng nổ bùng. Thì ra cái chân lý thống nhất chỉ là cái chân lý bịa ra để “cả vú lấp miệng em” mà thôi. Ở Mặt Trận Tiền Tuyến anh Thâu đã bắt Công binh tước khí giới của đoàn anh Tồn. Anh em Công binh đã toan không nghe theo vì không muốn dự vào cuộc tương tranh vô nghĩa ấy, nó chỉ làm yếu cuộc kháng chiến. Nhưng lệnh trên đưa xuống Công binh đành phải miễn cưỡng thực hành. Có ngờ đâu một ngày, sau một tháng, lại đến lượt Công binh bị đoàn Giải Phóng Quân Mỹ Hạnh tước khí giới. Và như thế, các đoàn uy hiếp nhau trong khi Đế Quốc cứ tấn công ngay đằng sau mình. Không; người ta chỉ dựa vào có phải thống nhất để chia rẽ mà giữ độc quyền kháng chiến. Kết quả, như ta đã biết, là làm yếu hẳn phong trào, cấm tự do vũ trang để đi đoạt súng của các đoàn kháng chiến khác, cái chánh trị đó của chánh phủ chỉ lợi cho Đế Quốc mà thôi.

Thêm vào cái chánh trị phá hoại sự thống nhất,

còn bao nhiêu những sự sai lầm khác nữa. Chẳng hạn như vấn đề xử “Việt gian”, mỗi khi bắt được “Việt gian”, người ta thường đem xử trảm theo lối phong kiến... Đành rằng lòng giận của dân chúng đối với Đế Quốc đã khiến dân chúng tự động dùng đủ cách hành phạt đối với lũ tay sai của chúng, nhưng những người cầm đầu cần phải ngăn cản nó, giải thích cho dân chúng hiểu. Tại sao lại không lập tòa án cách mạng? Tại sao cái thẩm quyền xử phạt đó lại không giao cho tòa án cách mạng? Dân chúng có quyền làm theo lòng giận của mình, không ai có quyền kết tội, nhưng đối với các đoàn thể kháng chiến đã có ý thức thì cái chủ trương xử phạt phong kiến là một điều sai lầm lớn.

Lại như vấn đề mang “lon” (galon). Trong Đệ Tam Sư Đoàn các anh đoàn trưởng đã thu hết “lon” về họ, từ Thiếu Tướng, Trung tá đến Đại úy, và do đó có sự phân chia rõ rệt giữa họ với các chiến sĩ, làm cho Công binh phải bất bình, gây ra nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi. “Một Sư Đoàn quan cách” – đã có anh phải thốt ra câu ấy. Cái quan niệm chung của anh em Công binh là một đoàn binh thì phải được tổ chức theo nguyên tắc dân chủ. Không thể vì một lẽ gì có thể thừa nhận sự phân chia giữa mọi người được, nhất là giữa những anh em chiến sĩ cùng chiến đấu.

Đệ Tam Sư Đoàn thật ra là một sư đoàn lớn nhất trong mấy sư đoàn kháng chiến. Gom góp được rất nhiều chiến sĩ, Đệ Tam Sư Đoàn muốn đi tới một tổ

chức hoàn toàn quân sự. Phân chia ra cán bộ Tham Mưu, cán bộ Tiếp Tế, cán bộ Cơ Khí, cán bộ Tuyên Truyền và theo lối huấn luyện nhà binh. Đệ Tam Sư Đoàn bắt buộc phải phân biệt đẳng cấp. Để đánh dấu sự phân biệt đó, Đệ Tam Sư Đoàn thực hiện ra sự mang “lon”. Đó là một điều làm cho phần đông các chiến sĩ quen với ý niệm dân chủ chẳng được hài lòng, mặc dù Đệ Tam Sư Đoàn đã được chánh phủ Trung Ương chuẩn nhận và các đoàn thể giải phóng quân cũng đã nhiều lần chỉ trích. Mặc dầu như vậy, Công binh không nản. Quyết định không vì thế mà rời khỏi Đệ Tam Sư Đoàn để giải thích cho các chiến sĩ khác biết rõ những sự sai lầm của đoàn. Vì vậy mà cũng như An Phú, với các tổ chức dựa trên nguyên tắc dân chủ, Công binh đã hấp dẫn được bao nhiêu đoàn khác – có đoàn gửi chiến sĩ cho Công binh huấn luyện (Đoàn Hạnh Thông Tây). Và trong một tháng, cái tinh thần dân chủ đã lan ra khắp các đoàn khác. Cũng như Hạnh Phú (An Phú Đông, Hạnh Phú Tây), sự tổ chức và các bài hát của Công binh đều được tất cả dân chúng biết tới, cũng như ở Mỹ Hạnh, các đoàn giải phóng quân đã gắng công học để biết cả các bài hát của Công binh. Ở đây trên Mặt Trận Việt Cao, Công binh đã chiếm được lòng toàn thể các chiến sĩ kháng chiến. Bao nhiêu anh em Việt Kiều đã muốn bỏ đoàn để gia nhập Công binh.

Một tháng qua ở Lộc Giang, sống trong sự chờ đợi và không hoạt động, đã giúp anh em đi sâu vào

các vấn đề. Trình độ anh em thấy tiến hẳn lên. Về tinh thần, anh em thấy già dặn hơn. Về sự hiểu biết thường thức, anh em thấy biết thêm bao nhiêu điều mới mẻ. Về tổ chức, anh em đã nhận thức được tất cả các nguyên tắc cần thiết.

Kháng chiến nếu chỉ để chống lại Đế Quốc mà thôi thì ý nghĩa của nó sẽ hẹp hòi biết bao nhiêu. Trong cuộc kháng chiến, Công binh đã biết tự đổi dần, tự biến dần mình. Trước kia còn là một người thợ, còn lơ mơ chưa giác ngộ, bây giờ là một người thợ có ý thức hẳn hoi. Cây súng trong tay người thợ không chỉ là một khí giới chống kẻ địch. Nhờ cầm cây súng đó, Công binh biến hẳn hình dạng mình, con người của mình. Các thành kiến cũ bị gạt sang một bên, các quan niệm cũ bị hất vào một xó, tinh thần sôi nổi náo nhiệt, hoạt động kỳ lạ. Tư tưởng, tình cảm đảo lộn, bấy nhiêu đó thôi đã đủ là một sự đặc thắng rồi.

Một tháng qua ở Lộc Giang âm thầm đen tối bao nhiêu! Vậy mà trong cái âm thầm đen tối đó, ánh sáng đã hé mở. Đoàn Công binh đã nhận rõ mình. Thật không có một sự đặc thắng nào lớn lao hơn. Cái chiến công lớn nhất của Công binh là ở đây. Cho nên chúng ta không lạ gì khi lên ấp Trung Giấu thì Công binh đã đổi hẳn. Khí lực gần hồi lại với một ý thức hoàn toàn chắc chắn.

Ấp Trung Giấu, một làng nhỏ, nhưng không nằm trong khúc quanh co một con sông đã hòa bao nhiêu

máu người như An Phú Đông. Ấp Trung Giầu ở ngay biên giới Cao Miên. Dân làng chất phác, thật thà mà cương quyết, can đảm. Phải chăng vì họ đã hưởng thụ được tinh thần của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh mà làng còn ghi bao nhiêu kỷ niệm.

Đến ấp Trung Giầu, còn 40 chiến sĩ, với một khẩu súng F-M liên thanh (fusil mitrailleur) và hai cây súng trường (mousqueton) mà Đệ Tam Sư Đoàn đã trao cho với cái sứ mạng đi giữ Mặt Trận Việt Cao, Công binh lại sửa soạn đi ra mặt trận.

Sau khi đặt xong trụ sở, việc đầu tiên của Công binh là liên lạc với dân chúng tổ chức ban tuyên truyền và ban huấn luyện, dựng pháo đài thăm dò mặt trận. Đồng thời Công binh triệu tập các cuộc hội họp các nhân viên Ủy Ban Nhân Dân làng và các thanh niên nông dân. Một cuộc hội họp hết sức cảm động, Công binh tự giới thiệu và giải thích cho dân chúng thế nào là “Công binh” cùng sự liên lạc của Công binh với “nông binh”, với dân chúng. Mục đích của sự chiến đấu là đòi độc lập mà trước hết là những tự do cần thiết để bênh vực quyền lợi cho giai cấp cần lao. Rồi Công binh một mặt dạy dân làng biết đọc chữ, một mặt tổ chức sự giúp đỡ các anh em nông dân và huấn luyện họ về binh bị và chính trị. Cuộc hội họp ấy đã làm cho anh em dân chúng rất đổi cảm kích và yêu mến Công binh. Từ đó nông dân ngày ngày đến thăm viếng anh em Công binh và xin gia nhập vào đoàn.

Công cuộc huấn luyện chính trị trong đoàn lại tiếp tục. Đêm đêm lại có những cuộc hội họp rất đầm ấm. Ngày thì luyện tập võ bị. Còn thì giờ thì đi thăm các anh em nông dân, đến nhà chơi bởi thân mật hỏi han về đời sống của họ. Lúc ấy, thỉnh thoảng anh em có tiếp được thư của các đồng chí ở Mỹ Hạnh, lại có thêm được hai chị cứu thương và anh S... anh Thanh ở Mỹ Hạnh về, anh em vui mừng hân hoan biết bao.

Thanh ở trong ban cứu thương, anh theo đoàn từ khi rời An Phú. Lăn lộn từ phút đầu trong phong trào kháng chiến, Thanh đã từng theo Cộng Hòa Vệ Binh Giải Phóng Quân ở Biên Hòa, Thủ Đức. Thanh biết Công binh vừa lúc nó bị phải phản đối. Nhưng vì muốn hiểu rõ hai chữ “Công binh” cho nên không ngần ngại, Thanh đã bỏ Mỹ Hạnh lẫn trốn về ấp Trung Giầu. Thanh là người sáng suốt đã biết nhận chân đâu là lý tưởng. Vậy mà Thanh đã phải chết một cách thảm thương.

Một đêm sau trận đánh Thốt Nốt (Socnok) khi rút lui, Thanh cùng đi với đoàn và tuy ở trong ban cứu thương, cũng cầm tầm vông vót nhọn làm phận sự người chiến sĩ. Một người kêu Thanh sang băng bó cho một chiến sĩ ở một đoàn khác. Trong lúc lộn xộn, Thanh không phân biệt được, đi ngay. Ai ngờ đó là một mưu gian của địch quân. Rồi Thanh bị chúng giết, bỏ thây ở một bụi tre. Thanh chết, thiệt cho Công binh một chiến sĩ thật đặc lực. Viết được, nói được, Thanh còn là một chiến sĩ rất tận tâm trong

khi thi hành phận sự. Còn nhớ hôm qua đưa đám một chiến sĩ thanh niên nông dân bị chết trong khi chiến đấu, Thanh đã viết bao nhiêu câu thống thiết khiến cho dân chúng dự cuộc tang lễ rất cảm động. Cũng như ở An Phú, Công binh mất anh Hồ Văn Đức, ở Trung Giầu, Công binh mất anh Thanh.

Cái chết của Thanh gieo vào hàng ngũ Công binh một nỗi buồn vô hạn.

Những ngày đầu tiên ở trên biên thùy Việt Cao thêm vào những chiến công oanh liệt mà chúng ta sẽ nói sau, Công binh đã nói rộng được phạm vi hoạt động của mình. Liên lạc được với dân chúng nhất là anh em nông dân, Công binh đã đào tạo được Nông binh. Ở đây nữa với Công binh, sự đoàn kết giữa các tầng lớp đau khổ của dân chúng đã được thực hiện bằng phương pháp thiết thực cách mạng.

Nhưng ngày vui không được bao lâu.

Ở đây cũng như ở An Phú, Công binh vẫn có nhiệm vụ kháng chiến, nhứt là nhiệm vụ công kích.

Trận Thốt Nốt (Socnok)

Để chống lại sự khủng bố của người Miên, bộ Tham Mưu Đệ Tam Sư Đoàn giao cho Công binh việc tiến đánh Thốt Nốt (Socnok), một trận đánh gay go vì bên kia biên giới có quân lính Pháp tiếp viện quân Miên. Đêm đầu tiên, Công binh cùng với đoàn Việt Kiều, đội quân lưu động, đánh sâu vào 9 cây số.

Nhưng vì các cánh quân ở mặt khác không tiến tới được cho nên cùng đêm hôm ấy phải rút lui ngay.

Và đêm sau Công binh lại phải chỉ huy tiến đánh và phải tiến tới Thốt Nốt. Lần này thì Công Binh đã tới đích, đánh lui quân Miên và chiếm hẳn chợ Thốt Nốt. Nhưng trong lúc sửa soạn để chờ sáng ngày vận tải những quân nhu đã lấy được, các đội quân khác chưa kịp rút đi, thì viện binh của Pháp đã tiến đến. Các đoàn quân khác vì ít khí giới chỉ còn đường chạy trốn mà thôi. Chỉ huy viên Công binh Trần Đình Minh phải phân chia anh em Công binh ở lại để chống đỡ. Anh S... với cây F-M (fusil mitrailleur) phải ở lại giữ cầu ngã tư Thốt Nốt. Hai chiến xa thiết giáp Pháp thành linh chạy đến và nhắm nơi Minh bắn sang. Chính ra Minh đáng lẽ phải bị chết hôm đó nhưng nhờ anh S... tỉnh trí nên với cây F-M (liên thanh) đã đánh lui được hai thiết giáp xa của địch quân.

Trận đánh này đã làm tăng thêm danh tiếng Công binh nhất là hai anh Minh và S... Nhưng ngày hôm sau, quân Pháp kéo lên rất đông và kéo sang đánh Lộc Giang. Thế không địch nổi, Đệ Tam Sư Đoàn phải rút lui về Đồng Tháp Mười. Công Binh phải giữ chống với địch quân để cho các đoàn khác rút lui được dễ dàng. Công việc thật là nặng nhọc, nguy hiểm. Minh và S... phải ăn đói, uống khát ba bốn đêm liền ở pháo đài canh gác.

Công binh tại Mỹ Hạnh

Nếu anh em trên Lộc Giang phải sống những ngày đen tối vì bị phân ly, hơn một chục chiến sĩ Công binh bị giữ lại Mỹ Hạnh cũng đã âm thầm đau đớn chẳng kém.

Nhưng ngoài xa tiếng trống đồn dập vọng về, buộc người chiến sĩ phải gác bỏ nỗi tâm tư phiền muộn mà nghĩ đến sự tận diệt quân thù.

Nghĩ vậy anh em hăng hái tiếp tục chiến đấu. Mặc dù ít ỏi, mặc dù ít người chỉ huy, nhưng những cây súng của anh em thợ thuyền giao phó cho còn kia, anh em không thể vì một lẽ gì mà bỏ nhiệm vụ ; sau một đêm bàn định và đã được nghị quyết tán thành của toàn thể anh em còn lại ở Mỹ Hạnh, cái lối tập hợp để nghị quyết đã thành một định lệ của Công binh – một tiểu đội của Công binh đã làm lễ chào cờ thợ (lá cờ đỏ) tại trụ sở của Giải Phóng Quân Mỹ Hạnh. Lá cờ ấy vẫn là lá cờ mà anh em đã chiến đấu từ xưa, lá cờ đỏ của thợ thuyền. Anh em đã nguyện rằng bất kỳ ở đâu, trong trường hợp nào, anh em hy sinh vì lá “Cờ Đỏ”.

Tiểu đội Công binh Mỹ Hạnh do anh Chín Nghé chỉ huy. Nhưng khi anh Nghé đã sang giữ chức trong trường ban cơ khí Mỹ Hạnh thì anh Bảy được anh em tín nhiệm, giao cho trọng trách đó, anh Bảy, một anh chạy máy lửa tại kho xe điện Gò Vấp, một chiến sĩ đã tiến hóa nhiều nhất trong đoàn Công binh. Từ đây ta phải nhận thức cái kết quả tốt đẹp không ngờ

của phương pháp huấn luyện về chánh trị và binh bị của Công binh. Sau hai tháng nhập đoàn, anh Bảy đã biết điều khiển đoàn binh của anh một cách khôn khéo, và cũng chỉ theo những chiến lược đã hấp thụ được của anh Trần Đình Minh. Anh và 13 anh em ở lại đã làm các bộ đội giải phóng quân và dân chúng Mỹ Hạnh phải khâm phục Công binh.

Có ai quên được những trận đánh kinh khủng của các anh. Hai tiếng Công binh đã vang lừng khắp miền Mỹ Hạnh sau trận đánh Cầu Lớn với chiến thuật du kích đúng đắn, các anh đã giao chiến với một đoàn xe thiết giáp Đế Quốc từ Bà Chiểu, Hóc Môn tới tấn công Cầu Lớn suốt một đêm, ròng rã từ 12 giờ đêm tới 7 giờ sáng hôm sau.

Các anh đã không phụ lòng tin cậy của anh em thợ, và các anh đã trả lời một cách đích đáng cho những người muốn thử tài thử sức những cây súng của anh em thợ.

Cầu Lớn thất thủ ngày hôm ấy. Nhờ có máy bay trợ lực, Đế Quốc đã đàn áp Công binh, nhưng không khỏi thiệt hại nặng nề.

Trái lại Công binh còn nguyên vẹn lực lượng, theo các đoàn giải phóng quân rút về Tân Thạnh Đông, rồi Tân Mỹ, rồi ấp Bầu Tràm.

Ấp Bầu Tràm

Ấp Bầu Tràm: nơi đây Công binh, sau bao nhiêu trận kịch chiến, đã nếm mùi thất bại. Nhưng có

những thất bại đầy vinh quang. Nếu ấp Trung Dầu đã là nơi yên nghỉ của chiến sĩ Công binh Thanh, thì ấp Bầu Tràm cũng là nơi chị Quý, anh Đồng, anh Thiện đem những dòng máu nóng hổi của mình giao cho giai cấp thợ viết những trang đẫm máu của lịch sử Công binh,

Ấp Bầu Tràm: nơi chiến địa oai linh ngàn năm, Đế Quốc còn nhớ mãi lòng oán thù của dân chúng Đông Dương biểu lộ trong trận đánh ấp Bầu Tràm.

Tiếng súng nổ liên thanh. Tiếng động cơ máy bay ầm ì hòa lẫn tiếng tạc đạn, tiếng bom rơi đình tai nhức óc. Mùi thuốc súng khét lẹt lẫn lộn với mùi máu người tanh tưởi, dân chúng kháng chiến từ 7 giờ sáng với hai đạo quân Đế Quốc từ Thủ Dầu Một và Hóc Môn kéo qua Tân Mỹ. Đã hơn 10 giờ, các chiến sĩ lần lượt gục trên chiến địa. Nhưng đoàn quân, trong cơ đội Công binh đi tiên phong vẫn hăng hái chiến đấu.

Chị Quý, một nữ chiến sĩ Công binh trong ban cứu thương, mạnh dạn công một chiến sĩ bị thương về hậu tuyến. Xong phận sự, vì không muốn để một cây súng vô ích trong lúc cuộc chiến đấu gay go, chị móc túi chiến sĩ bị thương lấy đạn, và vác súng xông ra mặt trận.

Khói lửa mịt mù. Chị vẫn cứ tiến. Lại một chiến sĩ nữa, anh Thiện bị thương. Chị lại công về, và hai tay hai súng chị bò giữa làn mưa đạn. Bò tới sát bên anh Đồng, chị nhờ anh Đồng chỉ cách bắn. Sau khi

cây súng đã hết đạn thì cũng vừa lúc anh Đồng bị thương. Chị liền xốc anh Đồng lên vai và ôm ba cây súng chạy núp dưới rạch. Nhưng một làn đạn liên thanh đã bắn xuyên qua từ lưng Đồng qua ngực chị Quý. Hai thân người gục trên vũng máu, bên ba cây súng. Tượng trưng của sự đoàn kết Công binh, của anh chị em thợ thuyền, của các chiến sĩ đứng dưới lá cờ đỏ.

Sau trận đó Công binh ở Mỹ Hạnh trở về miền tây và vẫn theo đuổi cuộc kháng chiến.

Mặc dầu thất bại, mặc dầu tan tác, tinh thần lúc nào cũng vững vàng, không hề nao núng. Và bất cứ nơi nào anh em đóng quân cũng thấy phất phơ lá cờ đỏ.

Lộc Giang thất thủ

Toàn cuộc kháng chiến lâm vào thế nguy. Các đoàn đều bị đánh dồn vào một chỗ. Giữ trách nhiệm một đoàn quân hậu tập, Công Binh chỉ được rời ấp Trung Giàu khi bị phản công dữ dội. Nhưng lúc này lại là lúc rút lui rất khó. Mỹ Hạnh, Đức Hòa thất thủ. Đế Quốc Pháp chiếm đóng luôn Hiệp Hòa. Các khu trọng yếu của Mặt Trận kháng chiến lần lượt mất hết.

Các chiến thuật của tham mưu trưởng Nguyễn Hòa Hiệp thật đã hoàn toàn thất bại.

Mặc dù xuất thân ở trường Hoàng Phố (một trường võ bị của Trung Hoa), Hiệp đã lầm tưởng có thể chống lại Đế Quốc với một chiến thuật đảng

hoàng cổ điển. Chủ trương của Hiệp là kéo đến đâu, phải lo lập Tổng Hành Dinh trước ở một nơi hiểm yếu rồi chia bộ đội ra lập phòng tuyến chung quanh cách xa độ hai chục cây số che chở cho Tổng Hành Dinh. Mỗi quân sĩ cứ việc ở yên trong đội mà chờ quân Đế Quốc đến tấn công. Nhưng quân Đế Quốc tấn công bằng máy bay, súng đồng và xe thiết giáp thì những đội binh mỏng manh của Hiệp làm sao chống nổi. Bởi thế nên mỗi lần giáp chiến là một lần thua và phòng tuyến cứ mãi lùi lần cho mãi đến khi bộ Tham Mưu phải rời căn cứ.

Những thất bại nặng nề kế tiếp đã tỏ cho ta thấy cái chiến thuật của Hiệp không thể đánh lại được Đế Quốc. Chiến thuật ấy chỉ có thể áp dụng với một đội quân đông đảo, có đủ chiến cụ tương đương với địch quân mà thôi. Trái lại, những đội binh của Hiệp với chiến cụ ít ỏi và thua kém, và với chiến thuật phòng thủ thì chỉ làm mồi cho máy bay và thiết giáp.

Trước hơn ai hết, Công binh đã nhận thấy từ lâu sự sai lầm của Hiệp, và nhiều lần ủy viên quân sự của Công binh đã đề nghị với Hiệp đổi thế thủ sang thế công, dùng lối đánh lưu động, theo chiến thuật du kích, khiến cho Đế Quốc không dò biết được lực lượng và căn cứ của mình. Nhờ những cuộc công kích ở khắp nơi, quân ta ẩn hiện không chừng, cứ nhè những chỗ yếu của địch quân mà đánh là sẽ có thể làm cho Đế Quốc rối loạn không thể có kế hoạch nào định để tấn công chúng ta, và như vậy ta chắc

chấn vừa phòng thủ vừa làm thiệt hại được Đế Quốc, mặc dù những chiến cụ thua kém.

Nhưng lời đề nghị của Công binh chỉ được Đệ Tam Sư Đoàn áp dụng vài lần rồi bộ tham mưu lại trở lại chiến thuật phòng thủ của Hiệp.

Về sau, trong khi Đệ Tam Sư Đoàn thất bại liên tiếp, chính nhờ áp dụng chiến thuật du kích mà tổng hành dinh vệ quốc đoàn càng ngày càng thêm vững chắc. Đối với những đội quân lưu động luôn luôn tấn công những đồn nhỏ của quân địch. Tổng tư lệnh Nguyễn Bình càng ngày càng làm cho quân Đế Quốc phải gặp khó khăn.

Lộc Giang thất thủ. Đó là điều không thể tránh được vậy. Công binh theo số phận của Đệ Tam Sư Đoàn cũng phải về Bầu Soát để rút lui.

Nhận được lệnh rồi, đứng trước tình thế nguy cấp, Minh, chỉ huy viên Công binh buộc phải nghe theo, nhưng đồng thời anh rất lo cho con đường đi của đoàn và của toàn cuộc kháng chiến. Trong giờ phút này anh tự hỏi viễn địch của cuộc kháng chiến là gì và anh nhận thấy cần phải có những đồng chí trở về Sài Gòn lo việc liên lạc chính trị để định cái viễn địch, nó là một điều tối quan trọng để vạch con đường tương lai, sau bao nhiêu thất bại nặng nề. Thế rồi sau đề nghị của anh, một số đồng chí rời đoàn về châu thành, trong đó có anh Lê Ngọc, liên lạc viên, anh Ký sắp phó Công binh và em Hương nhân viên ban do thám của đoàn.

Không ngờ giữa lúc Đế Quốc tấn công ráo riết như thế, các đoàn thể đã không biết liên kết với nhau sau bao nhiêu thất bại đau đớn, trái lại, còn lợi dụng cơ hội để tàn sát lẫn nhau. Vì tư thù, vì đảng phái ư ? Nào sự xung đột giữa các đoàn với Đệ Tam Sư Đoàn, sự xung đột giữa Đệ Tam Sư Đoàn với giải phóng quân khiến cho bao nhiêu chiến sĩ phải chết oan uổng. Và không may cho Ngọc, Kỳ, Hương đã phải chịu chung cùng một số phận.

Trên đường về Sài Gòn, sau khi bị quân đội Pháp bắt giam ở Hóc Môn trong một cuộc tảo thanh, rồi được thả ra, cả ba đồng chí đều bị người ta lạm dụng danh từ, ghép cho hai chữ như nhuốc “Việt gian” rồi giết đi.

Thương thay cho ba đồng chí đã chẳng chết vì tay Đế Quốc lại phải bỏ trên con đường nhiệm vụ vì tay bọn người dê hèn chia rẽ. Phải chăng đó là phần thưởng của người ta dành riêng cho chúng ta, sau bao nhiêu công trình khó nhọc chống với quân thù vì hai chữ tự do.

Không, phong trào khủng bố tự động của dân chúng đối với quân Đế Quốc tham tàn và bọn tay sai của chúng, chỉ tỏ sự bất bình cực điểm của dân chúng mà thôi. Nhưng nếu lợi dụng lòng bất bình của dân chúng và lợi dụng phong trào khủng bố để vu cáo mà sát hại những chiến sĩ cách mạng bất đồng xu hướng với mình là một tội ác trăm lần nguy hiểm.

Không, giai cấp thợ thuyền sẽ không bao giờ để cho kẻ nào bôi nhọ chiến sĩ của nó. Công binh sẽ

không bao giờ quên kỷ niệm Ngọc, Ký, Hương, ba chiến sĩ đặc lực của Công binh.

Trên đường về Cao Lãnh

Đoàn binh còn lại hơn 30 người nhưng quả quyết lên đường, từ giã nơi thân mến mà anh em đã có biết bao nhiêu kỷ niệm sâu xa với dân chúng.

Phía chân trời lửa bốc ngùn ngụt. Đó là bộ Tham Mưu rút lui và đốt Tổng Hành Dinh.

Đêm nay đêm rằm, trăng sáng vàng vạc, đoàn binh im lìm lần theo bờ ruộng như một đoàn lũ hành trên sa mạc, mọi người mang một cảm tưởng riêng tư. Công binh lần này được hưởng những đắng cay của một đoàn quân thất trận. Đánh rằng sự bại nhất thời không phải là thất bại hẳn, nhưng anh em đều tỏ vẻ ưu buồn vì sự lúng túng của tình thế. Nỗi buồn đêm đó phải chăng một phần cũng do với sự chia lìa với em Hương và các anh Ngọc, Ký, nhất là em Hương, em bé của tất cả anh em, em bé yêu quý đã làm cho không khí trong đoàn vui vẻ biết bao nhiêu. Nhưng nếu anh em biết được buổi chia tay ấy lại là ngày vĩnh biệt mãi mãi với em.

Từ giã Bầu Soát vào nửa đêm, Công binh được biết rằng 4 giờ sáng lại phải khởi hành. Anh em nằm nghỉ đỡ vài giờ trên những tấm phen ở giữa trời. Sương xuống lạnh. Xa xa những đám cháy vẫn còn đỏ rực một góc trời, anh em nghĩ đến tinh thần hi sinh không bờ bến của dân chúng.

Bốn giờ sáng, rời Bầu Soát đi Vàm Trà, đoạn đường dài chừng 50 cây số phải băng đường “bưng”. Dưới một bầu trời u ám, mưa lâm râm, một đoàn binh hơn một ngàn người bì bõm lội ngang những cánh đồng đầy cỏ và năn lác, nước ngập đến thắt lưng. Cảnh vật âm u hình như cũng hiểu thấu tâm sự của đoàn binh thất trận.

Nhưng rồi những nỗi buồn cũng thoảng qua, lòng hăng hái lại trở lại với người chiến sĩ. Những tiếng ca hát, những bài hành khúc đã nổi dậy, đoàn Công binh với những bài ca đặc biệt của nó đã làm bờ ngỡ nhiều chiến sĩ khác. Họ lắng tai nghe những câu:

“Dậy lên, hỡi ai nô lệ trên toàn cầu!”

và

“Này dân lao khổ đói khát bước lên đi chiến đấu!”

trong những bài ca của Công binh, họ yên lặng suy niệm và khi họ đã hiểu lời ca, họ nhìn anh em bằng cặp mắt triu mến của một người đồng cảnh ngộ.

Lội bưng như vậy cứ chừng bốn giờ thì lại ngừng, thổi cơm ăn. Lúc này Công binh mới tỏ rõ những đặc điểm của nó hơn các đoàn kháng chiến khác.

Ở các đoàn khác anh chỉ huy đối với các chiến sĩ không khác gì ông “đội”, ông “quản” đối với lính tập trong các đạo binh Đế Quốc.

Ở đoàn Công binh, mỗi khi nghỉ ngơi anh ủy viên quân sự chăm nom săn sóc cho anh em từng ly từng tí. Nhiều đêm, anh sung sướng đối lấy trách nhiệm canh gác cho anh em ngủ. Không khí tự do thân ái

giữa anh em Công binh đã làm cho nhiều chiến sĩ cảm mến và muốn bỏ đoàn của mình để nhập sang Công binh. Nhiều anh đã phải rơi lụy vì ước nguyện không đạt được.

Sau ba ngày đêm làm bạn với cánh đồng “bưng”, với muối với đũa, hết lợi lại đi ghe, đoàn quân tới Cần Lố nơi bộ Tham Mưu chọn làm căn cứ mới.

Vẫn dùng chiến thuật cũ, Đệ Tam Sư Đoàn lấy Cần Lố làm trung tâm điểm và phân phát các bộ đội làm phòng tuyến quanh vùng.

Đoàn Công binh đóng tại Phong Mỹ bên bờ sông Cửu Long (Mekong). Cái không khí ở ấp Trung Giầu lại trở lại trong một khung cảnh khác. Mặc dầu những nỗi khó khăn đã gặp rất nhiều, những chiến sĩ hoặc chết hoặc tan tác, hoặc mòn lẩn, anh em tự cảm thấy rằng chính những ngày khó khăn nhất đã mài dũa anh em thành những chiến sĩ đầy kinh nghiệm.

Mặt trận Phong Mỹ chưa lập xong, thì Công binh lại phải dời về Mỹ Thiện. Bộ tham mưu thấy Công binh là một lực lượng hùng mạnh nên muốn Công binh giữ Mỹ Thiện, một mặt trận tối yếu sát đường xe hơi chạy từ Sài Gòn tới “bắc” (đò) Mỹ Thuận.

Đêm ấy, trên một chuyến ghe lớn, đoàn Công binh chèo về Ngã Sáu, một ngã sông gồm có sáu đường: bốn sông lớn và hai lạch nhỏ, cách Mỹ Thiện ngót chục cây số.

Anh Minh vui vẻ cười nói: “Lần này chúng ta sẽ thấy thằng Đế Quốc từ kẻ tóc chân răng”. Anh S...

quả quyết lấy nhiều đầu Đế Quốc làm “collection” (giữ làm kỷ niệm).

Và những tiếng hát: “Công Nông Binh! Giết quân tham tàn đừng thương tiếc! Ngần ngại mà chi!” trong bài “Công Nông Binh hành khúc” nổi lên vang động khúc sông.

Những bộ mặt hiện rõ vẻ quả quyết của những người thợ quyết đập đổ chế độ “người bóc lột người”. Một sự hỗn hợp buồn cười trong những bộ “quân phục”. Anh thì còn nón sắt, anh thì không, anh thì quần áo rách bươm, anh thì cởi trần tròng trọc.

Thành lập giữa đám thợ thuyền, Công binh là hình ảnh của thợ thuyền đói rách dưới gót sắt của bọn Đế Quốc.

Ngày Công binh dời về Mỹ Thiện, cũng là ngày Tổng Hành Dinh dời về Cao Lãnh. Sự liên lạc về tiếp tế giữa Công binh với Tổng Hành Dinh có bề khó khăn.

Việc tiếp tế phải giao cho ba anh và một chiếc ghe lớn đưa nhận.

Sau khi xem trận thế, anh chỉ huy cho đoàn binh đóng tại Mỹ Lợi.

Mỹ Lợi

Tại đây ảnh hưởng của Công binh mạnh mẽ tới cả một đoàn binh “Việt Kiều” gồm hơn 60 chiến sĩ gia nhập Công binh. Hơn 60 anh em lao động trong các đồn điền cao su ấy, sau vài lần tiếp xúc với Công

binh đã hoàn toàn tín nhiệm Công binh (ở Trà Cao nơi mà Việt Kiều và đội binh lưu động gồm có Công binh, Việt Kiều, Tịnh Độ Cư Sĩ, Lê Văn Tự, v.v. tiếp xúc hàng ngày rất thân mật trong vòng hơn nửa tháng tại trụ sở Việt Kiều). Cũng như khi còn ở ấp Trung Giầu, anh em đã hết lòng giác ngộ anh em nông dân, ngày nay anh em đều cảm thấy cái nhiệm vụ của mình còn là dìu dắt anh em lao động đồn điền cao su trong việc kháng chiến.

Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ hơn một năm nay oai dũng biết bao nhiêu. Đó há chẳng phải là nhờ ở anh em thợ thuyền, anh em nông dân và anh em lao động ở các đồn điền cao su?

Mặt trận Mỹ Lợi, một mặt trận rất khó chống đỡ vì chỉ cách đường xe hơi có 9 trăm thước, mà địch quân thì dùng xe thiết giáp, súng đồng, máy bay để tấn công. Vì biết đó là nơi hiểm yếu nên bộ Tham Mưu đã chẳng ngần ngại giao cho Công binh, một lực lượng chiến đấu từ xưa đến nay đã bao lần nêu gương can đảm.

Vì muốn bảo vệ cho dân chúng khỏi bị bọn Đế Quốc và tay sai của chúng phá phách làng xóm, bắt trộm gà vịt, Công binh lại phải dời trụ sở bên làng Mỹ Tây cách Mỹ Lợi 1.500 thước và lập phòng tuyến thứ nhất tại đó.

Xét vì quân địch đã biết có quân đóng tại đó, và nhờ có những em bé trong làng cho hay địch quân đã tăng gia tiếp viện binh lính hầu để sửa soạn tấn công,

không trừ trừ, ủy viên quân sự Công binh là Nguyễn Văn Thường điều khiển anh em tiến gần Cầu Lộ nơi mà quân Pháp đóng đồn, để lập phòng tuyến thứ nhì hầu làm căn cứ du kích quân địch.

Tuân lệnh các chiến sĩ Công binh và Việt Kiều tiến đến gần, cách cầu độ chừng 600 thước đứng canh gác và bảo vệ cho dân làng dựng phòng tuyến.

Theo thường lệ, mỗi buổi sáng lính Pháp vào phá phách trái cây, ăn cắp gà vịt của dân. Sáng bữa đó, một lính Pháp ăn mặc thường phục đút trong túi quần khẩu súng sáu và ung dung đi vào trong làng như không có chuyện gì đáng nghi ngờ cho hẵn.

Thình lình, một tiếng nổ, tên Pháp bị đau ở chân và hăng máu nó chạy thẳng về Cầu Lộ.

Đến trưa, một đoàn lính Pháp và lũ tay sai độ 60 tên, đầu đội ca lô đỏ, vai đeo liên thanh, dò dẫm từng bước tiến vào làng để kiểm du kích quân. Song bị Công binh và Việt Kiều núp hai bên bờ mương ngăn cản.

Tối đến anh em gia tăng phòng thủ và cho chiến sĩ đi từng nhà khuyên dân chúng tản cư.

Vừa đúng một ngày, nhờ có sự tận tâm của dân làng nên phòng tuyến đã lập xong.

Năm giờ sáng, tiếng chó sủa rời rạc, người và vật hình như chết trong im lặng của đêm tối. Sương sáng lạnh buốt, một luồng gió lạnh thổi phớt qua làm cho người nhát gan cảm thấy sợ hãi. Hơn 30 chiến sĩ Công binh và Việt Kiều chia ra làm 4 tiểu đội, theo

hai bên bờ sông, không ai dám thử mạnh và ho một tiếng, cú thẳng tiến.

Bò tới một nhà bỏ trống, anh em Công binh phân làm hai tiểu đội, một ven bờ sông, một nằm góc nhà đặt năm cây súng trường mũi quay thẳng vào trụ sở của quân đội viễn chinh Pháp. (Vì anh em Việt Kiều chưa quen dùng súng nên trách nhiệm đó phải giao cho Công binh. Anh em Việt Kiều thiện dùng lựu đạn)

Hai chục chiến sĩ Việt Kiều cũng chia làm hai tiểu đội tay cầm súng sáu và lựu đạn, bò qua đường lộ theo đường tắt tiến vào trụ sở địch quân, dùng chiến thuật bất ngờ đánh chúng trong khi chúng chưa kịp phòng thủ.

Không may cho anh em, ở một đồn binh của Pháp đóng cách Cầu Lộ chừng 2 cây số, cũng vừa lúc đó bị dân quân du kích, nên nhờ có súng nổ, chúng đã đề phòng. (Vì muốn giữ đường giao thông Sài Gòn Mỹ Tho nên quân Pháp trên đường này, cách hai ba cây số lại đặt một trụ sở tuần tiểu).

Nghe tiếng lựu đạn nổ ầm nập với tiếng hô: “Tiến” và tiếng la ó của quân Pháp, anh em Công binh đã hiểu, và không ai bảo ai, anh em cứ tiến và tiến cách Cầu Lộ 8 thước. Anh em bắt đầu công kích để giải vây cho đoàn cảm tử Việt Kiều rút lui.

11 giờ anh em chiến sĩ Việt Kiều đã về hết, Công binh lại công kích một lần nữa và sau khi bắn hết đạn cũng rút lui về căn cứ.

Trận đánh này kết quả không được mỹ mãn. Nhưng nó cho Đế Quốc biết được lòng dũng cảm của dân lao động đồn điền cao su mà chúng bóc lột và áp bức thường ngày.

Theo trong biên bản của trận này, giết được 14 quân Pháp chết tại trận và 4 tên bị thương, thu được hai khẩu súng trường Ảng Lê. Nhưng rất buồn cho anh em Việt Kiều là 6 chiến sĩ bị chết trong trận đó.

Trận Mỹ Lợi – Nguyễn Hải Âu tử trận

Sau trận đó, quân Pháp dùng máy bay trợ lực đến trả thù. Vì hết đạn chưa được tiếp tế, nên anh em đành phải bỏ phòng tuyến về lại phòng tuyến thứ nhất là Mỹ Lợi.

Được thế, Đế Quốc lại tấn công Mỹ Lợi ngày hôm sau.

Một sự bất hạnh cuối cùng của Công binh, vì ở nơi đây, trước khi tan rã, Công binh đã hiến cho phong trào kháng chiến người chiến sĩ chỉ huy thân mến nhất của nó là anh Trần Đình Minh.

Đêm hôm ấy, từ 3 giờ rưỡi sáng, Công binh kháng chiến với quân Đế Quốc, đến 5 giờ sáng đã gần núng thế.

Minh ra lệnh cho anh em lui về sau phòng tuyến, còn anh và vài bạn chiến sĩ anh dũng nhất ở lại trấn thủ một đầu cầu (cầu gỗ nối Mỹ Lợi với Mỹ Tây), nhất định đánh lui quân địch để bảo vệ cuộc lui binh của đoàn.

Từ xa một đạo binh đông đảo, quần áo rách rưới kéo cờ đỏ sao vàng tiến tới. Chắc là một đạo binh tiếp viện. Mọi người đều nghĩ thế và ngót bần để cho đoàn binh qua.

Còn cách đầu cầu 10 thước, đoàn người ấy xả súng khạc đạn vào dân quân như mưa.

Minh và các bạn mới hiểu rằng đó là bọn liếm gót giày Đế Quốc trá hình để dễ bề tàn sát dân quân. (Vì đạo binh đó trá hình giống như dân quân và biết hết các đoàn trong Đệ Tam Sư Đoàn, nên khi hỏi tới, chúng không ngập ngừng và trả lời rằng: Việt Kiều lên tiếp viện. Anh em thấy nghe có binh tiếp viện nên cho tiến tới gần, nhưng anh em cũng phòng thủ)

Lệnh phản công đưa ra, tên cầm cờ gục và tiếp thêm một dãy người ngã nhào xuống sông, nước đỏ nhòe màu máu.

Nhưng Minh đã bị thương nơi chân. Anh vẫn không chịu thua. Người chiến sĩ tay cầm súng nổ cò, tay xé áo vết vết thương. Cầm cự cho tới phút mà ngực anh bị một làn đạn liên thanh bắn trúng tim, anh gục xuống vũng máu, tay còn cố ghì lấy khẩu súng vừa hết đạn, bên đồng võ bì.

Trần Đình Minh, tức Nguyễn Hải Âu, tức Trần Quang Trân đã chết dưới lá cờ thợ. Anh đã chết trong tay còn cầm cây súng chống Đế Quốc, anh đã chết bằng một cái chết oanh liệt của người chiến sĩ thợ thuyền!

Lá cờ đỏ! Lá cờ mà anh đã từng hy sinh, vì nó mà

anh đã bỏ cả địa vị, gia đình, lá cờ ấy cũng là màu máu của anh!

Lá cờ đỏ! Nó có một mãnh lực ghê gớm khiến cho anh gạt bỏ tất cả ý nguyện hoài bão của đời sống ngày thường, từ bỏ chức giáo sư để xin nhận lãnh công việc của một anh thợ sửa chữ. Rồi ngày hai bữa lê guốc như tất cả anh em thợ khác tới nhà in Lê Văn Tân để được gần gũi giai cấp thợ. Lá cờ đỏ ngày nay quán thi hài anh!

Nguyễn Hải Âu, chiến sĩ cách mạng, tác giả những cuốn sách khảo cứu về kinh tế học, cựu chủ bút kiêm chủ nhiệm tờ báo “Cờ Đỏ” xuất bản bí mật trong nhà in Lê Văn Tân ở Hà Nội, viết tiểu thuyết, là thi sĩ, một nhân viên của Ủy Ban Cách Mạng số 9 đường Đức Lộc, Ủy Viên Quân Sự kiêm Chính Trị Công binh Điện Xa, Nguyễn Hải Âu không còn nữa!

Nguyễn Hải Âu chết! Giai cấp thợ thuyền mất một điểm sáng nhất! Phong trào kháng chiến mất một chiến sĩ chỉ huy tài ba, gan góc! Riêng đoàn Công binh đau đớn mất một người chỉ đạo mến yêu nhất!

Mất Nguyễn Hải Âu, Công binh như mất cả thần hồn. Bi thảm, chua xót biết bao nhiêu khi nhìn thấy cảnh tượng 20 chiến sĩ ôm thây Nguyễn Hải Âu khóc. Trước bao nhiêu sự đau khổ hàng ngày, trước bao nhiêu cái chết trong cuộc kháng chiến, chiến sĩ Công binh chưa hề nhỏ một giọt nước mắt, nhưng trước cái chết thảm khốc của Nguyễn Hải Âu là cái tang

chung cho toàn thể giai cấp vô sản Đông Dương, các chiến sĩ kiên quyết nhất cũng không ngần nổi lệ tràn.

Phải chăng anh em thợ chỉ khóc vì sự vĩnh biệt tâm thường ?

Không! Anh em thợ khi rời cái búa để nắm lấy cây súng đã nguyện đem thân mình hiến cho lý tưởng, thì một khi đi, đâu có nghĩ đến ngày về.

Nhưng trong lúc cuộc kháng chiến còn cần đến những người như Nguyễn Hải Âu, trong khi Công binh còn cần người bạn trung thành đó để giữ vững nghị lực trong cuộc kháng chiến thì cái chết của Nguyễn Hải Âu đến như một bất hạnh lớn cho đoàn.

Hôm sau, thi hài Nguyễn Hải Âu được đưa về Cao Lãnh. Một số dân chúng Cao Lãnh đã đến nghiêng mình trước hình anh. Cảm tình của dân chúng đối với Công binh sâu xa đến nỗi anh em dân chúng chợ Thầy Hai đòi xin tên tuổi của anh về “lập đền thờ” tại chợ. Có nhiều người trong vùng bỏ tiền ra xây mộ cho anh.

Ngày nay ai đi qua Cao Lãnh, tới làng Mỹ Ngãi, có biết chăng tại đây, dưới tấm bia: “Nguyễn Hải Âu tự Nguyễn Hữu Quang tức Trần Đình Minh, Chiến sĩ Liên Minh Cộng Sản Quốc Tế (Đệ Tứ Quốc Tế), Ủy Viên Quân Sự Công binh Điện Xa tử trận trong cuộc giải phóng dân tộc tại làng Mỹ Tây, tỉnh Cái Bè, Nam Bộ Việt Nam ngày 13 tháng giêng năm 1946”, yên nghỉ một người đã tận tụy đến hơi thở cuối cùng cho lý tưởng thợ thuyền, đã chiến đấu rất mãnh liệt

trong cuộc kháng chiến, đã biết hy sinh cho quân chúng bị áp bức.

Kết luận

Thế là đến Cao Lãnh, sau trận đánh Mỹ Lợi, Mỹ Tây, anh Trần Đình Minh tức Nguyễn Hải Âu tử trận, thì Công binh đã gần như hết sinh khí rồi, không còn tung hoành ở trận tiền nữa. Nhưng không vì thế mà tan rã, Công binh đã góp sức vào cuộc kháng chiến một phần khác trong ban cơ khí.

Cùng với Công binh, toàn cuộc kháng chiến lúc ấy cũng bị đánh yếu đi nhiều. Ở các mặt trận đưa về chỉ toàn những tin thất lợi. Dân chúng hoang mang. Họ tự thấy lòng nao núng trước sự tấn công mãnh liệt của Đế Quốc. Có kẻ lầm lạc đầu hàng. Nhưng Đế Quốc càng tấn công ráo riết, khủng bố gắt gao, khiến cho dân chúng từ hoang mang trở thành tuyệt vọng và từ tuyệt vọng trở thành cách mạng. Cuộc kháng chiến nhờ vậy lại bùng lên được và trở thành một phong trào cách mạng dân tộc cực kỳ mãnh liệt.

Mặc dù vậy, Công binh hầu đã đến bước đường cùng, không thể nhờ cái đà ấy mà hồi phục sức lực lại được. Một là vì sự xung đột giữa các đoàn thể trước sự tiến tới của quân địch, càng ngày càng trở nên gay go, khiến cho hàng ngũ Công binh trở nên rối loạn. Hai là vì vấn đề kinh tế, bởi vì đối với một đạo binh ở mặt trận, vấn đề tiếp tế là tối quan trọng. Biết bao đoàn đã phải giải tán chỉ vì việc tiếp tế bị

ngừng. Biết bao nhiêu lần trong cuộc kháng chiến, vấn đề tiếp tế đã làm các đoàn sôi nổi.

Giữa lúc ấy thì tiếng “Việt gian” tung ra để chỉ những kẻ đầu hàng Đế Quốc, để kích thích lòng giận của dân chúng đối với bọn tay sai kẻ địch. Nhưng đồng thời nó cũng là một ác thần đối với các đoàn cách mạng bất đồng chánh kiến với quân chánh phủ, với Giải Phóng Quân ở dưới mệnh lệnh của Đông Dương Cộng Sản Đảng. Chủ đích của các đảng này là hướng phong trào kháng chiến vào cái ót quốc gia chủ nghĩa và muốn giữ độc quyền chính trị. Với Giải Phóng Quân làm lợi khí, họ không e dè lạm dụng hai chữ “Việt gian” để diệt các đoàn cách mạng thợ thuyền. Đó là một nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân thứ ba đã làm cho đoàn Công binh, đoàn binh thợ thuyền cách mạng, không thể hồi phục lại được.

Đông Dương Cộng Sản Đảng tuyên bố tự giải tán, là cùng với các xu hướng Cộng Sản, tất cả các cuộc vận động tuyên truyền và tranh đấu của các đoàn thể thợ thuyền phải ngừng. Nhưng từ lúc đầu, Công binh đã không vì thế mà bỏ đường đi của mình. Con đường đi đã vạch sẵn, lý tưởng đã rõ, Công binh đã không nhượng bộ. Công binh đã có thể bỏ những tiểu tiết để tráo lộn vào với phong trào chung, nhưng về những nguyên tắc cách mạng thì bắt buộc Công binh phải cương quyết giữ lấy. Vì vậy mà mặc dù tình thế biến chuyển, mặc dù chủ nghĩa quốc gia lấn áp, mặc dù những cuộc thất bại nặng nề khiến cho

toàn cuộc vận động dần nghiêng về phía hữu, Công binh vẫn là Công binh, vẫn là đoàn binh thợ với lá cờ đỏ, với những bài hát riêng, với một tổ chức riêng, vẫn cái nguyên tắc dân chủ vô sản mà từ lúc đầu khi mới thành hình đã áp dụng trong đoàn, vẫn chịu cái nhiệm vụ của một cán bộ chính trị hơn một cán bộ chuyên về quân sự.

Trong khi ở các đoàn khác người ta chỉ chú trọng vào vấn đề quân sự, chỉ huấn luyện về quân sự, Công binh ngoài công tác của một đạo binh như trăm ngàn đạo binh khác, ngày đêm luyện tập súng ống, nấp tránh, tìm lại tất cả nghệ thuật tranh đấu quân sự, thì Công binh cũng để tất cả tinh thần mình vào việc huấn luyện chính trị. Tối nào cũng có hội họp. Tối nào cũng có cuộc bàn cãi về chính trị. Bao nhiêu vấn đề anh em đã đề cập tới mà có lẽ ở các đoàn khác không bao giờ được người ta nói tới. Như vậy Công binh đã chống lại đầu tiên cái xu hướng của các tổ chức quân sự muốn áp dụng cái phương pháp tổ chức quân sự độc tài, và đã thắng. Theo các đoàn quân này thì đoàn trưởng là tất cả. Họ có một đoàn trưởng thì đoàn trưởng bảo sao phải nghe vậy và đoàn trưởng có đủ quyền hành của một ông tướng, cũng như bọn võ quan đối với quân lính trong chế độ Đế Quốc. Và quân lính là quân lính theo cái nghĩa gọn gàng của nó. Nhưng với Công binh, trước khi Công binh là một người lính còn là một người thợ, và người thợ khi cầm súng đã hiểu thế nào là nhiệm vụ mình,

cái nhiệm vụ “biến đổi cái khí giới bằng sự chỉ trích sang sự chỉ trích bằng khí giới”. Tóm lại anh em Công binh cần phải có một ý thức giai cấp giác ngộ. Cho nên ở An Phú cũng như khi rút về Lộc Giang, rồi sau về Cao Lãnh, Công binh không bao giờ rời bỏ cái vị trí ấy. Ở Thốt Nốt, trong khi các bộ đội khác của Đệ Tam Sư Đoàn đi vơ vét nhu vật thì Công Binh giảng giải cho dân chúng Thốt Nốt, giải thích cho họ hiểu: thế nào là các đoàn quân kháng chiến, phấn khích tinh thần của họ và gieo rắc một thiện cảm đối với quân đội. Tôn chỉ đó chưa một lúc nào Công binh quên, mặc dù qua mấy tháng trời kháng chiến, Công binh cũng như bao nhiêu các đoàn khác phải thiếu thốn, phải cực khổ.

Chỉ chịu nhận có lá cờ đỏ trong khi chiến đấu, Công Binh đã tỏ rõ con đường đi của mình. Đó là một con đường cách mạng rõ rệt. Lịch sử của lá cờ đỏ đủ chứng tỏ cái lý tưởng của đạo binh thợ. Màu đỏ là màu máu. Cờ đỏ đã hiện ra lần đầu trong các cuộc tranh đấu của anh em thợ thuyền Pháp để kỷ niệm ngày đầu tháng Năm. Cùng với ngày tháng, qua bao nhiêu cuộc chiến đấu cách mạng khác, lá cờ đỏ trong giai cấp thợ thuyền ngày một có uy thế hơn. Lá cờ đỏ đã phát phới 70 ngày ở Ba-Lê Công Xã. Cùng với sự thất bại của giai cấp thợ lần đầu lật đổ được quốc gia tư bản, lá cờ thợ đỏ tượng trưng của tinh thần chiến đấu thợ thuyền cũng bị hạ xuống. Nhưng từ ngày ấy, trên thế giới, giai cấp thợ đã dùng nó làm

lá cờ thống nhất trong giai cấp thợ thuyền. Và Công binh trong phong trào giải phóng dân tộc cũng đã dùng nó với cái ý nghĩa lịch sử đó.

Và cũng như lá cờ, những bài hát của Công binh là cái tiêu biểu rõ ràng nhất cho đạo binh thợ. Từ bản “Tiếng gọi dân nghèo”, “Công Nông Binh hành khúc”, “Hoàng Phố”, “Cờ Đỏ”, “Người cần lao” “Quốc Tế ca” “Đại đồng” phát xuất một ý niệm mà người ta không tìm thấy ở một đạo binh nào khác. Cũng như với lá cờ đỏ tượng trưng cho tinh thần thợ thuyền, những bài hát biểu lộ con đường đi của họ. Khác hẳn với những bài hát quốc gia đầy những chữ rỗng nghĩa như “Giang sơn, Tổ Quốc, giống nòi” phản chiếu cái tinh thần quốc gia hẹp hòi, những bài hát của Công binh niếm một tinh thần quốc tế rộng rãi. Công binh chỉ thấy có một lực lượng cách mạng nhất, mãnh liệt nhất trong cuộc kháng chiến ấy là giai cấp thợ thuyền và quần chúng cần lao khác. Nhưng chỉ giai cấp thợ thuyền và giai cấp cần lao trong xứ thì không đủ. Trong lúc thế giới đang bị chi phối bởi Đế Quốc chủ nghĩa, mà cái tánh cách quốc tế không còn ai chối cãi được nữa, thì vấn đề chống Đế Quốc không thể chỉ đặt trong phạm vi quốc gia được mà thôi. Ngay khi còn ở An Phú, khi cuộc kháng chiến mới bắt đầu quyết liệt trong lúc quần chúng còn bị dụ dỗ bởi một phương pháp tuyên truyền chật hẹp đâm ra thù ghét hết mọi thứ gì thuộc Pháp, như cấm không được nói tiếng Pháp, sách vở chữ Pháp phải

đốt, Công binh đã không ngớt giải thích cái lẽ cần thiết phải trông vào sự giúp đỡ của anh em vô sản và quần chúng cần lao Pháp. Còn gì sung sướng cho Công binh hơn khi nghe tin lá cờ đỏ đã phát phới bay ở Phù Tang, hay bên Pháp, thợ thuyền đã biểu tình hoàn toàn ủng hộ cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc Đông Dương. “Còn có gì mạnh hơn lá cờ Công binh, làm cho loài Đế Quốc bao lần thất kinh”. Lá cờ Công binh chỉ mạnh vì nó là biểu hiện của sự chiến đấu thợ thuyền, của sự đoàn kết cách mạng thợ thuyền. Những bài hát của Công binh phải tự làm phản ánh của cái tinh thần chiến đấu cách mạng đó.

Lá cờ đã khác, lý tưởng đã khác, thì sự tổ chức không thể không khác được. Nguyên tắc dân chủ đã được áp dụng triệt để mà kết quả không hư hại đến sự tổ chức quân sự chút nào. Đó là một sự thành công rất lớn, nó biểu thị rằng không cần phải dùng lối độc tài mới tổ chức được binh bị. Đó là sự thật, nó chứng tỏ rằng anh em binh lính cộng sản đã động theo đúng lẽ phải, theo đúng sự tiến hóa trong khi chống lại bọn võ quan thường vẫn lợi dụng cái toàn quyền mà làm mưa làm gió trong chế độ Đế Quốc.

Nhưng cái đặc điểm của Công binh chính nó đã giác ngộ được cái nhiệm vụ của một cán bộ chính trị. Chiến đấu đành rồi, bởi vì trong cuộc kháng chiến giai cấp thợ thuyền và các giai cấp cần lao bị áp bức đã làm nhiệm vụ một cách đầy đủ không ai có thể chối cãi được. Tất cả, từ bà lão cho đến con nít

đã hy sinh hết cả, hy sinh cả tài sản, cả thân thể, cả gia đình. Tất cả đã đều chịu trăm cay nghìn đắng, đã chịu nhục, chịu khổ để phụng sự cho lý tưởng. Tất cả đều đã có hoặc cha, hoặc chồng, hoặc mẹ, hoặc con, hoặc em, hoặc chú, hoặc chị, hoặc anh, hoặc bạn bè, hoặc thân thích chết cho lý tưởng. Tất cả đều đã trở trụi vì cuộc kháng chiến. Nhưng ta phải biết chiến đấu, đổ máu như thế để làm gì ? Giai cấp nghèo, khi chiến đấu chỉ có một vấn đề là làm cho bọn Đế Quốc hút máu kia hiểu rằng họ đã chán sống cái đời trâu ngựa, họ đã muốn làm con người, một con người cần được thỏa mãn tất cả các nhu cầu của nó. Bởi vậy họ phải tranh đấu giựt lại những lợi quyền mà bọn Đế Quốc dựa vào chánh phủ, vào ty cảnh sát, vào bộ mật thám, vào bọn thơ lại tay sai của chúng, đã chiếm của họ, những lợi quyền mà bằng súng, bằng máu, họ cần đòi lại cho được.

Đổ máu để đoạt lại những lợi quyền, để tiến tới một xã hội mà các điều kiện sanh hoạt sẽ giúp cho họ phát triển đầy đủ, đó là mục đích của Công binh. Cho nên khi nói tới độc lập là Công binh nói tới các tự do, tất cả các tự do cần thiết cho giai cấp bị áp bức để phát triển và dùng về quyền lợi giai cấp thợ, các tự do nghiệp đoàn, tự do tổ chức, tự do đình công, tự do tranh đấu là những lợi khí của giai cấp thợ.

Công binh kháng chiến không chỉ là cầm súng chống Đế Quốc mà thôi. Với cây súng trong tay, Công binh cần thực hiện đầu tiên sự liên lạc với dân

chúng. Hãy nổi lại dân chúng An Phú Đông, dân chúng Trung Giầu, dân chúng Cao Lãnh. Đoàn Công binh đối với họ có một kỷ niệm sâu xa biết chừng nào! Hai chữ Công binh khơi gợi lại trong trí óc họ hình ảnh của một đạo binh kháng chiến kiểu mẫu. Ở đạo binh này họ thấy không những chiến sĩ dũng cảm quả quyết, mà họ còn thấy đây là những người bạn đi sát cánh họ, giải thích cho họ những chân lý cách mạng. Họ không còn phân biệt được đây có phải chỉ là những người lính kháng chiến hay những người lao khổ cũng sống như họ, bị bao nhiêu áp bức và ngày nay vì những áp bức đó đã cầm cây súng để chống lại bọn áp bức. Mà không nói riêng dân chúng đã mến yêu Công binh, ngay đến anh em các đoàn kháng chiến khác, biết bao nhiêu anh em đã muốn bỏ đoàn để gia nhập Công binh. Ở An Phú, chiến sĩ của ba bốn đoàn muốn xin gia nhập. Ở ấp Trung Giầu cũng vậy. Trước ngày Trần Đình Minh bị tử trận, ở Mỹ Lợi đã có 60 anh đoàn Việt Kiều đã xin gia nhập. 6 anh chiến sĩ Việt Kiều đã tử trận dưới lá cờ Công binh. Thương thay cho các anh vừa mới tìm thấy lá cờ của mình thì đã bị tàn sát!

Nhưng Minh đã chết. Minh chết vào giữa lúc đoàn Công binh đương ngoi ngóp bởi ngược dòng sông đầy ván gỗ chắn ngang mà vẫn cố giữ cây cờ thợ cho vững. Với Minh, đạo binh thợ mất người chiến sĩ anh dũng nhất. Và Công binh, sau cái tang đau đớn ấy không còn đủ sức để tiếp nối cuộc chiến đấu

bằng võ khí. Bởi chẳng bao lâu Cao Lãnh thất thủ và anh em buộc phải giải tán để tiếp tục cuộc kháng chiến theo một hình thể tổ chức khác và trong các đoàn thể binh bị khác.

Thế là trong lịch sử tranh đấu thợ thuyền, hai chữ Công binh lần đầu tiên ở xứ này hiện ra, sáng chói. Với nó, đã tử trận vì lý tưởng thợ thuyền như các bạn Nguyễn Hải Âu, Hồ Văn Đức, Trần Văn Thanh, Lê Ngọc, Lê Ký, Lê Văn Hương, Nguyễn Văn Hương, Trần Quốc Kiểu, chị Quý, anh Đồng, anh Thiện, cũng như 6 anh chiến sĩ đoàn Việt Kiều lao động đồn điền Tây Ninh.

Những chiến sĩ anh dũng ấy đã nêu một tấm gương sáng để chúng ta noi theo và tiếp nối cuộc tranh đấu vì lý tưởng của Công binh. Và tinh thần của các anh chiến sĩ tử trận cùng với hai chữ Công binh sẽ còn sống mãi trong tâm tưởng của giai cấp lao khổ để giúp kinh nghiệm cho chúng ta trong cuộc tranh đấu không ngừng chống Đế Quốc chủ nghĩa.

Sài Gòn, tháng 11 năm 1946.

MỘT VÀI NHÂN VẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ ÁM HẠI PHAN VĂN HÙM

Những nhân chứng cuối cùng

Trần Nguơn Phiêu

Khi quyển *Viết cho Mẹ và Quốc hội* của ông Nguyễn Văn Trấn được nhà xuất bản Văn Nghệ cho ra mắt ở hải ngoại, rất nhiều bình luận gia đã góp ý phân tích về tài liệu này. Đây là một quyển sách đã gây nhiều chấn động ở trong nước và cả ở hải ngoại vì lần đầu tiên, vài chi tiết “thâm cung bí sử” trong sinh hoạt nội bộ của giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam được tác giả phơi bày trước công luận.

Ông Tôn Thất Thiện ở Canada là một trong những nhà bình luận thời sự có tiếng đã viết một bài ca ngợi việc làm của ông Trấn. Ông Thiện có đề cập đến vài ý kiến dè dặt đối với lập trường của ông Trấn và đã đề cao các sử liệu mà ông Trấn đã trình bày. Một bình luận gia nổi tiếng khác, ông Lâm Lễ Trinh, một nhân sĩ miền Nam từng giữ chức Tổng trưởng bộ Nội vụ thời chánh phủ Ngô Đình Diệm, đã gọi ông Trấn dưới danh từ “hung thần Chợ Đệm”, một danh

từ mà giới chánh trị miền Nam thâm hiểu tình hình trong khoảng thời gian khởi đầu cuộc kháng chiến Nam bộ đã riêng tặng cho ông Nguyễn văn Trấn .

Ông Trấn nay đã qua đời. Người viết bài này đã thực hiện tài liệu này từ lâu dưới tựa đề “Hiện tượng Nguyễn Văn Trấn” nhưng nhiều bạn thân đã đề nghị khoan cho ra mắt vì nhằm vào lúc ông Trấn đang thực hiện báo chui *Người Sài Gòn*, một tờ báo đã từng làm nhức nhối giới cầm quyền trong nước. Phê bình ông Trấn vào lúc đó là việc làm không ích lợi cho việc tranh đấu chung.

Trong quyển *Viết cho Mẹ và Quốc hội*, tác giả đã rất nhiều lần đề cập đến những bạc đãi mà người kháng chiến miền Nam đã phải đương đầu khi tập kết ra Bắc. Ông Trấn đã nêu lên trường hợp Ung Văn Khiêm, Bộ trưởng Ngoại giao Bắc Việt đã bị cho ra rìa vì một tuyên bố chung mà ông Hồ Chí Minh đã ký với lãnh tụ cộng sản Tiệp Khắc Novotny. Lê Đức Thọ đã đổ trách nhiệm cho một mình Ung Văn Khiêm đã thảo văn thư mặc dầu nhiều người đã biết là ông Hồ Chí Minh đã có bút tích phê sự đồng ý trên dự thảo văn kiện này... Vì Lê Duẩn muốn búng Ung Văn Khiêm ra khỏi bộ Ngoại giao nên Ung Văn Khiêm đã phải chịu mất chức để làm “dê tể thần”. Ông Bùi Công Trùng đã từng có chân trong bộ Chính Trị đã bị quản chế tại gia cho đến ngày chết. Dương Bạch Mai, có tiếng là thân Nga và chống đường lối thân Trung Quốc đã chết bất ngờ và mờ ám khi Chu Ân

Lai sắp đến viếng thăm Hà Nội. Ông Mai đang dự cuộc họp Quốc Hội tại Nhà Hát Lớn Hà Nội đúng vào lúc ông đang sắp sửa đọc một diễn văn nẩy lửa chống lại đường lối này. Diễn văn đã có sẵn trong túi áo nhưng trong giờ giải lao, ông đã đột tử khi chưa uống cạn ly bia của các đại biểu mời ông để mừng sinh nhật của ông vào ngày hôm sau.

Ông Trần đã có ý muốn để Nam bộ cho người Nam trách nhiệm quản lý, nhưng những người am tường chuyện cũ đã chua chất bảo nhau:

“Các ông đã ám hại bao nhiêu nhân tài miền Nam, còn đâu người để giúp các ông?”

Trong sách đã dẫn, ông Trần đã đề cập rất nhiều về sự góp công của ông trong những ngày bố trí khởi nghĩa ở Nam bộ. Ông không dả động gì về việc ông đã giúp Đảng Cộng sản Đệ tam thanh toán các nhà ái quốc đã từng cùng tranh đấu chống thực dân Pháp ở miền Nam. Ông đã làm việc đó để giúp đảng dành quyền độc tôn lãnh đạo. Ông không có một lời đề cập hay ân hận về các việc ông đã thi hành. Trái lại, nếu cố ý đọc kỹ những dòng ông viết, người hiểu chuyện có cảm tưởng là ông cố ý tự bào chữa việc ông làm vì những người ông thanh toán đã có lập trường đối nghịch với chủ trương của ông hay của Đảng của ông. Bàng bạc trong các đoạn văn, ông đã để rất nhiều thời giờ công kích lập trường của các đảng hay xu hướng đối phương khác, nhất là các người trong nhóm Đệ Tứ.

Thật ra, trong giới chánh trị thời Việt Nam Cộng Hòa, rất ít người biết đến ông Trần. Ông chỉ được nhắc đến nhiều sau khi sách của ông đã được xuất bản ở hải ngoại. Trong giới đã từng tham gia tranh đấu ở miền Nam, ông Trần đã được biết như là một cấp thừa hành được đảng tin cậy, một “thiên lôi” chỉ đâu đánh đó. Ông đã nhìn nhận chức vụ chánh thức của ông vào lúc khởi đầu là Giám đốc Quốc gia Tự vệ Cuộc.

Lúc Pháp chưa trở lại chiếm Sài Gòn, ngày 09-09-1945 người của Trần Văn Giàu là Lý Huệ Vinh thuộc Quốc gia Tự vệ cuộc, đã bao vây trụ sở Việt Nam Độc lập Vận động Hội để bắt Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo, Huỳnh Phú Sổ ở biệt thự đường Miche (tức Đường Phùng Khắc Khoan). Ông Huỳnh Phú Sổ đã thoát, nhờ sang được một nhà bên cạnh. Quốc gia Tự vệ Cuộc đã dàn cảnh để bêu xấu Ông Huỳnh Phú Sổ bằng cách ngụy tạo trưng bày một rương đầy hình ảnh phụ nữ khỏa thân mà họ phao vu là đã bắt gặp trong khi lục soát nhà.

Trong đêm 23 tháng 9 năm 1945, ngày lịch sử mở màn cuộc Kháng chiến Cách mạng Mùa Thu ở Nam bộ, người bị giết đầu tiên, thấy phơi trên đường Albert 1er (Đường Đinh tiên Hoàng) là ông Lê Văn Vững, bí thư vùng Sài Gòn-Chợ Lớn của nhóm Tranh Đấu và cũng là người phụ trách phát hành lại báo *Tranh Đấu*. Như vậy người Việt Nam đầu tiên đã bỏ mình trong cuộc Kháng chiến chống

Pháp không do thực dân giết mà lại do Tự vệ Cuộc miền Nam thanh toán. Bà vợ của ông Vững đã tận tụy suốt đời nuôi con và mở một tiệm bán bánh mứt trên đường Đinh Tiên Hoàng, gần góc đường Hiến Vương. Tiệm trưng bảng màu vàng để tên Lê Văn Vững chữ đỏ, để kỷ niệm người chồng vắng số. Một người con của ông Vững là Tiến sĩ Lê Tuấn Anh về sau đã học thành tài và có lần giữ chức Tổng trưởng Canh nông thời chánh phủ Trần Thiện Khiêm.

Vài ngày sau 23 tháng 09, 1945 nhà giáo Nguyễn Thị Lợi phụ trách báo *Tranh Đấu* cũng bị thủ tiêu ở Cẩn Giuộc, Chợ Lớn. Cuộc khủng bố trắng, sẵn bắt, ám sát các nhân sĩ ái quốc có uy tín nhưng không thuộc Đảng Cộng sản từ đó đã xảy ra hằng ngày, bắt đầu từ Bùi Quang Chiêu đến Hồ Văn Ngà. Trần Quang Vinh, Bác sĩ Hồ Vĩnh Ký và vợ là Bác sĩ Nguyễn Thị Sương (nguyên Thủ lãnh Phụ Nữ Tiền Phong), v.v. Nhà viết báo và cách mạng danh tiếng trong thời kỳ “Đồng dương Đại hội” Diệp Văn Kỳ, khi biết rõ ý đồ của Trần Văn Giàu, đã lánh mặt, mặc áo tu lên ở Tha La Xóm Đạo (Trảng Bàng) cũng bị bắt và sát hại trong đêm.

Một nhân tài có tiếng tăm khác bị thanh toán là Luật sư Dương Văn Giáo. Cái chết của ông Giáo có thể có liên can một phần nào đến cấp chỉ huy trực tiếp của ông Trần, tức ông Trần Văn Giàu, Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Nam bộ. Số là trước khi Nhật đảo chánh Pháp ngày 09 tháng 03 năm 1945, ông

Trần Văn Giàu cũng như một số lớn các nhà cách mạng khác, đã bị Pháp cầm tù ở Trại Tà Lài (Bà Rá). Có thể vì nhu cầu chánh trị, để chống phá quân đội Nhật, giới cầm quyền Pháp ở VN đã nhận chỉ thị từ Pháp dàn cảnh để ông Trần Văn Giàu vượt ngục Tà Lài để ra ngoài hoạt động chống Nhật. Khi Nhật đảo chánh Pháp, trong các hồ sơ mật được giữ trong văn khố Sở Mật thám ở Catinat, văn kiện này được người Nhật tìm ra và ông Huỳnh Văn Phương là người được Chánh phủ Trần Trọng Kim cho phụ trách cơ sở bót Catinat đã có tài liệu này. Trong một phiên họp của Mật trận Quốc gia Thống Nhất ở nhà vợ chồng bác sĩ Hồ Vĩnh Ký, đường Phan Đình Phùng, ông Dương Văn Giáo lúc đó từ Thái Lan về, đã rút từ cặp da ra tài liệu này cho các người hiện diện xem. Sau khi thảo luận, chính ông Giáo là người đề nghị không công bố tài liệu này để không làm mất uy tín ông Trần Văn Giàu để Mật trận Việt Minh có thể lãnh đạo hữu hiệu việc chống Pháp lúc đó đang làm le chiếm trở lại miền Nam. Quyết định sau cùng của buổi hội là giao cho Dương Văn Giáo đến gặp Trần Văn Giàu đặt vấn đề cải tổ Lâm Ủy Hành Chánh.

Khi Pháp, với sự thỏa thuận của quân đội chiếm đóng Anh, làm chủ được Sài Gòn nhưng còn bị bao vây trong thành phố, Dương Văn Giáo đã bị vu cáo là Việt gian và bị xử tử ở Cầu Bến Phận (Gia Định). Phần đông những người hiện diện trong buổi hội lịch sử kể trên như bác sĩ Hồ Vĩnh Ký và vợ là bà bác

sĩ Nguyễn Thị Sương, Huỳnh Văn Phương, Hồ Văn Ngà, Huỳnh Phú Sổ, Lê Kim Ty... sau đó đã lần lượt bị giết chỉ trừ Vũ Tam Anh (sau bị Mật vụ chế độ Ngô Đình Diệm giết) và Nguyễn Văn Hường .

Những người đã bị thủ tiêu không những phần nhiều đã hoạt động chung quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn mà còn cả nhiều người ở các tỉnh xa ở miền Nam. Danh sách những người này như đã được ghi nhận từ lâu, chỉ chờ có cơ hội là được đem ra thi hành. Ông Trịnh Hưng Ngẫu (người được giới tranh đấu ở Nam biết tiếng không phải chỉ vì ông đã chế biến cho các xe chuyên chở xử dụng lò đốt than gọi là gasogen để thay thế xăng khan hiếm vào thời đó, mà do thành tích ông đã đá vô môn một cò Pháp nhân một cuộc bảo vệ ông Bùi Quang Chiêu từ Bến Nhà Rồng, Khánh Hội về tới nhà ở Phú Nhuận) đã cho biết là trong một cuộc gặp gỡ Trần Văn Giàu ở Thái Lan, ông Giàu đã khoe là ông có danh sách hơn 200 người cần thủ tiêu nhưng chưa thi hành kịp (?).

Một số đông những người này đã bị Tự vệ Cuộc của ông Trần bắt giam trước khi Lâm Ủy Hành Chánh của Trần Văn Giàu rút khỏi Sài Gòn đi về miệt Tân An. Ông Trần đã có đề cập đến việc này trong sách của ông (Xem trang 136) với lời khen(!) “Pháp cho nhảy dù xuống Hội đồng Sâm để giải thoát cho tù nhân mà ta giam ở đó. Có cái tốt là tù nhân không chạy theo Tây”. Tù nhân(!) được giao cho Phạm Hùng đem vào kinh Xáng và đi luôn

xuống Cà Mau. Một số những người bị giam nầy đã thoát chết khi được ông Nguyễn Hòa Hiệp, chỉ huy trưởng của Đệ tam Sư đoàn, bắt buộc Tự vệ cuộc phải trả lại tự do, nhân lúc Sư đoàn này rút lui về Hậu giang. Người may mắn trong trường hợp này là ông Ngô Văn đã kể lại chuyện trong quyển “*Viet-Nam, 1920-1945, révolution et contre-révolution sous la domination coloniale*”, xuất bản ở Pháp.

Riêng trường hợp ông Hồ Văn Ngà thì bị giết “ngụi” về sau, khi ông bị giam ở Kim Quy, Đá Bạc, Rạch Giá. Cùng bị giam với Hồ Văn Ngà có ông Trần Quang Vinh, một nhân sĩ Cao Đài danh tiếng. Ông Nguyễn Thành Phương và Vũ Tam Anh đã tổ chức phá khám để giải thoát hai ông Vinh và Ngà nhưng chỉ cứu được Trần Quang Vinh. Hồ Văn Ngà hôm đó được một cán bộ giữ khám là học trò cũ mời về nhà dùng cơm! Ông Ngà sau đó bị giết ở Hòn Đá Bạc. Người viết bài đã có những phút vô cùng cảm động khi nghe ông Ngà đọc diễn văn nhân cuộc tập hợp lớn, ngày 18-03-1945, mừng nước nhà thoát được ách thực dân Pháp, tổ chức ở Vườn Ông Thượng (lúc ấy còn gọi là vườn Bồ Rô), sau ngày 09-03-1945, ngày Nhật đảo chánh Pháp. Tờ truyền đơn của buổi tập hợp in màu đỏ đã được người viết trân trọng giữ nhưng sau đó đã được người nhà đốt khi Pháp trở lại chiếm Nam Bộ. Ông Hồ Văn Ngà đã nói với những người giết ông:

“Giết thì cứ giết nhưng đừng kêu qua là *Việt gian*”.

Những tội ác mà ông Nguyễn Văn Trấn cũng như những người khác như Nguyễn Văn Tây, Kiều Đắc Thắng, Kiều Tấn Lập, Cao Đăng Chiếm..., đã thi hành, xét cho kỹ, chỉ là việc làm của cấp thừa hành. Trách nhiệm là do chủ trương của cấp chỉ huy. Những gương mặt nổi vào thời bấy giờ là Trần Văn Giàu ở miền Tiền giang, Hậu giang và Dương Bạch Mai ở miền Đông Nam bộ. Nhưng đứng sau lưng Trần Văn Giàu, những nhân vật có thực quyền là các cấp xứ ủy được gọi vào từ Hà Nội sau ngày 02-09- 1945 như Hoàng Quốc Việt, đại biểu của Trung Ương Đảng hoặc Cao Hồng Lãnh, đại biểu Tổng bộ Việt minh, để đưa chỉ thị cho Trần Văn Giàu.

Dương Bạch Mai và Trần Văn Giàu là hai nhân vật công khai trong cuộc Cách Mạng Tháng Tám được nhân dân Nam bộ biết tiếng nhưng tên tuổi hai ông lại không thấy được ghi chép trong cuốn “*Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam*”! Cuộc lãnh đạo thật sự là do các ông Hoàng Quốc Việt được ông Hồ Chí Minh phái vào Nam và các ông Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng như đã được ghi trong cuộc họp Xứ Ủy Nam bộ ở Cây Mai (Chợ Lớn) ngày 23-09- 1945 và cuộc họp Xứ Ủy Mở Rộng ở Thiên Hộ (Mỹ Tho) ngày 25-10-1945 để đối phó với sự tấn công của Pháp.

Chủ trương và trách nhiệm thủ tiêu các phần tử ái quốc ngoài Đảng ở miền Nam, để đảng Cộng sản VN được độc quyền lãnh đạo phải được quy cho các thành phần kể trên. Chúng ta cũng có thể đi lần

lên cao hơn nữa cho đến cấp Trung Ương ở Bắc bộ. Việc này không phải chỉ là một ước đoán, nhất là khi quyết định này liên quan đến các đảng viên thuộc Đệ Tứ bị thủ tiêu vì các đảng viên cộng sản Việt Nam đã từng được huấn luyện theo chiều hướng đó:

Kể từ năm 1937, khi Stalin chủ trương phải tiêu diệt nhóm của Trostky (Báo *Pravda* ngày 14-02-1937), chỉ thị này đã được các đảng viên cộng sản Đệ tam tuân hành triệt để. Năm 1939 ông Hồ Chí Minh đã viết ba bức thư từ Trung Quốc gửi về cho đảng viên trong xứ mà nội dung, từ ngữ giống như hệt bài báo năm 1937 của Stalin (Xem: *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, tập 3, trang 97 và ba bức thư tiếng Pháp, ký tên là Line, đăng trong tờ báo *Notre Voix*, số tháng Sáu và tháng Bảy năm 1939). Đối với một người vốn đã hấp thụ văn hóa Đông phương Khổng, Mạnh như ông Hồ Chí Minh, ngôn từ quá thô được xử dụng trong ba văn kiện kể trên quả là một bất ngờ khó hiểu được, ngoại trừ phải được coi như là một ngôn ngữ dịch từ các bản văn của Stalin.

Trong cuốn *Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam* có đầy dẫy những loại chứng cứ bịa đặt để chứng minh việc khủng bố và bắt bớ nhóm các chiến sĩ Đệ Tứ trong đó có Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Sỗ, Phan Văn Hoa (em của Hùm), Trần Văn Sĩ... để bị thủ tiêu tập thể. Tài liệu đã nói là các đảng viên này “lúc đó đang lẫn trốn” trong vùng Dĩ An. Những người “viết sử” Đảng hàng

chục năm sau vẫn còn cố ý mạ lỵ những anh hùng đã chết. Sự thật trái lại đã cho biết là khi Pháp tái chiếm Sài Gòn, nhóm Đệ Tứ đã thành lập các toán võ trang chống thực dân. Khi bộ phận của Trần Văn Giàu kéo ra khỏi Sài Gòn đi về hướng Bình Chánh, Tân An... thì nhóm võ trang Đệ Tứ tập trung và lập bản doanh ở vùng Suối Xuân Trường (Thủ Đức). Bộ đội của Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai thay vì lo đánh Pháp lại tìm cách bao vây giải giới nhóm này với chủ trương để thống nhất bộ đội võ trang. Nhiều người trong nhóm võ trang đã không đồng ý cho giải giới, nhưng nhiều người khác lại không muốn có chuyện đổ máu giữa người Việt với nhau. Cuối cùng 64 người trên 68 có mặt hôm ấy bỏ thăm chịu ở lại, chấp thuận chịu cho giải giới. Những liệt sĩ này không ngờ là họ đã tự trói tay để sau này bị giết tập thể ở sông Lòng Sông (Phan Thiết).

Một trường hợp được biết nhiều nhất là cái chết của nhà cách mạng nổi danh ở miền Nam là ông Tạ Thu Thâu. Đối với các bạn trẻ hiện nay, tưởng nên nhắc lại cho rõ là Tạ Thu Thâu từng du học ở Pháp, đã hoạt động chánh trị lúc ở Pháp cũng như sau khi bị trục xuất về VN vì ông đã đứng ra tổ chức một cuộc biểu tình hơn 200 người ở Paris, trước Điện Elysée (Dinh Tổng Thống Pháp), phản đối việc án xử tử 13 chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Yên Bái. Trong số 19 người cùng bị trục xuất về nước ngày 24-6-1930 trên tàu Athos II ở cảng Marseille có Tạ

Thu Thâu, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Văn Phương, Hồ Văn Ngà, Lê Bá Cang, Phan Văn Chánh, v.v.

Về đến Việt Nam, Tạ Thu Thâu đã cùng với những nhà cách mạng thuộc nhóm Đệ Tứ và Đệ Tam cho ra tờ báo *Tranh Đấu* (La Lutte) làm diễn đàn công khai chống thực dân Pháp. Trước khi xảy ra cuộc Cách mạng Mùa thu, ông đang tham dự công tác ở miền Bắc. Trên đường trở về Nam, khi đi ngang Quảng Ngãi ông đã bị bắt, ngày 18 tháng 8 năm 1945, bị giam ở đình Xuân Phổ và sau đó bị giết ở Cánh đồng Dương, bờ biển Mỹ Khê.

Tưởng cũng nên nhắc đến một sự kiện là vào thời buổi nầy hai nhân vật là Hoàng Quốc Việt, đại biểu Trung Ương và Cao Hồng Lãnh, đại biểu Tổng bộ Việt Minh cũng được ông Hồ Chí Minh gọi vào Nam để mang các chỉ thị của đảng. Các đại diện này cùng lên đường một lúc với Tạ Thu Thâu. Việc này chứng tỏ chắc chắn là họ biết rõ (hay chủ trương?) Tạ Thu Thâu bị giam cầm khi đến Quảng Ngãi. Ông Thâu không bị giết ngay mà còn qua một phen xét xử. Vào lúc đó đường giây điện thoại liên lạc với Hà Nội vẫn còn. Hôm sau, khi ông Thâu chết, đã có ký giả hỏi ông Hồ Chí Minh ở Hà Nội về việc này thì ông có trả lời là địa phương đã “giết lầm một người ái quốc”.

Năm 1946, khi được nhà văn Daniel Guérin ở Paris gạn hỏi về cái chết của Tạ Thu Thâu, ông Hồ chí Minh cũng tuyên bố:



Phan Phục Hổ, trưởng Nam.

“Tạ thu Thâu là người yêu nước tầm cỡ lớn. Tôi khóc cái chết của ông”.

(*“Ce fut un grand patriote, nous le pleurons”*).
(Xem: *Au Service Des Colonisés* của Daniel Guérin, Éditions de Minuit, Paris)

Những ai đã từng biết rõ lẽ lối làm việc của các đảng viên Cộng sản ắt cũng biết là những quyết định hệ trọng bao giờ họ cũng phải tham khảo cấp trên. Như vậy quyết định thủ tiêu ông Tạ Thu Thâu không thể định đoạt do Từ Ty, một bí thư đảng và chủ tịch một vùng nhỏ như Tư Nghĩa. Chỉ thị quan trọng này chắc chắn phải do cấp xứ ủy Hoàng Quốc Việt hay do cấp cao hơn nữa ở Bắc bộ phủ!

Năm 1989, ông Trần Văn Giàu có dịp qua thăm Paris. Nhiều nhà cách mạng và các sử gia có một buổi gặp gỡ ông Trần Văn Giàu để tìm hiểu về các diễn biến khi ông Giàu tổ chức giành chánh quyền ở Nam bộ. Khi được hỏi về cái chết của ông Thâu, thì Trần Văn Giàu cho biết việc đã xảy ra không phải thuộc địa phương ông phụ trách. Ông cũng cho biết Tạ Thu Thâu đã từng là ân nhân đã giúp phương tiện cho ông sang Pháp nên chắc chắn là ông không có làm việc đó. Cụ Trần Văn Ân năm nay trên 96 tuổi hiện ở Rennes (Pháp) vẫn thường hay nhắc là ngày trước Tạ Thu Thâu vẫn coi Giàu như em út, mỗi lần đi Toulouse đều kiểm sách vở hay, đem cho Giàu và nâng đỡ Giàu trên đường học vấn.

Khi ông Giàu sang Pháp vào tháng 10, năm 1989

cũng nhằm lúc có hơn 100 nhân sĩ nổi tiếng ở Pháp và thế giới về sử học, văn học, nhân quyền đã đồng ký tên trong một bản kêu gọi phục hồi danh dự cho các ông Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Nguyễn Văn Sొ, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương. Ông Giàu có hứa là khi trở về Việt Nam ông sẽ *“rửa tiếng cho Tạ Thu Thâu, nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam không chịu rửa tiếng”*.

Riêng khi hỏi về các vụ thủ tiêu các nhà cách mạng khác như Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phan Văn Sొ... hay Đức Thầy Huỳnh Phú Sొ ở Nam bộ là vùng ông Giàu trực tiếp trách nhiệm thì ông đã tỏ ra rất lúng túng (Việc họp này vào ngày 17-10-1989 đã được thu băng và còn được lưu giữ).

Việc thủ tiêu Đức Thầy Huỳnh Phú Sొ, có thể quả quyết là ông Trần Văn Giàu không có phần trách nhiệm vì đã xảy ra vào ngày 16-04-1947, sau khi ông Giàu được gọi về Bắc và không được cho trở về Nam tiếp tục công tác. Việc nhúng tay vào tội ác giết giáo chủ Hòa Hảo đã được các nhân chứng nhìn nhận vai trò của Tự vệ Cuộc của ông Nguyễn Văn Trấn. Ông Huỳnh Phú Sొ lúc đó đang giữ chức vụ Ủy viên đặc biệt của Ủy ban Hành chánh Kháng chiến Nam bộ từ chiến khu miền Đông trở về miền Tây theo lời mời của Trần Văn Nguyên, Ủy viên Quân sự và Thanh tra Chánh trị miền Tây của Việt Minh. Đây là một sắp xếp để Trần Văn Nguyên và Bửu Vinh đưa ông Huỳnh phú Sొ đến Đốc Vàng Hạ, thuộc thôn Tân

Phú để ám hại. Đến tối chính tám nhân viên thuộc Tự vệ cuộc đã tràn vào đâm bốn bảo vệ quân của Đức Thầy. Một người, là Phan Văn Tỷ đã né tránh được, thoát ra ngoài và bắn tiểu liên để báo động (Xem “*Phật Giáo Hòa Hảo*” của Nguyễn Long Thành Nam, trang 432).

Những bí ẩn về các sự kiện lịch sử kể trên chưa từng được những người trực tiếp can dự nêu ra ánh sáng mặc dầu đã xảy ra cách đây gần 50 năm. Ông Nguyễn Văn Trấn có đề cập đến một vài sử liệu nhưng các việc này phần nhiều liên can đến các việc xảy ra ở Hà Nội. Những chuyện ở miền Nam thường chỉ được ông nói phớt qua. Những nhân vật am tường về các sự việc xảy ra trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến nay đã lần lượt ra đi kể từ Dương Bạch Mai, Hoàng Quốc Việt, đến Nguyễn Văn Trấn, v.v. Nay chỉ còn Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp... là những nhân chứng cuối cùng, mà lại là nhân chứng biết rất nhiều sử liệu. Ông Giàu lại cũng là người được các giới trí thức trẻ hiện nay biết đến nhiều như một sử gia. Với tư cách sử gia chắc ông Giàu hẳn biết là các việc gọi là bí mật lịch sử, sớm muộn gì cũng sẽ được phơi bày ra ánh sáng. Chẳng hạn chuyện xảy ra vào thời nội chiến Tây Ban Nha (1936-1939) liên can đến cái chết của của Andres Nin, lãnh tụ của đảng POUM (Parti Ouvrier d'unification Marxiste). Andres Nin nguyên là Bộ trưởng Tư pháp của Cộng Hòa Catalogne và có quen biết nhiều với Trostky.

Nhóm phóng viên đài truyền hình TV-3 Catalane đã tìm được trong kho tài liệu của Mật vụ NKVD (tiền thân của KGB), là nhân viên Alexandrov Orlov được chỉ thị từ Stalin phải cùng với hai đảng viên cộng sản Tây Ban Nha tìm cơ hội bắt cóc, tra tấn và ám sát Nin (Xem: báo *Le Monde*, ngày 12 -11-1992). Việc này đã xảy ra ba năm trước khi Trostky cũng bị Mật vụ Stalin ám sát ở Mỹ Tây Cơ.

Một ngày nào đó, biết đâu các giới sử gia VN lại cũng sẽ có dịp khảo cứu kho tài liệu lưu trữ của Mật vụ KBG ở Nga và sẽ phát giác được các tài liệu liên quan về Việt Nam trong thời điểm sau cách mạng 1945. Kinh nghiệm đã cho biết là các đảng cộng sản chủ hầu Nga, làm việc gì theo chỉ thị của Stalin, đều phải có các báo cáo chi tiết.

Ông Trần Văn Giàu đã có hứa lúc ông thăm viếng Paris mùa hè năm 1989, là ông sẽ tìm cách phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu. Ở Paris, năm 1946, trong cuộc hội kiến với nhà văn Daniel Guérin là bạn cũ của Tạ Thu Thâu, ông Hồ Chí Minh đã nhìn nhận rằng ông Thâu là một người yêu nước đã bị giết nhầm. Như vậy việc phục hồi danh dự cho ông Thâu là một việc có thể làm được nhưng cho tới nay việc ấy chưa thấy được thực hiện. Nhiều anh em trong giới từng tranh đấu trong quá khứ đã không coi việc này là quan trọng. Họ còn tỏ ra bất bình khi nghe đề cập đến việc này. Họ thường nói: “Những người

từng vấy máu anh em cách mạng không có tư cách gì để nói đến chuyện phục hồi danh dự”.

Riêng trường hợp ông Tạ Thu Thâu, người viết bài này vẫn còn mong ông Trần Văn Giàu còn có thể làm việc ấy vì tin rằng ông Giàu không trực tiếp nhúng tay làm việc đó. Khi còn là sinh viên ở Pháp vào khoảng 1950, người viết bài có biết một phụ nữ đảng viên Cộng sản, chủ một quán ăn ở số 6, đường Jules Chalande, gần Place du Capitole và Đại học Luật khoa ở Toulouse, miền Nam nước Pháp. Bà đã biết hầu hết các nhà cách mạng Việt Nam từng du học hoặc thường ghé qua Toulouse như Trần Văn Thạch, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Giàu, v.v. Quán ăn của bà tên Le Coq Hardi (Quán này nay vẫn còn, nhưng đã đổi chủ) và sinh viên chúng tôi dịch đùa là quán Con gà trống dạn dĩ. Khi chúng tôi cho bà hay là Trần Văn Giàu về Việt Nam đã thủ tiêu Tạ Thu Thâu, bà chủ quán này đã thốt lên:

“Chắc là chuyện không thể xảy ra, Thâu coi Giàu như em út của y”. (*“C’est impossible, Thâu l’aimait comme son petit frère”*).

Nhưng còn các sự việc xảy ra ở miền Nam là vùng trách nhiệm của ông Trần Văn Giàu? Rất nhiều người đã chờ đợi nhưng chưa bao giờ được nghe ông thổ lộ hay tiếc thương một việc gì cả. Năm 1977, nhân dịp kỷ niệm tù nhân ở Côn Đảo, ông Lê Duẩn đã đọc diễn văn: “Kính chào các chiến sĩ cộng sản, quốc gia và trốt kýt, đã bỏ mình hoặc bị giam cầm ở nơi này” (Theo thơ

của sử gia Pháp, Daniel Hémery, trả lời nhà ngôn ngữ học danh tiếng Mỹ, Noam Chomsky, ngày 05 tháng 5 năm 1978, đăng trên tạp chí *Critique Communiste* số 18 và 19, xuất bản tại Paris). Ông Giàu là người dạy sử chưa hề thấy phát biểu một câu tương tự để ít nhất phục hồi danh dự một phần nào cho các chiến sĩ quốc gia hay tro cốt đã bị Đảng ông vu cáo và giết hại

Hay là ông vẫn chủ trương theo đường lối Đảng là vẫn giấu giếm trách nhiệm và các lỗi lầm, không nhìn nhận là đã chưa làm việc gì sai trái hoặc cứ im hơi lặng tiếng để thời gian xóa dần các dĩ vãng. Kinh nghiệm lịch sử thế giới đã chứng minh trái lại chủ trương sai lầm trên. Sớm muộn gì thì nhân dân Việt Nam cũng sẽ nhìn thấy sự thật, buộc Đảng Cộng sản Việt Nam phải công nhận trách nhiệm mà họ đang còn lẩn tránh.

Khi chiếm được miền Nam, theo chỉ thị Đảng các tên đường như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Thạch... đã được đổi thành tên khác. Sự nhỏ nhen của đảng viên Cộng sản VN đối với những người đã chết còn được chứng minh trong trường hợp thi sĩ nổi tiếng Bích Khê (Lê Quang Lương) mất năm 1946 vì bệnh. Dân chúng Quảng Ngãi đã vinh danh ông và đặt tên Bích Khê cho con đường dẫn từ bến xe đò ra khỏi thành phố về hướng Đông, nhưng đường này chưa hề được nhà cầm quyền hiện tại chấp nhận chánh thức. Năm 1991, gia đình thi sĩ Bích Khê xin dời mộ ông từ một bãi đất hoang về làng ở Thu

Xà (Tư Nghĩa) nhưng chánh quyền không chấp thuận với lý do là Bích Khê đã mất vì bệnh lao, xương cốt sẽ làm ô nhiễm đất làng (46 năm sau khi chết!), và vì ông là một người trốn kết!

Nhưng xin đoan chắc với nhà cầm quyền hiện tại, trong tương lai, ít lắm cũng sẽ được thấy những bảng ghi di tích lịch sử các tên đường với lời giải thích: “Đây là đường Tạ Thu Thâu, người đã phát hành báo *Tranh Đấu*, đây là đường Phan Văn Hùm trước ga Sài Gòn cũ, kỷ niệm người đã từng ngồi tù cùng Nguyễn An Ninh vì vụ án ở ga Bến Lức, v.v.

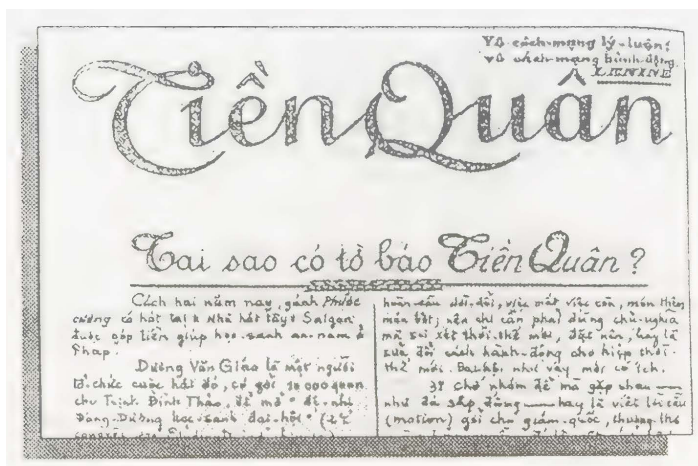
Ông Trần Văn Giàu, người đã được biết tiếng ngày trước, vào dịp những ngày đầu chiếm chánh quyền ở Nam bộ, nhưng khi ra Bắc đã bị gạt ra khỏi các cơ quan quyền lực, không cho trở lại hoạt động ở Nam bộ, sau được cho dạy ở trường Đảng và nay đã được giới trí thức trẻ coi như một sử gia, đúng ra chỉ nên được coi như một nhà dạy sử riêng của Đảng.

Ngày nào mà ông còn im hơi lặng tiếng theo chỉ thị Đảng về sự thực của các dữ kiện đã xảy ra ở Nam bộ sau ngày ông ra mắt nắm chính quyền trên bao lơn Tòa Đô Sảnh Sài Gòn ngày 25 tháng 8 năm 1945, thì cho đến ngày đó, ông vẫn không được coi là một sử gia, đúng với ý nghĩa cao quý và trang trọng của danh từ.

Paris, đầu Mùa Đông 1998.

BS. Trần Nguơn Phiêu.

(Trích: *Thế Kỷ 21*. Số 121, Tháng 5-1999 trang 21-26)



Báo bí mật ở Pháp: "TIỀN QUÂN" Chủ nhiệm: Hồ Hữu Tường; Chủ Bút
(và viết tay thực hiện): Phan Văn Hùm.

TRẦN VĂN GIÀU, NHÀ GIÁO NHÂN DÂN?

Trần Nguơn Phiêu

Trần Văn Giàu, một nhân vật chủ chốt trong thời Việt Minh giành được chánh quyền ở Nam Bộ vào ngày 25 tháng 8 năm 1945, đã tự phong chức Chủ tịch đầu tiên của Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ. Mười ngày sau đó, Hồ Chí Minh đã phái Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh từ Bắc vào, buộc Trần Văn Giàu phải nói rộng thành phần Lâm Ủy Hành Chánh thành Ủy Ban Nhân dân Nam Bộ và phải nhường chức chủ tịch cho Phạm Văn Bạch, một nhân vật không đảng phái vào thời bấy giờ. Sau đó không lâu, Trần Văn Giàu đã bị Hồ Chí Minh triệu hồi về Bắc để phụ trách ngành giáo dục, không cho phép trở về Nam công tác cho mãi đến năm 1975. Vào năm 1992, Trần Văn Giàu đã được chánh quyền Cộng sản Việt Nam phong tặng danh hiệu “Nhà Giáo Nhân dân”.

Người Việt Nam đã từng hấp thụ văn hóa Khổng Mạnh từ ngàn xưa nên lúc nào cũng kính trọng các

bậc Thầy của mình. Đạo Khổng há chẳng đã dạy phải xem Thầy trên cả Cha hay sao (Quân, Sư, Phụ). Các tiền nhân mà lịch sử Việt Nam ghi công, được nhìn nhận vào bậc Thầy như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Đỗ Chiểu, v.v. là những người được dân chúng mến phục chẳng những vì tài ba lỗi lạc mà cũng vì đức độ sáng chói. Chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa đã muốn dân chúng cùng tôn vinh với họ, coi Trần Văn Giàu là “nhà giáo nhân dân” của lịch sử hiện đại. Với những kinh nghiệm đau thương mà đảng Cộng sản Việt Nam đã bắt toàn dân gánh chịu trong quá khứ, trong thâm tâm, chúng ta lúc nào cũng thấy vẫn phải nghi ngờ những gì đảng chủ trương đề cao.

Trần Văn Giàu đã có một thời sáng giá ở miền Nam vào thập niên 1940. Nhưng đối với các thế hệ trẻ hiện nay, và cả đến một số đồng đồng bào miền Bắc, ta có thể ước đoán là chỉ một số ít người được biết rõ về Trần Văn Giàu. Vì vậy nên người viết bài thấy cần phải nhắc đến thân thể và sự nghiệp của Giàu để chúng ta có thể xét nghiệm tài ba và nhân cách của người được Đảng đề cao là “nhà giáo nhân dân”.

Trần Văn Giàu thuộc một gia đình trung lưu, sinh ngày 6 tháng 9 năm 1911 ở xã An Lạc Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tân An. Tân An tức Long An ngày nay là một tỉnh nhỏ trong Nam, ở ven biên Đồng Tháp Mười. Gia đình Trần Văn Giàu có nhiều người tham gia chống Pháp trong phong trào Khởi

nghĩa Thủ Khoa Huân. Lúc nhỏ, Trần Văn Giàu theo học trường tiểu học Tầm Vu. Năm 1925, lúc được 15 tuổi thì Giàu theo học trường trung học Chasseloup Laubat. Đây là thời khoảng ông Nguyễn An Ninh trở về miền Nam sau thời gian du học ở Pháp. Nguyễn An Ninh đã tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết ở Sài Gòn, phát hành báo *La Cloche Fêlée* (Chuông Rè), vận động thanh niên nên thức tỉnh trước tình hình đất nước, tập hợp những người yêu nước ở cả thành thị và nông thôn vào một mạng lưới cốt cán, chuẩn bị thành lập “Đảng Thanh Niên Cao Vọng”. Trường Chasseloup Laubat, tuy là một trung học cho phần đông con nhà giàu nhưng những vận động sôi nổi của Nguyễn An Ninh cũng đã làm thức tỉnh tâm trạng yêu nước của nhiều học sinh trẻ. Những sinh viên đầy nhiệt huyết này đã bí mật tập hợp thành đảng “Jeune Annam” và tên tuổi họ về sau đã thấy gắn liền với các phong trào cách mạng ở miền Nam: Tạ Thu Thâu, Trịnh Hưng Ngẫu, Nguyễn Văn Sổ, Bùi Công Trùng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Khánh Toàn, Trần Ngọc Danh, v.v. Nguyễn An Ninh vào thời buổi đó dự định tổ chức một cuộc diễn thuyết lớn ở Vườn Xoài, Sài Gòn nhưng việc không thành vì thực dân ra tay bắt Ninh một ngày trước buổi ra mắt. Cũng vào thời gian đó, Bùi Quang Chiêu trong đảng Lập Hiến từ Pháp trở về lại Việt Nam. Thực dân Pháp đã đe dọa hành hung phản đối Bùi Quang Chiêu về việc ông chủ trương tranh đấu cho Việt Nam được

độc lập trong một thể chế Lập Hiến. Nhóm Jeune Annam do Tạ Thu Thâu cầm đầu đã tổ chức đón Bùi Quang Chiêu ở bến tàu Nhà Rong để bảo vệ Chiêu. Nhân dịp đón rước này, nhóm Jeune Annam cùng dân chúng tham dự cuộc đón rước cũng đã hô hào yêu cầu thực dân Pháp phải thả Nguyễn An Ninh. Trong cuộc biểu tình này không biết Trần Văn Giàu có tham dự không, nhưng đến phong trào dân chúng và sinh viên học sinh các trường biểu tình đưa đám tang ông Phan Châu Trinh năm 1926 thì Giàu có tham gia với các nhóm đàn anh của trường nhưng sau đó, Giàu đã may mắn không bị đuổi khỏi trường.

Việc Trần Văn Giàu được đi học ở trường Chasseloup Laubat và tham dự cuộc bãi khóa nhân dịp đám tang cụ Phan Châu Trinh là do chính Trần Văn Giàu kể lại dưới nhan đề “Dạy người chính là dạy mình” đăng trong “Nửa thế kỷ những gương mặt nhà giáo”, Nhà xuất bản Giáo Dục- 1995. Trong một tài liệu khác mà người viết bài hiện đang nắm giữ về sự liên hệ giữa Trần Văn Giàu và Tạ Thu Thâu, thì Trần Văn Giàu lại theo học trung học ở một trường tư thực tên Nguyễn Xích Hồng, trên con đường từ Bà Chiểu sang Phú Nhuận. Giàu lại đi học với cái tên mượn tạm (vì các khó khăn về tuổi tác hay vì một lý do nào khác, nên phải mượn khai sinh đi học?) là Nguyễn Ngọc Minh. Tạ Thu Thâu dạy Pháp văn ở trường tư thực này và vì thấy Nguyễn Ngọc Minh thông minh, lanh lợi, nên để ý thương yêu và giúp đỡ.

Năm 1928, Trần Văn Giàu được cha mẹ chấp thuận cho sang Pháp học nhưng bắt buộc Giàu phải đi làm đám hỏi vợ trước khi được đồng ý cho đi Tây. Giàu đáp chuyến tàu *Cap St Jacques* qua Marseille và theo học lớp Đệ nhất (Première) năm 1928-1929 ở Lycée Toulouse, miền Nam nước Pháp. Giàu đậu Tú Tài phần I năm 1929 và năm sau, học Tú Tài phần II, ban Triết. Vào thời đó phần đông một số sinh viên Việt Nam, ngoài Paris, thường hay chọn các tỉnh ở miền Nam như Montpellier, Aix en Provence, Toulouse..., có lẽ vì khí hậu ấm áp hơn là miền Bắc. Những nhà cách mạng có tiếng tăm sau này ở miền Nam thường đều là các sinh viên đã theo học ở Toulouse như Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, v.v. Tạ Thu Thâu thường hay ghé qua Toulouse vì ở đây có một chi bộ của đảng P.A.I. Đảng P.A.I. (Parti Annamite de l'Indépendance tức Việt Nam Độc Lập Đảng) do Nguyễn Thế Truyền thành lập. Vì đến lúc phải trở về nước nên Nguyễn Thế Truyền đã giao lại cho Thâu lãnh đạo đảng P.A.I.

Tại Toulouse, Tạ Thu Thâu vui mừng gặp lại được học trò cũ Nguyễn Ngọc Minh với cái tên mới là Trần Văn Giàu. Thâu đã đối đãi hết lòng với Trần Văn Giàu, coi Giàu như em út vì nhận thấy Giàu khi đi dự hội sinh viên đã thao thao cãi rất hăng, lỗi lạc hơn cả các bậc đàn anh đang học cỡ cử nhân. Giai đoạn này đã được nhà văn Huân Phong nêu nhiều chi tiết trong tuần báo *Hòa Đồng* của Hồ Hữu Tường. Thâu

đem nhiều sách hay để hướng dẫn Trần Văn Giàu. Nhiều người đã cho là Thâu đang nuôi dưỡng để thâu nạp Giàu làm đệ tử ruột của mình sau này. Các sinh viên Việt vào thuở đó hay tụ tập ăn uống ở một quán ăn có tên Le Coq Hardi (Con Gà Trống Dạn Dĩ). Chủ quán là một phụ nữ Pháp đảng viên Cộng sản nên đã biết hầu hết các sinh viên Việt Nam du học đến ăn ở quán này. Việc Tạ Thu Thâu chăm sóc đối đãi với Giàu, coi Giàu như em út, bà chủ quán cũng đã biết. Người viết bài có may mắn gặp lại bà chủ quán khi đi du học vào năm 1950. Khi được cho biết là năm 1945, Trần Văn Giàu đã chỉ thị cho người xử tử Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi, bà đã đưa hai tay lên trời và than: “Thật là chuyện không thể tưởng tượng”! Cái quán lịch sử này hiện vẫn còn hoạt động ở số 6 đường Jules Chalande (Place Puits Clos), gần Đại học Luật và Văn Khoa Toulouse nhưng nay do một chủ nhân khác quản lý.

Vào thời khoảng này, ngày 10 tháng 2 năm 1930, cuộc bạo động Yên Bái do Nguyễn Thái Học và các đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng tổ chức đã bị thất bại và thực dân Pháp đã đàn áp trong máu lửa những người tham gia cuộc khởi nghĩa. Tuy thất bại nhưng đây là một tiếng bom làm thức tỉnh quần chúng Việt Nam và đã vang dội đến cả Âu Châu. Thực dân đã lên án tử hình 13 liệt sĩ anh hùng Yên Bái.

Một phong trào yểm trợ, làm áp lực trong dư luận Pháp để xin giảm án tử hình cho 13 liệt sĩ Yên Bái

bằng bích chương, truyền đơn, khẩu hiệu đã được sinh viên và kiều bào Việt Nam tại Pháp tổ chức rải rộ nhưng chưa thấy được kết quả. Để đánh mạnh vào dư luận quần chúng Pháp, Tạ Thu Thâu đã tập hợp được một nhóm người để tổ chức một cuộc biểu tình trước Điện Élysée là dinh Tổng Thống Pháp. Điện tín gửi mời sinh viên Việt Nam các tỉnh tụ họp về Paris một ngày trước cuộc biểu tình đã được đáp ứng trong đó gồm có: Trần Quốc Mai, Đại diện sinh viên Marseille, Nguyễn Văn Chi ở Lyon, Nguyễn Anh Bốn ở Bordeaux. Toulouse có Nguyễn Văn Quan và Trần Văn Giàu tham dự. Để lôi kéo thêm các đoàn thể bạn tham gia cuộc biểu tình, Tạ Thu Thâu và các bạn xu hướng quốc gia như Hồ Văn Ngà, Lê Bá Cang, Hình Thái Thông... mời họ đến tụ họp ở Tổng hội Sinh viên Đông Dương A.G.E.I. (Association Générale des Étudiants Indochinois), trở tài hùng biện lôi kéo họ lên taxi đến nơi biểu tình. Tháng 8 năm 2000, người viết bài có dịp đi Pháp nên đến thăm bà Tạ Thu Thâu, cư ngụ ở St Germain en Laye, ngoại ô Paris. Năm đó bà đã trên 92 tuổi, vẫn còn sáng suốt và bà đã hùng hồn thuật lại vai trò “thủ thành” của Bà ở hội quán AGEI để làm địa điểm liên lạc cho cuộc biểu tình.

Cuộc biểu tình rất đông đã lôi cuốn cả nhiều người Pháp tham gia nhưng cuối cùng cũng bị giải tán. Một số sinh viên bị bắt nhốt ở khám Santé, nhưng sau đó thay vì đem ra xét xử, Pháp lại chủ

trường trực xuất họ trở về Việt Nam. Ngày 24 tháng 6 năm 1930, ở bến Marseille, chiếc tàu *Athos II* đã đưa về nước 19 sinh viên thuộc nhiều xu hướng chánh trị: 1. Tạ Thu Thâu -2. Ngô Quang Huy -3. Lê Bá Cang -4. Trần Văn Chiêu -5. Trần Văn Đờm -6. Huỳnh Văn Phương -7. Phan Văn Chánh - 8. Hồ Văn Ngà - 9. Trần Văn Tự -10. Lê Thiết Tự -11. Đặng Bá Lân -12. Trần Văn Giàu -13. Nguyễn Văn Tạo -14. Đặng Tấn Phát -15. Vũ Liên -16. Nguyễn Văn Tân - 17. Trịnh Văn Phú -18. Trương Duy Tam -19. Trương Duy Đạm.

Khi cuộc kháng chiến Nam Bộ khởi đầu vào mùa thu năm 1945, trong số 19 người được trả về nước trên chuyến tàu *Athos II*. Trần Văn Giàu đã ra lệnh thủ tiêu 4 nhà ái quốc: Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan văn Chánh, Hồ Văn Ngà!

Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường, sau cuộc biểu tình trước Điện Élysée, đã được các đồng chí Pháp đưa đi lánh nạn ở Bỉ nên tránh khỏi bị trục xuất.

Trong số 19 người bị trục xuất về nước, Trần Văn Giàu là trẻ nhất, lúc ấy mới vừa 19 tuổi. Lúc ở Toulouse, một thành phố có tiếng là có nhiều nhà chánh trị khuynh tả, Trần Văn Giàu lãnh trách nhiệm dịch ra tiếng Việt các bài của Cộng sản Pháp để đăng trên tờ *Cờ Đỏ*, một tờ báo bí mật lưu hành trong giới các binh sĩ Việt Nam bị đưa sang Pháp. Do đó Giàu gia nhập Đảng Cộng sản Pháp vào tháng 5 năm 1929. Trở về Việt Nam, Giàu chánh thức lập

gia đình và lãnh dạy học ở trường trung học Huỳnh Công Phát ở Quận Nhứt Sài Gòn, do Hoàng Minh Giám làm hiệu trưởng. Giàu gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và Xứ ủy Nam Kỳ giao cho Giàu làm giảng viên cho một lớp T.K. (Thanh niên Kộng sản). Lớp huấn luyện này bị mật thám phát giác, bao vây nhưng Giàu thoát được nên từ đó phải hoạt động trong vòng bí mật.

Qua năm sau, đầu năm 1931, cơ sở đảng ở Sài Gòn tan vỡ qua các cuộc khủng bố, vây bắt của thực dân. Trần Văn Giàu xin xứ ủy viên Ung Văn Khiêm cho được xuất dương du học một lần nữa. Giàu bí mật rời Sài Gòn sang Pháp cũng lại đi trên chiếc tàu *Cap St Jacques*. Chuyển đi trót lọt vì Giàu vốn đã có làm quen với nhiều thủy thủ của tàu trong chuyến đi trước. Qua được Pháp, nhờ Nguyễn Văn Tạo giới thiệu nên Giàu được đưa qua Liên Xô, theo học trường Đại học Phương Đông ở Moscou. Luận án tốt nghiệp ra trường của Giàu có tên “Vấn đề ruộng đất ở Đông Dương”.

Năm 1933, Giàu trở về Pháp, đáp tàu Hòa Lan đi Singapore và từ đây, bí mật trở về Sài Gòn trên chuyến tàu *Félix Roussel* của Pháp. Cơ sở đảng Cộng sản ở miền Nam lúc ấy hầu như bị tan vỡ hết. Giàu có công gầy dựng lại Xứ bộ Nam Kỳ và phát hành tờ báo bí mật *Cờ Đỏ* và cơ sở *Cộng sản Tùng thơ*. Cuối năm 1933, Giàu bị bắt ở Bà Hom (Bình Trị Đông) và bị kết án 5 năm tù treo vì không đủ yếu tố buộc tội.

Đến tháng 4 năm 1935, sau khi dự Đại hội ở Macao trở về, Giàu lại bị bắt cùng một số người khác và lần này bị kết án 5 năm đày đi Côn Đảo. Tháng 5 năm 1940, mãn hạn tù Côn Đảo, Giàu trở về đất liền chỉ được 9 ngày thì lại bị bắt trở lại vì dư âm bối cảnh cuộc Nam Kỳ Khởi Nghĩa và vì chiến tranh ở Âu Châu đã bùng nổ nên thực dân Pháp chủ trương phải bắt an trí hầu như tất cả các nhà cách mạng Việt Nam. Giàu bị cầm tù ở cảng Tà Lài (Bà Rá). Giữa năm 1941, xảy ra cuộc “vượt ngục” Tà Lài. Giới cách mạng bị giam ở Bà Rá lúc bấy giờ vẫn đồn đại về việc này như một bố trí của Pháp để thành lập những bộ phận giúp đánh đuổi quân Nhật. Tháng 10 năm 1943, trong hội nghị xứ ủy mới thành lập trở lại ở Chợ Gạo (Tân An), Giàu được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ. Trong thời gian này, việc Giàu liên lạc với giới “Pháp mới” đã được chính bộ hạ thân tín của Giàu là Nguyễn Văn Trấn thuật lại trong quyển *Viết cho Mẹ và Quốc Hội*, NXB Văn Nghệ, năm 1995, trang 106):

“Tôi đi. Theo lời nói là đi gặp mấy thằng Tây ‘de la Resistance’ (Tây kháng chiến, lời dịch của người viết bài)...

“Tôi gặp được ai. Nhà ở số 19 đường Jean Duclos. Tôi vừa đi vào thì thấy Sáu ngồi gần cửa. Bên tay trái của anh Sáu là chủ nhà. Một thằng Tây quen: Sauterey thơ ký của bộ phận SFIO (Section française de l’Internationale ouvrière) là Đảng Xã hội ở Sài Gòn.

Bên phải của ông Sáu...! Trời ơi, nó là thằng Duchêne, thanh tra chánh trị của bớt lính kín Catinat. Tôi lần lượt bắt tay hai thằng Tây, và ngồi xuống ghế trống.

Thằng Duchêne hình như thấy tôi có gì lúng túng bèn nói với tôi:

- Bấy lâu tui nó tìm chẳng thấy anh. Và nay thì sự tìm bắt, đối với anh tôi đã cắt rồi..."

Với bản tánh luôn luôn đa nghi của cán bộ Cộng sản, trước khi đồng ý đến gặp nhóm “Pháp Giải phóng” với Trần Văn Giàu (bí danh “Ông Sáu” trong câu chuyện kể trên), Nguyễn Văn Trấn đã khôn ngoan tìm cách hỏi trước ý kiến các anh lớn trong đảng đảng bị còn bị thực dân xử biệt xứ: Nguyễn Văn Tạo ở Rạch Giá, Dương Bach Mai ở Bà Rịa... thì đều ở xa Sài Gòn. Chỉ có Nguyễn Văn Nguyễn vì ở Gò Công gần hơn nên Trấn chọn đến đó để “kể chuyện ông Sáu biểu đi gặp Tây, và xin Nguyễn về sau hãy làm chứng cho ‘khí tiết’ của tôi” (*Viết cho Mẹ và Quốc hội*, sđd, trang 105).

Muốn cho chắc ăn, Nguyễn Văn Trấn một năm sau cũng tìm cách phân bua thêm với Thới, một đại diện đảng đến bắt lại liên lạc với Trấn. Đặc biệt là vì Thới, sau khi biết được việc Trấn đã từ đèo Blao gấp trở về Sài Gòn vì nghe được các tin vượt ngục Tà Lài, Bà Rá, cán bộ Thới lại đã phát biểu: “Cũng có vượt ngục và vượt ngục. Người ta có đặt vấn đề là do Tây thả”! Trấn đã tha thiết nói với Thới: “Năm ngoái tôi đã nói với anh Nguyễn, hôm nay tôi nói lại

với anh. Xin anh vì kiếp sống chánh trị của tôi, và vì tình của tôi đối với mẹ, mà làm chứng cho tôi... Cuối năm ngoái, có lần tôi về Phú Lạc. Ông Sáu nói: Tới mai ta đi gặp mấy thằng Tây Kháng chiến” (*Viết cho Mẹ và Quốc hội*, sdd, trang 100). Trong thâm tâm, Nguyễn Văn Trấn vẫn thấy việc đi tiếp xúc với trùm mật thám Duchêne là việc không ổn: “Tin cái anh mật thám này, thì bằng tin bồi Ba Cùm” (“Bồi Ba Cùm”, danh từ miền Nam để chỉ các tay trộm lành nghề ở Ba Cùm, Tân An, chuyên đánh cắp các ghe thương hồ, chuyên chở hàng hóa - lời ghi thêm của người viết bài).

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945, các đảng phái ở miền Nam đã phục hồi hoạt động ráo riết. Ngay cả trước đó, không khí chính trị miền Nam đã bắt đầu sôi sục vì có các phong trào thanh niên thể thao của chánh quyền thực dân Vichy, Pháp. Lợi dụng thời cơ này, các đoàn thể thanh niên đã kết đoàn theo lời kêu gọi của các sinh viên miền Nam “xếp bút nghiên” từ Hà Nội trở về Nam vì tình thế chiến tranh.

Trần Văn Giàu đã tìm cơ hội để tổ chức huấn luyện chính trị, lôi kéo giới thanh niên trí thức phần đông thuộc đảng Tân Dân Chủ do sinh viên Đặng Đức Hiến thành lập ở Hà Nội. Cơ sở lớp huấn luyện này được đặt ở nhà và văn phòng của kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát ở 78-80 đường Mayer (Hiền Vương) ở Đakao. Huỳnh Văn Tiếng, Lưu Hữu Phước, Mai Văn

Bộ, Trương Công Cán... đều có tham dự các lớp này và sau đã được kết nạp vào đảng Cộng sản của Giàu. Đây là lần đầu tiên Giàu mở lớp huấn luyện cho dân trí thức. Ngoài ra, Giàu cũng còn phụ trách một lớp huấn luyện cho Tạ Bá Tòng, một sinh viên gốc Triều Châu, ở Sóc Trăng. Ở Hà Nội, Tòng có sinh hoạt về Thanh niên Cứu Quốc của Lê Quang Đạo nên được Đạo giao phó về tổ chức trong Nam, nhưng được Trần Văn Giàu khuyên là nên tổ chức Tân Dân Chủ đoàn trước. Do đó Giàu đã dạy riêng một lớp chánh trị hơn trên 50 đoàn viên Dân chủ cho Tạ Bá Tòng, ở nhà riêng của dược sĩ Trần Kim Quan ở Thị Nghè. Tạ Bá Tòng sau đó đã rất đắc lực trong việc tổ chức Thanh Niên Tiền Phong miền Hậu Giang.

Trước đó Giàu có tiếng thường phụ trách huấn luyện chính trị cho các tù nhân bị thực dân bắt và Giàu được gán cho biệt danh là “giáo sư đỏ” trong tù. Việc ấy chứng tỏ là trong thời thực dân, chế độ nhà tù tuy ác nghiệt, khiến bao nhiêu người bị bắt đã phải chết trong tù, nhưng tù nhân vẫn còn có được cơ hội liên lạc, sinh sống với nhau, so sánh với chế độ biệt giam, gông cùm, vô cùng tàn bạo của các “trại học tập” Cộng sản sau ngày 30-4-1975.

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, thống đốc Nhật ở miền Nam là Minoda đã đồng ý cho tổ chức tụ họp thanh niên trong tổ chức Thanh niên Tiền phong, với ý đồ có thể lợi dụng phong trào này khi cần dùng đến nhân lực người Việt. Hồ Văn Ngà và bác sĩ Phạm

Ngọc Thạch được lãnh sự Nhật lito giao cho phụ trách việc này và tổ chức Thanh niên Tiền phong đã phát triển rất mạnh mẽ trong giới thanh và tráng niên. Việc đoàn ngũ hóa nhanh chóng một phần lớn là do không khí phấn khởi của dân chúng sau khi thấy thực dân Pháp bị Nhật hất cẳng và chánh phủ Việt Nam đầu tiên Trần Trọng Kim được thành lập. Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiểng cũng đã hăng hái góp phần vào việc huy động phong trào thanh niên này. Trần Văn Giàu, trong bóng tối, đã nhận thức được tiềm lực nguồn nhân sự này nên đã móc nối Phạm Ngọc Thạch để lợi dụng phong trào.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Đồng Minh tuyên bố Nhật đầu hàng vô điều kiện. Ở Sài Gòn, ngày 21 tháng 8, Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ, có hơn 200 ngàn người tham dự, tỏ ý chí toàn dân đoàn kết trước sự lâm le trở lại Việt Nam của thực dân Pháp. Mặc dầu trước đó, Việt Minh là một tổ chức chưa được dân chúng Nam Bộ nghe đến nhưng lợi dụng thế đứng của họ vì đã có cơ hội cộng tác với Đồng Minh, lập được các chiến khu ở Bắc Việt nên nay, khi Đồng Minh ở thế thắng trận, Việt Minh liền vội vã tung ra các thủ đoạn tuyên truyền để lung lạc ý chí của dân chúng đang bùng bùng quyết đứng lên bảo vệ nền độc lập vừa mới tương đối chiếm lại sau ngày Pháp bị Nhật đảo chánh. Phạm Ngọc Thạch, phụ trách tổ chức Thanh Niên Tiền Phong đã được Trần Văn

Giàu móc nối từ lâu nên ngày 22 tháng 8, 1945, trong bầu không khí chính trị đầy phân vân ở Sài Gòn, khi Phạm Ngọc Thạch tuyên bố: “Thanh Niên Tiền Phong gia nhập Mặt trận Việt Minh”, Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất của Hồ Văn Ngà kể như đã mất hơn phân nửa lực lượng.

Cuộc dành chánh quyền ở Nam Bộ và thành lập Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ do Trần Văn Giàu và các bộ hạ thân tín như Nguyễn Văn Trấn đã được thành công một phần lớn đều nhờ việc nắm được lực lượng Thanh Niên Tiền Phong. Trần Văn Giàu đã rất hãnh diện về việc này. Tháng 10 năm 1989, khi Giàu có dịp trở lại Pháp, trong một cuộc nói chuyện có ghi băng giữa Giàu và các nhà cách mạng Việt Nam ở Pháp, Giàu đã tường thuật việc Giàu đề nghị cho TNTP dùng biểu hiệu cờ vàng sao đỏ, cách chào nhau bằng đưa bàn tay mở rộng ngang vai để về sau cờ được đổi thành cờ Việt Minh, sao vàng, nền đỏ; Việt Minh cũng sẽ chào nhau bằng cách đưa tay lên cao nhưng bàn tay nắm chặt lại thành quả đấm... Giàu thành công nhưng Hồ Chí Minh ở Bắc đã phải gọi ngay hai phái viên cấp tốc vào Nam: Hoàng Quốc Việt, đại diện Đảng và Cao Hồng Lãnh, đại diện Tổng bộ Việt Minh để chỉnh lại công việc của Giàu. Bắc bộ phủ lúc đó trách cứ là Giàu đã dựa vào các tổ chức thân Nhật để cướp chánh quyền, khác với chủ trương chống Nhật ở Bắc. Thanh niên Tiền phong cần phải được đổi thành Thanh Niên Cứu

Quốc. Trần Văn Giàu được chỉ thị phải mở rộng thành phần chánh phủ nên chỉ mười ngày sau khi thành lập Ủy ban Hành chánh Nam Bộ, Giàu không còn được giữ chức Chủ tịch mà phải nhường lại cho Phạm Văn Bạch làm chủ tịch Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, Giàu chỉ còn giữ chức Ủy viên Quân sự. Trong buổi hội ở Paris năm 1989, Trần Văn Giàu đã than thở: “ Thế là tôi lại bị gán cho là đã thân Nhật”!

Kể từ ngày dành được chánh quyền ở Nam Bộ, danh Trần Văn Giàu mới được dân miền Nam biết đến. Trước đó trong thời gian tranh đấu chống Pháp, bí mật và công khai ở Sài Gòn, Giàu không có hành động gì nổi bật. Trong lần biểu tình ngày 2 tháng 9, 1945 dân chúng Sài Gòn lần đầu tiên đã thấy được trong các đoàn biểu tình phô trương lực lượng, có một đám người kỳ lạ, ngực để trần, mình xâm chằng chịt, biểu diễn dưới tấm bảng ghi “Ban Ám sát Xung phong”. Thiên hạ đồn với nhau: đây là tổ chức dưới quyền của Dương Bạch Mai, người phụ trách Quốc Gia Tự Vệ Cuộc.

Ngày 8 tháng 9, tin nhà cách mạng Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi đã làm chấn động không khí chánh trị ở Sài Gòn. Nhóm Tranh Đấu đã thông báo việc này cho dân chúng bằng một bảng lớn dựng trước trụ sở ở góc đường Lagrandière và Aviateur Garros (Lê Thánh Tôn - Thủ Khoa Huân, thời VNCH). Bị chất vấn từ nhiều phía, ngày 9 tháng 9, Giàu ra thông cáo: “Việc Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi không

liên quan đến Lâm ủy Hành chánh ở Nam Bộ. Ủy ban Nhân dân ở Nam Bộ được và có quyền xử Tạ Thu Thâu”.

Tháng 9 năm 1945 là một khoảng thời gian đặc biệt ở Sài Gòn với tình hình chính trị sôi sục, biến chuyển mau lẹ từng giờ, từng ngày. Sau ngày chánh quyền thực dân Pháp bị Nhật lật đổ, dân chúng đã bùng bột ủng hộ Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất của Hồ Văn Ngà. Nay trên chính trường lại có thêm Mặt trận Việt Minh và sự xuất hiện của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ của Trần Văn Giàu với một thành phần gồm toàn các nhân vật của đảng Cộng sản Đệ tam, không có sự tham gia của các nhân vật yêu nước không Cộng sản. Việc này đã khiến dân chúng vô cùng hoang mang. Thêm vào đó lại có việc quân Anh, Ấn đại diện Đồng Minh đổ bộ lên Sài Gòn để giải giới quân Nhật, cùng với tin tức là các lực lượng Pháp đang chuẩn bị tháp tùng quân Anh trở lại Đông Dương. Trong bầu không khí hỗn độn đó, khó có thể có kết quả gì để hòng can thiệp cho số phận Tạ Thu Thâu, một lãnh tụ có tiếng ở miền Nam, có thể có khả năng vận động quần chúng. Số phận của nhà cách mạng miền Nam thật ra kể như đã được quyết định từ miền Bắc. Quyết định thủ tiêu Thâu chắc chắn đã được Bắc bộ phủ quyết định khi chỉ định Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng Lãnh lên đường vào Nam cùng lúc khi Tạ Thu Thâu lấy quyết định trở về Sài Gòn khi hay tin Nhật đã đầu hàng Đồng Minh.

Trần Văn Giàu, người đã mang ơn Tạ Thu Thâu, chắc hẳn đã biết rõ số phận của Thâu đã được Bắc bộ Phủ quyết định rồi vì ngày 7-9-1945 Hoàng Quốc Việt đã đến tới Nam Bộ và khi gặp Giàu đã cho Giàu biết quyết định của Trung Ương!

Trong buổi gặp gỡ được thâu bằng ở Paris ngày 17-10-1989, hiện còn lưu giữ, Trần Văn Giàu đã bị chất vấn về việc Tạ Thu Thâu đã bị xử tử và gán cho tội “Việt gian phá hoại”, do một tên huyện ủy tiểu tốt tên Từ Ty ở Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Trần Văn Giàu đã cao hứng(!) long trọng hứa “Tôi sẽ “rửa tiếng” cho Tạ Thu Thâu, nếu đảng Cộng sản Việt Nam không chịu rửa tiếng”. Nhưng từ ngày hứa đó cho đến nay, chưa hề thấy Giàu chánh thức nói lên một tiếng gì cả!

Khi Hồ Chí Minh tuyên bố ở Pháp năm 1946 nhân dịp bạn thân của Thâu là Daniel Guérin hỏi về cái chết của Thâu: - *“Tạ Thu Thâu là một nhà ái quốc có tầm vóc. Chúng tôi khóc cái chết của ông”*, ai ai cũng biết đó chỉ là một lời nói dối chính trị. Nhìn lại khoảng đường lịch sử vừa qua, những lời “nói dối chính trị” của Hồ Chí Minh nay được một số nhân sĩ Việt Nam gọi là “khôì hài đen” (black humour), nhất là hai lời tuyên bố đã được Trần Ngọc Danh, Trưởng phái đoàn Đại diện Việt Nam ở Paris đã cho in trong tập “Hồ Chí Minh”, ấn hành tại Paris, tháng 5 năm 1947. Trần Ngọc Danh nhấn mạnh về hai lời tuyên bố của Hồ Chí Minh: lời thứ nhất đăng trên Journal de Genève: *“Những bạn bè của chúng tôi không cần*

phải lo ngại là chủ nghĩa mác-xít sẽ du nhập vào đất nước chúng tôi”, lời thứ hai đăng trên báo *Le Pays*: “*Những lí thuyết mác-xít không thể áp dụng được ở nước chúng tôi*”.

Bộ mặt thật của Trần Văn Giàu chỉ đã được dân miền Nam biết đến sau ngày mở màn cuộc Kháng chiến Nam Bộ, ngày 23 tháng 9 năm 1945. Sáng Chủ nhật, lúc 4 giờ sáng ngày lịch sử này, quân Pháp được Tướng Anh, Gracey cho tái vũ trang, đã dựa vào lực lượng quân Gurka của Anh, đi tái chiếm Dinh Xã Tây, trụ sở của Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ, sở Mật thám đường Catinat, Kho Bạc, nhà Bưu Điện Sài Gòn, v.v. Nhưng kiểm điểm lại, người Việt Nam bị mất mạng đầu tiên khi cuộc kháng chiến bắt đầu lại không do thực dân giết mà lại do các tay sát thủ của Dương Bạch Mai và Trần Văn Giàu: đó là Lê Văn Vững thư ký uỷ ban Sài Gòn-Chợ Lớn của nhóm Tranh Đấu và cũng là thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong vùng Đa Kao.

Rút khỏi Sài Gòn về trú đóng trụ sở ở Chợ Đệm (Tân An), Trần Văn Giàu đã ra lệnh bắt và xử tử Huỳnh Văn Phương, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, nhà báo Diệp Văn Kỳ, luật sư Hồ Vĩnh Ký và vợ là bác sĩ Nguyễn Thị Sương (Thủ lĩnh Phụ Nữ Tiền Phong), v.v.; vây bắt Hồ Văn Ngà, Trần Quang Vinh... Riêng về trường hợp Huỳnh Văn Phương, chú ruột của Huỳnh Tấn Phát (Chủ tịch sau này của Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam) là người đã giúp

đỡ khí giới và phương tiện cho tổ chức của Giàu lại là người bị Giàu cố ý thủ tiêu nhanh chóng, chỉ vì Phương đã nắm được các tài liệu về việc Giàu liên hệ với trùm mật thám Pháp Arnoux và Duchêne! Đặc biệt các nhân vật Đệ Tứ hoặc có cảm tình với Đệ Tứ đều được chú ý thủ tiêu: anh giáo Nguyễn Thi Lợi ở Cần Giuộc (Chợ Lớn), người gây dựng lại nhóm Tranh Đấu ở Sài Gòn sau ngày Nhật đầu hàng, luật sư Hình Thái Thông ở Mỹ Tho, Trần Văn Thạch, Phan Văn Chánh, Nguyễn Văn Sổ... Đặc biệt ở vùng Hậu Giang, các nhân vật và tín đồ Hòa Hảo đã bị thủ tiêu, chôn ở các hầm hố chôn tập thể miệt Tân Thành, Cái Cái gần biên giới Miên. Cuộc khủng bố trắng này đã được Dương Bạch Mai, Ủy viên Thanh tra Chính trị Miền Đông tiếp tục thi hành ở các vùng Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh cũng như Nguyễn Văn Tây, Ủy viên Thanh tra Chính trị Miền Tây ra tay đảm trách ở miền Hậu Giang!

Để kết luận về giai đoạn này, có thể nói là để nắm giữ quyền lực riêng về cho đảng Cộng sản Đệ Tam, Trần Văn Giàu đã nhẫn tâm sát hại hầu hết một thế hệ những nhà ái quốc, cách mạng ở Nam Bộ, làm tiêu hao tiềm lực cuộc đoàn kết kháng chiến thuở ban đầu. Trong một cuộc gặp gỡ sau này với Trịnh Hưng Ngẫu ở Thái Lan, Trần Văn Giàu còn cho ông Ngẫu biết là y chưa hoàn tất việc thanh toán các nhân vật còn có tên trong Sổ đen của y. Nhà văn Pháp Michel Tauriac, nghiên cứu về Việt Nam, trong quyển *Việt*

Nam, Le dossier noir du Communisme“ (Hồ sơ đen Việt Cộng), đã gọi Trần Văn Giàu là “tên sát nhân cũ của Việt Minh ở Nam Việt Nam” (“*Trần Van Giàu, l'ancien assassin viet minh du Sud-VietNam*”, sách đã dẫn, NXB Plon, 2001, trang 103).

Toán của Trần Văn Giàu chỉ tồn tại ở Nam Bộ trong một thời gian. Phạm Ngọc Thạch, Dương Bạch Mai, Trần Văn Giàu đều được “mời” ra Bắc, giữ những chức vụ khác. Trần Văn Giàu thì không được trở lại miền Nam cho mãi đến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Người phụ trách thi hành các chỉ thị sát nhân của Trần Văn Giàu là Nguyễn Văn Trấn, Giám đốc Quốc gia Tự vệ Cuộc, nên Trấn được dân miền Nam đặt cho biệt hiệu là “hung thần Chợ Đệm”. Cuối năm 1948, đang làm bí thư Khu ủy khu 9 thì Trấn cũng bị búng cho ra Bắc khi Lê Đức Thọ (Sáu Búa) vừa bước chân vô tới biên giới Nam Kỳ. Trấn, thủ hạ thân tín cuối cùng của Giàu bị lột chức và cho làm đại biểu ra dự Đại hội Đảng, cùng đi với trưởng đoàn là Ung Văn Khiêm.

Vai trò và hoạt động của Trần Văn Giàu ở miền Nam kể như được chấm dứt sau năm 1946. Có thể đoán là ở Trung ương Bắc Bộ, Trần Văn Giàu không được các đồng chí ngoài đó hoàn toàn tin cậy vì Giàu đã được gán cho là đã dựa vào thế lực Nhật để dành chánh quyền và nhất là đã có lúc liên hệ với sở Mật thám Pháp. Thêm vào đó còn có việc: năm 1935, sau khi dự Đại hội đảng ở Macao ngày 19 tháng Tư và

trở về lại Sài Gòn, Trần Văn Giàu bị bắt và đã khai với bồi thẩm Trần Văn Tỷ khiến 167 người bị bắt (sau đó có 113 được thả). Hồ Hữu Tường đã có đề cập đến việc này trong báo *Hòa Đồng*: Khi các đồng chí trong tù trách cứ thì Giàu đã thanh minh: “*Một thám mà đánh tôi chết thì đảng mất đi một thủ lãnh. Tôi khai như vậy, khỏi bị đòn, các đồng chí mỗi người lãnh ít năm tù để trả giá cái mạng sống của tôi*”.

Ra Bắc, đúng vào lúc dư luận xôn xao về việc Hồ Chí Minh đã ký Hiệp định Sơ bộ ngày 06-03-1946 với Jean Sainteny, để Pháp đổ bộ lên đất Bắc, Trần Văn Giàu được giao trách nhiệm giải tỏa các công kích của các báo *Thiết Thực* của nhóm Ngũ Xã và các tờ *Sao Trắng*, *Chính Nghĩa*, *Việt Nam...* của Quốc Dân Đảng Việt Nam. Trần Văn Giàu đã đi nhiều nơi cùng với Lê Khang trong ban Liên Kiểm để dàn xếp các mâu thuẫn Việt Minh và Quốc Dân Đảng. Đó là thời kỳ “*Việt Quốc Lê Văn Ninh, Việt Minh Trần Văn Giàu*”. Việc này sau cùng đã chấm dứt khi Việt Minh bày ra các vụ phốt Ôn Như Hầu và cầu Chiêm Sơn để lấy cớ tiêu diệt cán bộ Quốc Dân Đảng.

Trong báo *Văn Nghệ TP.HCM* số 259 ngày 19-25/11/1996, chúc mừng Trần Văn Giàu được 85 tuổi, trong phần lý lịch chỉ có khai vắn tắt: “*Từ 1946-1948, Giàu được Trung ương điều sang giúp bạn xây dựng kháng chiến ở Campuchia*”.

Thật sự ra trong 2 năm này, Trần Văn Giàu được chỉ định ở Thái Lan vì nơi đây số Việt kiều đã tăng

từ 50.000 lên khoảng trên 100.000 sau khi người Việt tǎn cư từ Lào sang. Vào lúc này, không khí chính trị ở Thái Lan rất có cảm tình với kháng chiến Việt Nam. Thủ tướng Thái, Pridi Banomyong khá tự do và có thiện cảm với cách mạng Việt Nam. Pridi Banomyong và Khuang Aphaivong lại còn biết được Giầu khi còn là bạn học ở Pháp.

Người Việt ở Thái Lan vào thời thủ tướng Pridi, trong không khí tự do, đã không tôn trọng giữ gìn lối sống ngoại kiều: nhà treo cờ đỏ sao vàng phát phối, bộ đội Việt Minh mang vũ khí đi ngoài phố... Khi Trần Văn Giầu sang Thái Lan, có cả bộ đội Việt kiều dàn súng đứng chào! Thủ tướng Pridi còn nhắm mắt giúp cho cả lương thực và vũ khí. Nhờ vậy nên những ai có mặt trong chiến khu Nam Bộ vào các năm 1946-1947 có khi thấy thấp thoáng có các chi đội kháng chiến mặc quân phục màu vàng được gọi là “bộ đội hải ngoại”. Đó là các chi đội Trần Phú năm 1946 và hai đoàn Cửu Long I và II trong năm 1947.

Ngoài việc liên lạc với các tổ chức phái tả ở Bangkok và điều khiển Ủy ban Tiếp tế Nam Bộ, Trần Văn Giầu lại còn phụ trách một toán đặc công chuyên môn chống phá các cơ sở chống Cộng của người Việt tại Thái. Năm 1947, Giầu đã chỉ thị cho toán này ám sát (cũng lại ám sát!) năm cán bộ Cao Đài ở Bangkok!

Chuyện gì phải đến đã đến, và vào tháng 10 năm 1947, Phibul Songram đã làm cuộc đảo chính ở Thái

và đe dọa cắt đứt các hoạt động Việt Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã cấp thời gọi Hoàng Văn Hoan sang thay thế đại diện chính thức của Việt Nam là Nguyễn Đức Quý nhưng thật sự là để chấm dứt hoạt động của Trần Văn Giàu. Hoàng Văn Hoan đã chấm dứt lễ lối hoạt động lộ liễu của các tổ chức Việt kiều đã làm chánh quyền Thái lo ngại. Trong quyển “Giọt Nước trong Biển Cả”, Hoàng Văn Hoan đã ám chỉ, chỉ trích Trần Văn Giàu, “một đồng chí, đi đâu cũng nói chủ nghĩa Mác”.

Năm 1949, Trần Văn Giàu trở về Việt Nam, được cử làm Tổng Giám đốc Nha Thông tin cho đến năm 1951 thì được chuyển qua công tác ở Bộ Giáo dục. Khi tiếp quản Hà Nội năm 1954, Giàu được làm Khoa trưởng Khoa Văn-Sử trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ 1960 đến 1975, Giàu được phong hàm Giáo sư, công tác ở Ủy ban Khoa học Xã hội.

Trần Văn Giàu, từ ngày được về Bắc phụ trách về giáo dục ở Đại học cũng như ở trường Đảng, đã được học trò hâm mộ phần lớn nhờ vào những huyền thoại truyền tụng về việc Giàu thành công trong Nam. Nhiều đảng viên đã thường hãnh diện là đã được tham dự những lớp huấn luyện của Giàu. Giàu cũng trước tác rất nhiều trong thời gian dạy học. Những tác phẩm có tầm vóc là: *Giai cấp công nhân Việt Nam* (4 tập, gần 1000 trang), *Miền Nam giữ vững thành đồng* (5 tập), *Chống xâm lăng* (3 tập,

gần 1000 trang). Những sách viết về sau của Giàu như *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam*, hoặc *Tư tưởng triết học, đạo đức và chánh trị của Nho giáo đời Tống...*, nhất là khi Giàu trở về sống ở Sài Gòn sau năm 1975, nay thường được nhiều học giả cho là viết quá giống các sáng tác của cố giáo sư Nguyễn Đăng Thục trong Nam?

Được huấn luyện hai năm ở trường Đông Phương của đảng ở Moscou, áp dụng các âm mưu và sách lược học được của Stalin và tuyệt đối trung thành với Đệ Tam Quốc Tế, Trần Văn Giàu và các đồng chí đã xây dựng một chế độ độc tài, độc đảng, thích sùng bái cá nhân, cài công an vào tất cả cơ quan của đảng và nhà nước, khiến đảng viên nào sau cùng cũng đâm ra sợ bộ máy nghiền do chính họ tạo ra có thể trở lại nghiền nát họ! Trong khoảng thời gian 1956-1958, khi có những xáo trộn to lớn trong đời sống dân chúng vì việc Cải cách Ruộng đất, mang danh là lý thuyết gia của đảng nhưng không thấy Giàu lên một tiếng gì. Chỉ có một lần Giàu đã dám nói trong một cuộc tranh luận: “Đào Duy Anh là bậc đàn anh của tôi về sử học, anh Trần Đức Thảo là nhà triết học có uy tín”. Đó là thời gian xảy ra vụ Nhân văn Giai phẩm ở Bắc và Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh cũng như nhiều văn nghệ sĩ ở vào tình trạng “có vấn đề” đối với đảng. Trần Quốc Vượng trong bài “Tình nghĩa Thầy, Trò”, nhắc đến việc này khi còn là sinh viên: “*Tình hình lúc bấy giờ không đơn giản*”, và dám

khen “*Anh Đào là một sử gia giỏi*”, nói như vậy hồi bấy giờ không dễ. Trần Văn Giàu, một thành phần đúng ra có khả năng phải tranh đấu chống việc làm sai trái của đảng đã không dám lên tiếng. Thà nhìn nhận sự thật phũ phàng về Cải cách Ruộng đất, theo cách nói của Tôn Đức Thắng mới thật là đúng hơn: “*Đ.M... tao cũng sợ nó, mấy còn biểu tao dám nói cái gì?*” (Viết cho Mẹ và Quốc hội, Nguyễn Văn Trấn, sdd, trang 267).

Trong khoảng thời gian được đảng chỉ định làm công tác giáo dục, Trần Văn Giàu đã có một công trình lớn, viết lách rất nhiều về hầu như mọi đề tài. Tuy nhiên về riêng mặt lý thuyết đảng thì ông vẫn rập theo những luận điệu một chiều của các đồ đệ Stalin. Chế độ ở Liên Xô và Đông Âu đã sụp đổ nhưng không thấy Trần Văn Giàu dám lên tiếng về việc có nên xét đến việc thay đổi cấu trúc của chế độ Cộng sản, có nên đề nghị xây dựng lại một thể chế xã hội chủ nghĩa hoàn toàn khác? Không thấy Trần Văn Giàu lên tiếng có thể chấp nhận thể chế không độc đảng và độc khối, một chế độ đa đảng, một nền kinh tế tự quản với nhiều nghiệp đoàn, tự do giao lưu tư tưởng trong văn nghệ, tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội, quyền biểu tình, quyền đình công... tất cả được thật sự tuyệt đối bảo đảm bằng bản Hiến Pháp?

Thi sĩ Tố Hữu một thời đã có danh, sáng tác rất nhiều bài thơ in thành tập như *Từ Ấy*, *Việt Bắc*, *Gió Lộng*... trong đó có một số bài hay, được ưa chuộng.

Nhưng nay, nhắc đến Tố Hữu, dân chúng chỉ nhớ đến bài thơ đã làm ông thân bại, danh liệt, bài thơ “*Khóc ông Xít ta lin*”:

Tiếng đầu lòng con gọi: Xít ta lin

[...]

*Thương cha, thương mẹ, thương chồng,
Thương mình thương một, thương ông thương
mười.*

Dân miền Nam nô nức gọi bài thơ này là bài thơ “*Bộ đ... Xít Ta Lin*”.

Trần Văn Giàu, tuy nay có một vốn liếng viết lách phong phú nhưng vì những tội ác đã gây trong buổi đầu cuộc Kháng chiến Nam Bộ, đã nhẫn tâm giết hại cả một thế hệ những nhà ái quốc, cách mạng ở miền Nam, gán cho họ danh từ Việt gian, phản động, một người đã gây bao nhiêu tang tóc nhưng chưa bao giờ nói lên được một tiếng hối tiếc những việc làm đã qua, nên đối với dân miền Nam, Trần Văn Giàu vẫn còn mang tiếng là một kẻ ác.

Tội ác lúc nào cũng là tội ác, nhứt là tội ác không được hối cải. Trần Văn Giàu vì vậy khó có thể được coi là “*Chu Văn An thời nay*” như một nhà văn Trần Thanh Đạm nào đó đã viết (“*Giáo sư Trần Văn Giàu là Chu Văn An thời nay của chúng ta, như núi Thái Sơn giữa đồng bằng sông Cửu Long*”!)

Nhà văn Pháp Michel Tauriac đã gọi Trần Văn Giàu là “*Tên sát nhân Việt Minh thời trước*”. Mặc dầu sự nghiệp giáo dục Trần Văn Giàu có thể sẽ còn được

nhắc đến trong tương lai nhưng quá khứ đầy tội ác của Giàu không thể để dân chúng miền Nam chấp nhận Giàu là một “Nhà giáo Nhân Dân”.

Hai tay Trần Văn Giàu đã vấy máu anh em cách mạng miền Nam. Một người như thế chỉ có thể được xem là một “Nhà giáo của đảng Cộng sản Đệ Tam” ở Nam Bộ.

Tháng Mười, năm 2002

Trần Nguơn Phiêu

(Trích: “*Thế Kỷ 21*”. Số 167, Tháng 3 Năm 2003
trang 24-32)

ĐIỂM SÁCH VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI

Như Phong Lê Văn Tiến

(Tháng Sáu, năm 1999, tôi gặp nhà văn Như Phong Lê Văn Tiến, nay đã quá cố, nhân một buổi hội ở Vietnam Center ở Lubbock, Texas. Khi được biết tôi đang viết về học giả Phan Văn Hùm, anh Như Phong cho tôi hay là anh có viết một bài điểm sách của Nguyễn Văn Trấn, quyển “Viết cho Mẹ và Quốc hội “. Anh cho biết, sẽ gởi cho tôi vì anh có “nói móc hòng Trấn về cái chết của Phan Văn Hùm.

Tôi xin đăng lại bài của Như Phong, để tưởng niệm một bức đàn anh đã quá cố.)

T.N.P.

Dưới đây không phải là một bài điểm sách đúng tiêu chuẩn và giới hạn trong 500 chữ. Chỉ là một số suy nghĩ sau khi đọc liền một mạch trong

tám tiếng đồng hồ cuốn sách “vừa ra lò còn nóng hổi, vừa thổi vừa đọc”.

1- Người viết không gọi tác phẩm của mình là Hồi Ký, mà là *Tâm Sự*. Không theo thứ tự thời gian, không dàn dựng theo đề mục. Nguyễn Văn Trấn nhớ gì, nghĩ sao viết vậy. Thật ra đọc *Bảy Trấn*, không thấy ông viết mà nghe rõ tiếng ông nói. Lời tâm sự thiết tha, sống động, hài hước, trộn lẫn cay và vì vậy, rất trung thực.

Nhà Xuất bản, ngay bìa sách, giới thiệu Nguyễn Văn Trấn là một “cán bộ cao cấp”. Đúng ra trong hàng ngũ cộng sản Việt Nam, lúc 25 tuổi ông đã được gọi là “nhà hùng biện nổi tiếng của Sài Gòn” trên diễn đàn của Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương (1938). Ở tuổi 30 ông đã là một Cấp ủy trong hàng ngũ lãnh đạo với chức vụ Phó Bí thư Xứ ủy Nam kỳ, ra Bắc dự Đại Hội Đảng Lần Thứ Hai (1951), ông đã là Tổ trưởng của Tổ Đại biểu Cộng sản Nam Bộ - Quốc Tế. Tổ Nam Bộ - Quốc Tế này gồm nhiều lãnh tụ cộng sản danh tiếng lẫy lừng khắp Đông Dương từ năm 1936 như Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Bùi Lâm, Bùi Công Trùng và Siêu Heng của cộng sản Khmer, Kayson Phomvihane của cộng sản Lào.

Trong 26 năm làm việc ở miền Bắc qua ba kỳ Đại Hội Đảng, Nguyễn Văn Trấn sống với tâm trạng một kẻ lưu đày biệt xứ. Không “bị chỉ định”, làm một ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, ông mừng vì đã “tránh được một ô nhục”. Dầu sao, gốc miền Nam,

ông vẫn phải nhận một ghế đại biểu Quốc hội để có tiếng nói. Không có học vị cao nhưng Nguyễn Văn Trẩn được coi là một trong những đầu óc uyên bác hiếm có trong hàng ngũ lãnh đạo cộng sản Việt Nam. Nhưng các nhà lãnh đạo ưu việt khác hơn ông gấp bội ở chỗ họ biết vận dụng mọi chức quỷ mưu thần và nhất là không như ông “trọng đạo luân thường”.

2- Nguyễn Văn Trẩn Kể Lại Không Biết Cơ Man nào là việc với ngàn nhân vật ở miền Nam, ở miền Bắc trải 60 năm kể từ 1936 tới nay. Ông thuật lại cho chúng ta nghe niềm thương tiếc một bạn chiến đấu xương đã rục không biết nơi đâu. Ông cũng cho ta nghe lời người Chú tâm sự với một thằng Cháu là Phan Văn Khải mà ngày hôm nay đang ngự chót vót trong Bộ Chính Trị. Giữa rừng người núi việc đó, nhiều giai thoại được chen vào rất sống động, đôi khi hoạt kê, khiến người nghe ông tâm sự phải ngạc nhiên thích thú.

Chẳng hạn, về Hồ Chí Minh, nhân vật lịch sử Số 1 mà đến nay không ít học giả vẫn còn đang tìm hiểu, Nguyễn Văn Trẩn kể rằng hồi tháng Chín năm 1945 khi nghe tin Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, bà con Nam Bộ hỏi nhau: “*Hồ Chí Minh là ừng cha nào?*”. Giữa Đại Hội 2 ông đã thuật lại câu hỏi này trước mặt mấy trăm đại biểu toàn đảng. “*Khi thấy hội trường xôn xao, tôi gõ lại liền...*” (trang 161). Ở trang sau (162) ông kể tiếp: “*Tôi lúc đó đã thấy ra cái ông Hồ hữu khuynh ấy sống*

không êm ái với chung quanh. Vậy nên Bùi Lâm mới tiễn đưa ông phó hội Fontainebleau mà ghé tai bảo nhỏ: - Đi kỳ này đừng bán nước nhé! (t. 155 và 163).

Về một “thần linh” khác – Lê Đức Thọ – ông kể: “Nếu có ai hỏi tôi có sợ Lê Đức Thọ không, thì tôi nói rằng ra miền Bắc tôi gặp lại Sáu Thọ ở Nhà Khách của đảng. Hôm đó ông (Lê Đức Thọ) làm cuộc họp thăm dò về chính sách cán bộ. Tôi nói: - *Trong đảng ta đồng chí coi nhau còn hơn anh em ruột, nhưng cán bộ sợ anh lắm, họ kêu anh bằng Sáu Búa. Hoàng Tùng khi gặp tôi đã nói: - Thôi, đời anh khó gỡ lắm rồi...*”

Nguyễn Văn Trấn hé mở cho người nghe tâm sự của ông được thoáng thấy chân tướng các vì Vua Chúa cùng quần thần của Triều Đình Đỏ. Trình độ, tâm địa, phong cách sống và lối làm việc của các “thần linh” được ông đánh giá thẳng thắn với dẫn chứng. Ông nhắc lại lời Hồ Chí Minh định nghĩa: Dân chủ Tập trung là gì?

“Như các cô các chủ có đồ đạc tài sản gì đó thì các chú các cô là chủ, đó là dân chủ. Các chú các cô không biết giữ, tôi giữ dùm cho. Tôi tập trung bỏ vào rương. Tôi khóa lại và bỏ chìa khóa vào túi tôi đây. Đó là tập trung”.

Rồi Nguyễn Văn Trấn tiếp: “Bác ra về. Tôi lốc thốc theo đưa. Bác hỏi: “Tôi nói như vậy có được không? – Dạ thưa, Bác đã nói thì thôi!” (t. 188)

Viết Cho Mẹ chưa phải là một kho tàng. Nguyễn Văn Trấn chỉ mới cho ta cái chìa khóa để mở kho

tàng. Không phải một mà nhiều kho tàng. Người nghiên cứu lịch sử để viết sách hoặc để làm luận án nếu chịu nghe ông tâm sự sẽ có hàng chục (nếu không nói là hàng trăm) đề tài mà chưa học giả nào khai thác. Người Việt sống và lớn lên ở nước ngoài trước khi tìm về nguồn để chiêm bái quê hương anh hùng cần được nghe tâm sự của ông. Nếu không, khi được hướng dẫn vào thăm Nhà Lưu niệm Tôn Đức Thắng ở Bến Bạch Đằng Sài Gòn, anh ta sẽ té xỉu khi vắng nghe tiếng nói của Bác Tôn trả lời câu hỏi của đại biểu anh chị em Nam Bộ, tại sao ông để cho Cải Cách Ruộng Đất giết người như vậy?

“- Đ. mẹ, tao cũng sợ nó, mấy biểu tao còn dám nói cái gì”? (t. 267)

*

Ông Phó Bí thư Xứ ủy Cộng sản Nam kỳ 1945 đã kể nhiều, kể phớt qua, nhưng chưa kể rõ, kể hết. Hẳn có rất nhiều người hậu duệ của những Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Dương Văn Giáo, Trần Quang An... và rất nhiều nữa, muốn xin ông Giám đốc Quốc gia Tự vệ Cuộc Nguyễn Văn Trấn cho biết Ông, Cha của họ chết ngày nào, tháng nào để cúng giỗ, hài cốt vùi nơi đâu để họ rước về mai táng cho trọn Đạo Luân Thường.

Năm nay tuổi ông đã 82. Cầu mong sao ông được khỏe mạnh, sáng suốt thêm vài năm nữa để cùng với những Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Xiển, L.M. Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Đỗ Trung Hiếu - Đỗ Thị Văn

và hàng hàng lớp lớp hướng dẫn “cuộc kháng chiến mới” tới toàn thắng. Nhất là cầu sao cho ông được thấy tận mắt cảnh *Phá Ngục Bastille tại Sài Gòn*, việc mà chính ông đã lãnh trách nhiệm thực hiện đêm 21 rạng 22 tháng Mười Một năm 1940 và đã thất bại. Khám lớn Sài Gòn đã bị cựu Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm cho phá rồi. Nhưng Trung Tâm Cải Tạo Chí Hòa mang bí số T 30 còn sừng sững.

Santa Ana, 15 tháng Giêng 1996

Lê Văn Tiến



Học Giả PHAN VĂN HÙM.

INDEX HÌNH ẢNH

Học-giả Phan Văn Hùm	8
Phan văn Hùm và chánh thất Dương Thị Lại	54
Gia đình Phan Văn Hùm	84
Chánh thất Dương Thị Lại	98
Bìa sách <i>Ngôi tù Khám lớn</i> (hai ấn bản)	166
Gia-đình Phạm-Văn-Hùm	180
Giáo-sư Trần văn Thạch, di ảnh & di bút	184
Gia-đình Phan Văn Hùm	187
Bà Dương Thị Lại và GS Phan Kiểu Dương	194
Hai bà vợ Phan Văn Hùm	207
Bà Tạ Thu Thâu và vợ-chồng tác-giả	217
Quán ăn Le Coq Hardi ở Toulouse, nơi gặp gỡ của các nhà cách mạng (thập-niên 1920)	218
GS Phan Kiểu Dương và tác giả	228
Bàn thờ học-giả Phan văn Hùm ở Paris	240
Hình bìa <i>Triết học Phật giao</i>	299
Hình bìa <i>Ngôi tù khám lớn</i>	362
Tuyên ngôn Mặt trận Quốc gia Thống nhất	376
Trưởng nam Phan Phục Hồ	491
Báo Tiến Quân	499
Học giả Phan Văn Hùm	534

INDEX NHÂN DANH

A-

Adran (giám mục d'),
113

An-Khê Nguyễn Bình
Thịnh, 100

Antoine, Louise Marie,
60

Arnoux (mật thám), 131

Attlee (thủ-tướng Anh),
113

B-

Bảo-Đại, 106, 114, 115,
221

Bảy Viễn, 135, 138

Bazin (Cò), 137

Bình Nguyên Lộc, 103,
104

Blum, Léon, 75, 76, 78,
79, 85, 86

Bouasse (giáo-sư), 45,
207

Bourov x. Dương Bạch
Mai, 147

Brévié (Toàn-quyền
Jules), 77, 88, 94

Bruno, 68

Bùi Quang Chiêu, 86,
132, 263, 483, 485,
502, 503, 518

Bùi Thế Mỹ x Phương-
Lan, 145

Bùi Kỷ, 30, 201

Bùi Công Trùng, 115,
480, 502, 529

C-

Cao Hồng Lĩnh, 127,
487, 490, 500, 514,
516
Cao Văn Nhãn, 148
Catroux (Toàn-quyền),
94, 97
Chamberlain, 160
Chu Thị Lan, 60
Chu Văn Tấn, 105
Cường Để (Kỳ-Ngoại-
hầu), 31, 106

D-

Daladier, 74, 86, 88
Decoux (Toàn quyền),
94, 97, 106, 107
Diệp Văn Cương, 27
Duchêne (mật thám
Pháp), 131, 137,
510, 511, 519
Ducoroy, 107
Dương Bá Trạc, 111
Dương Bạch Mai, 62,
65, 72, 73, 76, 81,
82, 86, 90, 91, 100,
104, 117, 124, 133,
136, 138, 141, 143,

145, 146, 147, 149,
150, 151, 152, 152-
153, 153, 439, 480,
487, 489, 494, 515,
518, 519, 520, 529
Dương Hạc Đĩnh, 63
Dương Tấn Điền, 30
Dương Thị Lại, 30, 31,
43, 44, 54, 60, 98,
180, 187, 194, 207
Dương Văn Minh, 28
Dương Văn Giáo, 129,
130, 131, 137, 483,
484, 518, 532

Đ-

Đặng Bá Lân, 48, 507
Đặng Bá Lệnh, 48
Đặng Tấn Phát, 48, 507
Đào Duy Anh, 36, 524,
104, 195, 196, 198,
199
Đào Hưng Long, 76, 80,
94
Đào Thành Phát, 48
Đoàn Quang Tấn, 56,
181
Đồ Chiểu, 19, 34, 60,

- 168, 169, 173, 176,
177, 188, 229, 230,
231, 232, 233, 234,
237, 292, 293, 294,
295, 297, 298, 300,
301, 302, 303, 307,
308, 309, 311, 313,
314, 315, 316, 321,
501
- Đỗ Bá Thế 108, 126
Đỗ Văn Công, 103
Đỗ Văn Y, 31
- F-**
Frank, Pierre, 52
- G-**
Gambetta, 113
Garnier, Francis, 113
Genouilly, Rigaud de,
113
Gitton, 83, 84, 85
Godard, Justin, 77
Gorki, 72
Gracey, tướng Anh, 125,
131, 133, 440, 518
Guérin , Daniel, 490
- H-**
Hà Huy Tập, 98
Hai Râu, 136
Hải Triều, 58
Hàng Đường Thoái Sĩ,
50
Hémery, Daniel, 69
Henchy, Judith A., 22,
178, 182
Hiếu Đệ, 61
Hình Thái Thông, 48,
137, 506, 519
Hitler, 67, 68, 74, 93, 95,
119, 160, 290,
Hồ Chí Minh, 55, 61,
91, 105, 121, 123,
124, 127, 129, 149,
162, 480, 487, 488,
490, 495, 500, 514,
517, 521, 530, 531
Hồ Văn Châm, 150
Hồ Văn Ngà, 20, 48,
106, 107, 111, 112,
114, 122, 124, 129,
137, 138, 483, 485,
486, 490, 497, 506,
507, 512, 514, 516,
518

- Hồ Văn Tam, 150
 Hồ Vĩnh Ký, 130, 132,
 141, 483, 484, 518
 Hồ Hữu Tường, 13, 14,
 32, 40, 49, 50, 51,
 52, 56, 63, 70, 72,
 74, 75, 76, 86, 88,
 93, 94, 101, 107,
 108, 119, 120, 178,
 181, 499, 504, 507,
 521
 Hoàng Huy Hùng, x.
 Phan Nhuận Mai
 Hoàng Ngọc Thành,
 146, 147, 153
 Hoàng Đôn Văn, 117,
 404, 408
 Hoàng Quốc Việt, 121,
 127, 129, 130, 135,
 487, 490, 492, 494,
 500, 514, 516, 517
 Honel, 86
 Hữu Tùng Viên Đế
 (Tomomatsu) 53
 Huỳnh Phú Mậu, 130
 Huỳnh Phú Sổ, 97, 109,
 110, 130, 111, 129,
 482, 485, 493
 Huỳnh Văn Một, 38
 Huỳnh Văn Nghệ, 103
 Huỳnh Tấn Phát, 62,
 116, 117, 137, 511,
 513, 518
 Huỳnh Văn Phương, 20,
 48, 56, 62, 65, 131,
 132, 136, 137, 181,
 484, 485, 490, 493,
 507, 518
 Huỳnh Văn Tiểng, 62,
 116, 117, 137, 513
- I-**
 Iida, 107
- K-**
 Kha Vạng Cân, 112
 Khương Hữu An, 121
 Kiều Đắc Thắng, 145,
 146, 147, 148, 149,
 153, 487
 Kỳ Ngoại hầu x. Cường
 Đế
- L-**
 La Văn Rớt, 52
 Lalande, André, 52
 Lâm Ngọc Chương, 29
 Lâm Ngọc Đường, 137

Lâm Thị Kiêng, 29

Lâm Văn Sĩ, 103

Laval (TT Pháp), 74, 90,
119, 120, 208, 209,
210

Lê Bá Cang, 48, 490,
506, 507

Lê Văn Chất, 30, 32

Lê Duẩn, 133, 480, 487,
496

Lê Quang Liêm, 86

Lê Tấn Thông, 100

Lê Văn Thử, 48, 65, 68,
70, 80, 107, 141

Lê Thiếu Tự, 48

Lê Văn Vững, 108, 136,
482, 483, 518,

Leferron, Leuret, 55

Lénine, 51, 52, 251, 259,
260, 261

Line x. Hồ-Chí-Minh/
Nguyễn Ái Quốc

Lư Sanh Hạnh, 75, 108,
120, 125, 133, 138

Lương Đức Thiệp, 120-
121, 121

Lưu Hữu Phước, 22, 511

Lý Thành Trước, 56

Lý Huê Vinh, 130

M-

Mai Văn Bộ, 18, 512-513

Mai Huỳnh Hoa (Mai
Kim Ba), 60, 61, 84,
101, 102, 146, 207

Mai Văn Ngọc/Kim
Ngọc/(Bạch Ngọc),
60

Marx, Karl (Các Mác),
52, 70, 101, 197,
198, 260, 261, 309,
414

Minoda, 106, 107, 512

Mollinier, R, 51

Molotov, 92

Monate, 51

Moutet, Marius, 64, 78,
79, 81, 261

Mỹ Anh (Bác-sỹ), 84,
180, 187

N-

Nam Đình x. Nguyễn
Đình Nam 112, 123,
131

Năm Lửa, 130

Ngô Chính Phấn, 75,
76, 94

- Ngô Đình Diệm, 103, 479, 485
 Ngô Gia Tự, 63
 Ngô Quang Huy, 48
 Ngô Tấn Nhơn, 117
 Ngô Tất Tố, 104
 Ngô Thanh, 148
 Ngô Thị Lập, 27
 Ngô Văn (Ngô-Văn-Xuyết), 14, 21, 64, 75, 112, 120, 226, 227, 486
 Nguyễn Ái Quốc x. Hồ Chí Minh
 Nguyễn An Cư, 157
 Nguyễn An Khương, 157
 Nguyễn An Ninh, 11, 12, 13, 22, 33, 36, 37, 38, 38, 41, 55, 56, 57, 60, 61, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 72, 75, 76, 82, 83, 89, 92, 93, 95, 99, 100, 110, 118, 126, 144, 155, 156, 157, 158, 159, 167, 168, 172, 178, 181, 259, 272, 320, 331, 332, 335, 359, 364, 373, 360, 390, 440, 448, 496, 498, 502, 503
 Nguyễn An Tịnh, 61, 76
 Nguyễn Anh Bồn, 47, 506
 Nguyễn Ang Ca, 61
 Nguyễn Biên, 126
 Nguyễn Bình Thịnh, 100
 Nguyễn Công Hoan, 58
 Nguyễn Du, 48, 50, 201, 201, 202, 203, 206, 289, 308, 309
 Nguyễn Duy Đạm, 49
 Nguyễn Đình Chuẩn, 31
 Nguyễn Hải Âu x. Trần Đình Minh, 108, 139, 428, 466, 467, 468, 469, 470, 478
 Nguyễn Hiến Lê, 143, 144, 145
 Nguyễn Hòa Hiệp, 20, 123, 140, 442, 455, 486
 Nguyễn Huệ Minh 63
 Nguyễn Hữu Tiến, 96
 Nguyễn Khắc Nhu, 46

- Nguyễn Kỳ Nam (Nam Đình), 124, 131
 Nguyễn Kỹ, 126
 Nguyễn Ngọc Huy, 103
 Nguyễn Quốc Định, 45
 Nguyễn Tất Thành: x.
 Hồ Chí Minh
 Nguyễn Thi Lợi, 108, 136, 519
 Nguyễn Thị Liệu, 102
 Nguyễn Trọng Đắc, 49
 Nguyễn Văn Bá, 157
 Nguyễn Văn Chi, 47, 506
 Nguyễn Văn Cử, 80
 Nguyễn Văn Dật, 47
 Nguyễn Văn Hạnh, 95
 Nguyễn Thái Học, 46, 389, 505
 Nguyễn Thị Minh Khai, 96
 Nguyễn Thu (Tạ-Huỳnh), 127
 Nguyễn Văn Kim, 21
 Nguyễn Văn Lịnh, 52
 Nguyễn Văn Linh, 133
 Nguyễn Văn Nguyễn, 70, 72, 510
 Nguyễn Văn Nhì, 52
 Nguyễn Văn Quá, 94
 Nguyễn Văn Quan, 47, 506
 Nguyễn Văn Quí, 103
 Nguyễn Văn Sâm, 137
 Nguyễn Văn Sĩ, 95
 Nguyễn Văn Số, 80, 81, 89, 93, 107, 141, 146, 488, 493, 502, 519
 Nguyễn Thế Truyền, 37, 45, 259, 264, 504,
 Nguyễn Thị Sương, 132, 141, 483, 485, 518
 Nguyễn Tích Thiện, 29, 30
 Nguyễn Văn Tân, 48, 507
 Nguyễn Văn Tạo, 48, 49, 56, 65, 66, 67, 68, 70, 72, 73, 76, 80, 81, 82, 83, 85, 86, 88, 89, 90, 92, 115, 116, 129, 160, 181, 490, 507, 508, 510, 529
 Nguyễn Văn Tây, 117,

- 487, 519
 Nguyễn Văn Tệ, 32, 33,
 156,
 Nguyễn Văn Trấn, 91,
 111, 129, 135, 136,
 137, 138, 147, 148,
 478, 480, 487, 493,
 494, 509, 510, 511,
 514, 520, 524, 528,
 529, 530, 531, 532
 Nguyễn Văn Ty, 28
 Nguyễn Xuân Thiếp
 (Việt Châu), 130
 Nietzsche, 12, 57, 375
- P-**
 Parijanine, 50
 Pasquier, Pierre, 46, 64
 Péri, Gabriel, 68, 69, 70,
 118
 Pétain, 94
 Phạm Công Tắc, 97
 Phạm Hùng, 133
 Phạm Ngọc Thạch, 107,
 111, 113, 115, 116,
 513, 514, 520
 Phạm Quỳnh, 32, 50,
 172, 223, 224, 225,
 226, 320
 Phạm Văn Bạch, 129,
 500, 515
 Phạm Văn Gia, 158
 Phạm Văn Thiên x.
 Phạm-Hùng
 Phan Bàng Long, 36
 Phan Bội Châu, 33, 34,
 156, 172, 188, 319
 Phan Châu Trinh, 37,
 55, 156, 159, 263,
 390, 503
 Phan Đăng Lưu, 33, 96
 Phan Kiểu Dương, 19,
 21, 23, 29, 31, 43,
 44, 84, 100, 101,
 145, 183, 187, 194,
 228
 Phan Phục Hồ, 17, 19,
 20, 21, 36, 37, 101,
 109, 491
 Phan Thanh Hòa, 121
 Phan Thị Cheo, 27, 84,
 180, 187, 207
 Phan Văn Chánh, 43,
 48, 56, 64, 65, 68,
 70, 82, 83, 89, 94,
 107, 125, 132, 141,

- 146, 181, 488, 490,
493, 507, 519
- Phan Văn Chồn/Chồn/
Hoa, 27
- Phan Văn Hoài (Phan
Tấn Hoài), 27, 100,
101
- Phan Văn Hùm, 8, 9, 11,
12, 13, 14, 19, 20,
21, 22, 23, 26, 27,
28, 29, 30, 31, 32,
33, 34, 36, 37, 38,
40, 41, 43, 44, 45,
47, 49, 50, 51, 99,
100, 101, 102, 103,
104, 107, 108, 109,
110, 110-111, 118,
120, 125, 127, 129,
131, 132, 138, 143,
144, 145, 146, 147,
148, 149, 151, 152,
153, 155, 156, 157,
158, 159, 160, 161,
162, 163, 165, 167,
168, 169, 170, 171,
172, 173, 174, 175,
176, 177, 178, 179,
181, 182, 183, 186,
190, 193, 195, 200,
208, 212, 213, 216,
219, 222, 223, 227,
235, 236, 240, 241,
248, 249, 267, 268,
269, 240, 278, 290,
291, 292, 293, 298,
303, 305, 307, 308,
309, 311, 312, 313,
315, 316, 317, 318,
320, 322, 323, 325,
327, 328, 381, 386,
479, 488, 493, 497,
498, 499, 504, 507,
528, 532, 534, 535
- Phan Khôi, 59
- Phan Nhuận Mai
(Hoàng Huy Hùng),
61
- Phan Sào Nam x. Phan
Bội Châu
- Phan Thị Thùy Dương,
43
- Phan Tùng Mai, 61, 167,
175, 323
- Phan Văn Trường, 37
- Phước (Quận), 108
- Phương-Lan Bùi Thế-

Mỹ, 146

Politzer, 60

R-

Rey, Abel, 52

Rivière Đại tá, 133

Rivoal (Thống đốc), 75

Robert (Toàn-quyền),
79

Rosmer, A., 51

Rosenthal, Francis/G.,
48, 51

Ruộng (giám-thị), 18

S-

Sa Đà Du Tử, 44, 178,
270

Sapuy (cảnh-sát), 66

Savani (mật-thám
Pháp), 97, 110

Staline, 51, 69, 73, 199,
260, 264

Sương Nguyệt Ánh, 61

Susiny, Albe, 48

Sylvêtre (Toàn-quyền),
78

T-

Tạ Huỳnh (Nguyễn
Thu), 127

Tạ Mỹ, 126

Tạ Thu Thâu, 20, 45,
46, 47, 48, 52, 56,
60, 65, 66, 68, 70,
72, 73, 76, 77, 81,
82, 83, 85, 88, 89,
92, 93, 94, 101, 107,
108, 110, 120, 121,
125, 126, 127, 129,
132, 138, 144, 146,
148, 153, 160, 217,
249, 250, 251, 252,
257, 268, 489, 490,
492, 493, 496, 497,
498, 502, 503, 504,
505, 506, 507, 515,
516, 517, 535

Tạ Uyên, 96

Tân Phương, 144

Terauchi, 115

Thanh Sơn x. Nguyễn
Văn Tây, 147

Thích Tín Nghĩa,

Thượng tọa, 21

Thiện Chiếu, 56

- Tô Ký, 135
 Tomomatsu E. (Hữu
 Tùng Viên Đế), 53
 Tôn Dật Tiên, 52
 Tôn Đức Thắng, 133,
 487, 525, 532
 Trần Đình Minh
 (Nguyễn Hải Âu),
 139, 140, 423, 430,
 431, 432, 437, 438,
 439, 451, 453, 466,
 467, 469, 470, 477
 Trần Văn Ân, 111, 137,
 492,
 Trần Văn Chiêu, 48,
 103, 507
 Trần Văn Đàm, 48
 Trần Văn Đĩnh, 48
 Trần Ngọc Hoàn, 130
 Trần Quốc Mại, 47
 Trần Thanh Mậu, 18
 Trần Thọ, 23
 Trần Trọng Kim, 106,
 111, 115, 196, 201,
 484, 513,
 Trần Văn Giàu, 27, 45,
 47, 48, 61, 62, 65,
 76, 77, 91, 100, 104,
 114, 116, 117, 121,
 122, 123, 124, 125,
 127, 128, 129, 130,
 131, 132, 133, 135,
 136, 137, 141, 147,
 152, 388, 392, 422,
 482, 483, 484, 485,
 487, 489, 490, 492,
 493, 494, 495, 496,
 498, 500, 501, 502,
 503, 504, 505, 506,
 507, 508, 510, 511,
 512, 513, 513-514,
 514, 515, 516, 517,
 518, 519, 520, 521,
 522, 523, 524, 525,
 526, 527
 Trần Văn Hương, 28
 Trần Văn Linh, 102, 103
 Trần Văn Luông, 70
 Trần Văn Nền (Cai
 Nền), 38, 331, 332,
 359
 Trần Thị Như Mân, 35
 Trần Văn Quế, 151
 Trần Văn Sĩ, 52, 89, 94,
 488
 Trần Văn Thạch, 20, 45,

65, 66, 67, 70, 72,
73, 76, 80, 81, 82,
83, 89, 92, 93, 94,
100, 101, 107, 118,
120, 122, 125, 127,
129, 132, 141, 142,
144, 146, 184, 488,
493, 496, 497, 504,
519, 532, 535
Trần Văn Tự, 48, 100,
142, 507,
Trần Văn Tỷ, 48, 148,
521,
Trần Công Vị, 47
Trần Quan Viên, 39
Trần Quang Vinh, 137
Tricore, giáo sĩ, 124
Trịnh Hưng Ngẫu, 65,
70, 502, 519
Trịnh văn Phú, 48, 507
Trịnh văn Lầu, 75, 120
Trotsky (Leo) (Trot-kyt
hay Tờ-rốt-kýt),
51, 52, 69, 70, 73, 79, 81,
82, 83, 90, 93, 120,
266, 267
Trương Duy Tam, 48,
507

Trương Minh Hải, 135,
136, 137, 138
Trương Phát Khuê, 105
Tsuchihashi, 106
Tư Mã Thiên, 12
Tù Bá Đước, 117
Tù Ty, 121, 492, 517

U Ư-

Ứng Hoà, 141

V-

Varenne A., 33
Violis, André, 64, 72
Võ Nguyên Giáp, 162
Võ Khắc Thiện, 59
Võ Văn Tấn, 96
Von Ribbentrop, 92
Vũ Đình Kiên, 48
Vũ Liên, 48
Vũ Tùy Nhân x. Kiều
Đắc Thắng, 149
Vương Đức Cảnh, 33
Vương Hồng Sển, 28,
29, 38

W-

Werth, Leon, 12, 375

TIỂU SỬ BS TRẦN NGUƠN PHIÊU

ĐỌC TẠI DALLAS, TX NGÀY VINH DANH
11-6-2011

BS Trần Nguơn Phiêu sinh năm 1927 tại Gia định. Lúc trẻ, thường sinh sống ở hai nơi, quê nội Cao lãnh (Sa Đéc) và quê ngoại Biên hoà. Năm 1945, Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố đất nước độc lập chưa được nửa năm thì hai sự việc lớn xảy ra cho nước ta trong vòng một vài tháng: trong nam, tháng ba, *Phong trào Thanh niên tiến phong vô cùng sôi động lôi cuốn quần chúng thanh niên thanh nữ* sau tham dự vào cuộc Nam kỳ Kháng chiến. Chàng thanh niên họ Trần đã tham gia như các thanh niên yêu nước cùng thời. Ngoài bắc, tháng 9, lập nền Cộng hòa. Chẳng bao lâu, Thanh niên tiến phong phân tán: một nhóm theo VM, nhóm không theo bị tàn sát. Chàng Trần tưởng là Pháp giết hại nhưng được chỉ cho thấy là chính VM, nhóm Tự vệ cuộc của Dương Bạch Mai, đã làm việc này. Cuộc nội chiến quốc cộng đã xảy ra từ lâu, trước các vụ đánh nhau thực sự vào năm 1946, lâu trước năm 1954 và 1975!

Chàng trai họ Trần đã trở lại với sách vở học đường, theo học ngành y tại trường Hải quân Bordeaux, về nước phục vụ rồi trở thành Y sỹ trưởng Hải quân. Các đồng nghiệp bên Hải quân đều biết dấu ấn của anh Phiêu để lại trong ngành. Riêng tôi bên dân y, vì có một thời chịu một phần trách nhiệm trong việc yểm trợ y tế nông thôn, đã thấy tận mắt, dấu ấn anh để lại trong ngành y tế. Khi tôi thăm viếng hệ thống y tế nông thôn ven biển, đã thấy những cơ sở tuy đơn sơ nhưng rất hữu hiệu mà quân y hải quân đã thiết lập hay đã yểm trợ cho các cơ sở cơ hữu của bộ y tế: đó chính là những công tác quân y dân sự vụ của bên hải quân trong sáng kiến và dưới sự chỉ dẫn điều hành của BS Phiêu.

Các năm 65 70, BS Phiêu tham chính làm tổng trưởng Xã hội. Bên ngoài chính quyền, những năm 1970, BS Phiêu đã lãnh đạo Y sỹ đoàn. Sau này, ở Hoa kỳ, anh cũng lại ở trong vai trò lãnh đạo với trách nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Hội Y sỹ Việt Nam tại Hoa kỳ.

BS Phiêu viết sách, viết báo và hoạt động chung với Việt Nam Center ở Lubbock, mong ghi lại, để lại cho người đời và các thế hệ sau, những gì anh hiểu và biết về nước ta, về dân ta và về cuộc tranh đấu không ngừng trong 2/3 thế kỷ qua, từ ngày Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố độc lập tháng 3 năm 1945 cho tới ngày hôm nay, 11 tháng 6 năm 2011. Cuộc tranh đấu cho tự do, cho nhân quyền, cho sự sống còn của quê hương xứ sở vẫn còn tiếp tục.

Hôm nay ở tuổi 85, BS Phiêu có thể hãnh-diện mà nhận sự vinh-danh của các hội-đoàn và thân hữu vì anh đã hiến cả một đời tận tụy để phục-vu dân ta, phục vụ y- khoa và phục-vụ quê-hương xứ-sở.



BS Phiêu với BS Hiếu,
và ÔB BS Vũ Quang Thuận CT Hội Y sỹ Bắc Texas

Bên cạnh con người tận tụy đó, có một bóng hồng luôn chia sẻ lý tưởng và giúp đỡ chồng trong mọi hoàn cảnh. Một thí dụ nhỏ mà tiêu biểu: tháng 4 năm 75, khi anh Phiêu được phương tiện di tản, chị Phiêu không nỡ bỏ sinh viên trước ngày thi cuối năm mà chị cũng không muốn chồng gặp nạn như những thủ lãnh Nam kỳ Kháng chiến ngày trước. Chị đã bắt chước nhân vật tiểu thuyết thúc giục anh ra đi mà nói: “Anh phải sống”. Chị đã trả giá sự hy sinh cho sinh viên và quyết tâm bảo vệ người chồng bằng sáu năm mười hai ngày sống cùng đồng bào miền Nam trong nỗi đau khổ chung của dân bại trận bị quân chiếm đóng kìm kẹp.

Sau này, khi được đoàn tụ cùng gia đình, chị lại giúp anh làm việc ông cò, dò từng chữ, kiểm từng câu để tìm nhặt những hạt sạn còn có thể sót trong bản thảo bài anh viết. Vợ này chồng ấy, thừa quý vị, họ tát bể Đông cũng cạn.

ĐIỀU VĂN ĐỌC TRƯỚC LINH CỬU TẠI CHÙA GIÁC HOA, AMARILLO, TX

Kính thưa anh Phiêu thân mến,

Khi còn ở nhà, Anh quyền cao chức trọng, tôi chưa được ở gần Anh nhưng lòng vẫn quý mến. Số là anh làm lớn bên Quân y còn tôi, trong trách nhiệm khiêm tốn, tôi có một thời phụ trách yểm trợ các cơ sở y tế nông thôn; tôi đi từ Quảng Trị đến Cà mau, thăm các cơ sở y tế: nơi nào thiếu thốn, tôi cố gắng tiếp liệu; chỗ nào yếu kém, tôi cố gắng tiếp tay tiếp sức; ở đâu thiếu vắng, tôi cố gắng xây dựng. Nhưng khi mà thăm vùng duyên hải thì thường tôi ít phải lo là vì ở các miền đó, luôn có những cơ sở y tế, tuy nhỏ mà hữu hiệu. Hỏi thăm thì các bộ lão nói: “Ấy có mấy ông y tá hải quân của ông Phiêu đến giúp dựng bệnh xá, cấp phát tiếp liệu thường xuyên”. Mới hay Anh đã thường vượt ra ngoài trách nhiệm của Hải quân để mà giúp cho dân sự. Đây là cái nhân đức lương y từ mẫu của Anh.

Sang nước ngoài, các bác sỹ lập Hội; qua bảy tám năm gặp khủng hoảng; các người sáng lập sau hội

nhập, bận bịu mà các bác sỹ trẻ chưa sẵn sàng dấn thân. Hội gặp lúc vắng thiếu nhân sự và ý chí. Một số anh em như anh Liên, anh Cẩm, anh Thủy...đến tìm anh hội ý. Anh nói: “Không thể để Hội chìm xuống. Nếu cùng quá chưa có người thì chúng mình phải cố gắng xông ra mà khuôn vác. Rồi thì Anh nhận trách nhiệm đứng mũi chịu sào làm Chủ Tịch Hội đồng Quản trị Hội; còn tôi xắn tay áo làm Chủ Tịch Ban Chấp hành. Làm xong việc Hội Hoa kỳ, Anh tiếp sang làm Hội Quốc tế. Các đồng nghiệp biết công Anh.

Thế cho nên, cả tháng nay, chúng tôi nhận được bao điện thư của bạn hữu và đồng nghiệp bên Pháp, bên Úc, các anh chị em bên Dallas, Plano, Houston TX, bên MA, bên NY NJ, bên Cali v.v. trước hỏi thăm sức khoẻ của Anh, nay thân tình phân ưu cùng Chị.

Nay tôi xin đại diện Hội Y sỹ VN tại Hoa kỳ, và Hội Quốc tế Y Sỹ VN tự do bày tỏ nỗi luyến tiếc trước sự ra đi của Anh và ghi công đức Anh đã đóng góp cho nhân dân, cho tổ quốc, cho nghề nghiệp và cho bạn hữu. Cầu Anh ra đi thanh thản; một hai việc nhỏ Anh cần dặn, tôi sẽ thỉnh ý Chị và hội ý các cháu, làm sao thực hiện đúng ý Anh.

Ngoài việc thấy vị lương y từ mẫu, tôi còn muốn ngược nhìn Anh để so sánh với những anh hùng thần thoại Cổ La Hi, những vị anh hùng mà định mệnh đã đặt vào nghịch cảnh không lối thoát, đứng trước ngã ba, quay lại cầu đã chặt, đường đã nghẽn cứng; trước mặt có hai ngã, một bên đưa đến miền tan nát, một

đường dẫn đến cảnh nát tan. Những anh hùng khắc khoải trần trở trước những lựa chọn khó khăn. Anh cũng nhiều lần lâm vào những nghịch cảnh lưu cầu huyết lệ đó. Các Anh trong Nam kỳ lục tỉnh, các Anh học tiếng Pháp, lịch sử Pháp, luật lệ Pháp, các anh nói tiếng Pháp, yêu tinh hoa văn hóa Pháp; vậy mà một sớm mùa thu 1945, Anh chọn lựa bỏ họ ra bưng kháng chiến. Anh ra bưng kháng chiến mà chẳng khứng theo Vệ quốc Việt minh mà lại chọn lựa sinh hoạt trong Nam thanh đoàn. Rồi VM hại Nam thanh đoàn và anh bị Tây bắt. Lại một nghịch cảnh mới: Ông Tây công an hỏi cung buổi sáng, bà vợ đâm vốn là giáo sư đến bảo lãnh xin cho anh ra buổi chiều. Rồi anh đi học Bordeaux, tạo ra hai cái đam mê là lương y từ mẫu mà chúng ta vừa nhắc đến và mệnh môn biển cả. Rồi Anh lại lựa chọn bỏ cái đam mê biển cả mệnh môn trời Tây đó để chọn lựa về phục vụ quê nhà nghèo nàn đau khổ trong cảnh phân chia Nam Bắc chiến tranh tàn phá. Anh cầm súng chống Cộng nhưng lại cũng chọn lựa sẵn sàng nói chuyện với những người đồng chí năm xưa nay ở bên kia chiến tuyến, với những người không cầm súng, tay không vấy máu. Anh cũng lựa chọn nói chuyện với những trí thức yêu nước mọi phía. Và Anh cũng chọn lựa không bao giờ gia nhập đảng CS, không chấp nhận CS.

Trong thời kháng chiến, các Anh lập Nam thanh đoàn mà không phải là Việt thanh đoàn. Hỏi Anh, Anh cười mà nói: “Anh Hiếu à, phải ở trong thời đó

mới hiểu được cái tinh thần Nam kỳ khởi nghĩa”. Anh yêu nước Việt nhưng trong cái tình yêu nước bao la đó, anh cũng trần trở rồi lựa chọn ra một cái góc kín đáo, một cái kẽ nhỏ bé, một cái ngẩn gọn ghẽ, một cái tổ ấm nặng tình cho riêng miền Nam kỳ lục tỉnh.

*Anh trần trở với nhiều lựa chọn, nhưng cái lựa chọn cuối đời lại rất thanh thản: Anh đóng cửa phòng mạch, gom góp tài sản gây dựng nên Chùa Giác hoa; hôm nay, cùng với gia đình Phật tử Giác Hoa, chúng tôi tụ tập nơi đây **Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ hương. linh BS Trần Nguơn Phiêu tiêu diêu nơi Non Bồng Nước Nhược và sớm cao đăng Phật quốc.***

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	9
Lời tựa	11
Lời mở đầu	17
Chương 1 Thuở thiếu thời	25
Chương 2 Du học Pháp	43
Chương 3 Hồi hương tiếp tục tranh đấu	55
Chương 4 Giai đoạn tranh đấu công khai	65
Chương 5 Sóng gió trước Đệ nhị Thế chiến	85
Chương 6 Những năm biệt xứ ở Tân Uyên	99
Chương 7 Miền Nam trong khói lửa	105
Chương 8 Cách mạng hay Độc tài phản cách mạng	135
Chương 9 Những kẻ sát nhân	143
Chương 10 Nén hương tưởng niệm	155
Phụ bản 1	165
Sách đã viết	165
Di cảo	179
Phụ bản 2 Báo chí	181

Phụ bản 3 Các bài đăng báo	183
Nghề nhứt trình	185
Thơ cụ Phan Bội Châu đề quyền “Nỗi lòng Đỗ Chiêu”	188
Bể ngoài của sách khảo cứu	190
Khổng giáo phê bình tiểu luận	195
Ba sao giữa trời	201
(Một câu thơ trong truyện Kiều)	
Thuộc địa gian kinh tế hội nghị	208
Nẻo Phật giáo vào nước Nam	213
Chuông úp Gia Long	219
Văn miếu ở Nam kỳ	223
Một bài thi của Đỗ Chiêu	229
Sương Nguyệt-Anh và đạo Tam Tòng	236
“Nguồn thi cảm mới”	241
Tạ Thu Thâu	249
Phụ bản 4 Các nhà văn đương thời	
Viết về Phan Văn Hùm	277
Thảo luận về thơ Đáp lời ông Phan Văn Hùm	278
Sấm rền mà sét chẳng rơi	290
Nhơn đọc “Nỗi lòng Đỗ Chiêu” Tổ Phang	292
Nỗi lòng Đỗ Chiêu Đông Hồ	300
Bài học Phan Văn Hùm Thiếu Sơn	316
Phụ bản 5 Trích lục tác phẩm	325
Ngồi tù khám lớn	325
Vô	329
Tình cảm	363
Ra	377

Phụ bản 6	387
Đoàn Công binh Xe điện Gò Vấp	387
Một vài nhân vật có liên can đến sự ám hại	
Phan Văn Hùm	479
Những nhân chứng cuối cùng	
Trần Nguơn Phiêu	479
Trần Văn Giàu, Nhà Giáo Nhân Dân?	500
Điểm sách Viết cho mẹ và quốc hội	528
Index hình ảnh	535
Index nhân danh	537
Tiểu sử BS Trần Nguơn Phiêu	549
Điều văn	553

